

TÁC PHẨM ĐOẠT GIẢI NEWBERY 2009
TÁC GIẢ CỦA CORALINE

NEIL GAIMAN

"Neil Gaiman
là một thiên tài văn học."
—James Herbert



CÂU CHUYỆN
NGHĨA ĐỊA



vh

nhà xuất bản VĂN HỌC

CÂU CHUYỆN NGHĨA ĐỊA

Neil Gaiman

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Bod Owens là một cậu bé bình thường!

Bod Owens tỏ ra là một cậu bé tuyệt đối bình thường nếu cậu không sống trong một nghĩa địa cổ, không được nuôi dạy bởi những hồn ma và không có một người bảo trợ chẳng thuộc thế giới của người sống hay người chết.

Trong nghĩa địa, có vô vàn hiểm nguy và những cuộc phiêu lưu dành cho Bod - một Người Da Chàm và các Sát thủ bảo vệ báu vật dưới lòng đồi, một cánh cổng dẫn ra sa mạc nơi có Thành Quỷ, bầy dạ điểu và những con quỷ nhập tràng...

Nhưng chẳng thà Bod cứ sử dụng thoải mái quyền tự-do-đi-lại-trong-nghĩa-địa còn hơn là rời khỏi đó để đương đầu với một mối họa luôn rình rập: Kẻ mặc áo choàng đen bí hiểm từng giết cả nhà cậu, kẻ mà ngay cả người bảo trợ cừ khôi của cậu cũng e ngại... Vừa kinh hoàng bí hiểm lại vừa trong sáng nên thơ, vừa đầy rẫy những cuộc phiêu lưu nghẹt thở lại vừa thấm đẫm những câu chuyện xúc động về tình yêu thương, Câu chuyện nghĩa địa, một kiệt tác mới của Neil Gaiman chắc chắn sẽ mê hoặc độc giả dù mọi lứa tuổi.

Khúc xương lách cách

Trên đồng đá cuội

Là con rối rách

Chẳng ai thềm nuôi

- ĐỒNG DAO CỎ

Chương 1

KHÔNG AI CẢ ĐẾN NGHĨA ĐỊA

TRONG BÓNG TỐI HIỆN RA một bàn tay, và bàn tay đó cầm một con dao.

Con dao ấy có cán bằng xương đen bóng, với lưỡi dao sắc hơn bất kỳ lưỡi dao cạo nào. Nếu nó cắt vào da thịt, ta có thể thậm chí không biết là mình bị cắt, không biết ngay.

Con dao đã thực hiện gần xong tất cả những việc nó được đem đến căn nhà này để thực hiện, và cả cán lẫn lưỡi dao đều ướt đẫm.

Cánh cửa dẫn ra phố vẫn để ngỏ, hơi hé mở, qua lối này con dao cùng gã đàn ông đang cầm nó đã lách qua, và những dải sương đêm cũng theo đó luồn lách len lỏi vào trong nhà.

Gã đàn ông tên Jack dừng lại trên chiếu nghỉ ở cầu thang. Bằng tay trái, hắn rút một chiếc khăn tay to trắng tinh từ trong túi áo choàng màu đen của mình, lau sạch sẽ cả lưỡi dao lẫn bàn tay phải xỏ găng đang nắm chặt con dao, rồi lại cất chiếc khăn tay đi. Cuộc săn lùng đã gần kết thúc. Hắn đã để người đàn bà nằm trên giường, người đàn ông trên sàn phòng ngủ, đứa bé lớn trong căn buồng màu sắc rực rỡ của nó, xung quanh đầy đồ chơi và những mô hình đang xây dở. Hắn chỉ còn phải lo liệu nốt đứa bé con, một đứa nhỏ mới lẫm chẫm biết đi. Chỉ một mạng nữa thôi, và nhiệm vụ của hắn sẽ được hoàn thành.

Hắn co duỗi mấy ngón tay. Gã đàn ông tên Jack, trên hết, là tay chuyên nghiệp, hay ít ra thì hắn cũng tự nhủ như vậy, và hắn không cho phép mình được mỉm cười cho đến khi công việc đã xong xuôi.

Hắn có mái tóc đen, cặp mắt đen, và hắn mang găng tay đen làm bằng thứ da cừu mỏng nhất.

Phòng của đứa bé nằm ở tầng trên cùng. Gã đàn ông tên Jack đi lên cầu thang, chân bước không một tiếng động trên sàn trải thảm. Rồi hắn đẩy cửa bước vào căn phòng áp mái. Hắn đi giày da đen, và chúng bóng lộn đến nỗi nom như hai chiếc gương tối sẫm: ta có thể thấy mặt trăng phản chiếu trên đó, một vầng trăng lưỡi liềm nhỏ xíu.

Mặt trăng thật thì đang chiếu qua ô cửa sổ có hai cánh. Ánh trăng không sáng, lại bị màn sương che mờ, nhưng gã đàn ông tên Jack không cần nhiều ánh sáng. Ánh trăng là đủ rồi. Hắn chỉ cần có thế.

Hắn có thể trông thấy hình dáng của đứa bé nằm trong nôi, đầu, chân tay, thân mình.

Cái nôi có hai bên thành cao làm bằng các thanh gỗ mỏng, để ngăn đứa bé trèo ra ngoài. Jack cúi xuống, giơ cao bàn tay phải, bàn tay đang cầm con dao, và hắn nhắm vào vùng ngực...

... rồi hắn buông tay xuống. Hình thù trong cái nôi chỉ là một con gấu nhồi bông. Không thấy đứa bé đâu.

Mắt gã đàn ông đã quen với ánh trăng mờ ảo nên hắn không muốn bật đèn. Và dù sao thì ánh sáng cũng chẳng quan trọng. Hắn có những kỹ năng khác.

Gã đàn ông tên Jack hít ngửi không khí. Hắn phớt lờ những mùi đã theo hắn bay vào phòng, loại bỏ những mùi hắn có thể bỏ qua, chỉ tập trung vào mùi của thứ hắn đang tìm kiếm. Hắn có thể ngửi thấy

mùi dừa trẻ: một thứ mùi như mùi sữa, giống như mùi bánh quy rắc sô cô la, cùng với mùi chua chua của cái tã ban đêm đã bị ướt. Hắn có thể ngửi thấy mùi đầu gội đầu trẻ em trên tóc dừa bé, và một thứ gì đó nho nhỏ, làm bằng cao su - một món đồ chơi, hắn tự nhủ, rồi sau đó nghĩ lại, không, một cái gì đó để ngâm - mà dừa bé đang cầm.

Đừa bé đã ở đây. Nó không còn ở đây nữa. Gã đàn ông đánh hơi lần theo dấu vết xuống tầng dưới của căn nhà cao, hẹp. Hắn kiểm tra phòng tắm, bếp, tủ đựng khăn, và cuối cùng là gian sảnh ở tầng trệt, ở đó chẳng có gì ngoài mấy chiếc xe đạp của gia đình, một đồng túi đi chợ trống không, một cái tã rơi, và những dải sương lác đã lặng lẽ cuộn xoáy chui vào nhà qua cánh cửa mở ra phố.

Gã đàn ông tên Jack liền thốt lên một âm thanh khe khẽ, một tiếng gầm gừ vừa bức tức vừa đắc thắng. Hắn tra dao vào cái vỏ ở túi trong chiếc áo choàng dài, rồi bước ra phố. Trời sáng trắng lại thêm cả ánh đèn đường, nhưng màn sương đã bao trùm tất cả, làm mờ ánh sáng, che lấp mọi âm thanh khiến cho màn đêm trở nên mờ ảo đầy nguy hiểm. Hắn nhìn xuôi xuống đồi về phía ánh đèn của những cửa hàng đã đóng cửa, rồi nhìn ngược lên phố nơi những ngôi nhà cao tầng cuối cùng chạy vòng quanh đồi và chìm dần vào bóng tối của khu nghĩa địa cũ.

Gã đàn ông tên Jack hít hít không khí. Rồi, không chút vội vã, hắn bước lên đồi.

o o o

Ngay từ lúc mới biết đi, thằng bé đã trở thành niềm vui và nỗi tuyệt vọng của bố mẹ, vì chưa từng có thằng bé nào lại hay đi vờ vẩn, hay trèo lên các thứ, hay chui ra chui vào mọi chỗ như thế. Đêm đó, nó bị đánh thức bởi tiếng một vật gì đó ở tầng dưới đổ xuống đánh rầm. Khi đã thức giấc, chẳng mấy chốc nó đâm chán, và bắt đầu tìm cách chui ra khỏi nôi. Cái nôi có thành cao, giống như thành cái cối của nó ở dưới nhà, nhưng nó dám chắc mình có thể trèo qua được. Nó chỉ cần một cái bậc...

Nó liền lôi con gấu bông lớn màu vàng ra đặt ở góc nôi, rồi, nắm lấy thành nôi bằng hai bàn tay bé xíu, giẫm một chân lên bụng, một chân lên đầu con gấu, thằng bé đu mình đứng dậy, rồi nửa trèo, nửa rơi qua thành nôi ra ngoài.

Nó ngã xuống đánh thịch một cái trên đồng thú nhồi bông, có con là quà tặng sinh nhật của họ hàng nhân dịp nó đầy năm, cách đây chưa đầy sáu tháng, có con được thừa hưởng từ chị nó. Nó hơi ngạc nhiên khi bị ngã xuống sàn, nhưng nó không khóc: ta mà khóc thì sẽ có người đến đặt lại vào trong nôi liền.

Nó bò ra khỏi phòng.

Các bậc thang đi lên khá rắc rối, và thằng bé chưa nắm vững được cách trèo lên. Nhưng nó đã phát hiện ra rằng các bậc thang đi xuống lại rất đơn giản. Nó chỉ việc ngồi xuống và trượt từ bậc này xuống bậc kia trên cái mông đã được đệm bằng chiếc tã.

Nó mút mút cái ti, chiếc núm vú giả bằng cao su mà dạo gần đây mẹ bảo nó đã lớn rồi, không cần đến nữa.

Chiếc tã tuột ra trong quãng đường xuống cầu thang, và khi thằng bé đến được bậc cuối cùng, trượt vào gian sảnh ở tầng dưới rồi đứng dậy, thì cái tã rơi mất. Nó bước ra khỏi cái tã. Nó chỉ mặc một chiếc áo ngủ trẻ em. Những bậc thang dẫn về phòng nó, phòng bố mẹ và chị nó dốc quá, nhưng cánh

cửa dẫn ra phố lại đang mở và nom thật hấp dẫn...

Thằng bé bước ra khỏi nhà, hơi ngập ngừng một chút. Màn sương cuộn quanh nó như một người bạn lâu ngày gặp lại. Và rồi, mới đầu còn loạng choạng, sau rồi với bước chân mỗi lúc một nhanh và vững vàng hơn, thằng bé chập chững đi lên đồi.

o o o

Càng gần đến đỉnh đồi, màn sương càng mỏng, vàng trắng lười liềm tỏa sáng, tuy không thể so với ánh sáng ban ngày, nhưng ít ra cũng đủ để thấy được khu nghĩa địa, ít ra thì cũng đủ cho việc đó.

Nhìn mà xem.

Bạn có thể nhìn thấy ngôi nhà nguyên tang lẽ bỏ hoang, hai cánh cổng sắt khóa chặt, dây trường xuân bám quanh cái mái hình chóp nhọn, một cây con mọc trên máng xối ngang mái nhà.

Bạn có thể nhìn thấy những bia mộ, những cái huyết, nhà mồ và những tấm biển tưởng niệm. Bạn có thể thỉnh thoảng trông thấy một con thỏ, chuột đồng hay chồn lủi đi rất nhanh khi nó chui ra khỏi bụi rậm và chạy ngang lối đi.

Dưới ánh trăng, bạn sẽ nhìn thấy tất cả những thứ đó, nếu bạn có mặt ở nơi này vào cái đêm ấy.

Nhưng có lẽ bạn sẽ không trông thấy người phụ nữ phốp pháp, nhợt nhạt, đang bước trên lối mòn gần cổng chính, và nếu bạn có nhìn thấy bà thì khi nhìn lại một lần nữa, kỹ càng hơn, bạn sẽ thấy rằng bà chỉ là ánh trăng, là màn sương, là một cái bóng. Nhưng người phụ nữ phốp pháp, nhợt nhạt ấy đang có mặt ở đó. Bà bước trên con đường dẫn đến cổng chính, đi qua một đồng bia mộ đổ nát.

Cổng đã khóa. Chúng luôn được khóa lúc bốn giờ chiều vào mùa đông, và tám giờ tối vào mùa hè. Những thanh rào sắt nhọn đầu bao quanh một phần nghĩa địa, và một bức tường gạch cao chắn phần còn lại. Chắn song ở cánh cổng được gắn sát nhau: người lớn không thể chui qua đó được, thậm chí một đứa trẻ mười tuổi cũng không...

"Ông Owens!" người đàn bà da nhợt nhạt cất tiếng gọi, bằng một giọng có thể chỉ là tiếng gió xào xạc qua đám cỏ cao. "Ông Owens! Lại xem này!"

Bà cúi xuống, chăm chú nhìn vật gì đó trên mặt đất, trong khi một mảng bóng tối hiện ra dưới ánh trăng và hiện rõ hình một người đàn ông tóc hoa râm, độ bốn mươi lăm tuổi. Ông nhìn bà vợ, nhìn vật mà bà đang ngắm nghía, và đưa tay lên gãi đầu.

"Bà Owens này?" ông hỏi, bởi vì ông đến từ một thời kỳ trọng nghi thức hơn thời của chúng ta. "Đó có phải là cái mà tôi nghĩ không đấy?"

Đúng lúc đó, cái vật mà ông đang nhìn hình như đã trông thấy bà Owens, vì nó mở miệng ra, để rơi cái núm vú giả đang ngậm xuống đất, và nó vươn nắm tay nhỏ xíu, mồm mĩm của mình ra, như thể đang cố hết sức nắm lấy ngón tay nhợt nhạt của bà Owens.

"Nếu đó không phải một đứa bé," ông Owens nói, "thì tôi đúng là thằng ngốc rồi!"

"Tất nhiên nó là một đứa bé," vợ ông đáp. "Và vấn đề là, chúng ta phải làm gì với nó đây?"

"Đó đúng là vấn đề đấy, bà Owens à," ông chồng trả lời. "Thế nhưng nó không phải vấn đề của chúng ta. Vì đứa bé này rõ ràng là đang còn sống, và vì vậy nó chẳng liên quan gì đến chúng ta, nó không thuộc về thế giới của chúng ta."

"Ông nhìn nó cười kìa!" bà Owens nói. "Nó có nụ cười mới đáng yêu làm sao," và bà đưa bàn tay trong suốt ra vuốt mái tóc vàng lơ thơ của đứa bé. Thằng bé cười khúc khích vẻ thích thú.

Một cơn gió lạnh buốt thổi qua nghĩa địa, làm tan tác màn sương ở dưới những sườn đồi thấp hơn (vì nghĩa địa chiếm hết toàn bộ đỉnh đồi, và đường đi trong nghĩa địa uốn lượn lên xuống đỉnh đồi thành một vòng tròn). Có tiếng lách cách: ai đó ở cổng chính nghĩa địa đang nắm lấy cánh cổng, kéo, giật và lắc mạnh hai cánh cổng cũ cùng cái khóa và sợi xích nặng khóa hai cánh cổng lại với nhau.

"Đây," ông Owens nói, "gia đình thằng bé đến để đón nó vào vòng tay yêu thương của họ đây. Bà để cho nó yên đi," ông nói thêm, vì bà Owens đang vòng hai cánh tay trong suốt quanh đứa bé, âu yếm vỗ về nó.

Bà Owens bảo, "Trông hán chẳng có vẻ là gia đình của ai hết." Gã đàn ông mặc chiếc áo choàng đen đã thôi lắc cánh cổng chính, chuyển sang ngắm soi cánh cổng phụ nhỏ hơn. Cánh cổng này cũng khóa chặt. Năm ngoái ở nghĩa địa xảy ra mấy vụ phá hoại, và hội đồng thành phố đã có Biện pháp Giải quyết.

"Thôi nào, bà Owens thân yêu. Để cho nó yên", ông Owen nói khi trông thấy một con ma, và ông há hốc miệng, không nghĩ được câu gì để nói nữa.

Bạn có thể cho rằng - và nếu bạn nghĩ như thế này thì bạn đã đúng - ông Owens lẽ ra chẳng nên kinh ngạc đến thế khi trông thấy một con ma, vì chính ông và bà Owens cũng là người chết, đã chết từ hàng trăm năm nay rồi; hơn nữa, toàn bộ, hoặc gần như toàn bộ sinh hoạt xã hội của họ đều là với những người cũng đã chết. Nhưng có sự khác biệt rõ ràng giữa đám dân cư của nghĩa địa với cái này: một hình thù kỳ lạ, chập chờn, thô sơ, có màu xám xám như màn hình ti vi lúc không có sóng, chỉ tuyền một nỗi kinh hoàng và những tình cảm trần trụi xuyên thẳng qua hai vợ chồng nhà Owens như thể đó là cảm xúc của chính họ vậy. Có ba hình thù tất cả, hai lớn, một nhỏ, nhưng chỉ có một hình là rõ nét, trông rõ hơn một đường viền mờ nhạt. Và hình thù đó đang kêu lên, Con tôi! Hân đang muốn hại con tôi!

Có tiếng rầm rầm. Gã đàn ông ở ngoài kia đang vùn một cái thùng rác nặng bằng sắt ngang qua con hẻm đến bên bức tường gạch cao bao quanh một phần nghĩa địa.

"Xin hãy bảo vệ con tôi!" con ma nói, và bà Owens đoán đó là một phụ nữ. Tất nhiên rồi, mẹ của đứa bé.

"Hân đã làm gì các vị thế?" bà Owens hỏi, nhưng bà không dám chắc con ma nghe được giọng bà. Mới chết, tội nghiệp, bà thâm nhủ. Bao giờ cũng dễ dàng hơn rất nhiều nếu được chết một cách nhẹ nhàng, để rồi đến đúng lúc thì sẽ thức dậy ở nơi mình được chôn, chấp nhận cái chết của mình và làm quen với những cư dân khác trong nghĩa địa. Nhưng con ma này chỉ toàn nỗi hoảng hốt và sợ hãi lo cho đứa con của mình, và nỗi hốt hoảng ấy, mà hai vợ chồng nhà Owens cảm thấy như một tiếng kêu lầm rầm, đã bắt đầu gây sự chú ý, vì những hình dáng nhợt nhạt khác đang từ khắp mọi nơi trong nghĩa địa kéo đến.

"Người là ai?" Caius Pompeius hỏi hình thù nọ. Tấm bia mộ của cụ giờ chỉ còn là một tảng đá dầm mưa dãi nắng, nhưng hai nghìn năm trước, cụ đã yêu cầu được chôn cất trên đỉnh đồi bên cạnh ngôi đền bằng cẩm thạch chứ không muốn thi thể mình được đưa về La Mã, và cụ là một trong những công dân lâu năm nhất của nghĩa địa. Cụ rất coi trọng các trách nhiệm của mình. "Người có được chôn ở đây không?"

"Tất nhiên là không rồi! Nhìn cũng biết chị ấy mới chết thôi." Bà Owens vòng tay ôm lấy hình

người phụ nữ kia và khẽ nói với người ấy mấy lời, bằng giọng trầm trầm, bình tĩnh, an ủi.

Có một tiếng thịch, rồi tiếng rầm rầm ở bức tường cao cạnh con hẻm. Cái thùng rác đã đổ xuống. Một gã đàn ông trèo lên nóc tường, hình dáng tối sẫm của hắn nổi bật hẳn lên dưới ánh đèn đường mờ sương. Hắn đứng yên một lát, rồi trèo xuống phía bên kia, tay bám nóc tường, chân đong đưa, rồi hắn buông tay để mình rơi tự do nốt vài mét xuống khu nghĩa địa.

"Nhưng chị thân mến," bà Owens nói với hình người kia, trong số ba hình người đã hiện ra trong nghĩa địa, giờ chỉ còn một hình duy nhất ấy. "Hắn là người sống. Chúng tôi thì không. Làm sao chị lại cho rằng..."

Đứa bé đang ngược nhìn họ về tò mò. Nó vói tay về phía một người, rồi người kia, nhưng chẳng quờ được gì ngoài không khí. Hình người phụ nữ đang mờ đi rất nhanh.

"Được thôi," bà Owens nói, đáp lại một câu hỏi mà không ai khác nghe thấy. "Nếu làm được thì chúng tôi sẽ làm". Rồi bà quay sang ông chồng đang đứng cạnh. "Thế còn ông thì sao, ông Owens? Ông có chịu làm bố thằng bé này không?"

"Tôi có chịu làm cái gì cơ?" ông Owens hỏi, trán nhăn lại.

"Chúng ta chưa bao giờ có con," vợ ông nói. "Và mẹ nó nhờ chúng ta bảo vệ nó. Ông có đồng ý không?"

Gã đàn ông mặc áo choàng đen đã bị vấp ngã giữa đám dây trường xuân cùng đồng bìa mộ đổ vỡ. Giờ thì hắn đứng dậy, rồi đi về phía trước một cách thận trọng hơn, làm một con cú giạt mình lặng lẽ bay lên. Hắn đã nhìn thấy đứa bé, và mắt hắn lóe lên vẻ đắc thắng.

Ông Owens biết rõ vợ mình đang nghĩ gì khi bà nói bằng cái giọng như thế. Họ đã ở với nhau kể cả lúc sống lẫn lúc chết là hai trăm năm mươi năm rồi chứ có ít đâu. "Bà có chắc không?" ông hỏi. "Bà chắc chắn đấy chứ?"

"Tôi chưa bao giờ cảm thấy chắc chắn hơn," bà Owens trả lời.

"Thế thì được. Nếu bà làm mẹ nó thì tôi sẽ làm bố nó.

"Chị đã nghe thấy chưa?" bà Owens hỏi hình người trong nghĩa địa, giờ chỉ rõ hơn chút xíu so với một đường viền mờ nhạt, giống như một tia chớp mùa hạ xa xăm, có hình dáng một phụ nữ. Hình người ấy nói gì đó với bà Owens mà không ai khác nghe được, rồi biến mất.

"Chị ấy sẽ không quay lại đây đâu", bà Owens nói. "Khi thức dậy thì chị ấy sẽ ở nghĩa địa của chính mình, hoặc là ở bất cứ nơi đâu mà chị ấy đang đến."

Bà Owens cúi xuống bên đứa bé và chìa tay ra. "Lại đây nào", bà âu yếm nói. "Lại đây với mẹ nào".

Khi gã đàn ông tên Jack bước trên lối đi cắt ngang nghĩa địa đến chỗ họ, dao lăm lăm trong tay, hắn thấy dường như dưới ánh trăng, một dải sương đã cuộn quanh đứa bé, rồi đứa bé biến mất: chỉ còn lại màn sương ẩm ướt, ánh trăng và lớp cỏ đang ngả nghiêng trong gió.

Hắn chớp chớp mắt đánh hơi không khí. Có điều gì đó vừa xảy ra, nhưng hắn không biết là điều gì. Hắn gằm ghè trong họng như một con thú săn mồi, bức dọc và giận dữ.

"Có ai ở đây không?" gã đàn ông tên Jack cất tiếng gọi, bắn khoăn không biết có phải đứa bé đã trốn đằng sau một cái gì đó không. Giọng hắn khàn khàn, trầm đục, với một thoáng the thé kỳ lạ, như thể ngạc nhiên hay bối rối khi nghe thấy chính mình lên tiếng.

Khu nghĩa địa vẫn giữ kín bí mật của mình.

"Có ai ở đây không?" hắn lại gọi. Hắn hy vọng sẽ nghe thấy đứa bé khóc hoặc bị bỏ, hoặc nghe thấy tiếng nó cử động. Hắn không ngờ lại nghe thấy một giọng nói êm như nhung, hỏi lại.

"Tôi giúp gì được ông không?"

Gã đàn ông tên Jack vốn là người cao. Người đàn ông này còn cao hơn. Gã đàn ông tên Jack mặc quần áo sẫm màu. Quần áo của người đàn ông này còn sẫm màu hơn. Người nào để ý đến gã đàn ông tên Jack lúc hắn đang thực hiện công việc của mình - mà hắn không thích bị để ý - đều thường cảm thấy lo ngại, không yên, hoặc bỗng thấy sợ hãi không sao hiểu nổi. Gã đàn ông tên Jack ngược nhìn người lạ mặt nọ, và chính gã lại là kẻ cảm thấy lo ngại.

"Tôi đang tìm một người," gã đàn ông tên Jack đáp, luồn tay phải vào túi áo khoác để giấu kín con dao, nhưng vẫn nắm nó trong tay phòng khi cần đến.

"Trong một khu nghĩa địa bị khóa kín, giữa lúc đêm hôm ư?" người lạ mặt hỏi.

"Chỉ là một đứa bé thôi," Jack nói. "Tôi đang đi qua đây thì nghe thấy tiếng trẻ con khóc, và khi nhìn qua cổng tôi đã trông thấy nó. Nếu là người khác thì họ cũng làm thế thôi, phải không?"

"Tôi xin hoan nghênh tinh thần cộng đồng của ông", người lạ mặt nói. "Nhưng nếu tìm được đứa bé này thì ông định đưa nó ra khỏi đây bằng cách nào? Ông không thể bế đứa bé trèo qua tường được".

"Tôi sẽ gọi cho đến khi có người đến giúp tôi ra," gã đàn ông tên Jack trả lời.

Có tiếng chùm chìa khóa lách cách. "Vậy đây, thế thì đó sẽ là tôi rồi," người lạ mặt nói. "Tôi sẽ phải mở cổng cho ông ra thôi." Người đó chọn một chiếc chìa lớn từ trong chùm rồi nói, "Đi theo tôi."

Gã đàn ông tên Jack theo sau người lạ mặt. Hắn lôi con dao từ trong túi ra. "Hắn ông là bảo vệ ở đây?"

"Tôi ấy à? Nói theo một cách nào đó thì đúng thế", người lạ mặt đáp. Họ đang đi về phía cánh cổng, và gã Jack dám chắc họ đang đi khỏi chỗ có đứa bé. Nhưng lão bảo vệ có chìa khóa. Hắn chỉ việc tặng cho lão một nhát dao trong bóng tối, rồi sẽ được tự do tìm kiếm đứa bé suốt đêm, nếu cần.

Hắn giơ dao lên.

"Nếu có một đứa bé thật," người lạ mặt nói, không hề ngoảnh lại, "thì nó sẽ không có trong nghĩa địa này. Chấn hắn ông đã nhầm. Dù sao thì chuyện một đứa bé mò đến đây cũng khó có thể xảy ra. Có lẽ ông đã nghe thấy tiếng một con chim đêm, và nhìn thấy một con mèo hoặc con cáo. Ông biết đấy, ba mươi năm trước, khi lễ tang cuối cùng được tổ chức ở đây, họ đã chính thức tuyên bố nơi này là khu bảo tồn tự nhiên. Giờ thì hãy nghĩ cho kỹ, và cho tôi biết ông có chắc chắn là ông đã nhìn thấy một đứa bé không?"

Gã đàn ông tên Jack ngẫm nghĩ.

Người lạ mặt mở cánh cổng phụ. "Có lẽ là một con cáo," người ấy nói. "Chúng thường phát ra những tiếng kêu rất lạ, không phải là không có phần giống tiếng người khóc. Ông đã nhầm khi đến khu nghĩa địa này, thưa ông. Đứa bé ông tìm kiếm đang đợi ông ở đâu đó, nhưng nó không có ở đây". Và người ấy để cho ý nghĩ đó bắt rễ trong đầu gã đàn ông tên Jack một hồi lâu, trước khi đẩy cánh cổng phụ mở ra bằng một điệu bộ hoa mỹ. "Rất vui đã được làm quen với ông" người đó nói. "Và tôi tin rằng ông sẽ tìm được tất cả những gì ông cần ở ngoài kia"

Gã đàn ông tên Jack đứng ngoài cánh cổng nghĩa địa. Người lạ mặt đứng bên trong cổng, rồi người ấy khóa cổng lại và cất chiếc chìa đi.

"Ông đi đâu vậy?" gã đàn ông tên Jack hỏi.

"Còn có những cánh công khác" người lạ mặt đáp. "Ô tô của tôi đậu ở phía bên kia đồi. Đừng bận tâm đến tôi. Thậm chí ông còn không cần phải nhớ cuộc trò chuyện này nữa kia."

"Không," gã đàn ông tên Jack thân thiện đáp lại.

"Tôi không nhớ." Hắn chỉ nhớ rằng mình đã lang thang lên đồi, rằng cái mà hắn ngỡ là đứa bé hóa ra chỉ là một con cáo, rằng một người bảo vệ đầy thiện chí đã đưa hắn ra ngoài phố. Hắn rút con dao vào cái vỏ trong túi áo. "Thôi" hắn nói. "Xin chào ông."

"Chúc ông buổi tối tốt lành," người lạ mặt mà Jack ngỡ là người bảo vệ đáp lại.

Gã đàn ông tên Jack đi xuống đồi để đuổi theo đứa bé.

o o o

Từ trong bóng tối, người lạ mặt nhìn theo Jack cho đến khi hắn đã ra khỏi tầm mắt. Rồi người ấy đi xuyên qua bóng đêm, trèo lên cao hơn, đến tận khoảng đất bằng bên dưới đỉnh đồi, nơi có một đài tưởng niệm cùng một tảng đá phẳng đặt nằm trên mặt đất để tưởng nhớ hương hồn ngài Josiah Worthington, người nấu rượu của thành phố, chính trị gia, và sau này là nam tước, người mà ba trăm năm trước đã mua khu nghĩa địa cũ cùng khoảng đất xung quanh rồi đem tặng vĩnh viễn cho thành phố. Ngài Josiah đã tự dành cho mình vị trí tốt nhất trên đồi - một giảng đường thiên tạo, nơi người ta có thể nhìn thấy được toàn bộ thành phố và xa hơn thế - và đảm bảo chắc chắn rằng khu nghĩa địa luôn được duy trì làm nghĩa địa, mà chính vì điều đó các cư dân của nghĩa địa hết sức biết ơn ngài, nhưng Nam tước Josiah Worthington luôn cảm thấy họ chưa bao giờ tỏ ra biết ơn cho đầy đủ.

Tính cả thầy thì trong nghĩa địa có chừng mười ngàn linh hồn, nhưng phần lớn đều đang say giấc ngàn thu, không quan tâm gì đến những việc xảy ra hàng đêm ở đây, và trên giảng đường lúc này, dưới ánh trăng, chỉ có chưa đầy ba trăm người.

Người lạ mặt đi đến chỗ họ một cách lặng lẽ chẳng khác nào màn sương, đứng quan sát cuộc họp từ trong bóng tối và không nói gì.

Josiah Worthington đang phát biểu. Ngài nói, "Thưa bà thân mến. Sự ngoan cố của bà thật là... ờ, bà không thấy chuyện này nực cười đến thế nào ư?"

"Không," bà Owens đáp. "Tôi không thấy thế."

Bà đang ngồi xếp bằng trên nền đất, đứa bé còn sống nằm ngủ trong lòng. Bà nâng niu đầu nó bằng hai bàn tay trong veo.

"Thưa ngài, xin phép ngài, ý bà nhà tôi định nói là bà ấy không nhìn nhận chuyện này theo cách đó," ông Owens đang đứng cạnh bà nói. "Bà ấy chỉ coi đó là bổn phận của mình."

Ông Owens đã từng gặp Josiah Worthington bằng xương bằng thịt khi họ đều còn sống, chính ông đã đóng mấy món đồ gỗ tinh xảo trong dinh thự của dòng họ Worthington ở gần Inglesham, và giờ ông vẫn còn thấy sợ ngài Nam tước.

"Bổn phận của bà ấy?" Nam tước Josiah Worthington lắc đầu như muốn rũ một dải mạng nhện bám trên tóc. "Bổn phận của bà, thưa bà, là đối với nghĩa địa này, đối với cộng đồng này, cộng đồng những linh hồn, ma quỷ và các thứ khác đại loại thế, và bổn phận của bà là đem đứa bé này trả về nhà của nó càng sớm càng tốt - và nhà của nó không phải là ở đây."

"Mẹ thằng bé đã trao nó cho tôi," bà Owens nói như thể đó là tất cả những gì cần được thốt ra.

"Thưa bà thân mến..."

"Tôi không phải là bà thân mến của ông," bà Owens nói và đứng dậy. "Thật tình tôi thậm chí còn không hiểu sao tôi lại phải ở đây, nói chuyện với mấy ông già xuẩn ngốc như các ông, trong khi thằng bé này sắp sửa tỉnh dậy, rồi nó sẽ thấy đói bụng và tôi biết tìm đâu ra thức ăn cho nó trong cái nghĩa địa này bây giờ?"

"Đó chính là điều chúng tôi định nói đây," Caius Pompeius nghiêm nghị nói. "Bà sẽ cho nó ăn gì đây? Bà sẽ làm cách nào chăm lo cho nó đây?"

Mắt bà Owens lóe sáng. "Tôi có thể chăm sóc cho nó tốt không kém gì mẹ đẻ của nó," bà nói. "Mẹ nó đã trao nó cho tôi. Nhìn này: tôi đang ôm nó trong tay, phải không nào? Tôi đang chạm vào nó đấy thôi"

"Nào, hãy tỏ ra biết điều một chút, Betsy," Má Slaughter, một bà già nhỏ bé với cái mũi to tướng và chiếc áo choàng mà má thường mặc khi còn sống và đã mặc khi được an táng. "Nó sẽ ở đâu bây giờ?"

"Ở ngay đây" bà Owens đáp. "Chúng ta sẽ cho nó Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa"

Miệng Má Slaughter biến thành một chữ o nhỏ xíu.

"Nhưng mà," má lên tiếng. Rồi má nói, "Thật là chuyện chưa từng thấy bao giờ".

"Thế thì sao nào? Đây đâu phải lần đầu chúng ta cho một người ngoài Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa."

"Đúng thế," Caius Pompeius nói. "Nhưng anh ta có phải người sống đâu."

Khi nghe thấy vậy, người lạ mặt nhận ra dù muốn hay không mình đã bị kéo vào cuộc trò chuyện. Người ấy miễn cưỡng bước ra khỏi màn đêm, đứng tách xa khỏi những người khác như một mảng bóng tối. "Không," người đó đồng tình. "Tôi không phải người sống. Nhưng tôi đồng ý với bà Owens."

Josiah Worthington hỏi, "Thật thế sao, Silas?"

"Đúng vậy. Dù vì điều tốt hay xấu - mà tôi tin chắc là vì lòng tốt - thì ông bà Owens cũng đã nhận bảo trợ đứa bé. Nhưng để nuôi dưỡng đứa bé này thì sẽ phải cần nhiều hơn hai linh hồn nhân hậu. Sẽ phải cần đến toàn thể nghĩa địa" Silas nói.

"Thế còn thức ăn và những thứ khác thì sao?"

"Tôi có thể ra khỏi nghĩa địa và quay lại. Tôi sẽ đem thức ăn về cho nó," Silas đáp.

"Anh nói nghe hay lắm" Má Slaughter nói. "Nhưng anh đi đi về về, có ai biết được anh đi những đâu. Nếu anh bỏ đi cả tuần trời thì thằng bé chết đói mất."

"Má quả là người khôn ngoan" Silas nói. "Tôi đã hiểu tại sao mọi người tôn trọng má đến thế." Anh ta không thể điều khiển trí não của người chết như từng làm với người sống, nhưng có thể dùng tất cả những lời tăng bốc và thuyết phục mà mình có được, bởi vì con người dù đã chết thì vẫn không miễn dịch được với hai thứ đó. Rồi anh đi đến một quyết định. "Được thôi. Nếu ông bà Owens nhận làm bố mẹ đứa bé thì tôi sẽ là người bảo trợ cho nó. Tôi sẽ ở lại đây, và nếu phải đi xa thì tôi sẽ đảm bảo có người thế chỗ tôi, đem thức ăn về và chăm sóc nó. Chúng ta có thể cho nó ở trong hầm mộ nhà thờ"

"Nhưng mà," Josiah Worthington lớn tiếng. "Nhưng mà. Một đứa trẻ. Một đứa trẻ còn sống. Ý tôi là, ý tôi là, ý tôi là. Chết tiệt, đây là nghĩa địa chứ có phải nhà trẻ đâu."

"Chính thế," Silas gật đầu. "Ngài nói rất đúng, thưa Nam tước Josiah. Chính tôi cũng không thể nói đúng hơn. Và nếu không vì lý do nào khác, thì chính vì lý do đó, điều tôi quan trọng là đứa bé phải

được nuôi nấng với sự hạn chế tối đa ảnh hưởng của nó đối với, xin nói mạn phép các vị, đối với cuộc sống của nghĩa địa." Nói đoạn Silas bước đến bên cạnh bà Owens, cúi nhìn đứa bé đang nằm ngủ trong vòng tay bà và nhướn mày. "Nó có tên chứ, bà Owens?"

"Mẹ nó không cho tôi biết," bà đáp lại.

"Cũng chẳng sao," Silas nói. "Dù gì thì bây giờ cái tên cũ của nó cũng chẳng có ích gì lắm. Có những kẻ ngoài kia đang muốn hại nó. Có lẽ chúng ta nên đặt cho nó một cái tên mới chẳng?"

Caius Pompeius bước đến ngắm nghía đứa bé. "Trông nó hơi giống ngài thống đốc Marctis của tôi. Hãy gọi nó là Marcus."

Josiah Worthington nói, "Trông nó giống lão làm vườn Stebbins của tôi hơn. Nhưng tôi không gợi ý đặt tên nó là Stebbins đâu. Lão ta uống rượu như hũ chìm ấy."

"Trông nó giống cậu cháu Harry của tôi" Má Slaughter nói, và đến lúc có vẻ như toàn thể nghĩa địa sắp sửa chêm vào, mỗi người góp một ý so sánh đứa bé với một người quen nào đó từ xa xưa lắm rồi, thì bà Owens lên tiếng.

"Trông nó chẳng giống ai cả, ngoại trừ chính nó" bà Owens nói. "Nó không giống ai cả."

"Thế thì hãy gọi nó là Không Ai Cả, Nobody," Silas nói. "Nobody Owens."

Đúng lúc ấy, như thể đáp lại cái tên mới, thằng bé mở to mắt thức giấc. Nó nhìn xung quanh, ngắm khuôn mặt những người chết, ngắm màn sương và vàng trắng. Rồi nó đưa mắt nhìn Silas. Cái nhìn của nó không hề dao động. Nó có vẻ hết sức nghiêm trang.

"Nhưng ai lại đặt tên là Không Ai Cả!" Má Slaughter phản nộ kêu lên.

"Đó là tên nó. Một cái tên hay" Silas nói với má. "Cái tên ấy sẽ giúp bảo vệ thằng bé."

"Tôi không muốn gặp chuyện rắc rối đâu," Josiah Worthington nói. Đứa bé ngược lên nhìn ngài Nam tước, và rồi, vì đói, vì mệt, hay chỉ vì nhớ nhà, nhớ gia đình, nhớ thế giới cũ của mình, bộ mặt nhỏ xíu của nó co rúm lại và nó òa khóc.

"Bà hãy để chúng tôi nói chuyện riêng," Caius Pompeius bảo bà Owens. "Chúng tôi sẽ bàn bạc việc này."

Bà Owens đứng đợi ngoài nhà thờ. Bốn mươi năm trước, tòa nhà vốn là một nhà thờ nhỏ có mái nhọn này đã được tuyên bố là một công trình lịch sử được xếp hạng. Hội đồng thành phố quyết định rằng để tu sửa lại nhà thờ là quá tốn kém, vì nó chỉ là một nhà thờ nhỏ xíu trong một khu nghĩa địa đầy cỏ dại đã không còn hợp thời nữa, vậy là họ khóa cửa lại đợi cho nó sụp xuống. Dây trường xuân leo khắp tòa nhà, nhưng nó được xây dựng rất chắc chắn, và trong thế kỷ này thì vẫn chưa chịu đổ xuống.

Thằng bé đã thiếp ngủ trong vòng tay bà Owens. Bà nhẹ nhàng đu đưa, hát cho nó nghe bài ru cổ mà mẹ bà đã hát ru bà khi bà còn bé, vào cái thời đàn ông mới bắt đầu đội tóc giả rắc phấn. Bài hát ấy như thế này:

Hãy ngủ đi bé yêu của mẹ

Ngủ cho đến khi con thức dậy

Lớn lên con sẽ được thấy thế gian

Nếu mẹ không nhầm

Hôn một người thương

Nhảy một điệu vui

Tìm thấy tên mình

Cùng một kho báu đã bị chôn vùi...

Bà Owens hát đến đó thì chợt nhận ra bà không còn nhớ bài hát kết thúc như thế nào nữa. Bà mang máng nhớ là câu cuối cùng có gì đó liên quan đến "mấy miếng thịt xông khói đầy lông" nhưng có lẽ đó lại là một bài hát khác hẳn, vì thế bà thôi không hát bài ấy nữa mà chuyển sang một bài về Chú Cuối ngồi trên Cung Trăng, rồi sau đó bà hát, bằng cái giọng nông thôn ấm áp của mình, một bài mới được sáng tác gần đây, về một chú bé mút ngón tay cái rồi rút ra một quả mận, và bà vừa bắt đầu bài balad dài dằng dặc về một chàng trai nông thôn không hiểu vì sao lại bị người yêu đầu độc bằng món lươn đốm, thì Silas đi từ cửa bên nhà thờ ra, mang theo một cái hộp các tông.

"Đây, bà Owens," anh nói. "Cả đồng thứ cần cho một chú bé đang lớn nhé. Chúng ta có thể để nó dưới hầm mộ, được đấy chứ?"

Cái khóa móc bật mở trong tay Silas và anh đẩy cánh cửa sắt ra. Bà Owens bước vào trong, nghi ngại liếc nhìn những cái giá và những chiếc ghế gỗ dài cũ kỹ xếp đồng dựa vào một bức tường. Ở góc nhà thờ có một đám hộp mốc meo chất đầy sổ sách cũ của giáo xứ, và ở góc khác, một cánh cửa mở ra cho thấy một bồn cầu giặt nước thời Victoria, một cái chậu rửa chỉ có độc vòi nước lạnh.

Đứa bé mở mắt nhìn quanh.

"Chúng ta có thể cất thức ăn ở đây" Silas nói. "Dưới này mát, thức ăn sẽ để được lâu hơn" Anh thò tay vào trong hộp lôi ra một quả chuối.

"Cái gì vậy?" bà Owens hỏi, liếc nhìn cái vật màu vàng đốm nâu vẻ nghi ngờ.

"Đây là quả chuối. Một thứ quả miền nhiệt đới. Tôi nghĩ để ăn thì phải bóc vỏ ra," Silas nói, "như thế này này."

Thằng bé - Không Ai Cả - cựa quậy trong tay bà Owens, vậy là bà đặt nó xuống sàn nhà lát đá. Nó lẫm chẫm bước nhanh đến bên Silas, túm ống quần anh và giữ chặt lấy.

Silas đưa cho nó quả chuối.

Bà Owens ngắm thằng bé ăn chuối. "Ch-u-ôi," bà nói vẻ hồ nghi. "Chưa nghe bao giờ. Chưa bao giờ. Mùi vị của nó ra sao?"

"Tôi có biết gì đâu" Silas đáp, anh chỉ dùng một thứ thức ăn duy nhất, và thứ ấy không phải là chuối. "Bà biết không, bà có thể dọn cho thằng bé một cái giường ở đây được đấy"

"Tôi sẽ không làm thế trong khi ông Owens và tôi có một ngôi mộ nhỏ xinh ở ngay bên luống thủy tiên vàng. Ở đây có khối chỗ cho thằng bé. Hơn nữa" bà nói thêm, sợ Silas sẽ nghĩ là bà đang từ chối lòng hiếu khách của anh, "tôi không muốn thằng bé làm phiền anh"

"Có phiền gì đâu"

Đứa bé đã ăn xong quả chuối. Những gì nó không ăn thì giờ nhoe nhoét khắp cả người. Nó toét miệng cười, má dính đầy chuối, ửng hồng như hai quả táo.

"Chúi" nó vui sướng kêu lên.

"Thằng bé mới tinh khôn làm sao" bà Owens nói. "Và tôi bắn ra khắp nơi rồi! Nào, yên nào, thằng nhóc hay cựa quậy này..." và bà nhặt hết những mẩu chuối dính trên quần áo, tóc tai nó. Bà hỏi, "Anh nghĩ họ quyết định thế nào?"

"Tôi không biết."

"Tôi không thể bỏ nó được. Nhất là sau khi tôi đã hứa với mẹ nó."

"Tuy đã từng làm rất nhiều việc trong đời," Silas nói, "nhưng tôi chưa bao giờ làm mẹ cả. Và tôi

cũng không định bắt đầu làm mẹ vào lúc này đâu. Nhưng tôi có thể rời khỏi nơi này..”

Bà Owens nói đơn giản, "Tôi thì không. Thân xác của tôi nằm ở đây. Cả ông nhà tôi cũng vậy. Tôi chẳng bao giờ rời đi đâu cả."

"Có một nơi nào đó mà ta thuộc về kẻ cũng tốt" Silas nói. "Một nơi ta có thể gọi là nhà." Trong lời nói của anh không có vẻ khao khát. Giọng anh còn khô hơn cả sa mạc, và anh thốt ra những lời ấy như thể chỉ là đang nói lên một điều không thể tranh cãi. Và bà Owens cũng không tranh cãi.

"Anh nghĩ chúng ta còn phải đợi lâu nữa không?"

"Không lâu nữa đâu," Silas nói, nhưng anh đã nhầm.

Ở giảng đường bên sườn đồi, cuộc tranh cãi vẫn tiếp tục. Việc hai vợ chồng nhà Owens, chứ không phải một con ma mới cần quấy nông nổi nào đó, lại vướng vào chuyện vợ vắn này khiến mọi người rất chú ý, vì nhà Owens là những người đáng kính và được tôn trọng. Việc Silas tình nguyện làm người bảo trợ cho thằng bé cũng có một ảnh hưởng lớn - người dân trong nghĩa địa luôn có một nỗi kính sợ thận trọng đối với Silas, người có thể tồn tại ở vùng ranh giới giữa thế giới của họ và cái thế giới họ đã để lại phía sau. Thế nhưng, thế nhưng...

Một khu nghĩa địa thường không theo chế độ dân chủ, nhưng cái chết lại là một nền dân chủ vĩ đại, và mỗi người chết đều có tiếng nói cùng ý kiến của riêng mình về việc đứa con còn sống kia có được phép ở lại đây không, và đêm đó thì ai ai cũng muốn được phát biểu.

Vào tiết thu muộn, trời thường lâu sáng. Dù trời vẫn còn tối, nhưng giờ đã có tiếng xe cộ đi từ dưới đồi lên, và khi người sống bắt đầu lái xe đi làm trong buổi bình minh tối đen mờ sương, thì những người chết lại bàn bạc về đứa bé đã lạc đến chỗ họ và họ nên làm gì với nó. Ba trăm giọng nói. Ba trăm ý kiến. Nehemiah Trot, thi sĩ, đến từ phía Tây Bắc đồ nát của nghĩa địa, bắt đầu hùng hồn trình bày suy nghĩ của mình, nhưng không ai có thể nói được những suy nghĩ ấy là gì vì một việc đã xảy ra; một việc khiến cho mọi cái miệng đang hùng hồn lên tiếng phải câm lặng, một việc chưa từng xảy ra trong lịch sử khu nghĩa địa này.

Một con ngựa trắng khổng lồ, loại mà những người sành ngựa thường gọi là "ngựa xám" đi nước kiệu lên sườn đồi. Trước khi nhìn thấy, người ta đã nghe thấy tiếng vó nện cùng những tiếng rầm rầm khi con ngựa xông qua các bụi rậm nhỏ, xuyên qua đám mây mờ, trường xuân và kim tước mọc trên sườn đồi. Nó to bằng một con ngựa thồ, ít nhất phải cao mười chín gang tay. Đó là con ngựa có thể chở trên lưng một hiệp sĩ giáp trụ đầy đủ xông vào giữa trận chiến, nhưng trên cái lưng không đóng yên của nó chỉ là một người phụ nữ mặc đồ xám từ đầu đến chân. Chiếc váy dài và khăn choàng của bà nom như được dệt bằng tơ cổ.

Bà có gương mặt hết sức bình thản và thư thái.

Người dân trong nghĩa địa đều biết bà, bởi vì mỗi người trong chúng ta khi cuối đời đều phải gặp Phu nhân Xám, và không ai có thể quên được bà.

Con ngựa dừng lại bên đài tưởng niệm. Bầu trời đằng Đông đang bắt đầu sáng dần lên một ánh hào quang màu ngọc trai, ánh sáng trước bình minh khiến mọi người trong nghĩa địa thấy không yên và chỉ muốn quay về ngôi nhà ấm cúng dễ chịu của mình. Nhưng dù thế vẫn không ai nhúc nhích. Họ chăm chú ngắm nhìn Phu nhân Xám, người nào cũng cảm thấy nửa phấn khích, nửa sợ hãi. Người chết thường không còn mê tín nữa, nhưng họ nhìn bà như một thầy bói La Mã ngắm nhìn đàn quạ linh thiêng chao liệng, tìm kiếm một lời phán bảo thông thái hay một đầu mối nào đó.

Và Phu nhân cất tiếng nói với họ.

Bằng một giọng nói nghe như tiếng hàng trăm quả chuông bạc nhỏ xúu rung lên, Phu nhân chỉ nói, "Người chết cũng cần có lòng nhân hậu." Và bà mỉm cười.

Con ngựa, từ nãy vẫn điềm tĩnh gặm và nhai một búi cỏ dày, bây giờ liền ngừng lại. Phu nhân chạm vào cổ con ngựa, và nó quay đi. Nó bước mấy bước dài, vó nện ầm vang, rồi phóng khỏi sườn đồi phi nước kiệu ngang qua bầu trời. Tiếng vó rầm rầm của nó biến thành tiếng sấm đổ lại từ đằng xa, và chỉ trong thoáng chốc nó đã biến mất.

Ít ra thì đó cũng là những gì mà người dân nghĩa địa có mặt trên sườn đồi vào đêm đó quả quyết là đã xảy ra.

Cuộc tranh cãi thế là kết thúc, và không cần phải biểu quyết, họ đã đi đến một quyết định. Đứa bé tên Nobody Owens sẽ có Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa.

Má Slaughter đi cùng Nam tước Josiah Worthington và ông Owens đến hầm mộ trong nhà thờ cũ, và họ báo tin cho bà Owens.

Bà có vẻ không hề kinh ngạc trước phép màu vừa xảy ra. "Đúng thế" bà nói. "Trong số họ có những người chẳng có lấy được nửa xu trí khôn trong đầu. Nhưng bà ấy thì có. Tất nhiên là bà ấy có."

o o o

Trước lúc mặt trời mọc vào một buổi sáng xám xịt sầm chóp đùng đùng, đứa bé đã ngủ say trong ngôi mộ nhỏ xinh xắn của hai vợ chồng nhà Owens (vì ông Owens trước khi chết là một người sung túc, chủ phường thợ mộc trong vùng, và những thợ mộc trong phường muốn ông được an nghỉ một cách trang trọng.)

Silas làm một chuyến đi cuối cùng trước lúc mặt trời mọc. Anh tìm thấy căn nhà cao bên sườn đồi, kiểm tra ba thi thể phát hiện được, và xem xét kỹ vết dao trên ba thi thể ấy. Khi đã thấy bằng lòng, anh ta bước ra ngoài trong buổi bình minh tăm tối, đầu óc quay cuồng bởi những điều khủng khiếp có thể xảy ra, rồi anh về nghĩa địa, quay về tòa tháp nhọn của nhà thờ nằm ngủ đợi cho hết ngày.

Trong thành phố nhỏ dưới chân đồi, gã đàn ông tên Jack mỗi lúc một giận dữ hơn. Hắn đã chờ đợi cái đêm vừa qua suốt một thời gian dài, chờ đợi để hoàn thành công việc của hàng bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm ròng. Và mọi việc trong đêm đã khởi đầu một cách thuận lợi biết bao - ba mạng người, không ai kịp kêu lên một tiếng nào. Thế rồi...

Thế rồi tất cả hồng hét cả, hồng hét đến phát điên lên được. Cái quái quỷ gì đã khiến hắn đi lên đồi trong khi rõ ràng là đứa bé đã đi xuống đồi? Đến khi hắn xuống đến chân đồi thì dấu vết của nó đã biến mất. Hắn có kẻ nào đó đã tìm thấy đứa bé, bế nó đi, che giấu nó. Không còn cách giải thích nào khác.

Một tiếng sét nổ, ầm vang và đột ngột tựa tiếng súng, rồi trời đổ mưa rào rào. Vốn là người rất cẩn thận, gã đàn ông tên Jack bắt đầu lên kế hoạch cho bước hành động tiếp theo - những cuộc thăm viếng mà hắn cần thực hiện đối với một số người nhất định trong thành phố, những người sẽ là tai mắt của hắn.

Hắn không cần phải cho Hội đồng biết hắn đã thất bại.

Trong khi nép mình dưới mái hiên một cửa hàng trong làn mưa buổi sáng tuôn rơi như nước mắt, hắn tự nhủ dù sao thì hắn cũng chưa thất bại. Chưa đâu. Còn hàng bao nhiêu năm nữa. Vẫn còn khối thời gian. Còn khối thời gian để hắn hoàn thành nốt phần việc dang dở này. Còn khối thời gian để cắt nốt mỗi dây ràng buộc cuối cùng.

Chỉ đến khi tiếng còi cảnh sát vang lên, rồi đầu tiên là một chiếc xe cảnh sát, sau đó là một chiếc xe cứu thương, một chiếc xe cảnh sát không gắn biển còi hú ầm ĩ, nối đuôi nhau phóng qua chỗ hắn để đi lên đồi, thì gã đàn ông tên Jack mới miễn cưỡng dựng cao cổ áo, cúi đầu xuống bước vào buổi sáng xám xịt rồi biến mất. Con dao của hắn đã lại nằm trong túi áo, khô ráo và an toàn trong vỏ của nó, được bảo vệ khỏi cơn mưa tầm tã.

Chương 2

NGƯỜI BẠN MỚI

BOB LÀ MỘT ĐỨA TRẺ LẶNG LẼ, với đôi mắt xám nghiêm trang và mớ tóc nâu xỉn bù rối. Phần lớn thời gian nó tỏ ra khá ngoan ngoãn. Nó đã học nói, và khi bắt đầu nói được thì nó luôn mồm hỏi người dân trong nghĩa địa. Nó hay hỏi "Tại sao cháu chả được ra khỏi nghĩa địa?" hoặc là, "Làm sao, cháu làm được, như ông ấy vừa làm?" hoặc "Ai sống ở đây?". Người lớn cố hết sức trả lời nó, nhưng câu trả lời của họ thường không rành mạch, hoặc khó hiểu, hoặc mâu thuẫn, và khi ấy thì Bod lại xuống nhà thờ cũ nói chuyện với chú Silas.

Nó sẽ đợi ở đó vào lúc mặt trời lặn, ngay trước khi chú Silas thức dậy.

Bod luôn tin rằng người bảo trợ của nó sẽ giải thích mọi sự một cách rõ ràng, minh bạch và đơn giản để nó có thể hiểu được.

"Cháu không được ra khỏi nghĩa địa - mà phải nói không được, chứ không phải là chả được, ngày nay người ta không nói như thế - vì chỉ ở trong nghĩa địa thì chúng ta mới có thể bảo vệ cháu. Đây là nơi cháu sống, nơi có những người yêu thương cháu. Ở ngoài kia cháu sẽ không được an toàn. Chưa đến lúc"

"Nhưng chú có đi ra ngoài. Đêm nào chú cũng đi ra ngoài."

"Chú lớn hơn cháu nhiều, nhóc ạ. Và cho dù đi đến đâu thì chú cũng được an toàn."

"Cháu cũng có thể được an toàn chứ."

"Chú ước gì có thể như thế. Nhưng chừng nào cháu còn ở trong nghĩa địa này thì chừng ấy cháu mới được an toàn thực sự."

Hoặc là,

"Làm sao cháu làm được như thế à? Có những kỹ năng có thể đạt được nhờ học tập hoặc rèn luyện, có những kỹ năng lại chỉ có thể đạt được theo thời gian. Cháu có thể có được những kỹ năng đó nếu cháu chịu khó học hành. Chẳng mấy chốc cháu sẽ thành thạo các phép Tàng hình, Xuyên tường và Mộng du. Nhưng có những kỹ năng mà người sống không thể có được, và để đạt được những kỹ năng ấy thì cháu phải đợi thêm ít lâu nữa. Nhưng chú dám chắc là đến đúng thời điểm thì ngay cả những kỹ năng ấy cháu cũng sẽ có được thôi."

"Dù sao thì cháu cũng có Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa," chú Silas bảo nó. "Vì vậy Nghĩa địa sẽ bảo vệ cháu. Ở đây, cháu có thể nhìn được trong bóng tối. Cháu có thể đi lại trên những con đường mà người sống không được đi. Khi người sống nhìn vào cháu họ sẽ không trông thấy cháu. Chú cũng có Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa, nhưng trong trường hợp của chú thì đó chỉ là quyền được sống ở đây mà thôi."

"Cháu muốn được như chú" Bod trề môi ra nói.

"Không" chú Silas nghiêm nghị nói. "Cháu không muốn thế đâu."

Hoặc là,

"Ai nằm ở đây ư? Cháu biết đây Bod, trong nhiều trường hợp, điều đó được khắc trên bia mộ. Cháu đã biết đọc chưa? Cháu đã biết bảng chữ cái chưa?"

"Bảng gì cơ ạ?"

Chú Silas lắc đầu, nhưng không nói gì. Ông bà Owens khi còn sống cũng chẳng phải người hay chữ, và trong nghĩa địa không có cuốn sách vỡ lòng nào.

Đêm hôm sau, chú Silas xuất hiện trước ngôi mộ ẩm cúng của gia đình Owens, mang theo ba cuốn sách to - hai cuốn là sách vỡ lòng với nhiều tranh vẽ sắc sỡ.

(A là cái Ao, B là quả Bóng), còn cuốn kia là truyện Chú mèo đội mũ. Chú còn đem theo giấy và một hộp sáp màu. Rồi chú dẫn Bod đi quanh nghĩa địa, đặt những ngón tay nhỏ xíu của thằng bé lên các tấm bia và biển tên mới nhất, chữ khắc rõ nhất, rồi dạy nó cách nhận biết từng chữ trong bảng chữ cái, đầu tiên là chữ A hoa nom như cái tháp chuông.

Chú Silas giao cho Bod một nhiệm vụ - đó là đi khắp nghĩa địa tìm cho bằng hết hai mươi sáu chữ cái - và Bod đã hoàn thành sứ mệnh một cách vô cùng kiêu hãnh, khi nó tìm thấy bia mộ của Ezekiel Ulmsley, đặt chìm vào bức tường bên của nhà thờ cũ. Chú Silas hết sức hài lòng.

Ngày nào Bod cũng đem giấy bút ra nghĩa địa miệt mài chép lại những cái tên, từ ngữ và chữ số trên bia mộ, và đêm đêm, trước khi chú Silas đi ra ngoài, Bod lại nhờ chú giải thích những gì nó đã chép lại, nhờ chú dịch cả những câu La tinh mà ông bà Owens thường không hiểu nổi.

Một ngày nắng ấm: những con ong nghệ bay quanh mấy đóa hoa dại mọc ở góc nghĩa địa, bám trên những bông kim tước và hoa chuông xanh, vo ve một cách lười nhác, trong khi Bod nằm dưới ánh nắng mùa xuân, ngắm một con bọ màu đồng bò ngang qua bia mộ của ngài G. Reeder, vợ của ngài, Dorcas, và con trai của ngài, Sebastian (Gidelis ad Mortem - chung thủy cho đến chết). Bod đã chép lại những chữ khắc trên bia, và bây giờ khi nó đang chỉ nghĩ về con bọ, thì một giọng nói vang lên,

"Này, cậu đang làm gì thế?"

Bod ngược nhìn. Có ai đó đang ở phía bên kia bụi kim tước, quan sát nó.

"Chả làm gì cả," Bod đáp. Nó lè lưỡi ra.

Bộ mặt ở phía bên kia bụi kim tước nhăn nhúm lại thành một cái miệng máng xối hình đầu thú, lưỡi thè ra, mắt tròn tròn, rồi lại biến thành một cô bé.

"Giỏi quá," Bod nói, nó thấy trò biến hóa ấy rất ấn tượng.

"Tớ có thể làm những cái mặt hay lắm" cô bé nói. "Xem đây này." Cô bé dùng một ngón tay đẩy cho cái mũi héch lên, nhe răng cười khoái trá, nheo mắt lại và phồng má ra. "Cậu có biết đây là mặt gì không?"

"Không."

"Là mặt lợn, gốc ạ."

"Ồ." Bod ngẫm nghĩ một lát. "Cậu định nói là giống như chữ L là Lợn ấy à?"

"Tất nhiên là giống thế rồi. Đợi đây nhé"

Cô bé đi vòng qua bụi kim tước và đến đứng cạnh Bod. Nó cũng đứng dậy. Cô bé lớn và cao hơn nó một chút, mặc bộ quần áo rực rỡ màu vàng, cam và hồng. Bod, trong tấm vải liệm màu xám, cảm thấy mình thật tồi tàn và nhếch nhác.

"Cậu bao nhiêu tuổi?" cô bé hỏi. "Cậu làm gì ở đây? Cậu sống ở đây à? Tên cậu là gì?"

"Tớ không biết" Bod đáp.

"Cậu không biết tên mình là gì á?" cô bé nói. "Cậu phải biết chứ. Mọi người đều biết tên mình là gì mà. Đồ nói dối."

"Tớ biết tên tớ," Bod nói. "Và tớ biết tớ làm gì ở đây. Nhưng tớ không biết cái câu hỏi kia."

"Câu cậu bao nhiêu tuổi ấy à?"

Bod gật đầu.

"Ồ," cô bé nói, "thế lần sinh nhật gần đây nhất của cậu thì cậu bao nhiêu tuổi?"

"Tớ không có sinh nhật" Bod nói. "Tớ chưa bao giờ làm sinh nhật!"

"Tất cả mọi người đều có sinh nhật chứ. Ý cậu là cậu chưa bao giờ có bánh sinh nhật với nến và các thứ như thế à?"

Bod lắc đầu. Cô bé tỏ ra thông cảm. "Tội nghiệp cậu. Tớ năm tuổi. Tớ cá là cậu cũng lên năm đấy."

Bod hăng hái gật đầu. Nó sẽ không cãi lại người bạn mới của mình. Cô bé khiến nó thấy rất vui.

Cô bé cho nó biết tên cô là Scarlett Amber Perkins, và cô sống trong một căn hộ không có vườn. Mẹ cô bé đang ngồi trên chiếc ghế dài bên cạnh nhà thờ dưới chân đồi đọc tạp chí, mẹ đã dặn Scarlett nửa tiếng nữa phải quay về, và bảo cô bé hãy chạy chơi một lát, nhưng không được gây rắc rối gì hay nói chuyện với người lạ.

"Tớ là người lạ," Bod bảo.

"Không phải" cô bé quả quyết. "Cậu là một cậu bé." Rồi cô bé nói tiếp, "Và cậu là bạn tớ. Vì thế cậu không thể là người lạ được."

Bod ít khi cười, nhưng nghe thấy thế nó toét miệng cười sung sướng. "Tớ là bạn cậu," nó nói.

"Tên cậu là gì?"

"Bod. Là tên tắt của Nobody."

Cô bé cười phá lên. "Tên cậu lạ thế," cô nói. "Thế cậu đang làm gì?"

"Học bảng chữ cái," Bod trả lời. "Ở trên các tấm bia mộ. Tớ phải chép lại chúng."

"Cho tớ học cùng được không?"

Trong một thoáng Bod bỗng có cảm giác bảo hộ - những tấm bia mộ là của nó cơ mà, phải không? - nhưng rồi nó chợt nhận ra nghĩ như thế thì thật ngớ ngẩn, và có những việc nếu cùng làm với một người bạn dưới ánh mặt trời thì sẽ thật vui. Nó liền đáp, "Được thôi."

Hai đứa cùng chép lại những cái tên trên bia mộ, Scarlett giúp Bod đọc những cái tên và từ lạ, Bod dịch nghĩa các câu tiếng Latinh cho Scarlett, nếu gặp được câu nó đã biết, và dường như chỉ một thoáng sau, chúng đã nghe thấy tiếng gọi từ dưới đồi vọng lên, "Scarlett!"

Cô bé giúi đồng giấy bút trả cho Bod. "Tớ phải đi đây," cô bé nói.

"Tớ sẽ gặp lại cậu," Bod nói. "Cậu sẽ quay lại phải không?"

"Nhà cậu ở đâu?" cô bé hỏi.

"Ở đây," nó đáp. Và nó đứng nhìn theo trong khi cô bé chạy xuống đồi.

Dọc đường về nhà, Scarlett kể cho mẹ nghe về cậu bé Không Ai Cả sống ở nghĩa địa đã chơi với cô bé, và tối hôm đó mẹ kể lại với bố Scarlett, và bố cô bé nói ông tin là vào tuổi này trẻ con hay có bạn tưởng tượng, đó là chuyện thường gặp, không có gì đáng lo, và họ thật may mắn vì có một khu bảo tồn thiên nhiên ngay gần nhà.

Sau buổi gặp đầu tiên ấy, Scarlett không bao giờ trông thấy Bod trước cả. Vào những ngày khô ráo,

bố hoặc mẹ thường dẫn cô bé đến nghĩa địa. Bố hoặc mẹ sẽ ngồi trên ghế dài đọc sách trong khi Scarlett lang thang ra xa lối đi chính, nom như một mảng màu xanh sáng, hoặc da cam hoặc hồng, và khám phá khu nghĩa địa. Và lần nào cũng vậy, rất nhanh sau đó, cô bé sẽ trông thấy một khuôn mặt nhỏ bé, nghiêm nghị với đôi mắt xám ngược lên nhìn mình từ bên dưới mớ tóc màu nâu xỉn, rồi Bod cùng cô bé sẽ chơi đùa với nhau ? Có lúc là chơi trốn tìm, có lúc là trèo lên cái này cái kia, hoặc chỉ ngồi im ngắm những con thỏ nhảy ra nhảy vào đằng sau ngôi nhà thờ cũ.

Bod giới thiệu Scarlett với mấy người bạn khác của nó. Chuyện cô bé không thể nhìn thấy họ có vẻ như chẳng thành vấn đề. Bố mẹ Scarlett đã quả quyết với cô bé rằng Bod chỉ là tưởng tượng, và điều đó không có gì sai trái cả - thậm chí suốt mấy ngày liền, mẹ cô còn dọn chỗ trên bàn ăn cho Bod nữa - vì vậy cô bé không hề ngạc nhiên khi thấy Bod cũng có những người bạn tưởng tượng. Nó chuyển những lời bình phẩm của họ đến cho cô bé.

"Bartleby bảo dung nhan của bạn chẳng khác nào trái mận khô," nó bảo với cô bé như vậy.

"Mặt cậu ấy cũng thế. Mà sao cậu ấy nói nghe buồn cười thế? Cậu ấy định nói là quả cà chua bị bẹp phải không?"

"Tớ nghĩ ở chỗ cậu ấy không có cà chua đâu," Bod nói. "Và hồi ấy người ta đều nói chuyện như thế cả."

Scarlett rất vui. Cô bé thông minh nhưng cô độc, mẹ cô thì làm việc cho một trường đại học từ xa, dạy những người mà bà không bao giờ gặp trực tiếp, chấm những bài luận tiếng Anh được gửi đến qua máy vi tính rồi gửi lại những tin nhắn khuyên bảo hoặc động viên. Bố cô bé dạy môn vật lý hạt nhân, tuy nhiên Scarlett bảo với Bod rằng có quá nhiều người muốn dạy vật lý hạt nhân nhưng lại không có đủ người muốn học môn này, vì vậy gia đình Scarlett cứ phải chuyển từ thành phố có trường đại học này đến thành phố có trường đại học khác, ở thành phố nào bố cô bé cũng mong có chỗ dạy lâu dài, nhưng chẳng bao giờ được.

"Vật lý hạt nhân là gì?" Bod hỏi.

Scarlett nhún vai. "Ồ..", cô bé nói. "Có những thứ gọi là nguyên tử, nhỏ tí tẹo đến nỗi mình không nhìn thấy được, tất cả bọn mình đều được tạo ra từ các nguyên tử ấy. Và còn những thứ nhỏ hơn cả nguyên tử nữa, đấy chính là vật lý hạt nhân"

Bod gật đầu, nó nghĩ có lẽ bố của Scarlett cũng thích nghiên cứu những thứ tưởng tượng.

Chiều nào Bod và Scarlett cũng cùng nhau lang thang trong nghĩa địa, đưa ngón tay lần theo những cái tên, chép lại chúng. Bod kể cho Scarlett nghe tất cả những gì nó biết về người nằm trong cái huyệt, lăng hoặc mộ, còn cô bé kể cho nó nghe những chuyện cô đã đọc hoặc học được. Đôi khi cô bé còn kể cho nó nghe về thế giới bên ngoài, về ô tô, xe buýt, ti vi và máy bay (Bod đã từng nhìn thấy máy bay bay cao tí trên đầu và cứ ngỡ chúng là những con chim màu bạc to tiếng, nhưng nó chưa bao giờ cảm thấy tò mò về chúng, mãi cho đến tận bây giờ), về phần mình, Bod cũng kể cho cô bé nghe về cái thời những người trong nghĩa địa còn sống - chuyện Sebastian Reeder đã đến Thành London và trông thấy Hoàng hậu, một người đàn bà béo mập đội mũ lông, luôn trừng mắt nhìn mọi người và không nói một chữ tiếng Anh nào. Sebastian Reeder không nhớ bà ta là hoàng hậu gì, nhưng cậu ta đoán bà ta không làm hoàng hậu lâu cho lắm.

"Đó là hồi nào?" Scarlett hỏi.

"Cậu ấy chết năm 1583, trên bia mộ của cậu ấy viết thế, tức là chuyện này phải xảy ra trước đấy."

"Ai là người già nhất ở đây? Trong toàn nghĩa địa ấy?" Scarlett hỏi.

Bod nhíu mày. "Chắc là Caius Pompeius. Cụ ấy đến đây một trăm năm sau khi người La Mã đầu tiên đặt chân đến nơi này. Cụ đã kể cho tớ nghe chuyện ấy. Cụ rất thích những con đường."

"Vậy cụ ấy là người già nhất?"

"Tớ nghĩ thế."

"Bọn mình có thể dựng một căn nhà nhỏ trong cái nhà đá kia được không?"

"Cậu không vào được đâu. Cửa khóa rồi. Tất cả đều bị khóa hết."

"Thế cậu có vào được không?"

"Tất nhiên là được."

"Thế tại sao tớ không vào được?"

"Vì khu nghĩa địa này" nó giải thích. "Tớ có Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa. Tớ thích đi đâu cũng được"

"Tớ muốn vào trong ngôi nhà đá ấy và dựng mấy căn nhà nhỏ."

"Không được."

"Cậu xấu tính thế."

"Không phải."

"Đồ xấu tính"

"Tớ không xấu tính."

Scarlett thọc tay vào túi áo khoác rồi đi xuống chân đồi mà không thềm chào tạm biệt, trong bụng tin chắc Bod cố tình từ chối mình nhưng cũng ngờ ngợ là mình đã đối xử một cách không công bằng, và điều đó làm cô bé càng bức dọc hơn.

Tối hôm đó, trong lúc ăn cơm, cô bé hỏi bố mẹ xem có ai đến vùng này trước người La Mã không.

"Con nghe kể về người La Mã ở đâu thế?" bố cô bé hỏi.

"Ai mà chẳng biết về người La Mã ạ," Scarlett đáp với vẻ khinh khỉnh tốt độ. "Thế có ai không ạ?"

"Có người Xen tư," mẹ cô bé đáp. "Họ đã đến đây trước. Họ định cư trước người La Mã. Chính người La Mã đã chinh phục đất của họ."

Trên chiếc ghế dài bên cạnh nhà thờ cũ, Bod cũng đang có cuộc trò chuyện tương tự.

"Người già nhất à?" chú Silas hỏi. "Nói thật thì Bod ạ, chú cũng không biết nữa. Người già nhất trong nghĩa địa mà chú từng gặp là Caius Pompeius. Nhưng trước khi người La Mã kéo đến thì ở đây đã có người rồi. Rất nhiều người, cách đây lâu lắm. Cháu học bảng chữ cái thế nào rồi?"

"Cháu nghĩ là tốt ạ. Khi nào cháu được học các chữ liền nhau ạ?"

Chú Silas ngừng một lát. "Chú dám chắc trong số những nhân tài được mai táng ở đây, ít nhất cũng phải có vài giáo viên," chú nói, sau một hồi lâu ngẫm nghĩ. "Chú sẽ đi hỏi xem sao."

Bod rất phấn khích. Nó tưởng tượng rằng trong tương lai mình có thể đọc được tất cả mọi thứ, có thể khám phá và tìm hiểu mọi câu chuyện.

Khi chú Silas rời khỏi nghĩa địa để lo liệu những việc riêng của mình, Bod đến chỗ cây liễu cạnh nhà thờ cũ, rồi gọi Caius Pompeius.

Ông cụ người La Mã từ trong mộ bước ra, vừa đi vừa ngáp dài. "A. Phải rồi. Thằng bé còn sống", cụ nói. "Cháu khỏe không, chú bé còn sống?"

Bod đáp, "Cháu rất khỏe ạ, thưa cụ."

"Tốt. Ta rất mừng." Mái tóc của ông già người La Mã bồng bạc dưới ánh trăng, và cụ khoác chiếc áo choàng toga vốn đã mặc khi được an táng, bên trong là một cái áo cùng đôi xà cạp bằng len dày, vì đây là một vùng đất lạnh giá nằm ở tận cùng thế giới. Nơi duy nhất lạnh hơn là vùng Caledonia (tên thời La mã của Scotland) ở phía Bắc, người ở đó là lũ mọi rợ giống loài thú hơn là con người, với bộ lông màu đỏ cam, quá man dại đến nỗi người La Mã không thèm chinh phục, và chẳng mấy chốc chúng đã bị giam cầm trong mùa đông vĩnh cửu của xứ sở đó.

"Cụ có phải người già nhất không ạ?" Bod hỏi.

"Người già nhất trong nghĩa địa ấy à? Chính thế.

"Vậy cụ là người đầu tiên được chôn ở đây ạ?"

Ông cụ ngần ngừ. "Gần như là người đầu tiên," Caius Pompeius đáp. "Trước người Xentor, trên hòn đảo này còn có những tộc người khác. Một người trong số họ đã được chôn ở đây."

"Thế ạ." Bod ngẫm nghĩ một lát. "Mộ ông ấy ở đâu ạ?"

Caius chỉ lên đồi.

"Ông ấy ở trên đỉnh đồi" Bod nói.

Caius lắc đầu.

"Không thì ở đâu ạ?"

Ông cụ người La Mã đưa tay xoa đầu Bod. "Trong đồi," cụ đáp. "Trong lòng đồi. Ta được đưa đến đây đầu tiên, đi theo hộ tống linh cữu là bạn bè, các quan chức trong vùng và những người đóng thuế mặt nạ bằng sáp mang hình người vợ chết vì bệnh sốt ở Camu-lodonum và người cha bị giết trong một trận ẩu đả ở biên giới Gauln của ta (Camulodoum là tên thời La Mã của Colchester, một thành phố thuộc Essex ở phía Đông nước Anh. Đây là thành phố đầu tiên ở Anh mà người La Mã chinh phục được. Gaul là tên thời La Mã của một xứ ở Tây Âu, bao gồm những vùng ngày nay là Pháp, Bỉ, phía Tây Thụy Sĩ, một phần Hà Lan, và một phần Đức phía Tây mạng sông Rhine)

Ba trăm năm sau khi ta chết, một người nông dân trong lúc đi tìm địa điểm thả cừu mới đã tìm thấy một tảng đá chắn trước miệng hang, ông ta liền vắn nó ra chỗ khác rồi đi xuống lòng đồi, tưởng là dưới đó có châu báu. Một lát sau ông ta chạy ra, mái tóc lúc trước sẫm màu thì hóa ra bạc trắng như tóc ta..."

"Ông ấy đã trông thấy gì ạ?"

Caius không đáp, sau đó cụ nói, "Ông ta không chịu kể lại. Ông ta cũng không dám quay lại nữa. Người ta vắn hòn đá chắn miệng hang lại, và lâu dần quên bẵng đi mất. Thế rồi, hai trăm năm trước, khi đang xây hầm mộ cho nhà Frobisher, họ lại tìm thấy nó. Vì mơ tưởng đến kho báu, chàng trai tìm thấy miệng hang đã không cho ai biết và trón trong ngưỡng cửa, đằng sau quan tài của Ephraim Pettyfer, rồi đến đêm thì mò xuống dưới hang mà không ai trông thấy, hoặc là anh ta tưởng không ai trông thấy."

"Khi chui lên thì tóc anh ta có bị bạc không ạ?"

"Anh ta không trở lên nữa."

"Ừm. Thế ạ. Thế ai được chôn ở dưới đấy ạ?"

Caius lắc đầu. "Ta không biết, cậu Owens ạ. Nhưng ta có thể cảm nhận được người đó, khi nơi này vẫn còn trống trải. Khi ấy ta đã cảm thấy có một thứ gì đó đang chờ đợi, sâu tít trong lòng đồi."

"Ông ta đang đợi cái gì ạ?"

"Ta chỉ có thể cảm thấy sự chờ đợi mà thôi" Caius Pompeius trả lời.

o o o

Scarlett, tay cầm cuốn truyện tranh khổ lớn, đang ngồi cạnh mẹ trên chiếc ghế dài màu xanh đặt gần cổng chính, và cô bé đọc truyện trong khi mẹ xem xét một bản phụ trương giáo dục. Cô bé tận hưởng ánh nắng xuân và cố hết sức phớt lờ chú nhóc đang vẫy tay gọi mình từ đằng sau một đài tưởng niệm phủ đầy dây trường xuân, rồi khi cô bé cương quyết không chịu nhìn về phía đài tưởng niệm đó nữa, thì thằng bé bật lên - bật lên thực sự, như con rối gắn lò xo trong hộp - đằng sau một tấm bia mộ (Joji G. Shoji, mất năm 1921, Tôi là người lạ và các bạn đã đón nhận tôi). Nó rớt rít ra hiệu cho cô bé. Cô bé vẫn tảng lờ.

Cuối cùng, cô đặt cuốn truyện xuống ghế.

"Mẹ ơi? Con đi dạo một tí đây"

"Đừng rời khỏi lối đi nhé, cưng."

Cô bé men theo lối đi cho đến khi vòng qua một khúc quanh, và cô có thể trông thấy Bod đang đứng vẫy gọi cô trên đồi. Cô bé nhăn mặt với nó.

"Tớ đã khám phá ra được mấy chuyện" Scarlett bảo.

"Tớ cũng thế" Bod nói.

"Trước người La Mã ở đây đã có người rồi" cô bé nói. "Trước người La Mã rất lâu. Họ sống, ý tớ là, khi họ chết thì người ta chôn họ vào trong lòng đồi, cùng với châu báu và các thứ tương tự như thế. Và người ta gọi chúng là gò chôn cất."

"Ồ. Phải rồi," Bod nói. "Thảo nào. Thế cậu có muốn xem một cái gò chôn cất không?"

"Ngay bây giờ à?" Scarlett có vẻ nghi ngờ. "Cậu không biết ở đây có gò chôn cất thật hay không chứ gì? Với lại cậu biết là tớ không đi theo cậu khắp mọi nơi được mà." Cô bé đã trông thấy Bod đi xuyên qua tường như một cái bóng.

Để đáp lại, thằng bé giơ lên một chiếc chìa khóa to bằng sắt đã hoen gỉ. "Tớ lấy trong nhà thờ đấy," nó bảo. "Cái chìa này sẽ mở được tất cả các cánh cửa trên đồi. Họ dùng chung một chìa cho tất cả khóa. Như thế đỡ tốn công hơn."

Cô bé theo nó trèo lên đồi.

"Cậu nói thật đấy chứ?"

Thằng bé gật đầu với nụ cười vui thích ở khóe miệng. "Đi nào," nó nói.

o o o

Đó là một ngày xuân hoàn hảo, trong không trung rộn rã tiếng chim hót cùng tiếng bầy ong vo ve. Những bông thủy tiên vàng ngả nghiêng trong làn gió nhẹ, và đây đó trên sườn đồi, mấy bông uất kim hương nở sớm cũng đang gập gù. Trên những sườn đồi xanh cỏ phủ một lớp hoa lưu ly xanh lơ như rắc phấn, điểm thêm những bông anh thảo lớn màu vàng nhạt. Hai đứa trẻ trèo lên đồi đi về phía cái lăng

nhỏ của dòng họ Frobisher.

Cái lãng có kiến trúc cổ, đơn giản, chỉ là một căn nhà nhỏ bỏ hoang xây bằng đá với cánh cổng sắt làm cửa ra vào. Bod dùng chìa khóa mở cổng, rồi hai đứa bước vào.

"Nó là một cái hố," Bod nói. "Hoặc một cánh cửa Đằng sau một trong những cái quan tài kia kia."

Chúng tìm thấy miệng hang đằng sau một cái quan tài ở ngăn giá dưới cùng - chỉ vừa cho một người chui lọt. "Ở dưới ấy," Bod nói. "Bọn mình phải trèo xuống."

Scarlett đột nhiên cảm thấy cuộc phiêu lưu mạo hiểm không còn hứng thú cho lắm nữa. Cô bé nói, "Ở dưới ấy thì bọn mình nhìn làm sao được. Tối lắm."

"Tớ không cần ánh sáng," Bod nói. "Chừng nào tớ còn ở trong nghĩa địa thì tớ không cần ánh sáng."

"Nhưng tớ cần," Scarlett nói. "Tối lắm."

Bod nghĩ đến những điều nó có thể nói để làm cô bạn yên lòng, ví dụ như "ở dưới đây chẳng có gì đáng sợ đâu" nhưng những chuyện về tóc bị bạc và người chui xuống không bao giờ trở lên khiến cho nó không thể nói những câu như vậy mà không bị lương tâm cắn rứt, vì thế nó bảo, "Tớ sẽ xuống. Cậu đợi tớ ở trên này."

Scarlett nhíu mày. "Cậu không nên bỏ tớ lại chứ."

"Tớ sẽ trèo xuống," Bod nói, "để xem có ai ở dưới ấy, rồi sẽ quay lên kể cho cậu nghe."

Nó quay sang miệng hang, cúi xuống rồi chống hai bàn tay và đầu gối bò lồm cồm qua. Nó chui xuống một chỗ đủ cao để đứng thẳng lên được và nhìn thấy những bậc thang đeo vào nền đá. "Tớ sẽ đi xuống các bậc thang bây giờ đây," nó nói vọng lên.

"Cầu thang có dẫn sâu xuống dưới không?"

"Tớ nghĩ là có."

"Nếu cậu nắm tay chỉ đường cho tớ, thì tớ sẽ đi cùng cậu" cô bé nói. "Nếu cậu đảm bảo sẽ không để tớ bị làm sao."

"Tất nhiên rồi," Bod nói, và nó chưa dứt lời thì cô bé đã bò qua miệng hang đến chỗ nó.

"Cậu đứng thẳng dậy được đấy," Bod bảo. Nó nắm tay cô bé. "Các bậc thang ở ngay đây thôi. Cậu đưa chân về phía trước là sẽ thấy. Đấy. Rồi, tớ đi trước nhé."

"Cậu nhìn thấy đường đi thật à?" cô bé hỏi.

"Tối thật," Bod nói. "Nhưng tớ vẫn nhìn được."

Nó dẫn Scarlett xuống cầu thang, đi sâu vào lòng đồi, vừa đi vừa miêu tả lại mọi thứ nó nhìn thấy. "Các bậc thang dẫn xuống dưới," nó nói. "Làm bằng đá. Xung quanh bọn mình cũng toàn là đá. Trên tường có bức tranh gì ấy."

"Tranh vẽ gì?"

"Tớ nghĩ một chữ B là Bò to tướng, đầy lông lá. Có cả sừng nữa. Rồi một cái gì đó trông giống như hoa văn, hình cái nút thắt to. Mà hình như nó được khắc vào đá, chứ không chỉ là vẽ thôi, cậu thấy không?" và nó cầm ngón tay cô bé đặt lên hình cái nút được khắc trên nền đá.

"Tớ sờ thấy rồi!" cô bé reo lên.

"Giờ thì các bậc thang rộng hơn rồi. Bọn mình đang đi xuống một căn phòng rộng, nhưng vẫn còn bậc thang dẫn xuống đấy. Đừng cử động nhé. Được rồi, bây giờ tớ đã ở giữa cậu và căn phòng rồi. Cậu bám tay trái vào tường ấy."

Chúng tiếp tục đi xuống. "Chỉ một bậc nữa là bọn mình xuống đến nền đá rồi," Bod nói. "Sàn hơi

gỗ ghè đầy."

Đó là một căn phòng hẹp. Trên sàn có đặt một phiến đá nhẵn, và ở góc phòng là một gờ đá thấp, trên có mấy vật nho nhỏ. Trên sàn có những khúc xương đã cao tuổi lắm rồi, nhưng dưới những bậc thang dẫn vào phòng, Bod trông thấy một xác chết nằm rúm ró, khoác chiếc áo choàng nâu dài mục nát - chắc hẳn là chàng trai đã mơ tưởng đến các kho báu, Bod đoán. Hẳn anh ta đã trượt chân ngã trong bóng tối.

Một tiếng động vang lên quanh chúng, một tiếng ào ào xào xạc như con rắn đang trườn qua đám lá khô. Scarlett siết chặt tay Bod hơn.

"Cái gì thế? Cậu có trông thấy gì không?"

"Không."

Scarlett thốt lên một tiếng kêu nửa hoảng hốt nửa rên rỉ sợ hãi, rồi Bod nhìn thấy một thứ, và không cần hỏi nó cũng biết cô bé cũng trông thấy vật đó.

Một luồng sáng phát ra từ cuối căn phòng, và trong ánh sáng đó, một người đàn ông hiện ra, bước xuyên qua bức tường đá, và Bod nghe thấy một tiếng thét nghẹn lại trong họng Scarlett.

Người đàn ông có vẻ được bảo quản tốt, nhưng nhìn vẫn giống một cái xác đã chết lâu lắm rồi. Da ông ta nom như được tô vẽ (theo ý của Bod) hoặc xăm trổ (theo ý của Scarlett) với những họa tiết và hoa văn màu tím ngắt. Trên cổ ông ta có đeo một chuỗi vòng làm bằng những chiếc răng dài, nhọn.

"Ta là chủ nhân của nơi này!" người đó thốt lên bằng những từ ngữ có vẻ cổ xưa và được thốt ra gầm ghè đến nỗi gần như không nghe nổi. "Ta bảo vệ nơi này khỏi những kẻ muốn làm hại nó!"

Hai mắt ông ta mở trừng trừng. Bod nhận ra đó là vì quanh mắt ông ta có hai vòng tròn lớn màu tím khiến mặt ông ta nom như mặt cú.

"Ông là ai?" Bod hỏi. Vừa nói nó vừa nắm chặt tay Scarlett.

Người Da Chàm hình như không nghe thấy câu hỏi. Ông ta hung dữ nhìn hai đứa bé.

"Cút khỏi đây ngay!" ông ta thốt lên những lời xuyên thẳng vào đầu Bod, những lời nghe như một tiếng gầm gừ trầm đục.

"Ông ta có định giết bọn mình không?" Scarlett hỏi.

"Tớ nghĩ là không," Bod nói. Rồi nó nói với Người Da Chàm như đã được dạy, "Tôi có Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa, và tôi có thể đi đến bất kỳ nơi nào tôi muốn."

Người Da Chàm không phản ứng gì trước câu nói này, điều đó khiến Bod càng ngạc nhiên hơn, bởi vì ngay cả những cư dân khó tính nhất của nghĩa địa khi nghe thấy câu ấy cũng phải bình tĩnh lại. Bod hỏi, "Scarlett, cậu có nhìn thấy ông ta không?"

"Tất nhiên là có. Ông ta khắp người đầy hình xăm trông sợ lắm, và ông ta muốn giết bọn mình. Bod, đuổi ông ta đi đi!"

Bod nhìn thi thể của chàng trai trong chiếc áo choàng nâu. Bên cạnh anh ta có một cây đèn đã vỡ vì bị rơi xuống nền đá. "Anh ta đã bỏ chạy," Bod nói to. "Anh ta chạy vì sợ quá. Và anh ta đã trượt chân hoặc vấp vào bậc thang và ngã xuống."

"Ai cơ?"

"Người nằm trên sàn ấy."

Giọng Scarlett trở nên bức dọc hơn, pha lẫn bối rối và hoảng sợ. "Người nào nằm trên sàn? Tối quá. Tớ chỉ nhìn thấy người có hình xăm kia thôi"

Rồi sau đó, như để đảm bảo rằng hai đứa trẻ biết đến sự có mặt của mình, Người Da Chàm ngửa đầu về phía sau và phát ra một loạt tiếng hú, những tiếng gào thét từ sâu trong cổ họng khiến Scarlett nắm tay Bod chặt đến nỗi móng tay của cô bé ấn vào da thịt nó.

Nhưng Bod lại không thấy sợ nữa.

"Tớ xin lỗi vì đã bảo rằng họ chỉ là người tưởng tượng," Scarlett nói. "Bây giờ tớ tin rồi. Tất cả đều là người thật."

Người Da Chàm giương cao một vật gì đó trên đầu. Nom nó giống như một lưỡi dao sắc bằng đá. "Kẻ nào dám xâm phạm tới nơi này sẽ phải chết!" ông ta gào lên bằng cái giọng gầm ghè của mình. Bod nhớ đến người nông dân đã bị bạc trắng cả tóc sau khi phát hiện ra căn hầm này, nhớ đến chuyện ông ta không bao giờ dám quay lại nghĩa địa hay kể cho người khác nghe những điều đã nhìn thấy.

"Không," Bod nói. "Tớ nghĩ cậu nói đúng. Tớ nghĩ người này đúng là như thế."

"Là như thế nào?"

"Là người tưởng tượng ấy."

"Đừng có ngốc thế chứ," Scarlett nói. "Tớ nhìn thấy ông ta mà."

"Đúng vậy," Bod đáp. "Mà cậu thì có nhìn được người chết đâu." Nó nhìn quanh căn buồng. "Ông có thể thôi đi được rồi đây," nó nói. "Chúng tôi biết ông không phải người có thật."

"Ta sẽ ăn gan hút tủy các ngươi!" Người Da Chàm gầm lên.

"Còn lâu," Scarlett nói, kèm theo tiếng thở dài nhẹ nhõm. "Bod nói đúng." Rồi cô bé thêm vào, "Tớ nghĩ ông ta là bù nhìn."

"Bù nhìn là cái gì?" Bod hỏi.

"Một thứ mà nông dân đặt ở ngoài ruộng để dọa lũ chim quạ."

"Tại sao họ làm thế?" Bod rất thích lũ quạ. Nó nghĩ chúng là những con chim rất hay, và nó thích cái cách chúng giúp nghĩa địa luôn gọn gàng sạch sẽ.

"Tớ cũng không chắc. Tớ sẽ hỏi mẹ. Nhưng khi đi trên tàu tớ đã thấy một con bù nhìn và tớ đã hỏi đây là cái gì. Bọn quạ tưởng đấy là người thật. Nó chỉ là một thứ giả vờ, trông giống người nhưng không phải là người. Nó chỉ để dọa lũ quạ thôi."

Bod nhìn quanh phòng. Nó nói, "Cho dù ông có là ai đi chăng nữa thì cũng chẳng ích gì đâu. Không dọa được bọn tôi đâu. Bọn tôi biết ông không có thật. Thôi đi."

Người Da Chàm dừng lại. Ông ta bước đến chỗ phiến đá nhẵn rồi nằm xuống đó. Và ông ta biến mất.

Scarlett thấy căn buồng lại chìm trong bóng tối. Nhưng trong bóng tối, cô bé lại nghe thấy những tiếng lạo xạo xào xạc, mỗi lúc một to hơn, như thể có vật gì đó đang bay quanh căn phòng hình tròn ấy.

Một cái gì đó lên tiếng, CHÚNG TA LÀ SÁT THỦ.

Tóc gáy Bod dựng ngược lên. Giọng nói vang lên trong đầu nó là một thứ vô cùng già cỗi và khô khan, tựa như tiếng cành cây khô cọ vào cửa sổ nhà thờ, và Bod cảm thấy hình như có nhiều giọng nói đang đồng thanh lên tiếng.

"Cậu nghe thấy không?"

"Tớ chẳng nghe thấy gì cả, chỉ thấy tiếng lạo xào thôi. Nó làm tớ thấy lạ lắm. Tớ thấy bồn chồn. Như có một chuyện gì rất khủng khiếp sắp xảy ra."

"Chẳng có chuyện khủng khiếp nào sắp xảy ra hết," Bod nói. Rồi nó cất giọng hỏi căn phòng, "Các

người là cái gì?"

CHÚNG TA LÀ SÁT THỦ. CHÚNG TA CANH GIỮ VÀ BẢO VỆ.

"Các người bảo vệ cái gì?"

BẢO VỆ NƠI AN NGHỈ CỦA CHỦ NHÂN. ĐÂY LÀ NƠI LINH THIÊNG NHẤT TRONG NHỮNG NƠI LINH THIÊNG, VÀ NÓ ĐƯỢC SÁT THỦ BẢO VỆ.

"Các người không đụng đến bọn ta được," Bod nói.

"Các người chỉ dọa bọn ta được thôi."

Giọng nói xào xạc kia tỏ ra bức tức. SỢ HÃI LÀ MỘT VŨ KHÍ CỦA SÁT THỦ.

Bod nhìn xuống gờ đá. "Kia là kho báu của chủ nhân các người à? Một cái trâm cài cũ, một cái cốc, với một con dao bằng đá? Trông chẳng đáng gì."

SÁT THỦ CANH GIỮ BÁU VẬT. TRÂM CÀI, CHIẾC CHÉN, CON DAO. CHÚNG TA CANH GIỮ CHÚNG CHO CHỦ NHÂN, ĐỢI ĐẾN KHI NGƯỜI QUAY LẠI. KHO BÁU SẼ TRỞ VỀ. NÓ LUÔN TRỞ VỀ.

"Các người có bao nhiêu cả thầy?"

Nhưng bọn Sát thủ không đáp lại. Trí óc Bod cảm thấy như bị bao phủ bởi một lớp mạng nhện, và nó lắc mạnh đầu hòng rũ sạch cảm giác ấy. Rồi nó siết chặt tay Scarlett. "Bọn mình nên đi thôi," nó nói.

Nó dẫn cô bé đi qua cái xác trong chiếc áo nâu - và Bod nghĩ, thật ra, nếu người đó không hoảng sợ mà vấp ngã thì anh ta hẳn đã rất thất vọng với cuộc tìm kiếm kho báu của mình. Kho báu của mười ngàn năm trước chẳng phải là kho báu của ngày hôm nay nữa. Bod cẩn thận dẫn Scarlett đi lên cầu thang, xuyên qua lòng đồi, và quay về cái lăng cũ của dòng họ Frobisher, nhô lên trên đỉnh đồi như một khối đá đen.

Ánh nắng cuối xuân chiếu qua những khe hở trong tòa nhà, xuyên qua các chấn song cửa, sáng rực đến sững người, làm Scarlett phải chớp chớp che mắt lại cho khỏi chói. Chim vẫn hót líu lo trong những bụi cây, một con ong nghệ vo ve bay qua, tất cả đều bình thường một cách kỳ lạ.

Bod đẩy cửa lăng mở ra, rồi sau khi chúng đã ra ngoài, nó khóa lại cửa như cũ.

Bộ quần áo sặc sỡ của Scarlett bám đầy đất bẩn và mạng nhện, bàn tay cùng khuôn mặt có nước da nâu của cô bé bạc đi vì bụi.

Đâu đó dưới sườn đồi, có người nào đó - một số người nào đó - đang hét gọi. Hét gọi rất to. Hét gọi hoảng hốt.

Ai đó gọi, "Scarlett? Scarlett Perkins?" vậy là Scar-lett đáp lại, "Vâng? Ai đấy ạ?" và cô bé chưa kịp bàn bạc với Bod về những gì chúng vừa nhìn thấy hoặc nói chuyện với nó về Người Da Chàm, thì một người phụ nữ mặc chiếc áo màu vàng dạ quang có chữ CẢNH SÁT trên lưng đã hiện ra, hỏi Scarlett có sao không, hỏi cô bé đã đi đâu, có ai định bắt cóc cô không, rồi người phụ nữ lôi ra một chiếc bộ đàm và thông báo đã tìm thấy đứa bé.

Bod nhảy chân sáo theo họ bước xuống đồi. Cửa nhà thờ đang mở, và bố mẹ Scarlett đang đứng đợi trong đó cùng một bà cảnh sát, mẹ cô thì khóc còn bố lo lắng nói chuyện với ai đó qua điện thoại di động, cùng một bà cảnh sát. Không ai nhìn thấy Bod đứng nép vào một góc chờ đợi.

Mọi người liên tục hỏi Scarlett chuyện gì đã xảy ra, và cô hết sức thật thà kể lại rằng một cậu bé tên là Không Ai Cả đã dẫn cô vào sâu trong lòng quả đồi, ở đó có một người đàn ông khắp mình xăm

trở tím ngắt hiện ra trong bóng tối nhưng thực ra ông ta chỉ là một con bù nhìn thôi. Họ cho cô bé một thanh kẹo sô cô la, lau mặt cho cô bé và hỏi xem người đàn ông xăm mình kia có đi xe máy không, trong khi bố mẹ của Scarlett, giờ đã hoàn hồn và không còn lo cho cô bé nữa, thì lại nổi giận với cô bé và với chính mình, rồi người nọ đổ lỗi cho người kia vì đã để cho cô con gái chạy chơi trong nghĩa địa, cho dù nó có là khu bảo tồn thiên nhiên đi chăng nữa, và rằng ngày nay đâu đâu cũng đầy rẫy nguy hiểm, nếu không để mắt đến con cái mình từng ly từng tí thì sẽ chẳng biết được chúng sẽ gặp phải những chuyện khủng khiếp gì. Nhất là một đứa bé như Scarlett.

Mẹ của Scarlett bắt đầu khóc nức nở, làm Scarlett cũng khóc theo, rồi một bà cảnh sát cãi nhau với bố của Scarlett, ông bảo với bà ta rằng chính tiền thuế do ông đóng đã được dùng để trả lương cho bà ta, và bà ta đáp lại rằng bà ta cũng đóng thuế và có lẽ tiền thuế ấy đã được dùng để trả lương cho chính ông, trong khi Bod ngồi trong bóng tối ở góc nhà thờ, không ai nhìn thấy, kể cả Scarlett, và nó quan sát, lắng nghe cho đến khi không chịu nổi nữa.

o o o

Trong nghĩa địa đã chập choạng tối, và chú Silas tìm thấy Bod đang ngồi ở khu giảng đường, nhìn xuống thành phố bên dưới. Chú đứng cạnh nó mà không nói gì, đúng như phong cách quen thuộc của chú.

"Đó không phải lỗi của bạn ấy," Bod nói. "Mà là lỗi của cháu. Thế mà bây giờ bạn ấy lại gặp rắc rối."

"Cháu đã dẫn cô bé đi đâu?" chú Silas hỏi.

"Xuống lòng quả đồi để xem ngôi mộ cổ nhất ạ. Nhưng ở đó chẳng có ai hết. Chỉ có một thứ giống như con rắn, tên là Sát thủ, đe dọa mọi người"

"Ly kỳ quá nhỉ"

Hai chú cháu cùng nhau đi xuống đồi, quan sát cánh cửa nhà thờ cũ lại bị khóa chặt và cảnh sát cùng Scarlett với bố mẹ cô bé rời đi, biến mất trong màn đêm.

"Cô Borrowes sẽ dạy cháu các chữ viết liền nhau," chú Silas nói. "Cháu đã đọc quyển Chú mèo đội mũ chưa?"

"Rồi ạ," Bod đáp. "Cháu đọc từ lâu rồi. Chú đem thêm sách về cho cháu được không ạ?"

"Được chứ," chú Silas nói.

"Chú có nghĩ là cháu sẽ được gặp lại bạn ấy không?"

"Cô bé ấy à? Chú không nghĩ cháu sẽ gặp lại cô bé nữa đâu."

Nhưng chú Silas đã nhầm. Ba tuần sau, vào một buổi chiều xám xịt, Scarlett đi đến nghĩa địa, cùng cả bố lẫn mẹ.

Bố mẹ một mực bắt cô bé phải ở trong tầm mắt, tuy nhiên họ đi cách cô bé một quãng. Chóc chóc mẹ của Scarlett lại kêu lên chuyện này thật là bệnh hoạn, và thật tốt là họ sắp sửa vĩnh viễn bỏ lại tất cả những điều này.

Khi bố mẹ Scarlett quay sang nói chuyện với nhau, Bod liền lên tiếng, "Chào cậu."

"Chào," Scarlett lí nhí đáp.

"Tớ cứ nghĩ là sẽ không được gặp lại cậu nữa."

"Tớ bảo bố mẹ là tớ sẽ không đi nếu bố mẹ không đưa tớ đến đây một lần cuối cùng"

"Đi đâu cơ?"

"Scotland. Ở đây có trường đại học. Có chỗ cho bố tớ dạy vật lý hạt nhân."

Hai đứa cùng nhau đi một quãng, cô bé trong chiếc áo khoác màu da cam rực rỡ còn cậu bé trong tấm vải liệm màu xám.

"Scotland cách đây xa không?"

"Có," cô bé đáp.

"Ồ."

"Tớ đã mong là cậu sẽ có ở đây. Để chào tạm biệt."

"Lúc nào tớ cũng ở đây mà."

"Nhưng cậu không phải người chết, phải không, Nobody Owens?"

"Tất nhiên là không rồi."

"Vậy đây, cậu không thể ở đây cả đời được. Phải không? Một ngày kia cậu sẽ lớn lên, khi ấy cậu sẽ phải ra sống ở thế giới bên ngoài"

Nó lắc đầu. "Ở ngoài ấy với tớ không an toàn"

"Ai bảo thế?"

"Chú Silas. Gia đình tớ. Tất cả mọi người"

Cô bé không nói gì.

Bố cô bé gọi, "Scarlett! Đi thôi, cưng. Đến giờ rồi. Con đã được đến nghĩa địa một lần cuối. Giờ mình về nhà thôi"

Scarlett nói với Bod, "Cậu rất dũng cảm. Cậu là người dũng cảm nhất tớ từng biết, và cậu là bạn tớ. Cho dù cậu có là người tưởng tượng đi chăng nữa thì cũng chẳng sao." Rồi cô bé chạy xuôi con đường, trở về với bố mẹ mình, trở về với thế giới bên ngoài.

Chương 3

BẦY KHUYỄN BINH CỦA CHÚA

TRONG MỖI KHU NGHĨA ĐỊA ĐỀU CÓ MỘT NGÔI MỘ thuộc bọn quỷ nhập tràng. Nếu đi lang thang trong nghĩa địa đủ lâu thì bạn sẽ tìm thấy nó - một ngôi mộ lớn, ẩm mốc, với tấm bia nứt rạn hoặc vỡ nát, xung quanh là những bụi cỏ lờm chờm hoặc cây dại um tùm, và khi đến gần, bạn sẽ thấy nó toát lên cảm giác hoang phế. Tấm bia mộ cũng lạnh lẽo hơn những bia mộ khác, tên khắc trên bia thường không đọc nổi nữa. Nếu trên ngôi mộ có một bức tượng thì nó thường bị mất đầu, hoặc bị rêu phong và địa y bám đầy đến nỗi nom chẳng khác nào một cục nấm mốc khổng lồ. Nếu trong nghĩa địa có một nấm mồ nom như nó luôn bị phá hoại lật vật, đó chính là cánh cổng của quỷ nhập tràng. Nếu ngôi mộ ấy khiến cho bạn cảm thấy muốn được ở một nơi nào khác, đó chính là cánh cổng của quỷ nhập tràng.

Trong nghĩa địa của Bod có một nấm mồ như thế.

Trong nghĩa địa nào cũng có một nấm mồ như thế.

o o o

Chú Silas sắp rời nghĩa địa.

Bod đã rất buồn bực khi mới nghe tin này. Giờ thì nó không buồn nữa. Nó đang tức giận vô cùng.

"Nhưng tại sao ạ?" Bod hỏi.

"Chú đã nói rồi. Chú cần tìm hiểu một số thông tin. Để làm được điều đó thì chú phải đi xa. Mà để đi xa được thì chú phải rời khỏi đây. Chú cháu mình đã nói về việc này rồi mà."

"Nhưng có việc gì quan trọng đến nỗi chú phải đi?" Đầu óc một chú bé lên sáu của Bod cố tưởng tượng xem điều gì có thể khiến chú Silas muốn rời bỏ nó, nhưng nó không thể. "Thật không công bằng!".

Người bảo trợ của nó vẫn không bị lay chuyển. "Đây không phải chuyện công bằng hay không, Nobody Owens ạ. Nó phải xảy ra như thế thôi"

Bod chẳng hề thấy ấn tượng. "Chú là người trông nom cháu. Chú đã hứa rồi mà."

"Với tư cách người bảo trợ, chú có trách nhiệm với cháu, đúng thế. Nhưng may mắn thay, chú không phải người duy nhất trên đời sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm ấy."

"Chú định đi đâu thế?"

"Ra ngoài. Đi xa. Có những điều cần khám phá mà chú không thể khám phá ở đây được."

Bod khịt mũi bỏ đi, co chân đá những hòn sỏi tưởng tượng. Ở phía Tây Bắc nghĩa địa, cỏ dại mọc quá um tùm, người trông coi nghĩa địa cùng hội Bằng Hữu Của Nghĩa địa không đủ sức chế ngự chúng

nữa, và thằng bé liền lang thang đến đó, đánh thức mấy đứa trẻ sống vào thời Victoria, tất cả đều mất trước khi tròn mười tuổi, rồi chúng chơi trốn tìm dưới ánh trăng, trong khu rừng rậm đầy dây trường xuân ấy. Bod cố ra vẻ như chú Silas sẽ không rời đi, mọi sự sẽ không hề thay đổi, nhưng khi chúng chơi xong và nó chạy về ngôi nhà thờ cũ, thì Bod trông thấy hai thứ khiến nó phải đổi ý.

Thứ đầu tiên là một chiếc túi. Ngay khi nhìn thấy, Bod đã biết đó là túi của chú Silas. Cái túi ít ra cũng phải một trăm năm mươi tuổi, một vật tuyệt đẹp làm bằng da đen bóng với những cái khóa bằng đồng và tay xách màu đen, loại túi mà một bác sĩ hoặc một ông chủ hiệu đám tang thời Victoria thường mang theo, bên trong đựng tất cả những gì họ cần. Bod chưa bao giờ nhìn thấy túi của chú Silas, nó thậm chí còn không biết chú Silas có một cái, nhưng cái túi như thế thì chỉ có thể thuộc về chú Silas mà thôi. Bod toan nhòm vào trong, nhưng túi đã bị khóa chặt bởi một chiếc khóa móc bằng đồng. Cái túi lại quá nặng, nó không thể nhấc lên được.

Đó là thứ đầu tiên.

Còn cái thứ hai thì đang ngồi trên chiếc ghế dài bên cạnh nhà thờ.

"Bod," chú Silas nói, "đây là cô Lupescu."

Cô Lupescu chẳng xinh đẹp chút nào. Mặt cô nhăn nhúm, nét mặt khó đăm đăm. Cô có mái tóc bạc, mặc dù khuôn mặt cô nom vẫn còn trẻ. Hai chiếc răng cửa của cô hơi xiên xẹo. Cô mặc cái áo mưa rộng thùng thình và mang trên cổ chiếc cà vạt đàn ông.

"Chào cô ạ, thưa cô Lupescu," Bod nói.

Cô Lupescu không nói gì. Cô khịt mũi. Rồi cô nhìn chú Silas và nói, "VẬY ĐÂY. Thì ra đây là thằng bé đó." Cô đứng dậy khỏi ghế, đi vòng quanh Bod, lỗ mũi phình ra như thể muốn đánh hơi nó. Khi đã đi đủ một vòng, cô nói, "Trò phải đến báo cáo với ta vào lúc thức dậy và trước khi đi ngủ. Ta đã thuê một phòng ở ngôi nhà đằng kia." Cô chỉ về một mái nhà lơ mờ xa xa, từ chỗ họ đứng chỉ thoáng trông thấy được. "Nhưng ta sẽ ở trong nghĩa địa này. Ta đến đây với tư cách một nhà sử học, nghiên cứu lịch sử các nấm mộ cổ. Trò có hiểu không? Dạ?"

"Bod," Bod nói. "Tên em là Bod. Không phải là trò."

"Tên tắt của Nobody," cô nói. "Cái tên ngắn gọn. Hơn nữa, Bod là tên thân mật. Là biệt danh. Ta không ưa các biệt danh. Ta sẽ gọi trò là 'trò'. Trò phải gọi ta là 'cô Lupescu'"

Bod nhìn chú Silas van vãi, nhưng trên mặt chú không có một thoáng thông cảm nào. Chú xách túi lên rồi nói, "Cháu sẽ được cô Lupescu chăm sóc cẩn thận, Bod à. Chú dám chắc hai cô trò sẽ rất hòa thuận với nhau."

"Không đâu!" Bod kêu lên. "Cô ấy gớm lắm!"

"Cháu nói thế là rất bất lịch sự," chú Silas nói. "Cháu phải xin lỗi cô ấy đi."

Bod không chịu, nhưng chú Silas đang nhìn nó chăm chú với chiếc túi màu đen trong tay, sẵn sàng rời đi mà không biết đến bao giờ mới quay về, vì vậy nó đành nói, "Em xin lỗi, thưa cô Lupescu."

Mới đầu cô Lupescu không đáp lại. Cô chỉ khịt mũi. Rồi cô nói, "Ta đã đi một quãng đường dài để đến đây chăm sóc trò. Ta hy vọng trò xứng đáng với công sức ta bỏ ra."

Bod không thể nghĩ đến chuyện ôm chú Silas, vì vậy nó chìa tay ra và chú Silas cúi xuống nhẹ nhàng bắt tay nó, bàn tay to lớn, xanh xao của chú nắm gọn lấy bàn tay nhỏ bé, đầy vết bẩn của nó. Rồi chú nhấc chiếc túi da màu đen lên như thể nó chẳng nặng chút nào, bước xuống lối đi và ra khỏi nghĩa địa.

Bod kể lại mọi chuyện cho bố mẹ nghe.

"Chú Silas đi rồi," nó bảo.

"Chú ấy sẽ quay về thôi," ông Owens vui vẻ nói. "Con đừng lo, Bod à. Silas luôn xuất hiện vào lúc ta ít ngờ nhất, như người ta thường nói ấy."

Bà Owens thì bảo, "Khi con mới ra đời chú ấy đã hứa với bố mẹ là nếu phải rời đi, chú ấy sẽ tìm người đem thức ăn về và để mắt coi chừng con, và chú ấy đã làm đúng như thế. Chúng ta có thể tin cậy chú ấy."

Đúng là chú Silas đã đi kiếm và để thức ăn trong hầm mộ hàng đêm cho nó, nhưng theo như Bod nghĩ, thì đó là điều ít đáng kể nhất trong số những điều chú Silas làm cho nó. Chú cho nó những lời khuyên sáng suốt, rành mạch và luôn đúng đắn; chú hiểu biết hơn người dân trong nghĩa địa, vì nhờ những chuyến du hành hàng đêm ra thế giới bên ngoài mà chú có thể miêu tả cho nó một thế giới hiện tại chứ không phải thế giới của hàng trăm năm trước; chú là người đáng tin cậy, không bao giờ mất bình tĩnh, đêm nào chú cũng có mặt bên cạnh Bod nên thằng bé không thể tin được ngôi nhà thờ nhỏ đã vắng đi cư dân duy nhất; và hơn hết thảy, chú khiến Bod cảm thấy an toàn.

Cô Lupescu cũng hiểu rằng nhiệm vụ của mình không chỉ là đem thức ăn đến cho Bod. Nhưng dù sao thì cô vẫn mang thức ăn đến.

"Cái gì thế ạ?" Bod kinh hoàng hỏi.

"Thức ăn bổ dưỡng," cô Lupescu nói. Họ đang ở trong hầm mộ. Cô đã đặt lên bàn hai cái hộp nhựa rồi mở nắp ra. Cô chỉ cái hộp thứ nhất: "Đây là món xúp gồm củ cải đường hầm và lúa mạch" Cô chỉ vào cái hộp thứ hai. "Đây là rau trộn. Giờ thì trò ăn hết cả hai đi. Ta nấu cho trò đây."

Bod trở mắt nhìn cô để xem liệu cô có nói đùa không. Thức ăn chú Silas đem về cho nó thường đựng trong túi bóng kính, được mua từ những nơi bán thức ăn đêm và nó không phải thắc mắc gì. Chưa ai từng đem cho nó thức ăn đựng trong hộp nhựa có nắp. "Mùi kinh quá ạ," nó nói.

"Nếu trò không ăn món xúp rau hầm ngay thì nó sẽ còn kinh hơn đây," cô nói. "Nó sẽ nguyền rủa. Giờ thì ăn đi."

Bod đã đói meo. Nó cầm cái thìa nhựa lên, xúc một thìa xúp màu đỏ tía, rồi cho vào miệng. Món xúp lầy nhầy và lạ miệng, nhưng nó vẫn nuốt xuống.

"Giờ thì món rau trộn!" cô Lupescu nói, và mở nắp hộp thứ hai ra. Trong hộp gồm những miếng hành sống to tướng, củ cải đường và cà chua, tất cả thấm dầm một thứ nước sốt chua như giấm. Bod cho một miếng củ cải đường vào miệng cố nhai. Nó có thể cảm thấy nước bọt đang túa ra trong miệng, và hiểu rằng nếu không nuốt cái món này xuống thì nó sẽ nôn ra mất. Nó nói, "Em không thể ăn những thứ này được."

"Chúng rất tốt cho sức khỏe của trò."

"Em sẽ nôn ra mất."

Họ nhìn nhau chăm chăm, chú nhóc nhỏ bé với mái tóc nâu rối bù và người phụ nữ mặt nhăn nhúm, mái tóc bạc chải mượt không vương ra ngoài lấy một sợi. Cô Lupescu nói, "Trò ăn thêm một miếng nữa đi."

"Em không thể."

"Trò phải ăn thêm một miếng nữa, không thì sẽ phải ngồi lại đây cho đến khi ăn hết mới thôi."

Bod chọn một miếng cà chua dầm nước sốt chua loét, nhai rồi nuốt vội nuốt vàng. Cô Lupescu đóng

nấp hộp lại và bỏ chúng vào cái túi ni lông. Cô nói, "Bây giờ đến giờ học."

Đang là giữa mùa hè. Phải đến gần nửa đêm trời mới tối hẳn. Vào giữa hè Bod không phải học hành gì hết - những lúc không phải đi ngủ thì nó chỉ lang thang khắp nơi trong ánh sáng chạng vạng âm áp tưởng chừng không bao giờ tắt, chơi đùa, trèo cây hoặc đi thám hiểm.

"Giờ học ạ?" nó hỏi.

"Người bảo trợ của trò nghĩ rằng ta nên dạy cho trò một số điều"

"Em có thầy cô giáo mà. Cô Letitia Borrowes dạy em đọc và viết, thầy Pennyworth dạy em Hệ thống Giáo dục Hoàn hảo Cho Các Chàng trai, kèm theo Tài liệu Phụ trợ Cho Người Chết. Em được học địa lý và tất cả các môn khác nữa. Em không cần học thêm cái gì nữa cả."

"Như vậy có nghĩa là trò đã biết hết mọi thứ rồi hay sao? Mới sáu tuổi đầu mà đã biết hết tất cả."

"Em có nói thế đâu."

Cô Lupescu khoanh tay lại. "Hãy cho ta biết về quỹ nhập tràng"

Bod cố nhớ lại những gì chú Silas đã kể cho nó nghe về quỹ nhập tràng trong suốt mấy năm qua. "Hãy tránh xa chúng" nó nói.

"Trò chỉ biết có thể thôi sao? Dạ? Tại sao lại phải tránh xa chúng? Chúng từ đâu đến? Chúng đi về đâu? Tại sao không được đứng gần lối ra vào của quỹ nhập tràng? Trò có biết không?"

Bod nhún vai và lắc đầu.

"Hãy cho ta biết tên các giống người" cô Lupescu nói. "Ngay bây giờ."

Bod ngẫm nghĩ một lát. "Người sống," nó nói. "Ồ.. Người chết." Nó ngừng lại. Rồi sau đó, "... Mèo nữa ạ?" nó đánh liều nói.

"Trò quả là dốt nát," cô Lupescu nói. "Thật tồi tệ. Và trò bằng lòng với sự dốt nát ấy, như vậy còn tồi tệ hơn. Hãy nhắc lại lời ta đây, có người sống và người chết, người âm và người dương, có quỹ nhập tràng và người sương mù, có thợ săn tối cao và Bầy Khuyển Binh của Chúa. Ngoài ra còn có cả loại người cô độc nữa."

"Thế cô thuộc loại người nào?" Bod hỏi.

"Ta là cô Lupescu," cô nghiêm khắc đáp lại.

"Thế còn chú Silas ạ?"

Cô ngần ngừ một thoáng. Rồi cô trả lời, "Anh ta là loại sống cô độc."

Bod cố chịu đựng bài học. Khi chú Silas dạy nó học, mọi thứ đều rất thú vị. Phần lớn thời gian Bod thậm chí còn không nhận ra là mình đang được dạy nữa. Nhưng cô Lupescu thì lại dạy nó bằng các danh mục, và Bod chẳng hiểu nó phải học những thứ ấy mà làm gì. Nó ngồi trong hầm mộ, lòng mong mỏi được chạy chơi ở ngoài kia trong ánh hè chạng vạng, dưới vầng trăng mờ ảo.

Khi đã học xong, trong người hết sức cáu bẳn, nó chạy ra ngoài. Nó tìm bạn chơi nhưng chẳng thấy ai, và nó chẳng thấy gì khác ngoài một con chó lớn màu xám đang lảng vảng quanh những ngôi mộ, luôn ở cách Bod một quãng xa, thoắt ẩn thoắt hiện giữa các tấm bia và trong bóng tối.

Cái tuần đó càng lúc càng tồi tệ.

Cô Lupescu tiếp tục đem đến cho Bod những món cô nấu riêng cho nó: những cái bánh bao ngập mỡ; món xúp đặc quánh màu đỏ tía với một cục kem vàng sữa ở giữa; những củ khoai tây nhỏ luộc nguội ngắt; xúc xích nguội đầy tỏi; trứng luộc lành bênh trong một thứ nước xam xám nhìn đã chẳng muốn ăn. Bod cố ăn ít chừng nào hay chừng ấy. Các bài học vẫn tiếp tục: suốt hai ngày liền cô chẳng

dạy nó cái gì ngoài cách kêu cứu bằng tất cả mọi thứ tiếng trên thế giới, và nếu nó nhầm hoặc quên thì cô lấy bút gỗ lên đốt ngón tay nó.

Sang đến ngày thứ ba thì cô bắt đầu hỏi nó tới tấp.

"Tiếng Pháp?"

"Au secours "Mà Moóc?"

"S-O-S. Ba chấm ngắn, một chấm dài, rồi lại ba chấm ngắn."

"Dạ điều?"

"Thật ngớ ngẩn. Em thậm chí còn chẳng nhớ dạ điều là cái gì nữa cơ."

"Chúng có đôi cánh không có lông, chúng bay rất nhanh và thấp. Chúng không xuất hiện ở thế giới này, mà bay lượn trên bầu trời đỏ rực bên trên con đường dẫn đến Thành Quỷ"

"Em sẽ chẳng cần biết đến cái đó mà làm gì."

Miệng cô Lupescu mím chặt hơn. Cô nhắc lại, "dạ điều?"

Bod phát ra một âm thanh trong cổ họng giống như cô Lupescu đã dạy - một tiếng kêu trầm trầm giống tiếng đại bàng. Cô khịt mũi. "Cũng tạm được " cô nói.

Bod hết lòng mong ngóng ngày chú Silas quay về.

Nó nói, "Thỉnh thoảng em trông thấy trong nghĩa địa có một con chó to màu xám. Có phải chó của cô không ạ?"

Cô Lupescu chỉnh lại chiếc cà vạt. "Không" cô nói.

"Bài học đã xong chưa ạ?"

"Hôm nay thì xong rồi. Tối nay trò phải đọc hết danh sách ta giao và học thuộc lòng để ngày mai nhắc lại."

Các danh sách của cô Lupescu được in bằng mực màu tím nhạt trên giấy trắng, và chúng có mùi rất lạ. Bod đem cái danh sách mới lên sườn đồi cổ ngồi đọc, nhưng nó không thể tập trung nổi. Cuối cùng nó gộp tờ giấy lại và nhét xuống dưới một tảng đá.

Đêm đó chẳng ai ra chơi với nó cả. Không ai muốn chơi, nói chuyện, chạy nhảy hay trèo cây bên dưới vàng trắng mùa hạ khổng lồ kia.

Nó quay về mộ của nhà Owens để nhõng nhẽo với bố mẹ, nhưng bà Owens không chịu nghe một từ nào nói xấu cô Lupescu, mà theo Bod nghĩ là chỉ dựa vào một lý do không chính đáng đó là chú Silas đã chọn cô, trong khi ông Owens thì chỉ nhún vai rồi kể cho Bod nghe cái thời ông còn là một chú thợ mộc tập sự, và ông sẽ rất vui sướng nếu được học những điều có ích như Bod đang được học bây giờ, và theo Bod nghĩ thì những câu chuyện vớ vẩn của ông còn tệ hơn.

"Mà lẽ ra con phải học bài đi chứ, đúng không?" bà Owens hỏi. Bod siết chặt hai nắm đấm, không nói gì.

Nó dần dỗi đi vào nghĩa địa, cảm thấy chẳng được ai yêu thương hay để ý.

Bod nghiền ngẫm về sự bất công của tất cả những điều đó và lang thang khắp nghĩa địa, chân đá cát sỏi bay tứ tung. Nó trông thấy con chó màu xám sẫm liền thử gọi xem con chó có chịu đến chơi với nó không, nhưng con chó vẫn đứng cách xa nó, và Bod bức tức bốc một nắm bùn ném về phía con chó. Nắm bùn đập vào một tấm bia mộ gần đó, đất bắn tung tóe. Con chó to lớn đưa mắt nhìn Bod về trách móc, rồi bước vào bóng tối và biến mất.

Thằng bé quay xuống phía Tây Nam quả đồi, tránh xa ngôi nhà thờ cũ: nó không muốn nhìn thấy cái

nơi không có chú Silas. Bod dừng lại bên một ngôi mộ nom cũng thật phù hợp với cảm giác trong lòng nó lúc này: ngôi mộ nằm dưới bóng một cây sồi đã bị sét đánh, giờ chỉ còn lại thân cây cháy xém, tựa như một chiếc móng vuốt chìa lên khỏi quả đồi; bản thân ngôi mộ thì cũng ẩm mốc, rạn nứt hết cả, và bên trên ngôi mộ có một tấm bia tưởng niệm với bức tượng thiên thần cụt đầu đứng chổng chơ, chiếc áo choàng của bức tượng rủ xuống như một mảng rêu xấu xí khổng lồ.

Bod ngồi trên một cụm cỏ, cảm thấy vô cùng tủi thân và ghét tất cả mọi người. Nó thậm chí còn ghét cả chú Silas vì đã bỏ đi, để nó lại một mình. Rồi nó nhắm mắt lại, nằm cuộn tròn trên bãi cỏ, và thiếp vào một giấc ngủ nặng nề.

o o o

Phía dưới con đường, từ chân đồi đi lên, là ngài Công tước Westminster, Thẩm phán Archibald Fitzhugh cùng Giám mục vùng Bath và Wells, nhảy nhót từ khoảng bóng tối này sang khoảng bóng tối khác, thân mình dài ngoẵng chỉ toàn da và gân cốt, đóng trong những bộ quần áo rách tả tơi, và chúng nhún bước, nhảy cẫng, lảo lút trên đường, chơi nhảy cừu trên những thùng rác, nhưng luôn bám theo phía hàng rào tối đen.

Chúng rất bé nhỏ, giống như người bình thường bị quất lại do phơi nắng lâu ngày; chúng thì thảo luận với nhau những câu đại loại như, "Nếu ngài Công tước có ý tưởng nào hay hơn của chúng ta về nơi chúng ta đang đi đây, thì tôi sẽ xin được tạ ơn ngài. Còn không thì ngài hãy ngậm cái mồm thối của mình lại" và "Thưa ngài Thẩm phán, tôi chỉ định nói rằng tôi biết gần đây có một cái nghĩa địa, tôi đã ngửi thấy mùi của nó," và "Nếu ngài ngửi thấy mùi nghĩa địa thì tôi cũng phải ngửi thấy chứ, tôi có cái mũi thính hơn ngài nhiều, thưa Công tước."

Chúng vừa nói chuyện vừa luồn lách uốn mình xuyên qua những khu vườn ngoại ô. Chúng tránh xa một khu vườn ("Suyt!" Thẩm phán Archibald Fitzhugh khẽ nói. "Có chó!") và chạy trên nóc tường bao quanh vườn, lướt đi như những con chuột to bằng đứa trẻ.

Chúng xuống phố chính, rồi lên con đường dẫn tới đỉnh đồi. Thế rồi chúng đến bên tường nghĩa địa, thoăn thoắt trèo lên như sóc trèo cây, và chúng đánh hơi không khí.

"Chó canh," Công tước Westminster nói.

"Ở đâu? Tôi chịu. Đâu đó quanh đây. Nhưng cũng không giống mùi chó cho lắm" Giám mục vùng Bath và Wells nói.

"Có người nào cũng không ngửi thấy mùi cái nghĩa địa này ấy nhỉ?" Thẩm phán Archibald Fitzhugh nói. "Nhớ không? Chỉ là một con chó thôi."

Bọn chúng nhảy từ trên tường xuống đất, rồi chạy, dùng cả tay lẫn chân để đẩy mình về phía trước, xuyên qua nghĩa địa tiến về phía cánh cổng của quỹ nhập tràng ở chỗ cây sồi bị sét đánh.

Và bên cạnh cánh cổng, dưới ánh trăng, chúng dừng lại.

"Cái gì đây?" Giám mục vùng Bath và Wells hỏi.

"Trời ơi," Công tước xứ Westminster thốt lên.

Bod thức giấc.

Ba khuôn mặt đang cúi xuống nhìn nó trông như mặt xác ướp, khô đét, không còn tí thịt nào, nhưng

những đường nét thì vẫn còn cử động đầy vẻ tò mò - những cái miệng nhăn nhó cười, để lộ mấy chiếc răng nhọn tí vàng; những con mắt nhỏ sáng quắc; những ngón tay có móng dài đang gõ gõ.

"Các ông là ai?" Bod hỏi.

"Chúng ta là những người vô cùng quan trọng," một trong những sinh vật ấy đáp - Bod nhận thấy chúng chỉ nhỉnh hơn nó một chút. "Đây là ngài Công tước xứ Westminster."

Kẻ to lớn nhất trong số ba sinh vật kia cúi đầu chào và nói, "Rất hân hạnh."

"... còn đây là ngài Giám mục vùng Bath và Wells..."

Sinh vật đó, miệng đầy răng sắc lẹm và lưỡi thì nhọn, dài đến kỳ dị, thò ra thụt vào, nom chẳng giống một ngài giám mục trong trí tưởng tượng của Bod chút nào: da hắc ta lốm đốm và có vết màu sẫm ở một bên mắt, trông gần giống một tên cướp biển. "... còn ta thì được vinh dự là ngài Thẩm phán Harchibal Fitzhugh. Xin sẵn sàng phục vụ cậu."

Ba sinh vật đó đồng loạt cúi chào. Ngài Giám mục vùng Bath và Wells nói, "Chàng trai, chuyện của cậu là thế nào? Mà không được nói dối đâu đấy nhé, hãy nhớ là cậu đang nói chuyện với một ngài giám mục."

"Đúng thế đấy, thưa ngài Giám mục" hai sinh vật kia phụ họa.

Vậy là Bod kể lại mọi chuyện cho chúng nghe. Nó kể với chúng rằng chẳng có ai yêu quý hay muốn chơi với nó, chẳng ai để ý đến nó, quan tâm đến nó, thậm chí cả người bảo trợ của nó cũng bỏ mặc nó.

"Thật đáng tiếc," Công tước xứ Westminster nói, gãi gãi mũi (một vật nhỏ xíu khô đét, chỉ còn toàn lỗ mũi). "Cái cậu cần bây giờ là đến một nơi nào khác, nơi có những người biết trân trọng cậu."

"Chẳng có nơi nào khác cả," Bod nói. "Vội lại tôi không được phép ra khỏi nghĩa địa"

"Cậu cần một thế giới có những người bạn chơi và bằng hữu" Giám mục vùng Bath và Wells nói, cái lưỡi dài ngoáy trong miệng. "Một thành phố của những kỳ quan, những trò vui thú và những điều kỳ diệu, một nơi cậu sẽ được trân trọng chứ không phải bị bỏ mặc như thế này."

Bod nói, "Cái cô đang chăm sóc cho tôi ấy. Cô ấy nấu những món ăn khiếp lăm. Xúp trứng luộc và các thứ đại loại thế."

"Thức ăn ấy à!" Thẩm phán Archibald Fitzhugh kêu lên. "Nơi chúng ta đang đến đây có những món ăn ngon nhất trên đời. Chỉ nghĩ đến thôi là bụng ta đã sôi réo và miệng ta đã tứa nước miếng ra rồi."

"Tôi đi cùng các ông được không?"

"Đi cùng chúng ta ấy à?" Công tước xứ Westminster kêu lên. Ông ta nghe có vẻ sững sờ.

"Đừng có thế chứ, ngài Công tước," Giám mục vùng Bath và Wells nói. "Hãy rộng lòng một chút nào. Nhìn thẳng bé mà xem. Không biết đã bao lâu rồi nó chưa được ăn một bữa cho ra hồn."

"Ta đồng ý cho nó đi cùng," Thẩm phán Archibald Fitzhugh nói. "Ở chỗ chúng ta có nhiều thức ăn ngon lăm." Ngài vỗ vỗ bụng như để chứng tỏ thức ăn ngon đến mức nào.

"Được thôi. Cậu muốn làm một cuộc phiêu lưu mạo hiểm không?" Công tước xứ Westminster, đã bị chinh phục bởi cái ý tưởng lạ đời ấy, liền hỏi. "Hay cậu muốn bỏ phí cả đời mình ở cái nơi này?" Ngài đưa ngón tay xương xẩu chỉ khu nghĩa địa và bóng tối.

Bod nghĩ đến cô Lupescu cùng những món ăn kinh khủng, những danh sách dài dằng dặc và cái miệng mím chặt của cô.

"Tôi muốn phiêu lưu" nó nói.

Mặc dù ba người bạn mới của Bod không to lớn hơn nó là bao, nhưng chúng khỏe hơn trẻ con

nhiều, và Bod thấy mình được Giám mục vùng Bath và Wells nhắc bổng lên cao quá đầu, trong khi Công tước xứ Westminster nắm lấy một túm cỏ xơ xác đoạn hết to mấy tiếng nghe như là "Skagh! Thegh! Khavagah!" rồi nhổ túm cỏ lên. Phiến đá phẳng nằm trên nắm mồ mở ra như một cánh cửa sập, để lộ một khoảng bóng tối đen ngòm bên dưới.

"Nhanh lên nào" Công tước giục giã, thế là ngài Giám mục vùng Bath và Wells liền quăng Bod vào cửa hang tối mò mò ấy, rồi nhảy theo nó, tiếp đến là ngài Thẩm phán Archibald Fitzhugh, rồi cuối cùng, bằng một cú nhảy nhẹ nhàng, là Công tước xứ Westminster, vừa vào bên trong đã hét to, "Wegh Khârado!" để đóng cánh cổng của quỷ nhập tràng lại, và tảng đá sập xuống trên đầu chúng.

Bod ngã xuống, lăn lông lốc trong bóng tối như một viên sỏi, kinh ngạc đến nỗi không kịp sợ nữa, trong bụng đang băn khoăn không biết cái hố bên dưới nắm mồ này sâu tới đâu, thì bỗng có hai cánh tay khỏe khoắn túm lấy nách nó, và nó thấy mình được quăng về phía trước, xuyên qua màn đêm đen như mực.

Đã từ nhiều năm nay Bod chưa bao giờ trông thấy bóng tối thực sự. Trong nghĩa địa, nó vẫn nhìn được như những người chết khác, và đối với nó, không cái huyết, không ngôi mộ hay cái lăng nào là hoàn toàn tăm tối cả. Thế mà giờ đây nó lại đang ở trong bóng tối sâu thẳm, cảm thấy mình bị ném về phía trước bằng một loạt những cú đẩy mạnh và những động tác đột ngột, với tiếng gió vun vút bên tai. Thật đáng sợ, nhưng cũng thật mê ly.

Thế rồi ánh sáng hiện ra, và mọi thứ đều thay đổi.

o o o

Bầu trời ở đây đỏ quạch, nhưng không phải màu đỏ ám áp lúc mặt trời lặn. Đây là màu đỏ nhức nhối, đầy giận dữ, như màu của một vết thương bị viêm tấy. Mặt trời rất nhỏ, nom tựa một vật cổ xưa và xa vời. Không khí buốt lạnh, và chúng đang trèo xuống một bức tường. Bia mộ và đủ các loại tượng nhô ra từ bức tường này, tựa như cả một nghĩa địa khổng lồ đã bị lộn ngược, trong khi Công tước xứ Westminster, Giám mục vùng Bath và Wells, cùng Thẩm phán Archibald Fitzhugh đu mình từ bia mộ này sang bức tượng kia, chẳng khác nào ba con đười ươi nhả nhúm trong những bộ quần áo đen rách rưới khêu túm lại sau lưng, vừa trèo vừa kéo theo Bod lơ lửng, chuyển nó từ người này sang người kia, không bao giờ để tuột tay, luôn luôn bắt được nó một cách dễ dàng mà không cần phải đưa mắt nhìn.

Bod cố ngược lên để xem có thấy nắm mồ nơi cả bọn đã chui qua để đến với cái thế giới kỳ lạ này không, nhưng nó chẳng thấy gì ngoài hàng hà sa số bia mộ.

Nó tự hỏi không biết có phải mỗi ngôi mộ kia đều là một cánh cửa cho những sinh vật như ba sinh vật đang kéo nó theo đây không...

"Chúng ta đang đi đâu đây?" nó hỏi, nhưng tiếng nó bị gió thổi bạt đi mất.

Chúng đi mỗi lúc một nhanh hơn. Phía trước mặt, Bod trông thấy một bức tượng mở ra, và hai sinh vật khác từ trong đó tiến vào cái thế giới với bầu trời đỏ ngầu này, trông cũng giống như ba sinh vật đang mang theo Bod. Một con mặc áo dài lụa rách bươm, trước kia có lẽ đã từng có màu trắng, con kia mặc một bộ com lê màu xám bản thủ rộng thùng thình, hai ống tay chỉ còn là hai mớ giẻ tơi tả. Khi

trông thấy Bod cùng ba người bạn mới của nó, chúng liền xông đến, nhảy một cú từ độ cao sáu mét mà chẳng hề hấn gì.

Công tước xứ Westminster ré lên một tiếng khàn đục, giả vờ sợ hãi, và Bod cùng ba bạn chúng lao xuống bức tường bia mộ, hai sinh vật mới đến đuổi theo sát nút. Dưới bầu trời đỏ quạch với vầng mặt trời tàn tạ rơi xuống đầu như một con mắt chết, không con nào tỏ ra mệt mỏi hay hết hơi, nhưng cuối cùng chúng cũng dừng lại bên cạnh bức tượng hình một con vật khổng lồ với bộ mặt đã biến thành một cục nấm mốc. Bod được giới thiệu với Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ và Hoàng đế Trung Hoa.

"Đây là cậu Bod," Giám mục vùng Bath và Wells nói. "Cậu ấy sẽ nhập bọn với chúng ta đây."

"Cậu ấy đang muốn một bữa ăn ra trò" Thẩm phán Archibald Fitzhugh nói.

"Đảm bảo cậu sẽ được ăn uống thỏa thuê khi nhập bọn với chúng ta, cậu bé ạ," Hoàng đế Trung Hoa bảo.

"Chính thế" Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ đồng tình.

Bod hỏi, "Tôi nhập bọn với các ông? Ý ông là khi tôi biến thành một người như các ông ấy à?"

"Chú nhóc này láu tôm láu cá, khôn ranh lắm, muốn đánh lừa được cậu ấy không dễ đâu" Giám mục vùng Bath và Wells nói. "Đúng thế. Một người trong số chúng ta. Cũng khỏe mạnh, nhanh nhẹn, vô song, chẳng khác nào chúng ta."

"Với hàm răng khỏe đến nỗi có thể nghiền nát bất kỳ khúc xương nào, với cái lưỡi dài nhọn có thể liếm sạch tủy trong cái xương ống sâu nhất, hoặc lột sạch da thịt trên mặt một anh béo," Hoàng đế Trung Hoa nói.

"Có thể lẩn từ bóng tối này sang bóng tối khác, không bao giờ bị trông thấy, không bao giờ bị nghi ngờ. Tự do như không khí, nhanh nhẹn như ý nghĩ, lạnh lẽo như sương giá, cứng rắn như đinh sắt, nguy hiểm như, như chúng ta," Công tước Westminster nói.

Bod nhìn những sinh vật ấy. "Nhưng nếu tôi không muốn trở thành một người trong các ông thì sao?"

"Không muốn ấy à? Tất nhiên là cậu muốn chứ! Còn gì có thể tuyệt hơn được nữa? Ta không nghĩ rằng trên toàn thể vũ trụ này lại có kẻ không muốn được trở thành y hệt như chúng ta."

"Chúng ta có thành phố đẹp nhất..."

"Thành Quỷ" Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ nói.

"Cuộc đời vui thú nhất, thức ăn ngon lành nhất..."

"Cậu có biết" Giám mục vùng Bath và Wells ngắt lời, "thứ nước đen rỉ ra từ các quan tài bọc chì là thức uống ngon lành đến mức nào không? Hay cậu có thể tưởng tượng được cảm giác sẽ như thế nào khi ta trở nên quan trọng hơn cả vua chúa, hơn cả tổng thống hay thủ tướng hay các anh hùng, khi biết chắc về tầm quan trọng đó, cũng giống như tầm quan trọng của con người khi đem so sánh với cây cải mầm?"

Bod hỏi, "Nhưng các ông là loại người gì?"

"Quỷ nhập tràng," Giám mục vùng Bath và Wells đáp. "Trời ơi, có người đã, chẳng hề chú ý gì cả, phải không nào? Chúng ta, là quỷ nhập tràng."

"Nhìn kia!"

Dưới chân chúng, cả một đoàn những sinh vật bé nhỏ đang nhảy nhót chạy tới, tiến về lối đi bên dưới và chưa kịp nói nửa lời thì Bod đã bị một đôi tay xương xẩu xốc lên, bị ném qua không trung

bằng một loạt những cú nhảy và xô đẩy, trong khi các sinh vật nọ lao xuống để gặp đồng loại của chúng.

Chúng đã xuống đến gần cuối bức tường bia mộ và phía trước hiện ra một con đường, không có gì khác ngoài con đường ấy, một lối mòn đã bị không biết bao nhiêu bàn chân giẫm lên, xuyên qua một vùng đồng bằng trơ trụi, một sa mạc lởm chởm đá và xương cốt, uốn lượn dẫn đến một thành phố nằm cao tí bên trên một ngọn đồi đá đỏ, cách đó một quãng rất xa.

Bod đưa mắt nhìn thành phố ấy và cảm thấy kinh hoàng: bao trùm lên nó là một cảm giác pha trộn giữa ghê tởm với khiếp sợ, giữa kinh hãi với căm ghét, cùng một nỗi choáng váng khôn cùng.

Quý nhập tràng không biết xây dựng. Chúng chỉ là những con vật ăn bám, những kẻ bới tìm và ăn xác thối. Cái thành phố mà chúng gọi là Thành Quý là nơi chúng đã tìm thấy cách đây rất lâu rồi, chứ không phải do chúng xây dựng nên. Không ai biết (nếu có con người nào biết về sự tồn tại của Thành Quý) rằng loại sinh vật nào đã dựng nên những căn nhà ấy, đã đục vào đá những đường hầm và những tòa tháp lở chổ như tổ ong, nhưng có một điều chắc chắn, đó là không ai khác ngoài bọn quý nhập tràng lại muốn sống ở đó, hay thậm chí là đến gần nơi đó.

Ngay từ con đường bên dưới Thành Quý, ngay từ khi còn ở cách một quãng xa, Bod đã nhận thấy mọi góc cạnh ở thành phố đó đều sai lệch hết - các bức tường đổ xiên đổ xẹo, dường như thành phố ấy được xây dựng nên bởi toàn bộ những cơn ác mộng mà nó từng phải chịu đựng, như một cái miệng khổng lồ với hàm răng chìa ra. Đó là một thành phố được dựng nên chỉ để rồi lại bị bỏ hoang, một thành phố nơi mọi nỗi sợ hãi, điên dại và kinh tởm của những sinh vật đã dựng nên nó đều được tạc vào đá. Bọn quý nhập tràng đã tìm thấy nó, thích nó, và gọi nó là quê nhà của chúng.

Quý nhập tràng di chuyển rất nhanh. Chúng bò dọc theo lối mòn xuyên qua sa mạc nhanh hơn cả chim kền kền bay, và Bod bị chúng kéo theo, bị xóc cao quá đầu trên những cánh tay quý khỏe mạnh, bị ném từ con quý này sang con quý khác, trong khi nó cảm thấy khở sở, sợ hãi, và thất đảm, cảm thấy mình thật ngu ngốc.

Trên đầu chúng, giữa bầu trời đỏ lờm, có những sinh vật gì đó đang chao liệng trên những đôi cánh lớn màu đen.

"Cẩn thận đấy," Công tước xứ Westminster nói. "Giấu thằng bé đi. Đừng để bọn dạ điều bắt được nó. Lũ ăn cắp chết tiệt."

"Đúng thế! Bọn ta ghét lũ ăn cắp!" Hoàng đế Trung Hoa hét lên.

Dạ điều bay trên bầu trời đỏ rực ở Thành Quý... Bod hít một hơi thật sâu, rồi kêu tướng lên, giống như cô Lupescu đã dạy. Nó phát ra một tiếng kêu như tiếng đại bàng, từ sâu trong cổ họng.

Một trong những sinh vật có cánh ấy lao về phía bọn quý, lượn xuống thấp hơn, và Bod lại kêu lên, cho đến khi tiếng kêu của nó bị bóp nghẹt bởi một bàn tay rắn như sắt bịt lấy miệng nó. "ừ, đúng đấy, cứ gọi chúng nó xuống đi," Thảm phán Archibald Fitzhugh nói, "nhưng tin ta đi, phải để cho chúng rửa ra vài tuần thì mới ăn được, với lại chúng chỉ gây phiền nhiễu thôi. Bọn ta và bọn chúng ghét nhau như xúc đất đỏ đi ấy."

Con dạ điều lại bay lên cao trên bầu không khí khô hanh của sa mạc, trở lại với đồng loại của nó, và Bod cảm thấy mọi hy vọng đều tan biến cả.

Lũ quý đi nhanh hơn về phía thành phố nằm trên núi đá, và Bod, giờ bị vắt lên vai Công tước xứ Westminster một cách không thương tiếc, bị chúng đưa đi cùng.

Vàng mặt trời dùng đục lặn xuống, và hai mặt trăng mọc lên, một mặt trăng rất lớn, trắng toát, lỗ chỗ miệng núi lửa, lúc mới mọc thì to đến nỗi nom như chiếm quá nửa đường chân trời, nhưng càng lên cao càng nhỏ dần, và một mặt trăng nhỏ hơn, có màu lục lam như màu mốc ở tầng pho mát, và khi trông thấy vàng trắng này, bọn quỷ tỏ ra hết sức vui thích. Chúng dừng chân dựng trại cạnh con đường.

Một thành viên mới nhập bọn - Bod nghĩ đó là con quỷ được giới thiệu với nó bằng cái tên "đại văn hào Victor Hugo" - lôi ra một cái túi chất đầy củi, có mấy thanh vẫn còn nguyên cả bản lề hoặc tay cầm bằng đồng, cùng với một cái bật lửa sắt, và nhanh chóng nhóm lên một đồng lửa cho bọn quỷ ngồi quanh nghỉ ngơi. Chúng ngược lên ngắm vàng trắng màu lục lam, xô đẩy nhau để giành lấy những chỗ ngồi tốt nhất bên đồng lửa, chửi rủa, thậm chí cào cấu, cắn xé lẫn nhau.

"Chúng ta sẽ ngủ một giấc, rồi khi trăng lặn sẽ lại lên đường đến Thành Quỷ," Công tước xứ Westminster nói. "Chỉ còn một đoạn đường khoảng chín hay mười giờ đồng hồ nữa thôi. Đến lần trăng mọc tiếp theo thì chúng ta sẽ đến nơi. Rồi chúng ta sẽ tổ chức liên hoan nhỉ? Để đón mừng cậu nhập bọn với chúng ta!"

"Sẽ không đau đâu," Thẩm phán Archibald Fitzhugh nói, "không đau đến mức không chịu được. Và sau đó, thử nghĩ mà xem, cậu sẽ vui thú biết bao."

Rồi chúng bắt đầu kể đủ thứ chuyện về việc làm quỷ nhập tràng thì sung sướng tuyệt vời đến mức nào, về những thứ chúng đã nhai nuốt bằng bộ răng khỏe của mình. Một con trong bọn nói chúng hoàn toàn miễn dịch với bệnh tật. Cho dù con mồi của chúng có chết vì bệnh gì thì chúng vẫn có thể nhai nuốt tuốt. Chúng kể về những nơi chúng đã đến, chủ yếu là các hầm mộ và vùng có dịch bệnh. ("Ồ các ổ dịch có nhiều thức ăn ngon lắm" Hoàng đế Trung Hoa nói, và cả bọn đều đồng ý). Chúng kể với Bod chúng đã lấy được tên của mình như thế nào, và nói rằng đến lượt Bod, khi đã biến thành một con quỷ nhập tràng vô danh, cũng sẽ được đặt tên như chúng.

"Nhưng tôi không muốn biến thành một người như các ông," Bod nói.

"Bằng cách này hay cách khác thì cậu cũng sẽ biến thành một người trong số chúng ta thôi," Giám mục vùng Bath và Wells vui vẻ nói. "Cách kia rắc rối hơn, vì cậu sẽ bị tiêu hóa, và cậu sẽ không thích thú chuyện ấy cho lắm đâu."

"Nhưng nói chuyện ấy thì chẳng hay ho gì", Hoàng đế Trung Hoa tiếp. "Thích nhất là làm quỷ nhập tràng. Chúng ta chẳng sợ gì hết!"

Nghe vậy, bảy quỷ ngồi quanh đồng lửa nhóm bằng gỗ quan tài liền hú lên, gào thét, rú rít, tự tung hê nhau rằng bọn chúng mới thông thái làm sao, mạnh mẽ làm sao, và thật tuyệt làm sao khi không phải sợ bất kỳ điều gì.

Đúng lúc ấy một âm thanh vang lên từ phía xa trong sa mạc, một tiếng hú xa xăm khiến bọn quỷ run cầm cập và co rúm lại gần đồng lửa hơn.

"Cái gì thế?" Bod hỏi.

Bảy quỷ lác đầu. "Chỉ là một thứ trên sa mạc thôi" một con thì thào. "Im lặng! Nó nghe thấy chúng ta mất!"

Và tất cả bọn quỷ đều im lặng trong chốc lát, cho đến khi chúng quên mất con thú trên sa mạc kia, và bắt đầu hát bài ca của lũ quỷ, đầy những từ ngữ bậy bạ và những cảm nghĩ ghê tởm, mà bài chúng thích nhất chỉ là một danh sách những phần cơ thể thối rữa và thứ tự để xem nên ăn phần nào trước.

"Tôi muốn về nhà" Bod nói, khi chúng hát hết đoạn cuối. "Tôi không muốn ở đây nữa."

"Đừng có hoảng lên thế chứ" Công tước xứ West-minster nói. "Chú nhóc này, ta hứa là ngay khi trở thành một người trong bọn ta thì cậu sẽ chẳng còn nhớ là mình đã từng có nhà nữa kia."

"Ta chẳng nhớ gì về quãng thời gian trước khi ta biến thành quỷ nhập tràng" đại văn hào Victor Hugo

"Ta cũng vậy" Hoàng đế Trung Hoa tự hào nói.

"Ta cũng chẳng nhớ gì sất" Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ họa theo.

"Cậu sẽ được làm thành viên của một nhóm chọn lọc gồm những sinh vật thông thái nhất, mạnh mẽ nhất, dũng cảm nhất trên đời" Giám mục vùng Bath và Wells huênh hoang.

Bod chẳng thấy ấn tượng chút nào với lòng can đảm hay trí khôn của bọn quỷ. Nhưng đúng là chúng rất khỏe, nhanh nhẹn một cách kỳ dị, và nó đang ở giữa cả một bầy quỷ. Nó sẽ không thể chạy thoát. Chưa chạy nổi mười thước thì có thể nó đã bị chúng bắt kịp.

Đâu đó xa xa trong màn đêm, một con gì đó lại hú lên, và bầy quỷ nhích đến gần đồng lửa hơn. Bod nghe thấy chúng khịt khịt mũi và chửi thề. Nó nhắm nghiền mắt lại, cảm thấy vô cùng khổ sở và nhớ nhà: nó không muốn bị biến thành quỷ nhập tràng. Nó không hiểu làm sao mình có thể ngủ được trong cảnh tuyệt vọng khôn cùng như thế này, thế nhưng, nó ngạc nhiên khi thấy mình vẫn ngủ thiếp đi được khoảng hai, ba tiếng.

Một tiếng động làm nó thức dậy - một tiếng động mạnh, sát gần, có vẻ hoảng sợ. Ai đó đang hỏi, "Thế nào, chúng nó biến đi đâu rồi? Hử?" Nó mở mắt ra, trông thấy Giám mục vùng Bath và Wells đang quát mắng Hoàng đế Trung Hoa. Có vẻ như trong đêm, một vài tên trong bầy quỷ đã biến mất không một dấu vết, và không con quỷ nào có thể giải thích được tại sao.

Những con quỷ còn lại đều hết sức căng thẳng. Chúng nhanh chóng nhổ trại, và Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ xốc Bod lên, ném nó lên vai mình.

Bọn quỷ loạng choạng đi xuống vách đá để quay lại con đường, bên dưới bầu trời đỏ ngầu màu máu bị nhiễm độc, và tiến về phía Thành Quỷ. Sáng nay chúng có vẻ kém vui hơn hẳn. Giờ đây chúng dường như đang chạy trốn một cái gì đó - ít ra là Bod thấy thế, khi nó bị vác lác lư trên vai tên quỷ.

Giữa trưa, khi vàng mặt trời mờ đục đã lên đến đỉnh đầu, bọn quỷ liền dừng chân co cụm lại với nhau. Trước mặt chúng, chao liệng trên luồng hơi nóng, là một bầy dạ điều hơn chục con, đang bay lượn trong làn không khí ấm.

Bọn quỷ liền chia thành hai phe: một phe nghĩ rằng việc đồng bọn của chúng biến mất chẳng có ý nghĩa gì, một phe thì lại cho rằng một thứ gì đó, có lẽ là bọn dạ điều kia, đang bám theo hòng tiêu diệt chúng. Bọn quỷ không đi đến một kết luận chung nào, chỉ nhất trí rằng chúng nên nhặt đá làm vũ khí để ném nếu bầy dạ điều hạ cánh xuống, và chúng liền nhặt sỏi đá trên sa mạc nhét đầy túi áo.

Một thứ gì đó lại cất tiếng hú ở khoảng sa mạc phía bên trái chúng, và bọn quỷ đưa mắt nhìn nhau. Tiếng hú này vang to hơn tiếng hú đêm qua, nghe có vẻ gần hơn, một tiếng hú trầm trầm như tiếng chó sói.

"Mày có nghe thấy gì không?" Thị trưởng thành London hỏi.

"Chẳng nghe thấy gì sất" Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ đáp.

"Tao cũng không," Thảm phán Archibald Fitzhugh nói.

Tiếng hú lại vang lên.

"Chúng ta phải về nhà thôi," Công tước xứ West-minster vừa nói vừa nhấc một tảng đá lớn lên.

Thành phố Quý đáng sợ vươn lên trên một gò đá cao trước mặt chúng, và bọn quỷ lao về phía đó.

"Bọn dạ điều đang đến đây!" Giám mục vùng Bath và Wells kêu lên. "Ném đá vào lũ chết giẫm ấy đi!"

Lúc này trong mắt Bod mọi thứ đều lộn ngược, trong khi nó nảy lên nảy xuống trên lưng Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ và bị cát sỏi trên đường bắn đầy vào mặt. Nhưng nó nghe thấy những tiếng kêu giống tiếng đại bàng, và Bod lại dùng tiếng dạ điều để kêu cứu. Lần này thì không con quỷ nào bịt miệng nó lại nữa, nhưng nó không chắc ai đó có thể nghe thấy tiếng nó kêu giữa tiếng gào thét của bầy dạ điều và tiếng chửi rửa của lũ quỷ trong khi chúng ném đá tới tấp lên không trung.

Bod lại nghe thấy tiếng hú nọ: bây giờ tiếng hú vang lên từ phía bên phải.

"Có đến hàng chục con dạ điều chết tiệt ấy," Công tước xứ Westminster rầu rĩ nói.

Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ trao Bod cho đại văn hào Victor Hugo, con quỷ này tổng thắng bé vào cái túi của mình rồi vắt cái túi lên vai. Bod chỉ có thể lấy làm mừng là cái túi không có mùi gì khác ngoài mùi gỗ bụi bặm.

"Chúng đang rút lui đây!" một tên quỷ kêu lên. "Nhìn chúng kia!"

"Cậu đừng có lo nhé," một giọng nói vang lên bên cạnh cái túi, nghe giống giọng Giám mục vùng Bath và Wells. "Một khi chúng ta đã đưa cậu đến được Thành Quý thì sẽ không còn những chuyện vớ vẩn này nữa đâu. Thành Quý là một thành phố bất khả xâm phạm."

Bod không biết có con quỷ nào bị giết hay bị thương trong lúc đánh nhau với bầy dạ điều hay không. Bằng vào những lời chửi rửa của Giám mục vùng Bath và Wells, nó đoán là có thêm vài con quỷ nữa đã chạy mất.

"Nhanh lên!" một con quỷ khác, có lẽ là Công tước xứ Westminster, kêu lên, và bọn quỷ liền lao đi. Bod nằm trong túi cảm thấy rất khó chịu vì cứ liên tục bị va vào lưng đại văn hào Victor Hugo đau điếng, thỉnh thoảng lại đập cả xuống đất nữa. Mọi sự càng tệ hơn khi ở trong túi cùng với nó vẫn còn mấy mẫu gỗ, đó là chưa kể đến những đinh vít sắc nhọn, những gì còn lại của thứ củi làm từ quan tài. Một cái đinh vít nằm ngay dưới tay Bod, đâm vào da thịt nó.

Mặc dù bị xóc nảy người, lắc mạnh và xô đẩy theo mỗi bước chạy của con quỷ đang mang nó trên lưng, Bod vẫn tìm cách nắm được cái đinh vít bằng tay phải. Nó sờ soạng cái mũi đinh nhọn hoắt. Trong thâm tâm, nó khắp khởi hy vọng. Rồi nó xuyên mũi đinh qua lớp vải túi ở sau lưng, dùng mũi đinh đâm thủng vải, đoạn rút đinh ra và đâm thêm một lỗ nhỏ nữa, bên dưới lỗ đầu tiên.

Sau lưng mình, Bod nghe thấy một tiếng hú nữa, và nó chợt nghĩ ra rằng một thứ có thể khiến bọn quỷ nhập tràng khiếp hãi đến thế thì hẳn phải đáng sợ hơn nó tưởng nhiều, và nó dùng mũi đinh lại trong chốc lát - giả thử nó thoát ra khỏi cái túi và rơi vào miệng một con quái vật khủng khiếp nào đó thì sao? Nhưng ít ra, Bod tự nhủ, nếu chết thì nó sẽ vẫn được là chính mình, cùng với mọi ký ức của nó, nhớ được bố mẹ mình, nhớ được chú Silas, thậm chí là cả nhớ được cô Lupescu nữa.

Như thế thì tốt hơn nhiều.

Nó lại dùng chiếc đinh đồng xuyên qua lớp vải túi, chọc và cào cho đến khi làm thủng một lỗ nữa.

"Tiến lên anh em!" Giám mục vùng Bath và Wells kêu lên. "Chỉ lên hết mấy bậc thang kia là chúng ta sẽ về đến Thành Quý an toàn!"

"Hoan hô ngài Giám mục!" một tên quỷ khác reo to, có lẽ là Thẩm phán Archibald Fitzhugh.

Bây giờ thì cử động của tên quỷ mang Bod trên lưng đã thay đổi. Nó không đi thẳng về phía trước

nữa, mà đã đổi sang một loạt cử động khác, lên dốc rồi đi tới trước, lên dốc rồi lại đi tới trước.

Bod thọc tay qua túi, chọc lấy một cái lỗ đủ để nhìn qua. Nó nhìn ra ngoài, trên nó là bầu trời đỏ ngầu, u ám, còn bên dưới...

... nó có thể trông thấy sa mạc, nhưng giờ sa mạc đã nằm dưới chân nó, cách cả chục mét. Đằng sau nó là những bậc thang trải dài, nhưng đó là các bậc thang đục cho người khổng lồ, còn bên phải nó là một vách đá màu đỏ son. Từ vị trí này Bod không nhìn thấy Thành Quý, nhưng nó đoán hẳn thành phải đang nằm trên đầu chúng. Bên trái nó là một vực thẳm dốc đứng. Nó quyết định sẽ phải nhảy thẳng xuống những bậc thang kia, và hết lòng hy vọng rằng bọn quý, trong lúc sốt ruột mong sớm về đến nhà để được an toàn, sẽ không biết nó đã bỏ chạy. Cao tí bên trên, nó trông thấy bầy dạ điều bay lùì lại một quãng, chao liệng trên bầu trời đỏ lừ.

Nó rất mừng khi thấy không có con quý nào khác đằng sau mình: đại văn hào Victor Hugo đi bọc hậu, và phía sau nó không có ai để đánh động cho lũ quý biết về cái lỗ đang to dần trên chiếc túi. Hoặc là trông thấy Bod khi nó rơi ra.

Nhưng lại có một vật khác...

Bod bị xóc nảy người sang bên, xa khỏi cái lỗ. Nhưng nó đã trông thấy một vật màu xám khổng lồ trên những bậc thang bên dưới, đang đuổi theo chúng. Nó có thể nghe thấy một tiếng gầm gừ dữ dằn.

Ông Owens có một câu ngạn ngữ dùng để chỉ hai vật cùng khó chịu như nhau. "Ta đang rơi vào cảnh tiến lên mắc núi, lùi lại mắc sông" ông thường nói vậy. Bod vẫn băn khoăn không hiểu như thế nghĩa là gì, vì cả đời sống trong nghĩa địa, nó chưa từng được nhìn thấy núi cũng như sông.

Mình đang rơi vào cảnh tiến lên mắc quý, lùi lại mắc quái, nó nghĩ.

Nó vừa nghĩ xong thì một hàm răng sắc nhọn như răng chó ngoạm lấy cái túi và kéo cho đến khi lớp vải túi rách ra, dọc theo những cái lỗ mà Bod đã chọc thủng, và thằng bé ngã lộn nhào xuống những bậc đá, ở đó có một con vật màu xám khổng lồ, giống như chó nhưng to lớn hơn nhiều, đang gầm gừ, miệng nhỏ nước dãi, đứng chắn lấy Bod, một con vật với cặp mắt sáng lóe, răng nanh trắng ớn, bàn chân kèch xù. Nó thở hổn hển và nhìn Bod chằm chằm.

Bọn quý ở phía trước đã dừng lại. "Trời đánh thánh vật!" Công tước xứ Westminster nói. "Con chó quý sứ ấy tóm được thằng nhóc rồi!"

"Thế thì cứ để thằng nhóc lại cho nó," Hoàng đế Trung Hoa bảo. "Chạy thôi!"

"Ui da!" Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ kêu lên.

Bọn quý chạy lên các bậc thang. Giờ thì Bod chắc chắn là những bậc thang đó được đục cho người khổng lồ, bởi vì bậc nào cũng cao hơn cả người nó. Bọn quý chạy bán sống bán chết, chỉ quay lại để làm mấy cử chỉ chửi rửa con thú và có lẽ là cả Bod nữa.

Con thú vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Nó sắp ăn thịt mình, Bod cay đắng nghĩ. Mày thông minh thật đấy, Bod ạ. Nó nghĩ đến ngôi nhà của mình ở nghĩa địa, và giờ thì nó không thể nhớ nổi tại sao mình lại bỏ đi nữa. Mặc kệ con chó quý quái này, nó phải quay về nhà thôi. Mọi người ở đó đang đợi nó.

Nó lao qua con thú, nhảy xuống bậc thang tiếp theo nằm dưới đó chừng một mét rưỡi, rồi bị ngã, cổ chân đập xuống đất, tẹo đi đau điếng người, và nó ngã vật ra nền đá.

Khi nghe thấy tiếng con thú đang chạy và nhảy xuống chỗ nó, Bod liền cố trườn đi, cố đứng dậy, nhưng cổ chân nó bây giờ đã thành ra vô dụng, tê liệt, đau đớn, và nó không kịp ngăn một cú ngã nữa.

Nó rơi ra khỏi bậc thang, xa khỏi vách đá, ngã vào khoảng không, và rơi xuống - một cú ngã khủng khiếp từ một độ cao khủng khiếp mà Bod thậm chí còn không dám tưởng tượng ra...

Lúc bị ngã, nó dám chắc mình đã nghe thấy một giọng nói vang lên từ phía con thú màu xám. Và nó nói bằng giọng của cô Lupescu, "Ôi, Bod!"

Giống như lúc bị ngã trong những giấc mơ, nó rơi qua khoảng không trong nỗi sợ hãi cuồng cuồng, lao thẳng về phía mặt đất bên dưới. Bod cảm thấy trong đầu mình chỉ còn đủ chỗ cho một ý nghĩ quan trọng duy nhất, vì thế hai ý nghĩ Con chó khổng lồ ấy chính là cô Lupescu, và, Mình sắp sửa rơi bệt xuống nền đá kia, tranh nhau chiếm chỗ trong tâm trí nó.

Một vật gì đó bao trùm lấy nó, rơi xuống cùng với nó, rồi có tiếng một cặp cánh đập mạnh, và mọi thứ bỗng chậm lại. Mặt đất không còn lao vùn vụt về phía

Đôi cánh vỗ mạnh hơn. Chúng vươn lên cao hơn và giờ thì ý nghĩ duy nhất còn lại trong đầu Bod là Mình đang bay! Và đúng như vậy. Nó quay đầu lại nhìn. Bên trên nó là một cái đầu màu nâu sẫm, nhẵn thín, với cặp mắt sâu thẳm nom như hai phiến thủy tinh đen mài bóng.

Bod kêu lên một tiếng rin rít có nghĩa là "Cứu với" theo ngôn ngữ dạ điều, và con dạ điều mỉm cười, khẽ hú lên một tiếng trầm trầm đáp lại. Nó có vẻ hài lòng.

Con dạ điều chao người một cái rồi bay chậm lại, và hạ cánh xuống sa mạc với một tiếng thịch nhẹ nhàng. Bod cố đứng dậy, nhưng cổ chân của nó lại khuyu xuống, làm nó ngã lộn nhào lên nền cát. Gió đang thổi mạnh, phả thứ cát sa mạc sắc cạnh vào da Bod rất bỏng.

Con dạ điều đậu bên cạnh Bod, cặp cánh nhẵn bóng của nó khép lại. Bod, vốn lộn lên trong một nghĩa địa, đã quen với hình ảnh người có cánh, nhưng các thiên thần trên bia mộ trông không giống thế này chút nào.

Và kia, phóng qua sa mạc, dưới bóng của Thành Quý, là con thú lớn màu xám, như một con chó khổng lồ.

Con vật cất tiếng nói bằng giọng của cô Lupescu.

Cô nói, "Đây là lần thứ ba bày dạ điều cứu mạng trò đây, Bod ạ. Lần thứ nhất là khi trò kêu cứu, và chúng đã nghe thấy. Chúng nhắn tin, cho ta biết trò đang ở đâu. Lần thứ hai là khi ở quanh đồng lửa đêm qua, lúc trò đang ngủ: chúng đang bay lượn trong bóng tối thì nghe thấy mấy tên quỷ nhập tràng nói rằng trò sẽ đem vận rủi đến cho chúng, rằng chúng nên đập nát óc trò ra, rồi giấu trò vào một nơi dễ tìm, để khi trò đã thối rữa ra thì chúng sẽ quay lại ăn thịt. Bày dạ điều đã lặng lẽ lo liệu việc đó. Và giờ thì lại đến lần này nữa."

"Cô Lupescu?"

Cái đầu khổng lồ như đầu chó cúi xuống và trong một khoảnh khắc kinh hoàng, đáng sợ, Bod tưởng cô sẽ ngoạm lấy một miếng ở người nó, nhưng cô chỉ liếm nhẹ lên má nó một cách âu yếm. "Trò bị sái cổ chân hả?"

"Vâng, em không đứng dậy được"

"Chúng ta hãy đặt trò lên lưng ta đi", con vật khổng lồ màu xám, chính là cô Lupescu, nói.

Cô nói gì đó bằng thứ tiếng dạ điều chói tai, và con dạ điều tiến đến, đỡ Bod đứng dậy, trong lúc thẳng bé vòng tay ôm lấy cổ cô Lupescu.

"Nắm lấy cổ bờm của ta nhé" cô nói. "Giữ chắc vào. Giờ thì, trước khi chúng ta đi, hãy nói như thế này..." và cô phát lên một tiếng kêu the thé.

"Như thế có nghĩa là gì ạ?"

"Cảm ơn. Hoặc là tạm biệt. Cả hai"

Bod cố hết sức rít lên, và con dạ điều khề cười vui vẻ. Nó cũng phát ra một tiếng kêu như vậy, và xòe đôi cánh khổng lồ nhẵn bóng, lao vào làn gió sa mạc, hai cánh vỗ mạnh, thế rồi làn gió đỡ lấy nó, đưa nó lên cao, giống như một chiếc điều vừa bay lên.

"Giờ thì bám cho chắc vào" con thú chính là cô Lupescu nói. Và cô lao đi.

"Chúng ta có quay lại chỗ bức tường bia mộ không ạ?"

"Quay lại cánh cổng của quỹ nhập tràng ấy à? Không. Nơi đó chỉ dành cho bọn quỹ nhập tràng thôi. Ta là Khuyển Bình của Chúa. Ta đi trên con đường của riêng mình, đi đến Địa ngục rồi lại ra khỏi đó." Và Bod thấy như cô chạy còn nhanh hơn cả lúc trước.

Vàng trắng khổng lồ mọc lên, cùng với vàng trắng có màu pho mát mốc, theo sau là một vàng trắng khác, đỏ như hồng ngọc, và dưới ánh sáng của ba vàng trắng ấy, con sói xám lao đi bằng những bước chạy nhịp nhàng, ngang qua vùng sa mạc lổn nhổn xương cốt. Cô Lupescu dừng lại bên một căn nhà bằng đất nung đỏ nát nom như một cái tổ ong khổng lồ, được dựng cạnh một dòng suối nhỏ róc rách chảy ra từ lớp đá sa mạc, đổ xuống một cái vũng nhỏ xíu rồi lại tiếp tục chảy đi. Con sói xám cúi xuống uống nước, và Bod cũng vục hai bàn tay xuống cái vũng vốc nước lên uống ừng ực.

"Đây là đường ranh giới" con sói xám, chính là cô Lupescu, nói, và Bod ngẩng lên. Ba vàng trắng đã biến mất. Giờ nó có thể trông thấy dải Ngân Hà, nhưng nó chưa từng thấy dải Ngân Hà nào như vậy, như một tấm vải liệm sáng lấp lánh trải khắp bầu trời. Hằng hà sa số những ngôi sao tỏa sáng trên trời.

"Đẹp quá" Bod trầm trồ.

"Khi nào quay về nhà, ta sẽ dạy trò tên các hành tinh và các chòm sao" cô Lupescu nói.

"Em thích lắm ạ," Bod thừa nhận.

Bod lại trèo lên tấm lưng rộng màu xám, áp mặt vào bộ lông của cô rồi bám thật chắc, và dường như chỉ một thoáng sau, nó đã trở lại khu nghĩa địa, được đưa ngang qua nghĩa địa về ngôi mộ của gia đình Owens - một cách vụng về, như khi một người phụ nữ phải bế chú bé đã lên sáu.

"Thằng bé bị sái chân," cô Lupescu nói.

"Tôi nghiệp con tôi," bà Owens kêu lên, đỡ lấy thằng bé từ tay cô Lupescu và nâng niu nó trong đôi tay trong suốt nhưng thành thạo của mình. "Tôi không thể nói là tôi đã không lo lắng, vì quả là tôi rất lo. Nhưng giờ thì nó trở về rồi, đó mới là điều quan trọng."

Thế rồi sau đó Bod được nằm vô cùng thoải mái dưới lòng đất, ở một nơi an toàn, đầu đặt trên cái gối của riêng mình, và nó chìm vào một bóng tối đầy mệt mỏi nhưng êm ái.

o o o

Cổ chân trái của Bod sưng vù lên, tím bầm. Bác sĩ Tre-fusis (1870 - 1936, cầu cho ông được sống trong tiên cảnh đời đời) đã khám cho nó và tuyên bố là cái cổ chân chỉ bị bong gân thôi. Cô Lupescu đến hiệu thuốc mua một tấm băng cổ chân thật chặt, và Nam tước Josiah Worthington, vốn đã được chôn cùng với cây gậy gỗ mun của mình, thì nhất nhất đòi cho Bod mượn cây gậy. Thằng bé rất khoái chí khi được chống gậy và giả vờ làm ông cụ một trăm tuổi.

Bod tập tễnh lên đồi tìm lại mảnh giấy nhét dưới tảng đá.

Bầy Khuyển Binh của Chúa

Nó đọc thấy mấy chữ ấy. Chữ được in bằng mực tím, và đó là cái tên đầu tiên trong danh sách.

Những sinh vật mà con người gọi là Người Sói hoặc Ma Sói tự gọi mình là Khuyển Binh của Chúa, vì họ coi sự biến hình của mình là một phúc lành do tạo hóa ban cho, và họ đáp lại ân huệ ấy bằng sự ngoan cường của mình, bởi vì họ sẽ đuổi theo những kẻ bất lương cho đến tận cánh cổng Địa ngục.

Bod gật đầu.

Không chỉ những kẻ bất lương mà thôi, nó thậm nghĩ.

Nó đọc hết danh sách ấy, cố hết sức học cho đến khi thuộc lòng, rồi đi xuống ngôi nhà thờ cũ, nơi cô Lupescu đang đợi nó với một chiếc bánh nhân thịt nhỏ và một gói khoai tây rán to tướng mà cô đã mua ở cửa hàng bán cá tầm bột và khoai tây rán ở dưới chân đồi, cùng với một tập danh sách in bằng mực tím nữa.

Hai cô trò chia nhau chỗ khoai tây rán, và cô Lu-pescu thậm chí còn mỉm cười một hay hai lần gì đó.

• • •

Đến cuối tháng đó, chú Silas quay về. Chú xách chiếc túi da màu đen bằng tay trái còn tay phải thẳng đơ. Nhưng chú vẫn là chú Silas, và Bod rất sung sướng khi trông thấy chú, rồi còn sung sướng hơn khi chú Silas tặng quà cho nó, một mô hình cây cầu cổng Vàng ở San Francisco.

Đã gần nửa đêm, nhưng trời vẫn chưa tối hẳn. Ba người ngồi trên đỉnh đồi, ánh đèn thành phố lấp lánh bên dưới.

"Chú tin là trong lúc chú vắng mặt mọi việc đều ổn" chú Silas nói.

"Cháu đã học được rất nhiều điều" Bod trả lời, tay vẫn nắm chặt cây cầu của mình. Nó chỉ lên trời. "Kia là chòm Thợ Săn Orion, với cái thắt lưng bằng ba vì sao. Còn kia là Kim Ngưu, chòm sao hình con bò."

"Giỏi lắm" chú Silas khen.

"Thế còn chú?" Bod hỏi. "Chú có biết được thêm điều gì trong khi đi xa không?"

"Ồ, có chứ," chú Silas đáp, nhưng nhất định không nói gì thêm.

"Tôi cũng vậy," cô Lupescu nghiêm trang nói. "Tôi cũng đã biết được một số điều"

"Tốt," chú Silas nói. Một con cú cất tiếng hú giữa những cành sồi. "Cô biết không," chú nói tiếp, "tôi nghe tin rằng mấy tuần trước, trong lúc tôi đi vắng, hai cô trò đã đi đến một nơi khá xa, xa đến mức tôi cũng không thể đi theo được. Thường thì trong trường hợp như vậy tôi sẽ khuyên nên cẩn thận, nhưng bọn quỷ nhập tràng ít khi nhớ dai, không như những giống ma quỷ khác".

Bod nói, "Không sao đâu ạ. Cô Lupescu đã chăm sóc cháu. Cháu chưa bao giờ gặp nguy hiểm cả."

Cô Lupescu nhìn Bod, mắt sáng ngời, rồi cô nhìn chú Silas.

"Có rất nhiều điều cần biết," cô nói. "Có lẽ sang năm tôi sẽ quay lại, cũng vào khoảng giữa hè, để dạy thẳng bé."

Chú Silas nhìn cô Lupescu, một bên lông mày hơi nhướn lên một chút. Rồi chú nhìn Bod.

"Cháu thích thế lắm," Bod nói.

Chương 4

TẨM BIA MỘ CỦA PHÙ THỦY

AI CŨNG BIẾT Ở RÌA NGHĨA ĐỊA CÓ mộ của một mộ phù thủy. Từ khi biết suy nghĩ, Bod đã nghe bà Owens dặn là phải tránh xa cái góc đó.

"Tại sao ạ?" nó hỏi.

"Người sống đến đây không tốt" bà Owens đáp. "Chỗ ấy ảm thấp lắm. Gần như đầm lầy ấy. Con mà đến đây thì sẽ bị cảm ngay."

Còn ông Owens thì lại trả lời theo cách thoái thác và nghèo trí tưởng tượng hơn. "Nơi ấy không tốt," ông chỉ nói có vậy.

Ranh giới chính thức của nghĩa địa nằm ở chân đồi phía Tây, dưới cây táo già, với một cái hàng rào làm bằng cọc sắt hoen gỉ, trên đầu mỗi cọc là một mũi nhọn cũng đã gỉ hết, nhưng đằng sau đó là một bãi đất hoang đầy cây tầm ma, cỏ dại, mâm xôi và lá khô. Bod, nhìn chung là một đứa trẻ biết nghe lời, không tìm cách chui qua hàng rào, nhưng nó đi xuống đó rồi nhìn qua những cọc sắt. Nó biết nó chưa được nghe toàn bộ đầu đuôi câu chuyện, và điều đó khiến nó bực mình.

Bod trèo trở lại lên đồi, đến chỗ ngôi nhà thờ nhỏ nằm gần cổng nghĩa địa, và nó đợi cho đến khi trời tối. Khi ánh chiều chạng vạng chuyển từ màu xám sang tím thì có tiếng động trên tháp nhà thờ, lật phật như tiếng một tấm vải nhung nặng, rồi chú Silas rời căn buồng trên tháp chuông của mình và chúc đầu trèo xuống khỏi ngọn tháp.

"Ở góc nghĩa địa đằng kia có gì ạ?" Bod hỏi. "Đằng sau mộ Harrison Westwood, Thọ Bính của Giáo khu, cùng hai bà vợ, Marion và Joan ấy ạ?"

"Cháu hỏi làm gì?" người bảo trợ của nó hỏi lại, phủi bụi trên bộ quần đen bằng những ngón tay trắng như ngà.

Bod nhún vai. "Cháu chỉ tò mò thôi!"

"Đó là phần đất không được nhà thờ ban phước" chú Silas đáp. "Cháu có hiểu như thế nghĩa là gì không?"

"Không ạ," Bod nói.

Chú Silas bước ngang qua lối đi mà không làm xáo trộn một chiếc lá rụng nào, rồi ngồi xuống cạnh Bod trên chiếc ghế dài. Chú nói bằng cái giọng êm như nhung của mình, "Có những người tin rằng mọi mảnh đất đều linh thiêng. Họ tin rằng mảnh đất ấy đã linh thiêng từ trước khi chúng ta đặt chân lên, và vẫn linh thiêng sau khi chúng ta đã rời đi. Nhưng ở đây, ở xứ sở của cháu, người ta ban phước cho các nhà thờ và khoảng đất dành riêng cho việc mai táng, để biến chúng thành nơi linh thiêng. Nhưng bên cạnh các khoảng đất thiêng, họ vẫn chừa ra một phần đất không được ban phước, một khu Nghĩa địa Bàn cùng, dành riêng để chôn bọn tội phạm, người tự tử và những kẻ không theo đạo."

"Vậy những người chôn ở khoảng đất bên kia hàng rào là người xấu ạ?"

Chú Silas nhướn một bên lông mày đẹp tuyệt lên. "Gì cơ?Ồ không, không phải thế đâu. Để xem nào, đã lâu rồi chú chưa đi xuống đó. Nhưng chú không nhớ ở đó có ai cực kỳ xấu xa cả. Cháu phải nhớ là thời xưa, chỉ ăn trộm một silinh thôi cũng đủ để bị treo cổ rồi. Và trên đời luôn có những người cảm thấy cuộc sống của họ đã trở nên không chịu nổi nữa, đến nỗi họ tin rằng điều tốt nhất họ có thể làm là nhanh chóng chuyển bản thân sang một thế tồn tại khác"

"Ý chú định nói là họ đã tự giết mình ấy ạ?" Bod hỏi. Giờ nó đã lên tám, mắt lúc nào cũng mở to đầy tò mò, và nó không ngốc một chút nào.

"Đúng thế"

"Làm thế có tác dụng không ạ? Khi chết đi thì họ có sung sướng hơn không ạ?"

"Thỉnh thoảng. Nhưng phần lớn là không. Cũng giống như những người nghĩ rằng nếu chuyển đến ở một chỗ khác thì họ sẽ sung sướng hơn, nhưng rồi họ nhận ra làm thế không phải lúc nào cũng có tác dụng. Cho dù

ta có đi đến đâu thì ta cũng đem theo bản thân mình. Nếu cháu hiểu chú định nói gì"

"Hơi hơi ạ," Bod nói.

Chú Silas đưa tay xoa đầu thẳng bé.

Bod hỏi, "Thế còn phù thủy thì sao ạ?"

"Ừ. Đúng thế đấy," chú Silas nói. "Những người tự tử, tội phạm, và phù thủy. Những người không được xưng tội trước khi chết" Chú đứng dậy, nom như một bóng đen thẫm tối giữa ánh chiều. "Nói chuyện mãi, chú còn chưa kịp ăn sáng nữa" chú nói. "Còn cháu thì đã muộn giờ học rồi đấy." Giữa khu nghĩa địa tranh tối tranh sáng, một tiếng nổ lạng lẽ bùng lên, một khoảng bóng tối đen thẫm rung rinh chập chờn, và chú Silas biến mất.

Khi Bod đến lăng của thầy Pennyworth thì trăng đã mọc, và thầy Thomas Pennyworth (người nằm lại đây để rồi sẽ được hồi sinh trong cảnh thiên đường huy hoàng nhất) đang ngồi đợi nó, không lấy gì làm vui vẻ.

"Trò đến muộn."

"Em xin lỗi, thưa thầy Pennyworth."

Thầy Pennyworth tặc tặc lưỡi. Tuần trước thầy Pennyworth đã dạy Bod về Tâm trạng cùng Tình cảm, và Bod đã quên mất cái nào là cái nào. Nó chỉ sợ sẽ bị kiểm tra, nhưng thầy Pennyworth lại bảo, "Ta nghĩ đã đến lúc chúng ta phải học một số điều thực tiễn hơn. Dù sao thì thời gian cũng đang dần trôi qua."

"Thế ạ?" Bod hỏi.

"Ta e là thế, trò Owens ạ. Nào, phép Tàng hình của trò thế nào rồi?"

Bod đã mong là nó sẽ không bị hỏi câu ấy.

"Cũng ổn ạ," nó nói. "Ý em là, thầy biết đấy."

"Không, trò Owens ạ. Ta không biết. Sao trò không thử làm cho ta xem sao?"

Tim Bod thót lại. Nó hít một hơi thật sâu, rồi cố hết sức nhắm nghiền mắt lại và làm mình mờ dần đi.

Thầy Pennyworth không hài lòng chút nào.

"Hừ. Không phải thế. Không đúng tí nào cả. Phải Xuyên thấu và Tàng hình như người chết vậy. Xuyên qua những cái bóng. Biến thành tàng hình trong tâm trí người ta. Làm lại lần nữa xem nào"

Bod gắng sức hơn chút nữa.

"Trông trò vẫn rõ rành rành như cái mũi trên mặt trò ấy," thầy Pennyworth nói. "Và cái mũi của trò thì lại cực kỳ nổi bật. Cũng như toàn bộ phần còn lại trên mặt trò, chàng trai ạ. Và cả người trò nữa. Nhân danh tất cả những gì thiêng liêng, hãy cố làm sạch đầu óc mình đi nào. Rồi. Giờ thì trò là một con hẻm không người. Trò là một ô cửa trống rỗng. Trò chẳng là gì hết. Mắt người thường không thể trông thấy trò. Trí óc người thường không thể nhớ được trò. Ở chỗ trò đứng chẳng có gì hết, chẳng có ai hết."

Bod thử lại lần nữa. Nó nhắm mắt vào và cố tưởng tượng mình đang chìm vào nền đá ẩm mốc của lăng mộ, biến thành một cái bóng trong màn đêm, không hơn không kém. Rồi nó hắt hơi.

"Tệ quá" thầy Pennyworth thở dài nói. "Rất tệ. Ta nghĩ ta phải nói chuyện với người bảo trợ của trò về việc này thôi." Thầy lắc đầu. "Nào. Các tâm trạng. Liệt kê đi."

"Ồ. Vui vẻ. Cấu kính. Thản nhiên. Và còn một cái nữa. Ồ, hình như là sầu muộn ạ."

Thế là bài học tiếp tục, cho đến khi nó phải chuyển sang học Ngũ pháp và Tập làm văn với cô Letitia Bor-rows, Người Phụ nữ Độc thân Của Giáo khu (người khi còn sống đã không hề làm hại một người đàn ông nào.. Bạn có thể nói như vậy về bản thân không hỡi người viếng mộ?). Bod quý cô Borrowes, thích hằm mộ ẩm cúng của cô, và thích cả chuyện cô rất dễ bị xao nhãng sang vấn đề chẳng liên quan gì đến bài học.

"Người ta bảo có một mộ phù thủy được chôn ở phần đất không được - không được ban phước", nó nói.

"Đúng vậy. Nhưng em không muốn đến chỗ ấy đâu."

"Tại sao lại không ạ?"

Cô Borrowes mỉm cười, nụ cười chân thật của người chết. "Người ở đó không giống chúng ta."

"Nhưng nó vẫn thuộc nghĩa địa, phải không ạ? Ý em là, nếu muốn đến đó thì em vẫn được phép, đúng không ạ?"

"Em không nên đến đó," cô Borrowes nói.

Bod là đứa trẻ ngoan, nhưng tò mò, vì vậy, sau buổi học đêm ấy, nó liền đi qua mộ của Hanison West-wood, Thợ Làm Bánh, qua đài tưởng niệm của dòng họ, một bức tượng thiên thần cụt tay, nhưng nó không đi xuống đồi để đến khu Nghĩa địa Bàn cùng. Thay vào đó, nó lên sườn đồi, đến cái nơi mà một buổi tiệc ngoài trời cách đây chừng ba mươi năm đã để lại dấu vết dưới hình dạng một cây táo lớn.

Có một số bài học mà Bod đã thuộc nằm lòng. Cách đây mấy năm, nó từng hái một mớ táo xanh trên cây, chua loét và hạt còn trắng, chén đầy một bụng, để rồi phải hối hận mãi suốt mấy ngày trời, trong khi bụng đau quặn quại và phải nghe bà Owens giảng giải về những thứ không nên ăn. Giờ thì nó luôn đợi táo chín rồi mới ăn, và không bao giờ dám ăn quá hai hoặc ba quả cùng một lúc. Nó đã ăn hết táo trên cây từ tuần trước, nhưng thích đến chỗ cây táo để ngồi ngẫm nghĩ.

Nó leo lên, trèo đến chỗ ngồi ưa thích của mình ở một chạc cây, rồi nhìn xuống khu Nghĩa địa Bàn cùng ở dưới, một khoảng đất đầy mầm xôi dại và cỏ không được xén, nằm dưới ánh trăng. Nó tự hỏi không biết mộ phù thủy có phải một mộ già răng cứng như thép, đi lại trong căn nhà có chân gà, hay là một mộ già gầy gò, mũi nhọn hoắt, cuời chỏi bay.

Dạ dày Bod sôi lên, và nó chợt nhận ra là mình đang đói. Nó ước gì mình không chén sạch táo trên

cây. Giá mà nó để dành lại một quả...

Nó ngược lên, và tưởng như mình vừa thoáng trông thấy một cái gì đó. Nó nhìn lại một lần, rồi lần nữa, để cho chắc chắn: đó là một trái táo chín, đỏ mọng.

Bod rất tự hào về tài leo cây của mình. Nó đu người lên, chuyển từ cành này qua cành khác, tưởng tượng rằng mình là chú Silas, đi lại nhẹ nhàng trên một bức tường dốc đứng. Quả táo, với lớp vỏ đỏ thẫm đến mức gần như biến thành màu đen trong ánh trắng, nằm vừa ngoài tầm với của nó. Bod chậm rãi di chuyển dọc theo cành cây, cho đến khi ở ngay bên dưới quả táo. Rồi nó vươn tay lên, các đầu ngón tay chạm vào quả táo hoàn hảo ấy.

Nó không bao giờ được biết mùi vị quả táo đó ra sao.

Một tiếng "rắc" to vang lên, nghe như tiếng súng sấm, và cành cây gãy gập dưới sức nặng của nó.

o o o

Một cơn đau nhói làm nó tỉnh dậy, cảm giác tê buốt như bị đâm bởi một thỏi băng, như một tia chớp chậm rãi lóe lên, trong khi nó nằm trên lớp cỏ vào cái đêm mùa hạ ấy.

Mặt đất bên dưới nó có vẻ khá mềm, ấm áp một cách kỳ lạ. Nó đặt tay xuống và sờ thấy thứ gì đó giống như một lớp lông ấm dưới chân mình. Nó đã ngã lên đồng cỏ, nơi người trông coi nghĩa địa đổ cỏ mới cắt lên, và đồng cỏ đã giúp chặn cú ngã của nó. Nhưng ngực nó vẫn nhức nhối, còn chân nó thì đau như thể lúc ngã, nó đã đập chân xuống đất trước và bị treo.

Bod rên lên.

"Suyt, suyt, chú bé, yên nào," một giọng nói vang lên sau lưng nó. "Cậu từ đâu đến vậy? Rơi xuống như một cơn mưa rào ấy. Ai lại thế bao giờ?"

"Tôi bị ngã từ trên cây táo," Bod nói.

"À. Để tôi xem chân cậu nào. Tôi dám chắc là cũng bị gãy như cái cành cây kia rồi." Những ngón tay mát lạnh chọc chọc vào chân trái nó. "Không gãy. Bị treo phải, có lẽ là bong gân nữa. Cậu có vận may hiếm thấy đây, ngã vào đúng đồng cỏ này. Không sao đâu."

"Thế à, tốt quá" Bod nói. "Nhưng mà đau lắm."

Nó quay đầu lại phía sau, ngược nhìn lên. Cô gái đó lớn hơn nó, nhưng chưa phải là người lớn, không có vẻ thân thiện nhưng cũng không thù địch. Trông cô chỉ có vẻ thận trọng. Cô có khuôn mặt rất thông minh nhưng không xinh đẹp chút nào.

"Em là Bod," nó nói.

"Chú nhóc còn sống ấy à?" cô gái hỏi.

Bod gật đầu.

"Tôi cũng đoán thế," cô nói. "Chúng tôi đã nghe kể về cậu, ngay cả ở khu Nghĩa địa Bàn cùng này. Người ta gọi cậu là gì?"

"Owens ạ," nó đáp. "Nobody Owens. Gọi tắt là Bod."

"Rất hân hạnh được làm quen với cậu, cậu Bod."

Bod ngắm nhìn cô gái từ đầu đến chân. Cô mặc chiếc áo dài trắng đơn giản. Cô có mái tóc dài màu nâu xỉn, và trên mặt có vẻ gì đó gần giống như một con yêu tinh ranh mãnh - ở khóe miệng cô như luôn

có một nụ cười vương vất, cho dù nét mặt của cô có như thế nào đi chăng nữa.

"Chị là người tự tử à?" nó hỏi. "Hay chị đã ăn cắp một silinh?"

"Tôi chưa bao giờ ăn cắp cái gì hết" cô gái đáp. "Cho dù là một cái khăn tay. Hơn nữa," cô nhanh nhẩu nói thêm, "người tự tử được chôn ở đằng kia, phía bên

kia bụi tảo gai ấy, còn bọn tội phạm thì ở chỗ bụi mâm xôi, cả hai tên. Một gã chuyên nghề đục tiền giả, còn tên kia là cướp đường, hay ít ra thì hắn cũng huênh hoang như vậy, nhưng nếu cậu hỏi tôi thì tôi xin nói rằng hắn chỉ là một tên trộm, một kẻ ăn sương tầm thường mà thôi"

"Thế ạ," Bod nói. Rồi, với một nỗi nghi ngờ mới nảy ra trong lòng, nó rụt rè nói, "Người ta bảo ở đây chôn một mù phù thủy."

Cô gái gật đầu. "Bị dìm chết, bị thiêu sống, rồi đem chôn mà chẳng có được lấy một tảng đá đánh dấu mộ phần."

"Chị vừa bị dìm vừa bị thiêu à?"

Cô gái ngồi xuống cạnh nó trên đồng cỏ mới cắt, hai bàn tay lạnh ngắt ôm lấy cái chân nhúc nhối của nó. "Chúng kéo đến căn nhà nhỏ của tôi vào lúc bình minh, khi tôi còn chưa kịp tỉnh ngủ, và lôi tôi ra bãi cỏ làng. "Mày là phù thủy!" chúng hét lên, những kẻ béo tốt, mặt mũi sạch sẽ hồng hào trong ánh nắng sớm như lũ lợn con được tắm rửa sạch sẽ cho ngày chợ phiên. Từng đứa một, chúng đứng giữa trời và kể lại chuyện sữa bị chua, ngựa bị què, rồi cuối cùng, chị chàng Jemima đứng dậy, người béo nhất, hồng hào nhất, mặt mũi cọ rửa sạch sẽ nhất, rồi kể lại rằng Solomon Porrit giờ đã bỏ mặc chị ta, suốt ngày lớn vờn quanh cửa hàng giặt là, như con ong vo ve quanh hũ mật, và chị ta tuyên bố anh ta thành ra như thế chính là do bùa mê của tôi, rằng chàng trai tội nghiệp đó hẳn đã bị bỏ bùa. Thế là chúng trói tôi vào chiếc ghế hình phạt và dìm tôi xuống ao, chúng nói rằng nếu là phù thủy thì tôi sẽ không bị chết đuối, và cũng chẳng bận tâm đến chuyện bị dìm, còn nếu không phải phù thủy thì tất tôi đã cảm thấy đau đớn. Và bố của Jemima cho mỗi tên trong bọn một đồng bốn xu bằng bạc, để chúng giữ cái ghế chìm trong làn nước xanh lè kinh khủng ấy thật lâu, để xem tôi có bị chết ngạt không."

"Thế chị có bị làm sao không?"

"Có chứ. Tôi uống đầy một bụng nước. Nó đã kết liễu đời tôi"

"Ồ," Bod nói. "Như thế tức là chị không phải là phù thủy."

Cô gái đưa cặp mắt ma mờ ảo nhưng sáng trong nhìn nó rồi nhoẻn miệng cười. Trông cô vẫn giống yêu tinh, nhưng giờ thì là một con yêu tinh xinh xắn, và Bod nghĩ rằng cô chẳng cần đến bùa mê cũng vẫn có thể thu hút được anh chàng Solomon Porrit kia, chỉ cần nụ cười ấy thôi. "Nói vớ vẩn. Tất nhiên tôi là phù thủy rồi. Chúng đã biết được điều đó, khi chúng cởi trói cho tôi khỏi chiếc ghế hình phạt và ném tôi lên bãi cỏ của làng, chín phần chết một phần sống, khắp người đầy rêu và bùn đất hôi thối. Tôi trợn mắt lên và nguyên rửa tất cả bọn chúng, tất cả những kẻ có mặt trên bãi cỏ làng sáng hôm ấy, nguyên rằng chúng sẽ không bao giờ được yên nghỉ trong mồ. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy lời nguyên ấy đến một cách dễ dàng tới mức nào. Giống như là khiêu vũ vậy, chân ta có thể bắt nhịp được với một điệu nhạc mới mà tai ta chưa hề nghe, đầu óc ta chưa hề biết, và cứ thế nhảy nhót cho đến tận bình minh." Cô đứng lên, xoay tròn, vung chân lên, hai bàn chân trần trắng muốt dưới ánh trăng. "Tôi đã nguyên rửa bọn chúng như thế đấy, bằng hơi thở cuối cùng trong cổ họng đầy nước ao của tôi. Và rồi tôi chết. Chúng thiêu xác tôi trên bãi cỏ cho đến khi tôi chỉ còn là một đồng than đen xì, rồi chúng hất tôi vào một cái hố trên khu Nghĩa địa Bàn cùng, chẳng có lấy một hòn đá để đánh dấu tên tuổi" Chỉ

đến lúc ấy cô mới ngừng lại, và có vẻ buồn bã trong thoáng chốc.

"Thế có ai trong số họ được chôn trong nghĩa địa không?" Bod hỏi.

"Không một ai," cô gái nháy mắt nói. "Vào thứ Bảy sau ngày chúng chìm chết và thiêu xác tôi, ông Porringer nhận được một tấm thảm gửi từ tận thành London, đó là một tấm thảm rất đẹp. Nhưng hóa ra trong tấm thảm ấy còn có một thứ khác ngoài những sợi len dày dẹt khéo, bởi vì giữa những họa tiết của tấm thảm là mầm dịch hạch, và đến thứ Hai, năm người trong số chúng đã ho ra máu, còn da chúng đen xỉ như da tôi khi chúng lôi tôi ra khỏi đồng lửa. Một tuần sau thì bệnh dịch đã lan ra gần hết cả làng, vậy là chúng phải ném bừa những cái xác xuống một cái huyệt chung được đào ngoài làng rồi lấp kín lại."

"Tất cả mọi người trong làng đều chết hết à?"

Cô gái nhún vai. "Tất cả những kẻ đã đứng xem tôi bị chìm chết và bị thiêu. Chân cậu thế nào rồi?"

"Đỡ hơn rồi ạ," nó đáp. "Cảm ơn chị."

Bod chậm rãi đứng dậy và tập tễnh trèo xuống khỏi đồng cỏ. Nó tựa người vào hàng rào sắt. "Thế lúc nào chị cũng là phù thủy à?" nó hỏi. "Ý em là, trước khi chị nguyên rửa bọn họ ấy?"

Cô gái khịt mũi đáp, "Đâu cần phải có ma thuật thì mới khiến cho Solomon Porrit lớn vớn quanh nhà tôi."

Bod nghĩ rằng câu nói ấy chẳng hề trả lời câu hỏi của nó chút nào, nhưng nó không nói ra.

"Tên chị là gì?" nó hỏi.

"Không có bí mật," cô gái bĩu môi nói. "Thế thì là ai mà chẳng được. Phải không?"

"Nhưng chị phải có tên chứ"

"Nếu cậu khẳng khái muốn biết, thì là Liza Hempstock," cô gay gắt đáp lại. Rồi cô nói thêm, "Đòi hỏi như thế thì có phải là quá lắm không? Tôi chỉ muốn có một cái gì đó đánh dấu một phần của mình. Tôi nằm ngay dưới kia kìa, thấy không? Nhưng chẳng có gì ngoài mấy bụi tầm ma đánh dấu nơi tôi yên nghỉ" Và trong một thoáng, trông cô buồn rầu đến nỗi Bod chỉ muốn ôm lấy cô. Thế rồi, trong khi chui qua những thanh sắt ở hàng rào, nó chợt nảy ra một ý. Nó sẽ kiếm cho Liza Hempstock một tấm bia mộ, trên có đề tên của cô. Nó sẽ làm cho cô mỉm cười.

Lúc trèo lên đồi, nó quay lại vẫy chào tạm biệt, nhưng cô gái đã biến mất.

o o o

Trong khắp nghĩa địa có vô số mảnh vỡ từ các tấm bia và các bức tượng trên mộ của những người khác, nhưng Bod biết nó không thể đem một thứ như thế đến cho cô phù thủy mắt xám ở khu Nghĩa địa Bàn cùng. Nó sẽ phải kiếm một tấm bia đẹp hơn. Nó quyết định sẽ không cho ai biết kế hoạch của mình, với lý do không phải là không chính đáng rằng họ sẽ ngăn cản nó.

Suốt mấy ngày sau đó, nó nghiền ngẫm trong đầu đủ các kế hoạch khác nhau, mỗi kế hoạch mới lại rắc rối và khó thực hiện hơn kế hoạch cũ. Thầy Pennyworth tỏ ra hết sức thất vọng.

"Ta tin rằng trò đang ngày càng tệ, chứ chẳng hề tiến bộ lên chút nào" thầy tuyên bố, đưa tay gãi gãi chòm râu bụi bặm của mình. "Trò chẳng Tàng hình được gì cả. Trông trò vẫn rõ ràng rành rành ấy. Không ai có thể không chú ý tới trò được. Nếu trò đi đến chỗ ta cùng với một con sư tử màu tím, một con voi

màu xanh lá cây và một con ngựa thần màu đỏ, trên lưng là vua nước Anh đóng đủ bộ Hoàng bào, thì ta tin rằng người ta sẽ chỉ nhìn vào trò và một mình trò mà thôi, còn những thứ kia chỉ là những vật tầm thường không đáng kể."

Bod chỉ trở mắt nhìn thầy, không nói gì. Nó đang tự hỏi không biết ở những nơi người sống thường đến có cửa hàng nào chuyên bán bia mộ hay không, và nếu có thì làm sao để nó có thể tìm được một cửa hàng như thế. Chuyện Tàng hình không hề làm nó bận tâm.

Nó lợi dụng việc cô Borrowes dễ bị sao nhãng để lái câu chuyện từ những bài học Ngữ pháp và Tập làm văn sang một chủ đề hoàn toàn khác về chuyện tiền nong.

o o o

Bod tự hỏi không biết phải lùi lại bao nhiêu ngàn năm thì ngôi mộ ở sâu nhất trong lòng quả đồi này mới nằm trên một vùng đồng bằng, và nó hiểu rằng chắc phải cách đây lâu lắm. Nó có thể cảm thấy các Sát thủ đang cuộn xoáy quanh nó bằng những đợt sóng khiếp hãi, như những tua cuốn của một thứ dây leo ăn thịt. Nó bắt đầu thấy lạnh, đầu óc mụ mẫm đi, như thể một con rắn độc có cái răng nanh lạnh buốt đã cắn vào tim nó, và thứ nọc độc băng giá ấy đang truyền đi khắp người nó.

Nó tiến một bước tới trước, tựa người vào phiến đá, rồi đưa tay ra nắm lấy chiếc trâm cài lạnh toát.

DỪNG LẠI! các Sát thủ rít lên. **CHÚNG TA PHẢI CANH GÁC VẬT ĐÓ CHO CHỦ NHÂN.**

"Ông ấy sẽ không thấy phiền đâu," Bod nói. Nó lùi lại một bước, tiến về phía các bậc thang bằng đá, cố tránh những cái xác khô đét của người và thú trên mặt đất.

Bọn Sát thủ quần quai tức tối, lượn vòng quanh căn buồng nhỏ như những bóng ma bằng khói. Rồi chúng đi chuyển chậm lại. **NÓ SẼ QUAY TRỞ LẠI**, các Sát thủ thốt lên bằng ba giọng nói hòa quyện vào nhau. **LUÔN LUÔN QUAY TRỞ LẠI.**

Bod cố hết sức lao thật nhanh lên những bậc thang đá trong lòng đồi. Có lúc nó đã tưởng như có vật gì đó đang đuổi theo mình, nhưng khi nó xông ra miệng hang ở trong lũng Frobisher và hít thở bầu không khí trong lành buổi sớm mai, thì không có vật gì chuyển động hay bám theo nó cả.

Bod ngồi giữa khoảng không gian thoáng đãng trên đỉnh đồi, tay nắm chặt chiếc trâm cài. Mới đầu nó tưởng chiếc trâm chỉ tuyền một màu đen, nhưng rồi mặt trời mọc, và nó có thể thấy ở giữa lớp kim loại đen có gắn một viên đá đỏ xoáy tròn. Viên đá to bằng quả trứng chim két, và Bod dán mắt vào màu đỏ rực của nó như bị hút hồn, băn khoăn không biết có phải trong lòng viên đá đang có gì đó chuyển động hay không. Nếu Bod còn nhỏ, thì hẳn nó đã muốn cho viên đá vào miệng.

Viên đá được giữ bởi hai cái móc kim loại màu đen giống hình móng vuốt, xung quanh là một vật uốn lượn nữa. Cái vật uốn lượn đó nom như một con rắn, nhưng lại có rất nhiều đầu. Bod tự hỏi không biết đó có phải hình dạng thực sự của các Sát thủ khi chúng hiện ra dưới ánh sáng ban ngày hay không.

Nó đi xuống đồi, tận dụng tất cả các đường tắt mà nó biết; xuyên qua vòm dây trường xuân rậm rạp bao trùm lên hầm mộ của gia đình Bartleby (bên trong hầm mộ là tiếng rì rầm của nhà Bartleby đang chuẩn bị đi ngủ), rồi đi tiếp, chui qua hàng rào sắt vào khu Nghĩa địa Bần cùng.

Nó gọi to "Chị Liza! Chị Liza!" rồi nhìn quanh.

"Chào chú nhóc hậu đậu" giọng Liza vang lên. Bod không nhìn thấy cô, nhưng cái bóng bên dưới cây táo gai như tối sẫm hơn, và khi nó lại gần thì cái bóng biến thành một cái gì đó trong mờ, ánh lên màu bạc như ngọc trai dưới ánh nắng sớm. Một cái gì đó có hình cô gái. Một cái gì đó có cặp mắt xám. "Tôi phải được nghỉ ngơi chứ" cô nói. "Câu muốn gì nào?"

"Tấm bia mộ của chị," nó nói. "Em muốn biết chị muốn ghi chữ gì lên đó."

"Tên của tôi" cô nói. "Nó phải ghi tên tôi, với một chữ E hoa, tức là Elizabeth, giống như vị nữ hoàng đã mất khi tôi ra đời, và một chữ H hoa, tức là Hempstock. Trên đó có viết thêm gì nữa thì tôi không cần biết, vì tôi cũng chẳng phải người hay chữ."

"Thế còn ngày tháng thì sao?" Bod hỏi.

"Willyum Người Chinh phục, một ngàn không trăm sáu mươi sáu" cô nói bằng giọng du dương như hát, trong tiếng gió buổi sáng xào xạc giữa bụi táo gai. "Chỉ cần một chữ E hoa. Và một chữ H hoa."

"Thế chị có nghề nghiệp gì không?" Bod hỏi. "Ý em là, khi chị không làm phù thủy ấy?"

"Tôi làm nghề giặt là" cô gái đáp, thế rồi ánh nắng sớm tràn ngập khoảng đất hoang, và Bod chỉ còn lại một mình.

Đã là chín giờ sáng, cả thế giới đều đang ngủ say. Nhưng Bod thì cương quyết không đi ngủ. Nó có sứ mệnh phải hoàn thành. Nó là một chú bé lên tám, và thế giới bên ngoài nghĩa địa đối với nó không có gì đáng sợ cả.

Quần áo. Nó cần phải có quần áo. Nó biết tấm vải liệm màu xám nó thường mặc sẽ không dùng được. Trong nghĩa địa thì tấm vải ấy là một chiếc áo tốt, vì nó đồng màu với những phiến đá và những cái bóng. Nhưng nếu muốn dần thân vào thế giới bên ngoài những bức tường nghĩa địa thì nó cần phải hòa nhập

vào thế giới đó.

Trong hầm mộ bên dưới ngôi nhà thờ đồ nát có mấy bộ quần áo, nhưng Bod không muốn đi xuống hầm mộ, ngay cả vào giữa buổi sáng. Bod đã sắp sẵn cơ thể tự thanh minh với ông bà Owens, nhưng nó không muốn phải giải thích với chú Silas; chỉ cần nghĩ đến việc đôi mắt tối sẫm của chú trở nên giận dữ, hay tệ hơn nữa là thất vọng, là nó đã thấy hổ thẹn vô cùng rồi.

Ở góc nghĩa địa có nhà kho của người làm vườn, một căn chái nhỏ màu xanh bốc mùi đầu máy, trong đó đặt chiếc máy cắt cỏ đã cũ, không được sử dụng nên hoen gỉ hết, cùng với một số dụng cụ làm vườn cũ kỹ khác. Cái kho đã bị bỏ hoang khi người làm vườn cuối cùng của nghĩa địa về hưu, từ trước khi Bod ra đời, và việc trông coi nghĩa địa bây giờ được chia đều giữa hội đồng thành phố (từ tháng Tư đến tháng Chín, mỗi tháng một lần, họ cử một người đến cắt cỏ và dọn các lối đi) và những người tình nguyện trong thành phố, thuộc hội Bằng Hữu Của Nghĩa địa.

Cửa nhà kho có một chiếc khóa móc lớn để bảo vệ những thứ bên trong, nhưng từ lâu Bod đã phát hiện ra một tấm ván gỗ ở phía sau đã bị long. Thỉnh thoảng khi muốn được ở một mình, nó vẫn chui vào nhà kho để ngồi suy nghĩ.

Kể từ lần đầu tiên đặt chân vào nhà kho, nó đã thấy trong đó có một chiếc áo khoác lao động màu nâu treo ở đằng sau cửa, bị bỏ quên hay vớt lại từ bao nhiêu năm trước, cùng với chiếc quần bò làm vườn dính đầy vết cỏ xanh. Cái quần quá dài đối với nó, nhưng nó xắn gấu quần lên cho đến khi hở hai bàn chân ra rồi dùng một mẩu dây thừng màu nâu quấn quanh bụng làm thắt lưng. Có một đôi ủng ở góc nhà kho, nhưng chúng quá rộng và bùn đất xi măng đóng dày đến nỗi nó gần như không nhấc chân lên

nổi, và nếu nó đi một bước thì đôi ủng lại tuột trên nền nhà. Nó nhét cái áo qua tấm ván bị long, rồi tự mình chui qua, và mặc áo vào. Nó nghĩ nếu xắn hai ống tay lên thì cái áo cũng khá vừa vặn. Chiếc áo có hai túi rộng, nó liền thọc tay vào túi, cảm thấy mình bảnh chọe vô cùng,

Bod đi xuống cổng chính của nghĩa địa, và nhòm qua những chân song ở cổng. Một chiếc xe buýt rầm rầm chạy qua trên phố; rồi có cả xe ô tô, đủ thứ tiếng ồn, đủ loại cửa hàng. Còn đằng sau nó là một vùng xanh mát rậm rạp cây cối và dây thường xuân: mái nhà của nó.

Tim đập thình thịch, Bod bước ra thế giới bên ngoài.

o o o

Trong đời mình Abanazer Bolger đã gặp nhiều loại người kỳ lạ; nếu bạn có một cửa hiệu như của Abanazer thì bạn không thể không gặp những người như thế - cửa hàng nằm giữa những đường ngang ngõ tắt của khu PHỐ CỔ - vừa là cửa hàng bán đồ cổ, vừa là cửa hàng bán đồ cũ, vừa là cửa hiệu cầm đồ (ngay cả bản thân Abanazer cũng không dám chắc phần nào là chính), thu hút đủ loại người kỳ lạ, kẻ muốn mua đồ, kẻ cần bán thứ gì đó.. Abanazer Bolger mua bán mọi thứ trong cửa hàng một cách chính đáng, nhưng việc kinh doanh không chính đáng của lão còn phát đạt hơn, lão mua các thứ có được bằng những cách không lấy gì làm lương thiện, rồi lại êm ái tuồn chúng đi đường khác. Việc kinh doanh của lão giống như một tảng băng vậy. Chỉ có cái cửa hiệu nhỏ bụi bặm này là nổi trên bề mặt mà thôi. Phần còn lại thì chìm bên dưới, và Abanazer Bolger muốn giữ nguyên nó như vậy.

Abanazer Bolger đeo một cặp kính dày cộp, trên mặt lúc nào cũng có vẻ hơi ghê ghê, tựa hồ lão vừa nhận ra rằng món sữa pha trà của mình đã bị chua, và miệng lão không thể quên được cái vị chua ấy. Vẻ mặt ấy rất có lợi cho lão mỗi khi người ta muốn bán thứ gì đó cho lão. "Thật thà mà nói thì nó chẳng đáng giá mấy," lão sẽ nhả mặt mà nói vậy. "Nhưng tôi sẽ trả cho ông bạn một cái giá phải chăng, vì vật này có giá trị tình cảm." Nếu bạn muốn có được thứ gì đó từ Abanazer Bolger, và cũng nhận được một thứ tương đương thế, thì bạn quả là may mắn.

Một cửa hiệu như của Abanazer Bolger thu hút nhiều hạng người kỳ dị, nhưng thằng bé bước vào cửa hàng sáng hôm đó là một trong những kẻ kỳ dị nhất mà Abanazer có thể nhớ được trong suốt cả quãng đời chuyên lừa gạt tài sản của những kẻ kỳ dị. Trông nó khoảng chừng bảy tuổi, và mặc bộ quần áo nom như mượn của ông nội. Người nó bốc mùi như một cái nhà kho. Nó có mái tóc dài bờm xờm, và vẻ mặt nghiêm trang như dưa đám. Tay nó thọc sâu vào túi cái áo khoác nâu cáu bẩn, nhưng mặc dù không nhìn thấy tay thằng bé, Abanazer vẫn có thể nhận ra một vật gì đó đang được nắm chặt - một cách đầy che chở - trong bàn tay phải của nó.

"Xin lỗi ông" thằng bé nói.

"Được rồi, được rồi, chú nhóc," Abanazer Bolger cảnh giác đáp lại. Trẻ con, lão thâm nghĩ. Hoặc là chúng vừa thó được cái gì, hoặc là chúng muốn đem đồ chơi đi bán. Nhưng dù là cái gì đi chăng nữa thì lão vẫn thường từ chối. Cứ thử mua đồ bọn trẻ ăn cắp được mà xem, rồi thì chẳng mấy chốc sẽ bị một ông bố bà mẹ phần nộ nào đó buộc tội vì đã trả Johnnie hoặc Matilda bé bỏng có mười bảng cho chiếc nhẫn cưới của họ. Lũ trẻ bao giờ cũng gây phiền nhiễu hơn là đem lại lợi nhuận.

"Cháu cần mua một thứ cho một người bạn," thằng bé nói. "Và cháu nghĩ có lẽ ông sẽ muốn mua thứ

cháu đem đến."

"Ta không mua đồ của trẻ con," Abanazer Bolger thẳng thừng trả lời.

Bod rút tay ra khỏi túi và đặt chiếc trâm cài lên mặt quầy bán thịt. Bolger liếc mắt nhìn cái trâm, rồi lão cúi xuống sẫm soi. Lão tháo cặp kính ra. Lão lấy một cái thấu kính đặt trên quầy gắn vào mắt. Lão bật ngọn đèn nhỏ trên quầy và dùng thấu kính kiểm tra chiếc trâm một cách kỹ càng. "Xà thạch ư?" lão lẩm bẩm với mình chứ không phải với thằng bé. Rồi lão bỏ thấu kính xuống, đeo cặp kính vào, và chú mục nhìn thẳng bé vẽ cái kính và ngờ vực.

"Chú mày tìm được cái này ở đâu?" Abanazer Bol-ger hỏi.

Bod hỏi, "Ông có muốn mua nó không?"

"Chú mày đã đánh cắp nó. Chú mày thó được nó ở một viện bảo tàng nào đó, phải không?"

"Không" Bod đáp ngay. "Ông có muốn mua nó không, hay để cháu đi tìm người khác muốn mua?"

Nghe vậy, vẻ cáu gắt của Abanazer Bolger liền thay đổi. Đột nhiên lão lại tỏ ra niềm nở vô cùng. Lão toét miệng cười. "Xin lỗi chú nhóc" lão nói. "Chỉ có điều người ta ít khi thấy một món đồ như thế này. Nhất là trong một cửa hiệu như của ta. Ở một nơi không phải viện bảo tàng. Nhưng nhất định là ta muốn mua rồi. Chú nhóc nghe này. Sao hai ta không uống tách trà, ăn miếng bánh quy - ta có một gói bánh quy sô cô la ở phòng trong đây - và bàn xem một món đồ như thế này thì đáng giá bao nhiêu? Chú nhóc thấy thế nào?"

Bod nhẹ cả người khi thấy lão già cuối cùng cũng tỏ ra thân thiện. "Cháu cần đủ tiền để mua một tấm bia" nó nói. "Một tấm bia mộ cho bạn cháu. Ồ, thật ra chị ấy cũng không phải bạn cháu. Chỉ là một người cháu quen thôi. Ông biết không, cháu nghĩ chị ấy đã chữa khỏi chân cho cháu."

Không để ý đến những lời huyền thuyên của thằng bé, Abanazer Bolger dẫn nó ra phía sau quầy hàng, mở cánh cửa dẫn vào buồng kho, một căn phòng nhỏ không cửa sổ, với hàng chồng hộp các tông cao ngất ngưỡng, hộp nào cũng đầy các thứ đồ linh tinh. Trong góc phòng có một chiếc két, một cái két lớn kiểu cổ. Có cả một cái hộp chất đầy đàn vi ô lông, một đồng da thú nhồi mạt cưa, ghế không có mặt, sách vở, tranh ảnh.

Bên cạnh cánh cửa có một cái bàn nhỏ và Abanazer kéo cái ghế độc nhất ra rồi ngồi xuống, để mặc Bod đứng đó. Lão lục lọi trong ngăn kéo, Bod thấy trong đó có một chai whisky đã cạn gần nửa, rồi lão lôi ra một gói bánh quy sô cô la đã gần hết, mời thằng bé một cái; đoạn lão bật đèn bàn lên và lại ngắm nghía chiếc trâm cài, ngắm viên đá với những xoáy tròn màu đỏ và cam, ngắm vòng kim loại màu đen bao quanh, cố ngăn một cái rung mình trước vẻ mặt của những cái đầu rắn. "Thứ này cũ lắm rồi," lão nói. "Nó" - vô giá, lão thầm nghĩ - "có lẽ không đáng giá lắm, nhưng ai mà biết được đây" Mặt Bod xịu xuống. Abanazer Bolger cố tỏ vẻ an ủi. "Nhưng trước khi trả tiền, ta chỉ cần biết là chú mày đã không ăn trộm nó thôi. Chú mày lấy nó từ trong tủ của mẹ hả? Hay trộm từ viện bảo tàng? Cứ cho ta biết. Ta sẽ không gây rắc rối cho chú mày đâu. Ta chỉ muốn biết mà thôi."

Bod lắc đầu. Nó nhắm nhắm cái bánh quy.

"Thế thì chú mày tìm được nó ở đâu?"

Bod không nói gì.

Abanazer Bolger không muốn đặt chiếc trâm xuống, nhưng lão miễn cưỡng đẩy nó ngang qua mặt bàn về phía thằng bé. "Nếu chú mày không thể cho ta biết," lão nói, "thì chú mày nên đem nó về đi. Dù sao thì hai bên cũng phải tin tưởng nhau chứ. Rất vui vì đã được giao dịch với chú mày. Thật tiếc là

chúng ta không thể tiến xa hơn."

Bod có vẻ lo lắng. Rồi nó nói, "Cháu tìm thấy nó trong một ngôi mộ cổ. Nhưng cháu không thể cho ông biết là ở đâu được." Nó ngưng bật, vì một vẻ tham lam hăm hở đã hiện ra trần trụi trên mặt Abanazer Bolger, thế chỗ cho vẻ thân thiện lúc trước.

"Và ở đó có còn những cái giống như thế này không?"

Bod nói, "Nếu ông không muốn mua nó thì để cháu đi tìm người khác. Cảm ơn ông đã cho cháu cái bánh quy."

Bolger nói, "Chú mày đang vội hả? Bố mẹ đang đợi chú mày ở nhà chứ gì?"

Thằng bé lắc đầu, rồi lại ước là mình đã gạt.

"Không có ai đợi cả. Tốt." Abanazer Bolger nắm chặt chiếc trâm trong lòng bàn tay. "Giờ thì hãy cho ta biết chính xác chú mày đã tìm thấy nó ở đâu. Thế nào? "

"Cháu không nhớ," Bod nói.

"Nói thế bây giờ thì quá muộn rồi" Abanazer Bolger nói. "Chú mày hãy nghĩ cho kỹ xem chú mày tìm được nó ở đâu. Rồi, sau khi chú mày đã nghĩ xong, thì chúng ta sẽ nói chuyện, và chú mày sẽ cho ta biết."

Lão đứng lên, ra khỏi phòng, đóng sập cánh cửa lại sau lưng. Lão dùng một chiếc chìa khóa lớn bằng sắt khóa cửa lại.

Lão xòe tay, ngắm chiếc trâm cài nằm trong lòng bàn tay, và mỉm cười một cách đầy thèm thuồng.

Chiếc chuông nhỏ gắn trên cửa ra vào khẽ kêu lên một tiếng, báo hiệu có người vừa bước vào cửa hàng, và lão vội ngược lên, về tội lỗi, nhưng trong cửa hàng chẳng có ai cả. Chỉ có cánh cửa là hơi hé mở, và Bolger liền đẩy nó khép lại, rồi để cho chắc ăn, lão xoay tám biển hiệu ở cửa sổ cho phía có đề chữ ĐÓNG CỬA quay ra ngoài. Lão cài then cửa cẩn thận. Lúc này lão không muốn có kẻ tọc mạch nào xông vào cửa hàng hết.

Ngày mùa thu ấy đã chuyển từ sáng sủa sang xám xịt, và một màn mưa nhẹ lất phất phủ vào ô cửa sổ dơ dáy của cửa hàng.

Abanazer Bolger nhắc chiếc điện thoại trên mặt quầy lên và bấm số bằng những ngón tay gần như không run rẩy chút nào.

"Có món hời, Tom ạ," lão nói. "Ông bạn hãy đến đây càng nhanh càng tốt."

o o o

Bod nhận ra mình đã bị nhốt khi nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ. Nó đẩy cánh cửa, nhưng cửa đã bị khóa rất chắc. Nó cảm thấy mình thật ngu ngốc vì đã để bị dụ dỗ vào đây, thật ngu ngốc vì đã không nghe theo những bản năng đầu tiên mách bảo nó phải tránh khỏi lão già mặt khó đăm đăm kia càng xa càng tốt. Nó đã phá vỡ mọi quy luật của nghĩa địa, và mọi chuyện đã trở nên tồi tệ vô cùng. Chú Silas sẽ nói gì đây? Cả ông bà Owens nữa? Nó cảm thấy mình đang bắt đầu phát hoảng, và nó cố cưỡng lại, cố đẩy cái cảm giác hoảng hốt ấy xuống tận đáy lòng. Rồi sẽ ổn cả thôi. Nó biết vậy. Nhưng tất nhiên, nó phải tìm đường thoát ra đây...

Nó xem xét kỹ căn phòng nơi mình bị nhốt. Nơi này không rộng hơn phòng chứa đồ là mấy, trong có

một cái bàn. Lối ra duy nhất chính là cánh cửa kia.

Nó mở ngăn kéo bàn, nhưng không tìm thấy gì ngoài mấy hộp sơn con con (dùng để đánh bóng đồ cổ) và một cái bút lông. Nó băn khoăn không biết mình có thể hất sơn vào mặt lão già, làm lão mờ mắt trong phút chốc, đủ lâu để nó thoát ra không. Nó mở nắp một hộp sơn và thọc ngón tay vào trong.

"Cậu đang làm gì thế?" một giọng nói vang lên ngay sát tai nó.

"Không làm gì cả," Bod nói, đóng nắp hộp sơn lại và bỏ vào cái túi áo rộng ngoác.

Liza Hempstock nhìn nó không chút xúc động. "Cậu đến đây làm gì?" cô hỏi. "Và lão già béo phì ở ngoài kia là ai?"

"Đây là cửa hàng của lão. Em muốn bán cho lão một thứ."

"Tại sao?"

"Đây không phải việc của chị."

Cô khịt mũi. "Hừ," cô nói, "cậu nên quay về nghĩa địa mới phải!".

"Em không ra được. Lão ta nhốt em trong này rồi."

"Tất nhiên là cậu ra được chứ. Chỉ việc xuyên qua tường..."

Bod lắc đầu. "Em không làm được. Em chỉ làm được thế ở nhà vì từ lúc còn bé tí em đã được trao cho Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa." Dưới ánh điện, nó ngược lên nhìn cô gái. Cô không hiện hình rõ ràng lắm, nhưng cả đời mình Bod đã quen nói chuyện với người chết rồi. "Vớ lại, chị đến đây làm gì? Tại sao chị lại ra khỏi nghĩa địa? Trời đang còn sáng mà. Chị không giống chú Silas. Chị phải ở lại trong nghĩa địa chứ."

Cô đáp, "Có những quy luật mà người được chôn trong nghĩa địa phải tuân theo, nhưng chúng chẳng có tác dụng gì với những người chôn trên khoảng đất không được ban phước. Không ai có thể ra lệnh cho tôi về chuyện tôi nên làm gì hay đi đâu." Cô đưa mắt gườm gườm về phía cánh cửa. "Tôi không thích lão già đó," cô nói. "Để tôi đi xem lão đang âm mưu chuyện gì."

Một chớp sáng lóe lên, rồi Bod lại chỉ còn một mình trong phòng. Nó nghe thấy tiếng sấm ì ầm từ xa vọng lại.

o o o

Giữa bóng tối chong chát đồ đạc trong Cửa hàng Đồ cổ của Bolger, Abanazer Bolger ngược nhìn lên vẻ nghi ngờ, dám chắc có ai đó đang theo dõi mình, rồi chợt nhận ra lão đang cư xử thật ngốc nghếch. "Thằng bé đã bị nhốt trong phòng," lão tự nhủ. "Cửa trước thì đã khóa." Lão đang đánh bóng cái móc kim loại bao quanh viên xà thạch, nhẹ nhàng và cẩn thận như nhà khảo cổ học đang tiến hành một cuộc khai quật, tẩy sạch màu đen, để lộ lớp kim loại ánh bạc bên dưới.

Lão bắt đầu thấy hối hận vì đã gọi Tom Hustings đến, mặc dù Tom Hustings rất to con và hiệu quả cho việc dọa dẫm người khác. Lão cũng bắt đầu thấy tiếc là mình sẽ phải bán chiếc trâm đi sau khi mọi việc đã xong xuôi. Chiếc trâm quả là rất đặc biệt. Càng đánh bóng cho nó sáng ngời lên dưới ngọn đèn bé xíu trên quầy hàng bao nhiêu thì lão càng muốn có nó cho riêng mình bấy nhiêu, chỉ giữ nó cho bản thân lão mà thôi.

Nhưng chắc chắn sẽ còn nhiều thứ giống như thế này nữa. Thằng bé sẽ cho lão biết. Thằng bé sẽ

"Thì sao?"

"Theo như tôi biết," Abanazer Bolger nói - "thì cái người đang được tìm kia là một thằng nhóc."

"Ở đâu mà chả có lũ nhóc," Tom Hustings nói. "Chạy lang thang khắp nơi. Gây đủ chuyện rắc rối."

Tôi không chịu nổi chúng nó. Tức là có một người đang đi tìm một thằng bé cụ thể ấy à?"

"Thằng bé này vừa đúng tuổi. Quần áo của nó thì - ờ, rồi ông sẽ thấy nó ăn mặc như thế nào. Và nó lại tìm ra cái này. Có thể chính là nó."

"Nếu đúng là nó thì sao?"

Abanazer Bolger lại nhặt tấm thiệp lên, ngón tay giữ lấy hai cạnh tấm thiệp, vo vẩy một cách chậm rãi, như đang hơ nó trên ngọn lửa tưởng tượng. "Đây đây là một ngọn nến soi đường cho mi về giường.." lão ngâm nga.

".... và đây đây là Lão đao phủ đến lấy mạng mi,"

Tom Hustings đọc nốt câu đồng dao với vẻ suy tính. "Nhưng ông nghĩ mà xem. Nếu chúng ta gọi người tên Jack ấy đến, thì chúng ta sẽ để mất thằng bé. Và nếu chúng ta để mất thằng bé, thì chúng ta cũng mất luôn cả kho báu."

Vậy là hai lão bàn đi tính lại, suy xét được mất, xem nên báo tin về thằng bé hay đi tìm kho báu, cái kho báu mà trong đầu hai lão thì đã biến thành một cái hang khổng lồ đầy những món đồ quý giá, và trong lúc bàn bạc, Abanazer lôi từ dưới quầy hàng ra một chai mật gai ngâm rượu rồi rót ra hai cốc đầy, gọi là "để phụ thêm vào khoản ăn mừng".

Chẳng mấy chốc Liza đã thấy chán ngấy những lời bàn tán của hai lão già, chẳng có gì ngoài những câu qua lại, vòng vo như chiếc đu quay mà không đi đến đâu hết, vì vậy cô quay lại buồng kho, ở đó cô thấy Bod đang đứng giữa phòng, mắt nhắm nghiền, hai nắm tay siết chặt, mặt co rúm lại như thể đang bị đau răng, và gần như đã tím ngắt cả đi vì nhịn thở.

"Cậu đang làm gì thế?" cô từng từng hỏi.

Nó mở mắt ra, thở phào một cái. "Em đang cố Tàng hình," nó đáp.

Liza khịt mũi. "Thử lại xem nào," cô nói.

Nó thử lại, lần này thậm chí còn nín thở lâu hơn nữa.

"Thôi đi," cô bảo. "Không thì cậu sẽ nổ tung mất."

Bod hít một hơi thật sâu rồi thở dài. "Chẳng có tác dụng gì cả," nó nói. "Có lẽ em nên dùng một hòn đá đập vào đầu lão rồi bỏ chạy vậy!". Trong buồng không có hòn đá nào cả, vì vậy nó nhặt một cái chặn giấy bằng thủy tinh nhiều màu, nâng trong tay để ước lượng sức nặng, tự hỏi không biết nó có thể ném cục chặn giấy này đủ mạnh để ngăn Abanazer Bolger lại hay không.

"Bây giờ ở ngoài ấy có hai người rồi," Liza nói "Nếu lão này không bắt được cậu thì lão kia sẽ làm được thôi. Hai lão ấy nói là muốn cậu chỉ chỗ cậu tìm thấy cái trâm cài, và hai lão sẽ đào ngôi mộ lên để đoạt lấy kho báu" Cô không nói cho nó biết về những lời bàn cãi khác của hai lão già cũng như về tấm thiệp viền đen. Cô chỉ lắc lắc đầu. "Mà sao cậu lại làm một việc ngốc nghếch như thế này chứ? Cậu biết quy tắc về chuyện rời khỏi nghĩa địa rồi mà. Đúng là cậu chỉ muốn đâm đầu vào chỗ rắc rối thôi"

Bod cảm thấy mình thật tầm thường và đàn độn, "Em muốn kiếm cho chị một tấm bia mộ," nó lí nhí thú nhận. "Và em nghĩ như thế sẽ tốn tiền. Vì vậy em muốn bán chiếc trâm cài cho lão ta, để mua cho chị một tấm bia"

Cô gái không nói gì.

"Chị có giận em không?"

Cô lắc đầu. "Đã năm trăm năm nay rồi mới có người làm một điều tử tế như thế cho tôi đấy!", cô nói, khoe miệng thấp thoáng nụ cười tinh quái quen thuộc. "Tại sao tôi lại phải giận kia chứ?" Rồi cô hỏi, "Khi muốn Tàng hình thì cậu làm thế nào?"

"Giống như thầy Pennyworth đã dạy. 'Tôi là một ô cửa trống rỗng. Tôi là một con hẻm không người, tôi không là ai cả. Mắt người thường không thể trông thấy tôi, cái nhìn của họ sẽ không dừng lại ở tôi. Nhưng chẳng có tác dụng gì cả.'"

"Đó là vì cậu vẫn còn sống" Liza khịt mũi nói, "Có những thứ chỉ có tác dụng với người chết như chúng tôi, chúng tôi lúc nào cũng phải cố sức để được nhìn thấy, để được chú ý, nhưng với người sống thì lại chẳng ích gì."

Cô vòng tay ôm lấy người, lắc lư tới lui như đang cân nhắc gì đó. Rồi cô nói, "Cậu đã gặp phải chuyện này vì tôi... Lại đây nào, Nobody Owens."

Nó tiến một bước về phía cô, trong căn phòng bé tẹo ấy, và cô đặt bàn tay lạnh giá trên trán nó. Nó cảm giác như có một tấm khăn lụa ướt áp lên da.

"Nào" cô nói. "Có lẽ tôi có thể giúp lại cậu"

Nói đoạn, cô khẽ lầm rầm đọc mấy câu gì đó mà Bod không nghe ra được. Rồi cô lên tiếng, thật to và rõ ràng,

"Hãy biến thành lỗ hổng, thành cát bụi, thành giấc mộng, thành làn gió.

Hãy biến thành bóng tối, thành màn đêm, thành điều ước, thành ý nghĩ.

Hãy biến đi, biến mất, chẳng ai trông thấy.

Bên trên, phía dưới, ở giữa, ở bên.."

Có một vật khổng lồ gì đó chạm vào Bod, bao phủ từ đầu đến chân làm nó rùng mình. Tóc nó dựng đứng lên, người nó nổi da gà. Có điều gì đó vừa thay đổi. "Chị đã làm gì thế?" nó hỏi.

"Chỉ giúp cậu một chút thôi" cô nói. "Tôi đã chết rồi, nhưng hãy nhớ, tôi là một phù thủy. Và phù thủy chúng tôi thì không bao giờ quên"

"Nhưng mà.."

"Suyt," cô nói. "Hai lão già đang quay lại đây."

Chiếc chìa khóa kêu lách cách trong ổ. "Được rồi, chú nhóc" một giọng nói mà lúc trước Bod chưa nghe rõ vang lên, "ta dám chắc chúng ta có thể trở thành bạn tốt," rồi Tom Hustings đẩy cánh cửa mở ra. Lão đứng ở ngưỡng cửa nhìn quanh một cách bối rối. Lão là người to cao, to cao vô cùng, với mái tóc đỏ như lông cáo và cái mũi đỏ của người nghiện rượu. "Này. Abanazer? Tôi tưởng ông bảo thằng bé ở trong này?"

"Thì đúng thế," Bolger lên tiếng từ phía sau.

"Tôi chẳng thấy dấu vết gì của nó sất"

Bộ mặt của Bolger xuất hiện đằng sau khuôn mặt đỏ phừng phừng của Hustings, và nhòm vào trong buồng. "Đang trốn à," lão nói, nhìn thẳng vào chỗ Bod đang đứng. "Có trốn cũng chẳng ích gì đâu" lão nói to. "Ta trông thấy chú mày rồi. Ra đi thôi."

Hai lão già tiến vào căn phòng nhỏ, và Bod đứng im phăng phắc ở giữa, trong bụng nhớ kỹ bài học của thầy Pennyworth. Nó không hề phản ứng hay cử động. Nó để cho cái nhìn của hai lão già lướt qua

mà không thấy nó.

"Rồi chú mày sẽ phải ước là chú mày đã chui ra khi ta gọi," Bolger nói, rồi lão đóng cửa lại. "Được rồi" lão bảo với Tom Hustings. "Ra đứng chắn ở cửa kia, không cho nó chạy thoát". Và lão đi quanh phòng, tìm kiếm đằng sau các đồng đồ, khó nhọc cúi người xuống để nhòm vào gầm bàn. Lão đi ngay qua chỗ Bod để mở tủ. "Giờ thì ta trông thấy chú mày rồi!" lão hét lên "Chui ra đi!"

Liza cười khúc khích.

"Cái gì thế?" Tom Hustings quay ngoắt lại hỏi.

"Tôi chẳng nghe thấy gì hết" Abanazer Bolger nói.

Liza lại bật cười. Rồi cô chụm môi thổi một cái, phát ra một âm thanh mới nghe thì như tiếng huýt sáo, rồi chuyển thành một tiếng gió hú xa xăm. Những bóng đèn điện trong căn buồng nhỏ chập chờn, kêu lên xì xì rồi tắt ngóm.

"Cái cầu chì chết tiệt," Abanazer Bolger nói. "Đi thôi. Thật là mất thời gian."

Chiếc chìa khóa lại kêu đánh tách trong ổ, và Liza cùng Bod chỉ còn lại một mình trong phòng.

o o o

"Nó chạy trốn mất rồi," Abanazer Bolger nói. Giờ thì Bod có thể nghe thấy tiếng lão vọng qua cánh cửa. "Cán phòng kín như thế. Nó không thể trốn vào đâu được. Nếu nó đang trốn trong đó thì chúng ta đã trông thấy rồi."

"Cái người tên Jack ấy sẽ không hài lòng đâu."

"Ai sẽ nói cho ông ta biết chứ?"

Im lặng một thoáng.

"Này. Tom Hustings. Cái trâm biền đi đâu rồi?"

"Hử? Cái trâm ấy à? Ở đây. Tôi để nó vào đây cho an toàn."

"Cho an toàn ư? Trong túi ông bạn sao? Chỗ an toàn gồm nhĩ, Ông bạn đang định đem nó chuồn khỏi đây thì có - ông định giành cái trâm của tôi cho riêng mình thì có. " "Cái trâm của ông ấy à, Abanazer? Cái trâm của ông ấy à? Ý ông định nói là cái trâm của chúng ta chứ gì." "Của chúng ta, còn khướt ấy. Ông có ở đây lúc thằng bé đem nó đến cho tôi đâu"

"Cái thằng bé mà ông thậm chí còn chẳng giữ nổi cho người tên Jack kia chứ gì? Ông có tưởng tượng nổi là ông ta sẽ làm gì khi phát hiện ra ông đã nắm được thằng bé mà ông ta đang tìm, rồi chính ông lại để cho nó chạy thoát không?"

"Chắc gì nó đã là thằng bé đó. Trên đời còn khối thằng bé khác, ai biết được đây có phải thằng bé ông ta đang tìm hay không? Chắc hẳn nó đã chạy ra cửa sau khi tôi không để ý." Rồi Abanazer Bolger cao giọng dỗ dành, "Ông bạn đừng lo về người tên Jack ấy, Tom Hus-tings ạ. Tôi dám chắc đó là thằng bé khác. Cái đầu lẫn lẫn của tôi đã nhầm lẫn cả. Mà chúng ta đã gần hết rượu mạnh rồi ông có thích làm một chén rượu Scot không? Tôi có một chai whisky ở phòng trong đấy. Ông bạn cứ ngồi đây đợi một lát."

Cửa buồng kho lại mở ra, và Abanazer bước vào, tay cầm cây gậy cùng chiếc đèn pin, mặt mũi trông càng nhăn nhúm hơn bao hết.

"Nếu mày vẫn còn ở trong này, lão thì thảo giọng ghê gớm "thì đừng có mơ tưởng đến chuyện chạy trốn, ta đã gọi cảnh sát đến bắt mày rồi đấy". Lão lục trong ngăn kéo lấy ra chai whisky chỉ còn một nửa, cùng với một cái lọ con màu đen. Abanazer đổ mấy giọt nước từ trong cái lọ nhỏ vào chai, rồi để lọ vào túi. "Đó là cái trâm của ta, chỉ là của ta thôi", lão lầm bầm, rồi nói to, "Tôi ra đây, Tom!"

Lão trừng mắt nhìn quanh căn phòng tối mò, nhìn thẳng qua chỗ Bod, rồi lão đi ra, mang theo chai whisky. Lão khóa cửa lại sau lưng.

"Đây, xin mời," giọng nói của Abanazer Bolger vang lên qua cánh cửa. "Đưa cốc đây nào, Tom. Một hợp rượu Scot làm ta hưng phấn lên ngay. Ông muốn tôi rót đầy đến đâu thì cứ bảo"

Im lặng một lát. "Rượu rẻ tiền. Ông không uống à?"

"Chỗ rượu mạn gai kia làm tôi đau bụng rồi. Phải mất một lúc thì dạ dày tôi mới yên được..." Rồi, "Này Tom! Mày đã làm gì với cái trâm của tao thế hả?"

"Bây giờ thì nó là trâm của mày cơ đấy? Ôi..., mày đã làm gì... mày đã bỏ cái gì vào cốc rượu của tao thế đồ giời bọ!"

"Thì sao nào? Tao đã thấy âm mưu rõ ràng lạnh trên mặt mày, Tom Hustings ạ. Đồ ăn cắp."

Rồi có tiếng la hét, tiếng đổ vỡ cùng mấy tiếng rầm rầm, như thể những món đồ đạc nặng đã bị lật đổ.

... rồi im lặng,

Liza nói, "Nhanh lên nào. Đưa cậu ra khỏi đây thôi."

"Nhưng cửa khóa rồi" Nó đưa mắt nhìn cô, "Chị có làm gì được không?"

"Tôi ấy à? Tôi không có phép thuật nào có thể giúp cậu ra khỏi một căn phòng bị khóa được, cậu bé ạ."

Bod khom người nhòm qua lỗ khóa. Lỗ khóa đã bị chặn, chìa vẫn còn nằm trong đó. Bod ngẫm nghĩ rồi thoáng mỉm cười, nụ cười làm mặt nó sáng bừng lên như được ánh đèn chiếu vào. Nó lôi một mảnh giấy báo nhàu nhĩ từ trong hộp đồ, cố vuốt cho thật phẳng, rồi nhét mảnh giấy xuống dưới ô cửa, chỉ để lại ở phía của mình một góc nhỏ.

"Cậu đang chơi trò gì thế?" Liza sốt ruột hỏi.

"Em cần thứ gì đó kiểu như cái bút chì. Nhưng phải mảnh hơn một chút..." nó nói. "Đây rồi" Và nó lấy một cái bút lông nhỏ trên bàn, cắm cán bút vào trong ổ khóa, xoay xoay mấy cái rồi đẩy cán bút vào sâu hơn.

Một tiếng "cạch" nhỏ vang lên khi chiếc chìa bị đẩy ra và rơi từ trong ổ khóa xuống tờ giấy báo bên dưới. Bod kéo mảnh giấy báo qua khe cửa, giờ trên đó đã có thêm chiếc chìa khóa.

Liza thích thú cười thành tiếng. "Nhanh trí lắm, chàng trai ạ," cô nói. "Đó chính là sự thông thái đấy"

Bod tra chìa khóa vào ổ, xoay một vòng và đẩy cửa buồng kho mở ra.

Ở giữa cửa hàng đồ cổ bừa bộn có hai người đàn ông nằm trên sàn. Đồ đạc đúng là đã bị đổ xuống; khắp cửa hàng đầy những đồng hồ bị đập vỡ, ghế bị bẻ gãy, và ở giữa đống đồ nát đó là tấm thân đồ sộ của Tom Hustings, nằm đè lên thân hình nhỏ bé hơn của Abanazer Bolger. Không lão nào nhúc nhích.

"Họ chết rồi ạ?" Bod hỏi.

"Không may mắn thế đâu" Liza nói.

Trên nền nhà bên cạnh hai lão già là chiếc trâm cài bằng bạc óng ánh; viên đá có xoáy tròn màu đỏ

và da cam với cái móc hình móng vuốt và đầu rắn. Những cái đầu rắn có vẻ hết sức thèm thuồng, đắc thắng, và hài lòng.

Bod bỏ chiếc trâm vào túi cạnh cục chặn giấy nặng bằng thủy tinh, cây bút lông và hộp sơn nhỏ.

"Cầm cả cái này nữa" Liza nói.

Bod nhìn tấm thiệp viền đen với cái tên Jack được viết tay trên đó. Tấm thiệp khiến nó sợ hãi. Ở tấm thiệp có cái gì đó thật quen thuộc, gọi lại những ký ức xưa cũ, một cái gì đó hết sức nguy hiểm. "Em không muốn cầm."

"Cậu không thể để nó lại đây" Liza nói. "Hai lão già này định dùng nó hại cậu đấy."

"Em không thích nó," Bod nói. "Nó là thứ xấu xa. Đốt nó đi."

"Không!" Liza hét hoảng kêu lên. "Đừng làm thế. Cậu không được làm thế."

"Thế thì em sẽ đưa cho chú Silas," Bod nói. Và thằng bé bỏ tấm thiệp vào một cái phong bì để phải chạm vào nó càng ít càng tốt, rồi cho cái phong bì vào túi trong của cái áo khoác làm vườn đang mặc, ngay gần trái tim.

o o o

Cách đó hai trăm dặm, gã đàn ông tên Jack thức dậy và đánh hơi. Hắn đi xuống nhà.

"Cái gì thế?" bà nội hắn vừa khuấy một cái nồi to trên bếp vừa hỏi. "Cháu làm sao vậy?"

"Cháu không biết," hắn đáp. "Có gì đó vừa xảy ra. Một điều... rất thú vị." Rồi hắn liếm mép. "Mùi thơm ngon lắm" hắn nói. "Thơm ngon vô cùng."

o o o

Chớp lóe sáng trên nền đường rải sỏi.

Bod lao qua màn mưa trong khu phố cổ, leo lên ngọn đồi, chạy về phía nghĩa địa. Buổi chiều xám xịt mây đã nhanh chóng tối sầm lại khi nó bị nhốt trong căn buồng kho, và nó không ngạc nhiên chút nào khi một bóng dáng quen thuộc hiện ra dưới ngọn đèn đường. Bod ngần ngừ dừng lại, và một mảng bóng đêm đen thẫm như nhung chập chờn hiện ra thành hình người.

o o o

Chú Silas đứng trước mặt nó, tay khoanh lại. Chú sốt ruột bước về phía trước.

"Thế nào?" chú hỏi.

Bod nói, "Cháu xin lỗi, chú Silas."

"Chú rất thất vọng về cháu, Bod ạ," chú Silas nói, và chú lắc đầu. "Chú đã đi tìm cháu từ lúc thức dậy. Khắp người cháu đầy mùi rắc rối. Và cháu biết là cháu không được phép ra ngoài, không được phép đặt chân vào thế giới của người sống kia mà."

"Cháu biết ạ. Cháu xin lỗi." Nước mưa tuôn rơi trên mặt phẳng bé như nước mắt.

"Trước hết, chú phải đưa cháu về nhà an toàn đã." Chú Silas đưa tay ra quần thằng bé vào trong áo choàng của mình, và Bod cảm thấy mình bay lên khỏi mặt đất "Chú Silas," nó nói.

Chú Silas không trả lời.

"Cháu đã hơi sợ," nó nói. "Nhưng cháu biết chú sẽ đến cứu cháu nếu mọi chuyện trở nên quá tệ. Và chị Liza cũng có ở đó nữa. Chị ấy đã giúp cháu rất nhiều."

"Liza à?" Giọng chú Silas nghe rất gay gắt.

"Chị phù thủy. Ở khu Nghĩa địa Bần cùng ấy ạ."

"Và cháu nói là cô ta đã giúp cháu?"

"Vâng ạ. Nhất là với phép Tàng hình. Cháu nghĩ bây giờ cháu Tàng hình được rồi."

Chú Silas hừ một tiếng. "Khi nào về đến nhà cháu có thể kể lại hết cho chú nghe." Vậy là Bod liền im lặng cho đến khi hai chú cháu dừng lại bên cạnh nhà thờ. Họ đi vào gian sảnh trống không, trong khi mưa trở nên nặng hạt hơn, bắn lên tung tóe từ các vũng nước đọng trên mặt đất.

Bod lôi chiếc phong bì có tấm thiệp viền đen từ trong túi ra. "Ồ," nó nói. "Cháu nghĩ chú nên xem cái này. Đúng hơn là chị Liza nghĩ như thế ạ."

Chú Silas nhìn cái phong bì. Rồi chú mở phong bì, lấy tấm thiệp ra ngắm nghía rồi lật mặt sau lên để đọc những lời hướng dẫn bằng bút chì mà Abanazer Bolger đã viết bằng thứ chữ bé li ti, để tự nhắc mình cách dùng tấm thiệp đó.

"Kể hết cho chú nghe xem nào" chú nói.

Bod kể lại cho chú tất cả những gì nó có thể nhớ được về ngày hôm đó. Khi nó kể xong, chú Silas chậm rãi lắc đầu, vẻ trầm ngâm.

"Cháu có bị phạt không ạ?" Bod hỏi.

"Nobody Owens," chú Silas nói. "Chắc chắn cháu sẽ bị phạt. Nhưng chú tin rằng chú sẽ để cho bố mẹ cháu tự mình quyết định mọi hình phạt cũng như những lời quở trách mà họ nghĩ là cần thiết. Còn cháu thì phải lo tổng khứ vật này đi."

Tấm thiệp viền đen được cất vào giữa những nếp áo choàng nhung, và rồi, theo cái cách thường lệ như các đồng loại của mình, chú Silas biến mất.

Bod kéo áo khoác che đầu, trèo lên lối đi trơn tuột đến đỉnh đồi, và đi vào lăng Frobisher. Nó kéo cổ quan tài của Ephraim Pettyfer sang một bên rồi trèo xuống dưới, xuống dưới nữa, dưới nữa.

Nó đặt chiếc trầm cài trở lại chỗ cũ, bên cạnh cái chén và con dao.

"Đây nhé," nó nói. "Còn được đánh bóng nữa. Trông đẹp hơn hẳn."

NÓ ĐÃ QUAY LẠI, Sát thủ nói, trong giọng nói như những dải khói ấy có một vẻ bằng lòng. NÓ LUÔN QUAY TRỞ LẠI.

• • •

Đó quả là một đêm dài.

Bod rón rén bước đi trong cơn buồn ngủ, ngang qua ngôi mộ nhỏ mang cái tên hay tuyệt của cô Liberty Roach (Những gì cô dùng cho mình thì đã mất, nhưng những gì cô trao cho người khác thì vẫn

còn mãi. Hỡi người viếng mộ, hãy tỏ lòng từ thiện), ngang qua nơi yên nghỉ của Harrison Westwood, Thợ Bánh của Giáo khu, cùng với hai bà vợ của ông ta là Marion và Joan, để đến khu Nghĩa địa Bàn cùng. Vài trăm năm sau khi ông bà Owens chết, người ta mới tuyên bố rằng đánh đập trẻ con là sai trái, và thật đáng tiếc, đêm đó ông Owens đã làm cái việc mà ông coi là bổn phận của mình khiến cái mộng của Bod đau nhừ. Thế nhưng vẻ lo lắng trên mặt bà Owens làm Bod thấy đau lòng hơn bất kỳ trận đòn nào.

Nó đến chỗ hàng rào sắt bao quanh khu Nghĩa địa Bàn cùng và chui qua.

"Có ai ở đây không?" nó gọi. Không có tiếng đáp lại. Ở dưới bụi táo gai cũng chẳng có thêm cái bóng nào. "Hy vọng là em đã không gây thêm rắc rối cho chị," nó nói.

Chẳng có gì hết.

Bod đã trả cái quần bò vào nhà kho của người làm vườn - chỉ mặc tấm vải liệm màu xám của mình nó thấy thoải mái hơn - nhưng nó vẫn giữ chiếc áo khoác. Nó thích có túi áo để bỏ các thứ.

Khi quay lại nhà kho để trả quần, nó đã lấy từ trên tường nhà kho xuống một chiếc liềm nhỏ, và giờ nó dùng cái liềm phạt đám cây tầm ma trong khu Nghĩa địa Bàn cùng làm chúng bắn tứ tung, cho đến khi chúng chỉ còn trơ lại những cái gốc đầy gai trên mặt đất.

Từ trong túi, nó lôi ra cục chặn giấy to bằng thủy tinh rục rở đủ sắc cầu vòng tỏa ra từ phía trong, cùng hộp sơn và chiếc bút lông.

Nó nhúng chiếc bút lông vào sơn và cẩn thận viết lên bề mặt cục chặn giấy, bằng thứ sơn màu nâu, những chữ sau...

E.H.

và bên dưới, nó viết thêm...

chúng tôi không bao giờ quên.

Sắp đến giờ đi ngủ rồi, và khôn ra thì trong thời gian tới đây nó không nên thức quá giờ ngủ nữa.

Nó đặt cục chặn giấy lên nền đất, chỗ trước kia đám tầm ma đã mọc, tính toán để cục chặn giấy nằm đúng vị trí đầu của cô, và chỉ dừng lại một thoáng để chiêm ngưỡng công trình của mình, rồi nó lại chui qua hàng rào và đi lên đồi, không còn rón rén như trước nữa.

"Không đến nỗi tồi," một giọng hoạt bát vang lên từ khu Nghĩa địa Bàn cùng, sau lưng nó. "Không tồi chút nào."

Nhưng khi nó quay lại nhìn thì ở đó chẳng có ai cả.

Chương 5

VŨ HỘI TỬ THẦN

CÓ ĐIỀU GÌ ĐÓ ĐANG XẢY RA, Bod dám chắc như vậy. Nó có thể cảm nhận được điều đó trong bầu không khí khô lạnh của mùa đông, trong ánh sao, trong làn gió, trong bóng tối. Nó có thể cảm nhận được điều đó trong nhịp điệu của những đêm dài ngày ngắn.

Bà Owens đẩy nó ra khỏi ngôi mộ nhỏ của gia đình Owens. "Con ra ngoài chơi đi," bà nói. "Mẹ đang bận."

Bod trở mắt nhìn mẹ. "Nhưng ở ngoài lạnh lắm ạ," nó nói.

"Thì phải lạnh chứ," mẹ nó nói, "đang mùa đông mà. Trời phải lạnh mới đúng. Được rồi," bà nói tiếp, với chính mình hơn là với Bod, "giày này. Còn cái váy - phải lên gấu mới được. Lại còn mạng nhện nữa - sao mà ở đâu cũng thấy mạng nhện thế này. Con ra ngoài đi," bà lại bảo Bod. "Mẹ bận lắm, con ở trong này chỉ tổ vướng thôi."

Rồi bà lầm nhảm hát mấy câu thơ mà Bod chưa từng nghe bao giờ.

"Người giàu cùng người nghèo, hãy đến đây
- Đến đây dự Vũ hội Tử thần"

"Cái gì vậy ạ?" Bod hỏi, nhưng hỏi thế thì thật là sai lầm, bởi vì bà Owens sầm mặt lại như một đám mây dông, và Bod vội vã chạy ra khỏi mộ trước khi bà có thể biểu lộ sự bức dọc của mình một cách mạnh mẽ hơn.

Trong nghĩa địa vừa lạnh vừa tối, và sao đã mọc. Bod đi qua chỗ Má Slaughter trên Đường Ai Cập phủ đầy dây thường xuân. Má đang nheo mắt ngắm bụi cây xanh.

"Mắt của cháu tinh hơn mắt ta, chàng trai ạ," má nói. "Cháu có nhìn thấy bông hoa nào không?"

"Hoa ạ? Hoa vào mùa đông ạ?"

"Đừng có nhìn ta với vẻ mặt như thế chứ, chàng trai," má nói. "Mùa nào cũng có thứ nở hoa. Chúng kết nụ rồi nở hoa, nở rồi lại tàn. Mọi vật đều có thời của mình." Má kéo chiếc áo choàng và mũ che người cho kín hơn, rồi má nói, "Có lúc phải làm việc, có lúc phải chơi. Có lúc phải dự Vũ hội Tử thần. Phải không, chú nhóc?"

"Cháu không biết" Bod nói. "Vũ hội Tử thần là gì ạ?"

Nhưng Má Slaughter đã lại chui vào đám thường xuân và biến mất.

"Lạ thật" Bod nói thành tiếng. Nó đến chỗ lăng của dòng họ Bartleby hòng tìm hơi ấm và bạn bè, nhưng đêm đó, gia đình Bartleby - bảy thế hệ cả thảy - cũng không có thời gian dành cho nó. Họ đang bận bịu lau chùi, dọn dẹp, tất cả bọn họ, từ người già nhất (mất năm 1690) cho đến người trẻ nhất (mất năm 1831). Fortinbras Bartleby, mất năm lên mười (vì bị lao ăn phổi, nó đã bảo với Bod thế, và suốt mấy năm liền Bod cứ tưởng Fortinbras bị một con gấu hay sư tử gì đó ăn thịt, và đã thất vọng vô cùng khi phát hiện ra rằng đó chỉ là một căn bệnh), giờ đang xin lỗi Bod.

"Hôm nay bọn tớ không chơi được, Bod ạ. Bởi vì chẳng mấy chốc nữa, đêm mai sẽ tới. Và người ta có thể nói như vậy bao nhiêu lần trong đời?"

"Đêm nào mà chẳng nói thế được," Bod nói. "Đêm mai luôn luôn đến mà."

"Nhưng không phải là một đêm như thế này," Fortinbras nói. "Một đêm như thế này phải năm thì mười họa mới xuất hiện, nó đã không đến từ lâu lắm rồi!"

"Mai không phải Đêm Guy Fawkes" Bod nói, "cũng không phải Lễ Các Thánh. Cũng không phải Giáng sinh, hay đêm Giao thừa." (Đêm mùng 5 tháng Mười một, ở London có lễ bắn pháo hoa kỷ niệm ngày Guy Fawkes âm mưu làm nổ tung nhà Quốc Hội (vào năm 1605). (Lễ Các Thánh (Halloween), còn gọi là Lễ Ma Quỷ, tổ chức vào ngày 31 tháng Mười. Vào ngày này trẻ em thường mặc quần áo giả trang, đi đến các nhà xin bánh kẹo).

Fortinbras mỉm cười, một nụ cười tươi tắn làm khuôn mặt tròn trịa, lấm tấm tàn nhang của nó bùng lên vui sướng.

"Không phải là đêm nào trong những đêm ấy," nó nói. "Cái đêm này đặc biệt hơn nhiều."

"Nó gọi là gì?" Bod hỏi. "Ngày mai sẽ có chuyện gì xảy ra?"

"Đó là ngày tuyệt vời nhất trên đời" Fortinbras nói, và Bod dám chắc thằng bé sẽ kể tiếp cho nó nghe, nhưng bà nội của Fortinbras, Louisa Bartleby (mới có hai mươi tuổi) đã gọi nó lại và thì thầm gì đó khá gay gắt vào tai nó.

"Không có gì ạ," Fortinbras đáp. Rồi nó quay sang phía Bod nói, "Xin lỗi nhé. Giờ tớ phải làm việc rồi." Nó cầm lấy một cái giẻ và đánh bóng cổ quan tài bụi bặm của mình. "La, la, la, um," nó vừa làm vừa hát. "La la la, um" Và với mỗi tiếng "um," nó lại vung cái giẻ lên, cả người xoay tít một vòng.

"Cậu không hát bài kia à?"

"Bài nào cơ?"

"Bài hát mà mọi người đều hát ấy."

"Giờ thì chưa phải lúc" Fortinbras đáp. "Phải đến ngày mai, phải đợi đến ngày mai kia."

"Không còn thời gian nữa đâu" Louisa nói, cô đã mất khi sinh hạ hai đứa con sinh đôi. "Lo việc của mình đi."

Và bằng chất giọng trong trẻo, êm ái của mình, cô hát,

"Mọi người hãy cùng nghe, cùng ở lại đây. Đến đây dự Vũ hội Tử thần."

Bod đi xuống ngôi nhà thờ nhỏ đồ nát. Nó trèo qua những phiến đá để xuống hầm mộ, ngôi đó đợi chú Silas quay về. Đúng là nó thấy lạnh, nhưng cái lạnh không làm Bod bận tâm là bao: khu nghĩa địa bao bọc lấy nó và người chết thì không quan tâm đến cái lạnh.

Người bảo trợ của nó quay về lúc gần sáng, đem theo một cái túi ni lông to.

"Trong đây có gì thế ạ?"

"Quần áo. Cho cháu đấy. Cháu mặc thử xem." Chú Silas lấy ra một cái áo nỉ màu xám giống như màu tấm vải liệm của Bod, một chiếc quần bò, đồ lót, và cả giày nữa - một đôi giày vải màu xanh nhạt.

"Chúng để làm gì ạ?"

"Ý cháu là ngoài việc để mặc hả? Ồ, trước tiên, là cháu đã đủ lớn rồi - cháu lên mấy rồi nhỉ, mười à? - và tốt hơn hết là cháu nên mặc quần áo bình thường như người sống. Một ngày kia cháu sẽ phải mặc chúng, vì vậy tại sao không bắt đầu luôn từ bây giờ cho quen đi? Hơn nữa, chúng có thể giúp cháu nguy trang."

"Ngụy trang nghĩa là gì ạ?"

"Là khi một thứ trông giống thứ khác đến nỗi người nhìn không biết là mình đang nhìn thấy cái gì."

"Ồ. Cháu nghĩ là cháu hiểu rồi." Bod mặc quần áo vào. Nó gặp chút phiền toái với hai sợi dây giày, và chú Silas phải dạy nó cách buộc dây. Bod thấy cách thắt dây giày thật là rắc rối vô cùng, nó phải tháo ra buộc lại mấy lần thì chú Silas mới bằng lòng. Và cũng đến lúc đó thì Bod mới dám thốt lên câu hỏi của mình.

"Chứ Silas ơi. Vũ hội Tử thần là gì ạ?"

Chú Silas nhướn mày lên và nghiêng đầu sang một bên. "Cháu nghe nói về nó ở đâu?"

"Mọi người trong nghĩa địa đều nói về nó. Cháu nghĩ đó là một sự kiện sẽ diễn ra vào tối mai. Vũ hội Tử thần là gì ạ?"

"Nó là một buổi lễ nơi người ta khiêu vũ, nhảy múa" chú Silas trả lời.

"Tất cả đều phải nhảy điệu vũ Tử thần" Bod nhớ lại và nói. "Chú đã tham dự buổi lễ đó bao giờ chưa ạ? Nó là vũ hội kiểu gì ạ?"

Người bảo trợ nhìn nó bằng cặp mắt như hai hồ nước đen thẳm và đáp, "Chú không biết. Chú biết rất nhiều điều, Bod ạ, bởi vì chú đã đi lại trên thế gian này vào ban đêm từ rất lâu rồi, nhưng chú không biết Vũ hội Tử thần như thế nào. Để tham dự nó ta phải là người đã chết hoặc người còn sống - và chú thì không thuộc loại người nào trong số đó."

Bod rùng mình. Nó muốn ôm lấy người bảo trợ của mình, ôm lấy chú và nói nó sẽ không bao giờ bỏ mặc chú, nhưng đó là một điều không thể làm được. Tìm cách ôm lấy chú Silas cũng sẽ giống như tìm cách ôm lấy ánh trăng vậy, không phải vì chú không có hình hài rõ rệt, mà bởi vì đó là một việc làm sai trái. Có những người mà ta có thể ôm ấp, nhưng lại có những người như chú Silas.

Người bảo trợ của Bod trầm ngâm ngắm nhìn thẳng bé trong bộ quần áo mới. "Trông được lắm" chú nói. "Giờ thì trông như thể cháu đã sống cả đời ở bên ngoài nghĩa địa vậy."

Bod mỉm cười tự hào. Rồi nụ cười biến mất và nó lại tỏ ra nghiêm trang. Nó nói, "Nhưng chú sẽ luôn có mặt ở đây, phải không, chú Silas? Và nếu cháu không muốn thì cháu sẽ không bao giờ phải đi khỏi đây chứ ạ?"

"Mọi việc đều có thời điểm của nó," chú Silas đáp, và đêm đó chú không nói gì thêm nữa.

o o o

Hôm sau Bod dậy sớm, khi mặt trời vẫn còn là một đồng xu bằng bạc cao tí trên bầu trời mùa đông xám xịt. Nó hoàn toàn có thể nằm ngủ suốt ngày và trải qua cả mùa đông trong đêm tối, không bao giờ nhìn thấy mặt trời, vì vậy đêm đêm trước khi đi ngủ nó thường tự hứa là sẽ thức dậy vào lúc mặt trời vẫn còn đang chiếu sáng và rời khỏi ngôi mộ ẩm cúng của gia đình Owens.

Trong không khí có một mùi hương kỳ lạ, ngọt ngào như mùi hoa. Bod bám theo mùi hương ấy lên đồi, đến Đường Ai Cập, nơi những dây thường xuân mùa đông rủ xuống thành từng chùm tạo thành một mảng cây xanh rậm rạp che phủ những bức tường có khắc chữ tượng hình và các tượng giả Ai Cập.

Mùi hương ở đây đậm hơn cả, và trong một thoáng, Bod tự hỏi không biết có phải tuyết đã rơi hay không, bởi vì trên tán lá xanh đã xuất hiện những cụm màu trắng. Bod ngắm kỹ một cụm trắng ấy. Hóa

ra đó là một chùm gồm những bông hoa nhỏ năm cánh, và Bod vừa cúi xuống để hít đầy lồng ngực mùi thơm của những bông hoa thì nghe có tiếng chân người đi lên đồi.

Bod liền tàng hình vào giữa đám thường xuân để quan sát. Ba người đàn ông cùng một phụ nữ, đều còn sống, bước lên con đường, tiến vào Đường Ai Cập. Người phụ nữ đeo trên cổ một sợi dây chuyền cầu kỳ.

"Chính là nó đây à?" bà hỏi.

"Vâng, thưa bà Caraway" một trong ba người đàn ông đáp - người này có dáng mập mạp, tóc trắng xóa, hơi thở hồng hển. Cũng giống như hai người kia, ông ta mang theo một chiếc giỏ lớn trông không, đan bằng cành liễu.

Người phụ nữ tỏ ra bối rối không hiểu. "Thôi được, nếu các vị nói vậy," bà nói. "Nhưng thú thật là tôi chẳng hiểu gì cả." Bà nhìn những chùm hoa. "Bây giờ thì tôi phải làm gì?"

Người nhỏ thó nhất trong số ba người đàn ông lấy từ trong giỏ của mình ra một chiếc kéo bạc đã xỉn màu. "Kéo đây, thưa bà Thị trưởng," ông ta nói.

Người phụ nữ đón lấy chiếc kéo cắt những chùm hoa, rồi cùng với ba người đàn ông, bà đặt hoa vào trong giỏ.

"Thật nực cười hết sức," Thị trưởng, bà Caraway lên tiếng sau một hồi lâu.

"Đây là truyền thống," ông béo nói.

"Nực cười hết sức" bà Caraway nói, nhưng vẫn tiếp tục cắt những chùm hoa trắng và bỏ chúng vào trong giỏ. Khi chiếc giỏ đầu tiên đã đầy, bà hỏi, "Thế đã đủ chưa?"

"Chúng ta phải cắt đầy bốn giỏ hoa," người nhỏ con nói, "rồi phân phát hoa cho tất cả mọi người trong khu Phố Cổ."

"Truyền thống gì mà lạ đời thế?" bà Caraway hỏi.

"Tôi đã hỏi ngài Thị trưởng tiền nhiệm của tôi và ông ấy nói ông ấy chưa bao giờ nghe nói đến chuyện này cả." Rồi bà bỗng nói, "Các vị có cảm giác rằng chúng ta đang bị theo dõi không?"

"Gì kia?" người thứ ba hỏi, từ nãy đến giờ ông ta chưa hề lên tiếng. Ông ta có chòm râu rậm, đầu quần khăn xếp, và xách theo hai chiếc giỏ. "Ý bà là ma ấy à? Tôi không tin là có ma đâu."

"Không phải ma" bà Caraway đáp. "Chỉ là cảm giác như có người đang nhìn chúng ta thôi."

Bod cố cưỡng lại cái mong muốn được chúi sâu hơn vào giữa đám thường xuân.

"Việc ngài Thị trưởng tiền nhiệm không biết về truyền thống này cũng không có gì lạ," người to béo nói, chiếc giỏ của ông ta đã gần đầy. "Đã tám mươi năm rồi, đây là lần đầu tiên những bông hoa mùa đông nở."

Người đàn ông có chòm râu và chiếc khăn xếp, người không tin có ma, lo lắng nhìn xung quanh.

"Mỗi người trong khu Phố cổ được phát cho một chùm hoa," người nhỏ thó nói. "Đàn ông, phụ nữ và trẻ con." Rồi ông ta chậm rãi đọc, như thể đang cố nhớ lại một điều mình đã được học cách đây lâu lắm, "Một người đi, một người ở lại, mọi người đều đến dự Vũ hội Tử thần,"

Bà Caraway khịt mũi. "Toàn chuyện vớ vẩn" bà nói, tay vẫn không ngừng cắt hoa.

Chiều hôm đó bóng tối buông xuống sớm, và đến bốn giờ rưỡi thì trời đã tối hẳn. Bod lang thang trong nghĩa địa tìm người trò chuyện, nhưng xung quanh chẳng có ai. Nó đi xuống khu Nghĩa địa Bần cùng tìm Liza Hempstock, nhưng ở đó cũng chẳng có ai hết. Nó quay về mộ của gia đình Owens và thấy ngôi mộ cũng trống rỗng, chẳng thấy bố mẹ nó ở đâu cả.

Nó bắt đầu hốt hoảng, một nỗi hốt hoảng ở cấp độ thấp. Đó là lần đầu tiên trong mười năm của đời mình Bod cảm thấy bị bỏ mặc ở cái nơi nó luôn coi là nhà mình: nó liền chạy xuống ngôi nhà thờ nhỏ ở chân đồi đợi chú Silas.

Chú Silas không xuất hiện.

"Có lẽ chú ấy đã đi trước khi mình đến", Bod tự nhủ, nhưng nó không tin như vậy. Nó lên đỉnh nhà thờ nhìn xuống. Những ngôi sao tỏa sáng trên bầu trời. Se lạnh, còn trải dài dưới chân nó là những dải ánh đèn của thành phố, đèn đường, đèn pha xe cộ và tất cả những thứ đang chuyển động. Nó chậm rãi xuống đồi đến tận cổng chính của nghĩa địa, và đứng lại đó.

Nó nghe thấy tiếng nhạc.

Bod đã được nghe đủ loại nhạc: tiếng nhạc leng keng vui tai của xe bán kem, bài hát trên đài của công nhân, cả các khúc nhạc mà Claretty Jake chơi cho người dân nghĩa địa nghe bằng cây vĩ cầm bụi bặm của anh ta, nhưng nó chưa bao giờ được nghe tiếng nhạc nào giống như thế này: một loạt những khúc nhạc trầm trầm mạnh dần lên, như đoạn nhạc mở đầu một cái gì đó, một đoạn dạo đầu, một khúc nhạc mở màn.

Nó chui qua cánh cổng khóa chặt, đi xuống chân đồi, tiến vào khu Phố cổ.

Nó đi ngang qua bà Thị trưởng đang đứng ở góc phố, nhìn bà ghim một bông hoa trắng nhỏ lên ve áo một thương gia vừa đi qua.

"Tôi không đích thân tặng tiền cho các hội từ thiện đâu" người ấy nói. "Tôi để việc đó cho văn phòng của tôi."

"Đây không phải từ thiện" bà Caraway trả lời. "Đây là truyền thống của vùng này."

"Ra thế" ông ta nói, ưỡn ngực ra để khoe với toàn thể giới bông hoa nhỏ trắng muốt rồi kiêu hãnh bước đi.

Người tiếp theo tiến đến là một phụ nữ đang đẩy xe nôi.

"Cái này để làm gì?" chị ta nghi ngờ hỏi khi bà Thị trưởng lại gần.

"Một bông cho chị, một bông cho em bé," bà Thị trưởng nói.

Bà ghim bông hoa lên áo khoác của người phụ nữ. Bà dùng băng dính dính bông hoa lên áo đứa bé.

"Nhưng là để cho cái gì?" người phụ nữ hỏi.

"Đây là một nghi thức của khu Phố cổ," bà Thị trưởng giải thích đại khái. "Một truyền thống"

Bod đi tiếp. Đâu đâu nó cũng thấy trên áo mọi người có ghim hoa trắng. Ở các góc phố khác, nó đi qua mấy người đàn ông đã đi cùng bà Thị trưởng, mỗi người đều xách một chiếc giỏ và đang phân phát hoa cho người qua đường. Không phải ai cũng nhận, nhưng phần lớn bọn họ đều cầm lấy một bông.

Tiếng nhạc vẫn đang vang lên: ở đâu đó, bên rìa nhận thức, trang nghiêm và kỳ lạ. Bod nghiêng đầu sang một bên, cố đoán xem tiếng nhạc từ đâu đến, nhưng không đoán nổi. Tiếng nhạc tràn ngập không gian, tràn ngập khắp nơi nơi. Tiếng nhạc phát ra từ những lá cờ và vải bạt trên mái hiên đang lật phật trong gió, phát ra từ tiếng xe cộ ầm ì ở phía xa, phát ra từ tiếng chân người bước đi trên đá lát đường khô hanh...

Và khi ngẩng mọi người đang vội vã quay về nhà, Bod nhận thấy một điều kỳ lạ. Họ đang bước theo nhịp nhạc.

Người đàn ông có râu, đầu đội khăn xếp đã gần hết hoa trong giỏ. Bod bước đến chỗ ông ta.

"Xin lỗi ông," Bod nói.

Ông ta giật nảy người. "Ta không trông thấy cháu," ông nói, vẻ trách cứ.

"Cháu xin lỗi" Bod nói. "Cháu xin một bông được không ạ?"

Người đàn ông đội khăn xếp liếc nhìn Bod vẻ nghi ngờ. "Cháu sống gần đây à?" ông ta hỏi.

"Ồ, vâng ạ," Bod đáp.

Ông ta liền đưa cho Bod một bông hoa. Bod cầm lấy bông hoa, kêu lên "Ui da," khi bị cái gì đó đâm vào ngón tay cái.

"Cháu phải ghim nó lên áo," người đàn ông nói.

"Cẩn thận với cái ghim đấy"

Một giọt máu đỏ thấm rỉ ra trên ngón tay cái của Bod. Nó mút vết thương trong lúc người đàn ông ghim bông hoa lên chiếc áo nỉ của nó. "Tôi chưa bao giờ trông thấy cháu ở quanh đây" ông ta bảo Bod.

"Cháu sống ở đây mà" Bod nói. "Những bông hoa này để làm gì ạ?"

"Đó là truyền thống của khu Phố cổ," người đàn ông đáp, "trước khi thành phố được dựng lên xung quanh nó. Khi những bông hoa mùa đông nở trong khu nghĩa địa trên đồi thì chúng sẽ được hái và phân phát cho tất cả mọi người, đàn ông cũng như đàn bà, trẻ cũng như già, giàu cũng như nghèo."

Tiếng nhạc vang lên to hơn. Bod không biết có phải nó nghe thấy tiếng nhạc rõ hơn là vì nó đang mang bông hoa trên áo hay không - nó có thể nghe thấy một nhịp điệu tựa như một tiếng trống xa xăm, và một giai điệu ngập ngừng, vang vọng khiến nó chỉ muốn nhấc chân lên giậm theo nhịp nhạc.

Bod chưa bao giờ đi đến một nơi chỉ để ngắm nghía cảnh vật. Nó quên bằng mất cái luật cấm nó rời khỏi nghĩa địa, quên bằng rằng đêm nay, trong khu nghĩa địa ở trên đồi cũng chẳng còn cư dân nào nữa; nó chỉ nghĩ đến khu Phố cổ; và nó dạo bước qua đó, tiến về phía công viên thành phố nằm trước tòa thị chính Phố cổ (bây giờ được dùng làm viện bảo tàng và trung tâm thông tin dành cho khách du lịch còn tòa thị chính thì đã được chuyển đến một tòa nhà lớn hơn, mới hơn, nhưng cũng nhàm chán hơn, ở đầu bên kia thành phố).

Cũng có khá nhiều người đang đi dạo trong công viên - giờ đang là giữa mùa đông nên trong công viên chẳng có gì ngoài một bãi cỏ rộng, đây đó rải rác mấy bậc thang, một bụi cây hoặc bức tượng.

Bod say mê lắng nghe tiếng nhạc. Mọi người đang lục tục đổ vào quảng trường từng đợt một. Nó chưa bao giờ cùng lúc thấy nhiều người sống đến thế. Hẳn phải có đến hàng trăm người, tất cả đều đang hít thở, người nào cũng còn sống y như nó, người nào cũng gài trên áo một bông hoa trắng.

Đây có phải những việc người sống thường làm không? Bod tự hỏi, nhưng nó biết rằng không phải: nó biết rằng việc này, cho dù là việc gì đi chăng nữa, cũng hết sức đặc biệt.

Người phụ nữ đẩy xe nôi mà nó trông thấy lúc trước giờ đến đứng bên cạnh nó, bế đứa con trên tay, đầu lắc lư theo tiếng nhạc.

"Nhạc chơi được bao lâu rồi ạ?" Bod hỏi, nhưng chị ta không đáp lại mà chỉ tiếp tục lắc lư người và mỉm cười. Bod nghĩ rằng bình thường chị ta không hay mỉm cười cho lắm. Và khi nó dám chắc rằng chị ta đã không nghe thấy câu hỏi của nó, rằng nó đã tàng hình, hoặc chỉ đơn giản là chị ta không chú ý nên chẳng nghe được lời nó, thì chị ta bỗng thốt lên, "Trời đất ơi. Cứ như Giáng sinh ấy." Chị ta nói như trong mơ, như đang ngắm nhìn bản thân mình từ bên ngoài. Rồi cũng bằng cái giọng mơ màng ấy, chị ta tiếp "Nó làm tôi nhớ đến bà dì Clara, em gái bà ngoại tôi. Sau khi bà tôi mất vào đêm trước lễ

Giảng sinh chúng tôi thường đến chơi nhà dì, và dì chơi đàn trên cây piano cũ, có khi còn hát nữa, và chúng tôi ăn sô cô la với hạt dẻ, nhưng tôi không nhớ nổi một bài nào dì đã hát. Nhưng tiếng nhạc này, nghe như tất cả những bài hát ấy đang vang lên cùng một lúc vậy."

Đứa bé ngả đầu lên vai chị ta như đang ngủ, nhưng ngay cả bàn tay của bé cũng khẽ đu đưa theo tiếng nhạc.

Rồi tiếng nhạc dừng lại và sự im lặng bao trùm khắp quảng trường, một sự im lặng bóp nghẹt mọi tiếng động, như cái im lặng lúc trời đổ tuyết, tất cả các âm thanh khác đều chìm vào bóng tối, như bị nuốt chửng bởi những thân hình trên quảng trường, không một ai giậm chân hay nhúc nhích, thậm chí gần như không dám thở.

Đâu đó gần bên có tiếng đồng hồ đổ chuông: mười hai tiếng chuông báo hiệu nửa đêm, và rồi họ xuất hiện.

Họ đi xuống từ trên đồi thành một đoàn diễu hành chậm rãi, tất cả đều bước nghiêm trang, mỗi hàng có năm người, chen kín con đường. Bod biết họ, hay ít ra cũng là phần lớn bọn họ. Ở hàng đầu tiên, nó nhận ra Má Slaughter, Nam tước Josiah Worthington, ông bá tước già đã bị thương trong cuộc Thập Tự Chinh rồi qua đời ngay khi quay về nhà, cùng với bác sĩ Trefusis, tất cả bọn họ trông đều vô cùng nghiêm nghị và trang trọng.

Trong đám người đứng trên quảng trường có những tiếng kêu hoảng hốt. Một người òa khóc và nói, "Cầu Chúa phù hộ cho chúng ta, ngày phán quyết đến rồi!" Nhưng phần lớn bọn họ chỉ đứng trố mắt nhìn, không hề ngạc nhiên, như thể đây chỉ là một giấc mơ.

Đoàn người chết vẫn tiến bước theo từng hàng một, cho tới khi xuống đến quảng trường.

Nam tước Josiah Worthington bước lên bậc thang, đến trước mặt bà Thị trưởng Caraway. Ngài chìa tay ra và nói thật to cho toàn thể quảng trường nghe thấy, "Thưa quý bà, xin mời bà hãy cùng tôi tham dự Vũ hội Tử thần."

Bà Caraway ngần ngừ. Bà ngược nhìn người đàn ông đứng cạnh mình như để hỏi ý kiến: ông ta mặc đồ ngủ, chân đi dép lê, khoác chiếc áo choàng trong nhà với bông hoa trắng ghim trên ve áo. Ông ta mỉm cười gật đầu với bà Caraway. "Tất nhiên rồi," bà Caraway đáp.

Bà chìa tay ra. Khi ngón tay bà chạm vào tay ngài Josiah Worthington, tiếng nhạc lại vang lên. Nếu như khúc nhạc Bod nghe thấy lúc trước là đoạn dạo đầu, thì giờ không còn đoạn dạo đầu nữa. Đây là bản nhạc mà tất cả bọn họ đã đến đây để nghe, một giai điệu làm chân tay họ ngứa ngáy muốn nhảy theo.

Họ nắm tay nhau, người sống cùng với người chết, và họ bắt đầu nhảy. Bod trông thấy Má Slaughter nhảy với người đàn ông đội khăn xếp, còn ông thương gia nọ thì nhảy với Louisa Bartleby. Bà Owens mỉm cười với Bod rồi nắm tay ông cụ bán báo, còn ông Owens thì đưa tay về phía một cô bé con, không có vẻ hạ cố chút nào, và cô bé cầm lấy tay ông tựa hồ đã chờ đợi cả đời để được khiêu vũ cùng ông. Rồi Bod không nhìn ngó gì nữa, vì có một người vừa nắm lấy tay nó, và buổi khiêu vũ bắt đầu.

Liza Hempstock toét miệng cười với nó. "Thích thật" cô nói, trong khi họ dạo những bước nhảy đầu tiên.

Rồi cô cất tiếng hát theo bản nhạc khiêu vũ.

"Bước lên, xoay người, đi tới, dừng lại Hãy cùng nhau nhảy điệu vũ Tử thần"

Tiếng nhạc khiến tâm trí và trong lồng ngực Bod tràn ngập một niềm vui sướng vô ngần, chân nó

bước đi như thể nó đã biết rõ điệu nhảy này, biết tự thưởng xa xưa vậy.

Nó khiêu vũ cùng Liza Hempstock, và rồi, khi bản nhạc đó kết thúc, nó thấy Protinbras Bartleby nắm lấy tay mình, vậy là nó lại nhảy với Protinbras, lướt qua những hàng người cũng đang say sưa khiêu vũ, họ rẽ ra hai bên cho chúng đi qua.

Bod trông thấy Abanazer Bolger khiêu vũ cùng cô Borrowes, cô giáo cũ của nó. Nó trông thấy người sống khiêu vũ cùng người chết. Và những điệu nhảy hai người một dần dần chuyển thành những hàng người dài cùng nhau đều bước, cứ sau vài bước lại đá chân lên một cái (La-la-la-um ! La-la-la-um!) một điệu nhảy hàng một tập thể, một điệu nhảy cổ xưa từ hàng ngàn năm trước.

Giờ thì Bod lại đứng cạnh Liza Hempstock. Nó hỏi:

"Tiếng nhạc phát ra từ đâu thế?"

Cô chỉ nhún vai.

"Ai đã tổ chức buổi khiêu vũ này?"

"Buổi khiêu vũ luôn luôn diễn ra," cô bảo nó. "Người sống có thể không nhớ, nhưng chúng tôi thì luôn nhớ.." Rồi cô tự ngắt lời, đầy phấn khích. "Nhìn kia!" Trước kia Bod chưa bao giờ được trông thấy một con ngựa bằng xương bằng thịt mà mới chỉ thấy qua tranh ảnh, nhưng con bạch mã đang gõ móng lộp cộp trên phố tiến về phía họ trông không giống những con ngựa trong trí tưởng tượng của nó chút nào. Con ngựa này to lớn hơn nhiều, với bộ mặt dài, nghiêm trang. Trên cái lưng trần của con ngựa là một người phụ nữ mặc chiếc váy dài màu xám trải dài lấp lánh dưới ánh trăng tháng Mười hai, tựa như mạng nhện long lanh trong sương sớm.

Bà tiến vào quảng trường, rồi con ngựa dừng lại và người phụ nữ mặc váy xám xuống khỏi lưng ngựa, đứng trên mặt đất, nhìn thẳng vào tất cả bọn họ, cả người sống lẫn người chết

Bà khẽ nhún đầu gối cúi chào.

Và bọn họ đồng loạt cúi đầu hoặc nhún gối đáp lại, rồi buổi khiêu vũ lại tiếp tục.

"Giờ Phu nhân Xám trên lưng Bạch mã

Dẫn chúng ta vào Vũ hội Tử thần "

Liza cất tiếng hát trước khi vòng xoáy của buổi khiêu vũ kéo cô đi, rời xa khỏi Bod. Bọn họ cùng giậm chân theo nhịp nhạc, bước tới, xoay người, đá chân, và bà phu nhân cũng nhảy cùng họ, cũng bước tới, xoay người và đá chân một cách vô cùng hào hứng. Thậm chí cả con ngựa trắng cũng lắc lư đầu và giậm chân theo tiếng nhạc.

Điệu nhảy trở nên sôi nổi hơn, kéo theo những người tham gia buổi khiêu vũ. Bod đã hết cả hơi, nhưng nó không hề nghĩ đến chuyện dừng lại: đây là Vũ hội Tử thần, buổi khiêu vũ của người sống và người chết, buổi khiêu vũ với Thần Chết. Bod mỉm cười, tất cả mọi người đều mỉm cười.

Chốc chốc, giữa những cú xoay người và giậm chân ngang qua công viên, nó lại trông thấy bà phu nhân trong chiếc áo dài màu xám.

Tất cả mọi người đều đang khiêu vũ, Bod thầm nghĩ, tất cả mọi người! Nhưng ngay khi vừa nghĩ như vậy thì nó chợt nhận ra mình đã nhầm. Một người đàn ông mặc toàn đồ đen đang đứng trong bóng tối bên cạnh tòa thị chính Phố cổ. Người ấy không khiêu vũ. Người ấy chỉ ngắm nhìn họ.

Bod băn khoăn không biết cái biểu hiện nó trông thấy trên mặt chú Silas là sự khao khát, hay đau buồn, hay cái gì khác, nhưng nét mặt người bảo trợ của nó không sao dò thấu.

Nó gọi to, "Chú Silas!" mong rằng có thể kéo chú vào buổi khiêu vũ, để chú cũng được tận hưởng

niềm vui như tất cả mọi người, nhưng khi nghe thấy tiếng nó, chú Silas liền lùi vào bóng tối và biến khỏi tầm mắt.

"Điều nhảy cuối cùng đây!" người nào đó kêu lên, và tiếng nhạc chuyển sang chậm rãi, nghiêm trang, báo hiệu sự kết thúc.

Mỗi người trong buổi khiêu vũ lại chọn lấy một bạn nhảy, người sống cặp với người chết. Bod chìa tay ra, và thấy mình chạm vào tay bà phu nhân mặc chiếc áo như mạng nhện, nhận ra mình đang nhìn vào cặp mắt xám của bà.

Bà mỉm cười với nó.

"Chào cháu, Bod," bà nói.

"Chào bà ạ," nó đáp lại, và nhảy cùng bà. "Cháu không biết tên bà."

"Tên tuổi không quan trọng" bà nói.

"Cháu thích con ngựa của bà lắm. Nó to thật! Cháu không biết là lại có con ngựa to đến thế."

"Nó đủ hiền hòa để chở người hùng mạnh nhất trên đời, và cũng đủ mạnh mẽ để chở người nhỏ bé nhất"

"Cháu cười nó được không ạ?" Bod hỏi.

"Một ngày nào đó," bà đáp, chiếc váy mạng nhện của bà sáng lên óng ánh. "Một ngày nào đó. Ai cũng sẽ được cười nó."

"Bà hứa chứ ạ?"

"Ta hứa"

Thế rồi buổi khiêu vũ kết thúc. Bod cúi đầu thật thấp chào người bạn nhảy của mình, và chỉ đến lúc đó nó mới thấy mệt nhoài, như thể nó đã khiêu vũ hết giờ này sang giờ khác. Nó cảm thấy mọi cơ bắp trên người đều đang lên tiếng kêu ca vì đau nhức. Nó đã hết cả hơi.

Một chiếc đồng hồ đầu đó lại đổ chuông, và Bod đếm từng hồi chuông. Mười hai tiếng. Nó bắn khoăn không biết buổi khiêu vũ đã kéo dài suốt mười hai tiếng, hay hai mươi tư tiếng, hay không một giây phút nào đã trôi qua kể từ khi buổi khiêu vũ bắt đầu.

Nó vươn người đứng thẳng lên, rồi nhìn quanh mình. Những người chết đã biến mất cùng Phu nhân Xám. Chỉ còn lại những người sống đang lục tục kéo về nhà - rời khỏi quảng trường, về cứng đờ, ngái ngủ, như những người vừa thức dậy sau giấc ngủ sâu, bước đi mà không tỉnh táo thật sự.

Quảng trường phủ kín những bông hoa nhỏ trắng muốt. Tựa như một đám cưới vừa diễn ra ở đó vậy.

o o o

Chiều hôm sau, Bod thức dậy trong ngôi mộ của gia đình Owens với cảm giác rằng nó đang nắm giữ một bí mật vô cùng trọng đại, rằng nó vừa làm một điều gì đó rất quan trọng, và nóng lòng muốn được nói về chuyện đó.

Khi bà Owens dậy, Bod liền nói, "Tối qua vui tuyệt mẹ ạ!"

Bà Owens bảo, "Thế à?"

"Mọi người đều khiêu vũ" Bod nói. "Tất cả mọi người. Dưới Phố cổ."

"Thật thế sao?" bà Owens khịt mũi hỏi lại. "Nhảy cơ à? Con biết là con không được phép đi xuống phố cơ mà."

Bod biết rõ khi mẹ nó đang trong tâm trạng như thế này thì tốt hơn hết là không nên tìm cách nói chuyện với bà. Nó liền chạy ra khỏi mộ, bước vào bóng tối đang đổ xuống.

Nó đi lên đồi, đến chỗ cái tháp kỷ niệm đen sạm và tấm bia mộ của ngài Josiah Worthington, nơi có một giảng đường thiên tạo và nó có thể nhìn xuống Phố cổ cùng mọi ánh sáng của thành phố xung quanh nó.

Josiah Worthington đến đứng cạnh nó.

Bod nói, "Ngài đã bắt đầu buổi khiêu vũ. Cùng với bà Thị trưởng. Ngài đã khiêu vũ với bà ấy."

Josiah Worthington trở mặt nhìn nó không đáp.

"Chính là ngài mà," Bod nói.

Josiah Worthington nói, "Người sống và người chết không giao du với nhau, chú bé ạ. Chúng ta không thuộc về thế giới của họ nữa; họ cũng không thuộc về thế giới của chúng ta. Nếu đã tham dự Vũ hội Tử thần cùng họ thì chúng ta cũng không nói về nó, và chắc chắn chúng ta sẽ không nói về nó với người sống."

"Nhưng cháu là một người ở đây mà."

"Chưa đâu, cậu bé ạ. Cậu còn cả đời"

Và Bod chợt hiểu ra mình đã tham gia buổi khiêu vũ với tư cách một người sống, chứ không phải một thành viên trong đoàn người từ trên đồi xuống, và nó chỉ biết đáp lại, "Cháu hiểu rồi... cháu nghĩ cháu đã hiểu rồi ạ."

Nó lao vụt xuống đồi, một chú bé lên mười đang vội vã, chạy nhanh đến nỗi suýt nữa vấp phải bia mộ của Digby Poole (1785-1860, Giờ tôi như thế nào thì bạn cũng sẽ như vậy), nhưng kịp đứng thẳng lên, và xông thẳng vào ngôi nhà thờ cũ, chỉ sợ sẽ không gặp được chú Silas, chỉ sợ người bảo trợ đã đi trước khi nó đến nơi.

Bod ngồi xuống chiếc ghế dài.

Có cái gì đó chuyển động bên cạnh nó mặc dù nó không nghe thấy gì cả, và người bảo trợ của nó lên tiếng, "Chào cháu, Bod."

"Tôi qua chú cũng có ở đó," Bod nói. "Chú đừng có tìm cách chối là chú không có đó, vì cháu biết là chú có đến đó mà."

"Đúng thế," chú Silas đáp.

"Cháu đã nhảy với bà ấy. Với bà phu nhân cưới con bạch mã."

"Thật thế à?"

"Chú đã nhìn thấy mà! Chú đã đứng xem mọi người khiêu vũ! Người sống và người chết! Tất cả đã nhảy với nhau. Tại sao không ai chịu nói về chuyện ấy cả?"

"Bởi vì trên đời có những điều huyền bí. Bởi vì có những điều mà chúng ta không được phép nhắc đến. Bởi vì có những điều mà họ không nhớ được"

"Nhưng chú đang nói về nó đấy thôi. Chú cháu mình đang nói về Vũ hội Tử thần đấy thôi."

"Chú không tham dự buổi khiêu vũ ấy" chú Silas nói.

"Nhưng chú đã trông thấy."

Chú Silas chỉ đáp lại, "Chú không biết mình đã nhìn thấy gì."

"Cháu đã khiêu vũ với bà phu nhân ấy, chú Silas ạ!" Bod reo lên. Người bảo trợ nhìn nó vẻ gần như đau đớn, và Bod bỗng thấy sợ hãi, như một đứa bé vừa đánh thức một con báo đang ngủ.

Nhưng chú Siias chỉ nói, "Chúng ta sẽ không nói về chuyện này nữa."

Bod suýt thốt lên một điều gì đó - có hàng trăm điều nó muốn nói, mặc dù có thể sẽ không khôn ngoan chút nào khi nói lên những điều ấy - nhưng nó bị sao nhãng bởi một thứ khác: một âm thanh xào xạc, êm ái, nhẹ nhàng, và một cái gì đó chạm vào mặt nó, dịu dàng như một chiếc lông mát lạnh.

Lập tức nó quên hết mọi ý nghĩ về buổi khiêu vũ, và nỗi sợ của nó được thay thế bởi một niềm vui sướng kinh ngạc.

Đó là lần thứ ba trong đời nó được trông thấy cảnh này.

"Chú Silas, nhìn này, tuyết rơi rồi!" nó reo lên, niềm vui tràn ngập trong lòng, trong tâm trí nó, không chừa lại chỗ cho bất kỳ ý nghĩ nào khác nữa. "Tuyết rơi thật rồi!"

Chương 6

HỘI ĐỒNG

MỘT TẤM BIÊN NHỎ ĐẶT NGOÀI tiền sảnh khách sạn thông báo rằng phòng họp Washington tối nay đã được thuê để phục vụ một buổi họp kín, nhưng không có thông tin nào cho biết đó là buổi họp gì. Và thật thà mà nói nếu bạn có nhìn thấy những người ngồi trong phòng Washington tối hôm ấy, bạn cũng chẳng biết thêm được gì về những việc đang xảy ra trong đó, tuy chỉ liếc một cái là đã thấy được ở đó không có một người phụ nữ nào. Trong phòng chỉ toàn nam giới, điều đó thì rõ rồi, họ ngồi quanh những chiếc bàn ăn tròn, và đang ăn nốt món tráng miệng.

Có khoảng một trăm người cả thầy, tất cả đều mặc com lê màu đen nghiêm trang, nhưng họ cũng chỉ giống nhau ở những bộ com lê ấy mà thôi. Tóc họ đủ các màu trắng, đen, vàng, đỏ, có người đầu lại trọc nhẵn, vẻ mặt họ hoặc thân thiện hoặc thù địch, niềm nở hoặc lạnh lùng, cởi mở hoặc bí hiểm, thô lỗ hoặc thanh nhã. Phần lớn bọn họ là người da trắng, nhưng cũng có cả người da nâu và da đen. Họ là người châu Âu, châu Phi, người Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Mỹ, Philippin, Hoa Kỳ. Họ nói chuyện với nhau và với bồi bàn bằng tiếng Anh, nhưng giọng nói của họ cũng đa dạng như bản thân họ vậy. Họ đã đến từ khắp mọi nơi trên châu Âu và trên toàn thế giới.

Những người đàn ông mặc đồ đen ấy ngồi quanh bàn, trong khi một người trong bọn họ, một người to béo, mặt mũi tươi tắn, mặc lễ phục như vừa tham dự tiệc cưới, đang đứng trên khán đài, thông báo về các Hành động Từ thiện. Trẻ em từ các nước nghèo đã được đưa đi nghỉ ở nước ngoài. Một chiếc xe buýt đã được mua để đưa những người đang cần thư giãn đi du ngoạn.

Gã đàn ông tên Jack ngồi giữa chiếc bàn ở hàng đầu, cạnh một người dáng dấp sang trọng, tóc bạc trắng. Họ đang đợi cà phê.

"Thời gian đang trôi qua" người tóc trắng nói, "và trong chúng ta không ai có thể trẻ hơn được nữa."

Gã đàn ông tên Jack đáp, "Tôi đã nghĩ rồi. Chuyện xảy ra ở San Francisco bốn năm trước.."

"Đó là chuyện không may, nhưng cũng giống như hoa nở mùa xuân thôi, tra la la, nó chẳng liên quan gì đến vụ này hết. Anh đã thất bại, Jack ạ. Anh có nhiệm vụ thủ tiêu tất cả bọn chúng. Có nghĩa là cả đứa bé mới sinh nữa. Nhất là đứa bé mới sinh ấy. Gần được thì chỉ được tính trong trò ném móng ngựa và lựu đạn thôi"

(Trong trò chơi ném móng ngựa vào cọc, người chơi vẫn được điểm nếu móng ngựa rơi gần cọc (chứ không móc hẳn vào cọc), còn lựu đạn dù không ném trúng mục tiêu thì vẫn có thể gây thương tích).

Một người bồi bàn mặc áo trắng rót cà phê cho những người ngồi quanh bàn: một người nhỏ thó với bộ ria đen tía kỹ, một người cao lớn, tóc vàng, đẹp trai như diễn viên điện ảnh hay người mẫu, và một người da nâu với cái đầu to tướng lúc nào cũng trừng mắt như một con bò tót đang nổi giận. Những

người này đang cố không lắng nghe cuộc trò chuyện của Jark mà chỉ chú ý vào diễn giả trên bục, thậm chí thỉnh thoảng còn vỗ tay nữa. Người đàn ông tóc bạc cho mấy thìa đường đầy có ngon vào cốc cà phê của mình rồi khuấy đều.

"Mười năm rồi," ông ta nói. "Thời gian chẳng chờ đợi ai hết. Chẳng mấy chốc đứa bé đó sẽ lớn lên. Khi ấy rồi sẽ thế nào?"

"Tôi vẫn còn thời gian mà, ngài Dandy," gã đàn ông tên Jack mở miệng, nhưng người tóc bạc ngắt lời, đưa một ngón tay hồng hào chỉ về phía hắn.

"Anh đã có thời gian. Giờ thì anh chỉ còn một thời hạn nhất định mà thôi. Anh phải thông minh lên mới được. Chúng tôi không thể nói tay với anh được nữa. Chúng tôi đã chán ngấy vì phải chờ đợi rồi, tất cả những người tên Jack trong số chúng tôi đều cảm thấy như thế."

Gã đàn ông tên Jack gật đầu cụt lủn. "Tôi đã có một số đầu mối," hắn nói.

Người đàn ông tóc bạc nhấp một hớp cà phê "Thật à?"

"Thật. Và tôi xin nhắc lại, tôi nghĩ nó có liên quan đến vụ rắc rối chúng ta gặp phải ở San Francisco"

"Anh đã bàn việc này với thư ký chưa?" Ngài Dandy chỉ về phía người đang đứng trên bục, người này đang nêu một danh sách những trang thiết bị y tế mà họ đã mua trong năm vừa qua, bằng sự hào phóng của mình. ("Không phải một, không phải hai, mà là ba chiếc máy chạy thận," ông ta nói. Những người trong phòng lịch sự vỗ tay khen ngợi bản thân cùng sự hào phóng của chính họ.)

Gã đàn ông tên Jack gật đầu. "Tôi có nói qua"

"Và sao nữa?"

"Ông ta không quan tâm. Ông ta chỉ muốn kết quả thôi. Ông ta muốn tôi hoàn thành nhiệm vụ tôi đã bắt đầu."

"Tất cả chúng tôi đều muốn thế, anh bạn ạ," người tóc bạc nói. "Thằng bé vẫn còn sống. Và thời gian không còn đồng hành với chúng ta nữa."

Những người khác ngồi quanh bàn, từ nãy đến giờ vẫn giả bộ không chú ý lắng nghe, liền ậm ừ gật đầu vẻ đồng tình.

"Như tôi đã nói đây" ngài Dandy lạnh lùng kết luận. "Thời gian đang trôi đi."

Chương 7

NHỮNG NGÀY ĐẾN TRƯỜNG CỦA NOBODY OWENS

TRỜI ĐỔ MƯA XUỐNG NGHĨA ĐỊA, và cả thế giới biến thành những hình phản chiếu nhạt nhòa trong các vũng nước đục ngầu. Bod ngồi bên dưới cái cổng vòm phân cách giữa Đường Ai Cập cùng khoảng đất hoang phía Tây Bắc đằng sau đó với phần còn lại của nghĩa địa, trốn khỏi tất cả mọi người, dù còn sống hay đã chết, mà có lẽ lúc này đang đi tìm nó, và nó đọc sách.

"Đồ chết giẫm!" từ dưới lối đi vọng lên tiếng quát tháo. "Đồ chết giẫm, cầu cho mày bị móc mắt ra! Khi nào tao bắt được mày - mà chắc chắn là tao sẽ bắt được mày - thì tao sẽ khiến cho mày phải hối tiếc vì đã được sinh ra đời!"

Bod thở dài, bỏ quyển sách xuống, rồi nghiêng người ra vừa đủ để trông thấy Thackeray Porringer (1720-1734, con của bề trên) đang giậm chân giậm cẳng bước lên lối đi. Thackeray là một thiếu niên to con - lúc chết cậu ta đã mười bốn tuổi, và vừa mới được nhận vào học nghề với một người thợ sơn nhà: cậu ta được ông chủ đưa cho tám xu và dặn là không được quay về nếu không mua đủ nửa ga lông sơn sọc đỏ trắng để sơn cái cột bên ngoài cửa hiệu cắt tóc. Thackeray đã mất năm tiếng đồng hồ chạy khắp thành phố trong một buổi sáng tháng Giêng bùn lầy, đi đến đâu cũng bị cười nhạo và bị đuổi sang cửa hàng khác; khi nhận ra mình đã bị lừa, cậu ta nổi điên lên đến độ vỡ mạch máu não, rồi bị quật ngã chỉ trong vòng một tuần, và lúc chết cậu ta vẫn còn phần nộ trùng mắt nhìn những cậu học việc khác và thậm chí cả ông Horrobin, người thợ cả mà bản thân vốn đã phải chịu vô số trò tàn tệ hơn thế khi ông còn là một chú học việc, đến nỗi ông chẳng hiểu tại sao cậu ta lại phải nặng nề lên đến vậy.

Vậy là Thackeray Porringer chết trong cơn giận dữ, tay vẫn còn nắm chặt cuốn Robinson Crusoe, cuốn sách này, cùng với một đồng sáu xu bằng bạc đã mòn hết các cạnh và bộ quần áo mặc trên người, là tất cả gia tài của cậu ta, và thể theo yêu cầu của bà mẹ, cậu ta đã được chôn cùng cuốn sách. Cái chết chẳng làm cho tính khí của Thackeray Porringer khá lên chút nào, và giờ thì cậu ta đang gào thét, "Tao biết mày đang ở quanh đây! Ra nhận hình phạt đi, đồ ăn trộm!"

Bod gập quyển sách lại. "Em không phải ăn trộm, anh Thackeray. Em chỉ mượn tạm thôi. Em hứa khi nào đọc xong sẽ trả lại cho anh."

Thackeray ngẩng lên và trông thấy Bod đang nấp sau bức tượng thần Osiris. "Tao đã bảo mày không được làm thế cơ mà!"

Bod thở dài. "Nhưng ở đây ít sách quá. Em lại đang đọc đến đoạn hay nữa. Ông ấy vừa tìm thấy một dấu chân. Nhưng không phải là dấu chân ông ấy. Tức là trên đảo có người khác!"

"Đây là sách của tao" Thackeray Porringer khẳng khái. "Trả lại đây."

Bod đã sẵn sàng thuyết phục hoặc thương lượng với Thackeray, nhưng rồi thấy vẻ đau khổ trên mặt

cậu ta, và nó đành nhượng bộ. Nó trèo từ trên cổng vòm xuống, và nhảy xuống đất. Nó chia quyển sách ra. "Đây." Thackeray giật lấy quyển sách chẳng lịch sự chút nào, và trừng mắt nhìn Bod.

"Hay là để em đọc cho anh nghe nhé," Bod đề nghị. "Em có thể làm thế được."

"Đi mà đâm cái đầu bã đậu của mày vào tường ấy," Thackeray nói, rồi vung nắm đấm nhắm vào tai Bod. Nắm đấm của cậu ta đập vào tai Bod đau điếng, nhưng bằng vào cái vẻ mặt của Thackeray Porringer thì Bod nhận ra rằng nắm tay cậu ta cũng đau không kém gì tai nó.

Thackeray bước thỉnh thịch xuống đồi, còn Bod nhìn theo, tai nhức nhối, mắt cay xè. Rồi nó xuyên qua màn mưa, men theo con đường trơn trượt phủ đầy dây trường xuân. Đang đi thì nó bị ngã, xước hết đầu gối và rách cả quần.

Bên cạnh bức tường có một khóm liễu, và Bod suýt nữa thì đâm sầm vào cô Euphemia Horsiall cùng Tom Sands, hai người vốn hò hẹn từ mấy năm nay. Tom được chôn cất cách đây đã lâu đến nỗi tấm bia của anh ta chỉ còn là một tảng đá dầm mưa dãi nắng, anh ta đã sống và chết vào thời Chiến tranh Trăm Năm, trong khi cô Euphemia (1861-1883), Nàng đang ngủ, đúng vậy, nhưng nàng đang ngủ giữa những thiên thần) thì lại được chôn vào thời Victoria, sau khi khu nghĩa địa đã được mở rộng tới mức tối đa, và trong khoảng năm mươi năm sau đó, đã trở thành một khu vực kinh doanh khá phát đạt nên một mình cô có riêng cả lăng mộ lớn đằng sau một cánh cửa màu đen trên Đường Liễu. Nhưng dường như đôi tình nhân không hề bận tâm đến sự khác biệt giữa hai giai đoạn lịch sử của họ.

"Cậu nên đi chậm lại, cậu Bod ạ," Tom nói. "Cậu sẽ bị thương mất."

"Em đã bị thương rồi đây này" cô Euphemia nói. "Trời ơi, Bod. Chị dám chắc mẹ em sẽ mắng em một trận cho mà xem. Vá lại chiếc quần ấy không dễ đâu."

"Ồ, xin lỗi anh chị," Bod nói.

"Và người bảo trợ của cậu đang tìm cậu đấy," Tom nói thêm.

Bod ngược nhìn bầu trời xám xịt. "Nhưng trời vẫn còn sáng mà" nó nói.

"Ông ấy đã dậy từ lúc tảng sáng," Tom nói, và Bod nghĩ từ ấy có nghĩa là sớm sủa, "và nhờ tôi bảo cậu là ông ấy cần gặp cậu. Nếu chúng tôi trông thấy cậu."

Bod gật đầu.

"Ở bụi cây đằng sau bia tưởng niệm của Little John đã có hạt dẻ chín rồi đấy," Tom mỉm cười bảo nó, như thể xoa dịu một cú đòn.

"Cảm ơn anh" Bod nói. Nó loạng choạng lao qua màn mưa, men theo con đường uốn lượn đi xuống sườn đồi thấp của nghĩa địa, chạy cho đến khi tới được ngôi nhà thờ cũ.

Cửa nhà thờ đã mở và chú Silas, vốn không ưa gì cả cơn mưa lẫn chút ánh sáng ban ngày còn sót lại, thì đang đứng giữa khoảng bóng tối ở trong.

"Chú cần gặp cháu ạ?" Bod hỏi.

"Ừ," chú Silas đáp. Rồi chú nói, "Cháu làm rách quần rồi kìa"

"Tại cháu chạy ngã đấy ạ," Bod trả lời. "Ồ, cháu đã cãi nhau với Thackeray Porringer. Cháu muốn đọc quyển Robinson Crusoe. Truyện kể về một người đàn ông, trên một con thuyền - nó là thứ dùng để đi trên mặt biển, còn biển thì giống như là một vũng nước khổng lồ ấy - và rồi con thuyền bị đắm và dạt vào một hòn đảo, nó là một thứ trên biển cho ta đứng lên được, và rồi..."

Chú Silas nói, "Đã mười một năm rồi, Bod ạ. Cháu đã ở đây với chúng ta được mười một năm rồi"

"Vâng ạ," Bod nói. "Nếu chú nói thế."

Chú Silas cúi nhìn thẳng bé. Nó hơi gầy, và mái tóc màu nâu xỉn giờ đã sẫm màu hơn.

Trong ngôi nhà thờ cổ chỉ toàn bóng tối.

"Chú nghĩ đã đến lúc chúng ta nói về việc cháu từ đâu đến", chú Silas nói.

Bod hít một hơi thật sâu. Nó đáp, "Không cần phải nói ngay bây giờ đâu ạ. Nếu chú không muốn"

Nó cố tỏ ra thật bình thản, nhưng tim đập thình thịch trong lồng ngực.

Im lặng. Chỉ nghe thấy tiếng mưa tí tách và tiếng nước mưa tràn xuống các ống máng. Sự im lặng kéo dài mãi cho đến khi Bod tưởng như mình nổ tung.

Chú Silas nói, "Cháu biết cháu rất khác biệt. Cháu biết rằng cháu là người còn sống. Rằng chúng ta đã đón nhận cháu - rằng họ đã đón nhận cháu vào nghĩa địa này - và chú đã đồng ý làm người bảo trợ cho cháu."

Bod không nói gì.

Chú Silas tiếp tục bằng cái giọng êm như nhung của mình, "Cháu đã từng có bố mẹ. Và cả một người chị gái nữa. Họ đã bị sát hại. Chú tin rằng kẻ sát hại gia đình cháu đã định giết cả cháu nữa, và cháu được cứu thoát chỉ là do tình cờ và nhờ sự can thiệp của ông bà Owens."

"Và cả chú nữa," Bod nói, từ bao nhiêu năm nay nó đã được nghe rất nhiều người kể về cái đêm ấy, thậm chí có những người đã từng có mặt khi mọi chuyện xảy ra. Đó là một đêm trọng đại trong cuộc sống của nghĩa địa.

Chú Silas nói tiếp, "Chú tin rằng ở ngoài kia, kẻ đã sát hại gia đình cháu vẫn đang tìm kiếm, vẫn đang muốn giết cháu"

Bod nhún vai. "Thì sao ạ?" nó nói. "Thì cháu sẽ chết thôi. Ý cháu là, tất cả các bạn thân nhất của cháu đều đã chết cả rồi mà."

"Đúng thế." Chú Silas ngần ngừ, "Họ đã chết. Và phần lớn bọn họ đều đã sống hết quãng đời của mình. Còn cháu thì chưa. Cháu còn sống, Bod ạ. Điều đó có nghĩa là cháu có những tiềm năng vô tận. Cháu có thể làm bất kỳ việc gì, tạo nên bất kỳ thứ gì, mơ ước bất kỳ điều gì. Nếu cháu muốn thay đổi thế giới thì thế giới sẽ thay đổi. Đó chính là tiềm năng. Một khi cháu đã chết thì tiềm năng đó cũng biến mất. Vĩnh viễn. Cháu đã làm hết những gì cháu có thể làm được, mơ hết những giấc mơ, để lại tên tuổi của mình. Cháu có thể sẽ được chôn ở đây, cháu có thể vẫn đi lại ở đây. Nhưng cái tiềm năng đó thì không còn nữa"

Bod ngẫm nghĩ hồi lâu. Điều đó có lẽ đúng, tuy nó vẫn nghĩ ra được những trường hợp ngoại lệ - chẳng hạn như bố mẹ nó vẫn nhận nuôi nó đấy thôi. Nhưng nó biết người sống và người chết rất khác nhau, mặc dù nó thấy đồng cảm với người chết hơn.

"Thế còn chú thì sao ạ?" nó hỏi chú Silas.

"Chú ấy à?"

"Chú không phải người sống. Nhưng chú vẫn đi lại, làm mọi việc được."

"Chú chỉ là bản thân chú, không hơn không kém" chú Silas nói. "Chú không phải là người sống, như cháu đã nói đấy. Nhưng nếu cuộc đời của chú kết thúc, chú sẽ không tồn tại nữa, chỉ đơn giản vậy thôi. Những người như chú chỉ hoặc là tồn tại, hoặc là không tồn tại. Nếu cháu hiểu chú định nói gì."

"Không hẳn ạ."

Chú Silas thở dài. Mưa đã tạnh, và bầu trời chạng vạng mây mù đã biến thành buổi chiều tà thực sự. "Bod này" chú nói, "có rất nhiều lý do khiến chúng ta nhất thiết phải bảo vệ cháu"

Bod nói, "Cái người đã làm hại gia đình cháu. Cái người muốn giết cháu ấy. Chú chắc chắn hẳn ta vẫn đang tìm kiếm cháu chứ?" Nó đã nghĩ về điều này được một lúc rồi, và giờ nó biết rõ mình muốn gì.

"Phải. Hẳn vẫn đang ở đâu đó ngoài kia."

"Thế thì," Bod nói, rồi nó thốt ra cái điều không thể thốt ra nổi, "Cháu muốn được đến trường"

Chú Silas vốn không tỏ ra bối rối bao giờ. Thế giới có thể sụp đổ ngay trước mắt nhưng chú sẽ vẫn không hề nao núng. Vậy mà lúc này miệng chú hé mở, trán nhăn lại, và chú chỉ hỏi:

"Cái gì?"

"Cháu đã học được rất nhiều điều trong nghĩa địa này" Bod nói. "Cháu biết cách Tàng hình và Âm ảnh. Cháu biết cách mở cánh cổng của quỷ nhập tràng và biết tên các chòm sao. Nhưng ở ngoài kia có cả một thế giới khác, có biển, đảo, thuyền bị đắm, và lợn. Ý cháu là, ở đó có vô số điều cháu không biết. Và các thầy cô giáo ở đây đã dạy cháu rất nhiều, nhưng cháu cần biết nhiều hơn thế. Nếu có ngày cháu muốn sống sót được ở thế giới ngoài kia."

Chú Silas chẳng hề bị ấn tượng. "Điều đó là không thể. Ở đây chúng ta có thể bảo vệ cho cháu. Làm sao chúng ta có thể bảo vệ cháu ở ngoài kia được? Ở đó chuyện gì cũng có thể xảy ra."

"Đúng thế ạ," Bod gật đầu. "Đó chính là cái tiềm năng mà chú đã nói đến đấy" Nó im lặng hồi lâu. Rồi nó nói, "Một kẻ nào đó đã giết bố mẹ và chị cháu."

"Đúng thế."

"Một người đàn ông ạ?"

"Một người đàn ông."

"Như thế có nghĩa là chú đã đưa ra một câu hỏi sai rồi."

Chú Silas nhướn một bên lông mày lên. "Sao lại thế?"

"Là thế này ạ," Bod đáp. "Nếu cháu đi ra thế giới ngoài kia, thì câu hỏi không phải là "ai sẽ bảo vệ cháu khỏi hắn?"

"Không ư?"

"Không ạ. Mà phải là "ai sẽ bảo vệ hắn khỏi cháu?""

Những cành cọ lạo xạo vào các ô cửa sổ cao như đang đòi được cho vào trong. Chú Silas phủi một hạt bụi vô hình trên tay áo bằng cái móng tay sắc nhọn như lưỡi dao. Chú nói, "Chúng ta phải tìm cho cháu một ngôi trường thôi."

o o o

Mới đầu chẳng ai để ý đến thằng bé. Thậm chí còn chẳng ai nhận ra là họ đã không để ý đến nó. Nó ngồi gần cuối lớp. Nó không hay phát biểu, trừ phi có câu hỏi nhằm thẳng vào nó, và ngay cả khi ấy thì câu trả lời của nó cũng rất ngắn gọn, vô vị, chẳng có gì đặc biệt: thằng bé luôn biến đi trong tâm trí và ký ức của ta.

"Chỉ có nghĩ gia đình nó là người cuồng tín

không?" thầy Kirby hỏi lúc ngồi chấm bài trong phòng giáo viên.

"Gia đình ai cơ?" cô McKinnon hỏi.

"Trò Owens ở lớp 8B ấy" thầy Kirby đáp.

"Thằng bé cao lớn, mặt đầy mụn ấy à?"

"Tôi nghĩ không phải. Nó chỉ cao vừa vừa thôi"

Cô McKinnon nhún vai. "Nó thì sao cơ?"

"Tất cả bài vở đều được viết tay" thầy Kirby nói. "Chữ rất đẹp. Kiểu chữ mà hồi xưa người ta thường gọi là chữ khắc đồng ấy."

"Và như thế có nghĩa gia đình trò ấy là những người cuồng tín vì...?"

"Nó bảo nhà nó không có máy vi tính"

"Còn gì nữa?"

"Nó cũng không có điện thoại"

"Tôi chẳng hiểu vì sao như thế lại có nghĩa rằng gia đình trò ấy là những người cuồng tín" cô McKinnon nói, kể từ khi nhà trường cấm hút thuốc trong phòng giáo viên cô đã đổi sang đan móc, và giờ cô đang ngồi đan một chiếc chăn trẻ con chẳng để cho ai dùng cả.

Thầy Kirby nhún vai. "Nó rất thông minh," thầy nói. "Nhưng có những thứ nó lại không biết. Và trong môn lịch sử thì nó lại thêm vào những chi tiết bịa đặt, những chuyện không có trong sách giáo khoa..."

"Ví dụ như chuyện gì?"

Thầy Kirby đã chấm xong bài của Bod và đặt nó xuống cùng những bài khác. Khi không có ví dụ cụ thể nào trước mặt, thầy bỗng thấy toàn bộ sự việc trở nên thật mờ mịt và chẳng quan trọng gì. "Chỉ là những chuyện linh tinh thôi" thầy nói, rồi quên bẵng luôn chuyện ấy. Cũng như thầy đã quên không ghi tên Bod vào danh sách học sinh. Cũng như tên của Bod không có trong dữ liệu của nhà trường.

Thằng bé là một học trò gương mẫu, dễ quên và luôn bị mọi người quên mất, phần lớn thời gian rồi nó thường ngồi cuối lớp tiếng Anh, nơi đặt những cái giá sách bìa mềm cũ, hoặc vào thư viện của trường, một căn phòng rộng đầy sách cùng ghế bành cũ, và nó ngồi đọc truyện một cách say sưa giống như một số đứa trẻ khác say sưa ăn vậy.

Ngay cả bọn học sinh khác cũng không để ý đến nó.

Không phải là khi nó đang ngồi ngay trước mặt chúng: khi ấy thì chúng vẫn nhớ được nó. Nhưng một khi thằng nhóc Owens đó đã biến khỏi tầm mắt thì nó cũng biến luôn khỏi tâm trí của chúng. Chúng chẳng nghĩ gì đến nó cả. Chúng không cần phải nghĩ đến nó. Nếu có ai đó bảo tất cả các học sinh trong lớp 8B hãy nhắm mắt lại và mừng tượng ra toàn bộ hai mươi lăm đứa con trai và con gái trong lớp, thì thằng nhóc Owens đó sẽ không có trong danh sách ấy. Nó tựa như một con ma vậy.

Tất nhiên, khi nó có mặt ở đó thì mọi chuyện lại khác hẳn.

• • •

Nick Farthing mười hai tuổi, nhưng người ta có thể nhầm và thường nhầm nó với một đứa mười sáu tuổi: một thằng nhóc to con với nụ cười méo xệch và đầu óc thì chẳng lấy gì làm giàu trí tưởng tượng. Nó khá thực tế -thực tế một cách sơ đẳng, là một tên trộm vặt có tay nghề, một thằng du côn, không

quan tâm đến chuyện những đứa trẻ khác, chủ yếu là bé hơn, có ưa nó hay không, miễn là bọn chúng làm theo lời nó. Nó cũng có một đứa bạn. Tên con bé là Maureen Quilling, nhưng tất cả mọi người đều gọi nó là Mo. Đó là một con bé gầy gò, da tái tái, tóc vàng vàng, mắt xanh nhạt, với một cái mũi nhọn hay tọc mạch. Nick thích trộm vặt, nhưng chính Mo là đứa bảo nó phải trộm cái gì. Nick có thể đánh đập, dọa dẫm và làm những đứa khác bị thương, nhưng chính Mo là đứa chỉ ra những kẻ cần được dọa dẫm. Như Mo thỉnh thoảng vẫn nói với Nick, chúng là một bộ đôi hoàn hảo.

Chúng đang ngồi ở một góc thư viện chia nhau tiền tiêu vặt xin đều được của bọn lớp bảy. Chúng có một bầy khoảng tám hay chín đứa bé mười một tuổi đã được huấn luyện để hàng tuần giao nộp tiền tiêu vặt cho chúng.

"Thằng nhóc Singh ấy vẫn chưa chịu nộp tiền ra," Mo nói. "Mày sẽ phải đi tìm nó thôi."

"Ừ," Nick đáp, "rồi nó sẽ phải xìa tiền ra."

"Nó đã đánh xoáy cái gì? Một cái đĩa CD à?"

Nick gật đầu.

"Mày chỉ việc cho nó biết nó đã hành động sai trái như thế nào," Mo nói, nó muốn bắt chước những bộ phim hình sự trên ti vi.

"Dễ ợt," Nick nói. "Bọn mình là một đội hoàn hảo mà."

"Như Người Dơi và Robin ấy," Mo nói.

"Giống như bác sĩ Jekyll và ông Hyde hơn" một đứa nào đó lên tiếng, không ai để ý thấy nó đang ngồi đọc sách ở chiếc ghế bên cửa sổ; nói đoạn nó đứng lên và đi ra khỏi thư viện. (Nhân vật trong tiểu thuyết ngắn "Vụ án về bác sĩ Jekyll và ông Hyde" của nhà văn Robert Louis Stevenson, kể về một bác sĩ bình thường sau khi uống thứ thuốc do chính mình chế ra đã biến thành kẻ xấu, vốn là hiện thân của phần "ác" trong con người ông ta).

o o o

Paul Singh đang ngồi trên bục cửa sổ trong phòng thay quần áo, hai tay đút sâu vào túi quần, đầu óc đầy những ý nghĩ bi quan. Nó rút một tay ra khỏi túi, mở tay ra, nhìn năm tiền xu một bảng trong lòng bàn tay, rồi lắc đầu và nắm tay lại.

"Có phải Nick và Mo đang đòi chỗ tiền ấy không?" một giọng nói vang lên, làm Paul giật nảy mình, đánh rơi tiền ra khắp sàn.

Thằng bé kia giúp Paul nhặt tiền lên, đưa những đồng xu cho nó. Thằng bé đó lớn hơn Paul một chút, và.....

Thằng bé kia lắc đầu. "Không. Tớ thấy chúng nó thật tởm." Nó ngần ngừ. Rồi nói, "Thật ra tớ đến đây để cho cậu một lời khuyên."

"Thế à?"

Paul nhớ mang máng hình như mình đã trông thấy nó ở quanh đây, nhưng nó không dám chắc. Paul hỏi, "Cậu là đồng bọn của chúng nó à? Đồng bọn của Nick và Mo ấy?"

"Đừng đưa tiền cho chúng nó."

"Cậu nói thế thì dễ lắm"

"Tại vì tớ không phải người bị chúng nó tống tiền à?"

Thằng bé ấy nhìn thẳng vào Paul, và Paul đưa mắt nhìn đi chỗ khác, đầy hổ thẹn.

"Chúng nó đã đánh hoặc dọa dẫm cậu cho đến khi cậu ăn cắp một chiếc đĩa CD cho chúng nó. Rồi chúng nó bảo cậu phải nộp tiền tiêu vặt của cậu cho chúng nó, nếu không thì chúng nó sẽ mách. Chúng nó đã làm gì, quay phim cảnh cậu ăn cắp à?"

Paul gật đầu.

"Cứ bảo chúng là cậu sẽ không đưa tiền cho chúng nó" thằng bé nói. "Đừng chịu thua chúng"

"Chúng sẽ giết tớ mất. Và chúng bảo là..."

"Cậu hãy bảo với chúng là cảnh sát và các thầy cô giáo ở trường sẽ quan tâm đến hai đứa du côn chỉ biết bắt những đứa lớp dưới ăn cắp cho chúng, rồi lại nặn tiền tiêu vặt của bọn này, hơn là một đứa bé bị ép phải đánh xoáy một chiếc đĩa CD. Hãy bảo là nếu chúng còn đụng đến cậu thì cậu sẽ gọi cảnh sát. Rằng cậu đã ghi chép lại mọi chuyện, và nếu có chuyện gì xảy ra với cậu, bất kỳ chuyện gì, nếu cậu bị bầm tím mắt hay là gì đó đại loại thế, thì các bạn của cậu sẽ gửi lá đơn ấy đến cho cảnh sát và nhà trường ngay"

Paul nói, "Nhưng mà. Tớ không thể làm thế được."

"Nếu không thì trong suốt những năm còn lại ở trường này, cậu sẽ phải nộp tiền tiêu vặt của mình cho chúng. Và cậu sẽ luôn phải sợ chúng nó"

Paul ngẫm nghĩ một lát. "Sao tớ không báo cảnh sát luôn?"

"Nếu cậu muốn thì làm thế cũng được."

"Tớ sẽ thử cách của cậu trước," Paul nói. Nó mỉm cười. Đó không phải nụ cười tươi tắn cho lắm, nhưng dù sao thì vẫn là một nụ cười, nụ cười đầu tiên của nó từ ba tuần nay.

Vậy là Paul Singh đã giải thích với Nick Farthing rằng vì sao và bằng cách nào, nó sẽ không bao giờ nộp tiền cho Nick nữa, rồi bỏ đi trong khi Nick Farthing đứng trơ ra đó, không nói nổi một lời, chỉ biết hét siết chặt rồi lại buông hai nắm tay ra. Ngày hôm sau, năm đứa lớp bảy khác đi đến chỗ Nick Farthing ở dưới sân chơi và bảo nó là chúng muốn được trả lại tiền, tất cả chỗ tiền tiêu vặt mà chúng đã nộp cho nó từ tháng trước, nếu không thì chúng sẽ đi báo cảnh sát, và giờ thì Nick Farthing đã trở thành một thằng nhóc vô cùng tức tối.

Mo bảo "Chính là nó. Nó đã khởi đầu chuyện này. Nếu không nhờ có nó thì... bọn kia sẽ chẳng bao giờ tự mình nghĩ ra được. Bọn mình sẽ phải dạy cho nó một bài học. Rồi bọn kia sẽ phải rậm rập nghe theo thôi."

"Ai cơ?" Nick hỏi.

"Cái thằng lúc nào cũng cắm mắt vào quyển sách ấy. Tao sẽ chỉ nó cho mày" Mo đáp.

Nick chậm rãi gật đầu. Rồi nó hỏi, "Nó là đứa nào?"

Cái thằng trong thư viện ấy. Bob Owens. Chính là nó."

Bod đã quen với việc bị mọi người lơ đi và luôn chìm vào bóng tối. Khi cái nhìn của người khác thường lướt qua bạn mà không dừng lại, bạn sẽ dễ dàng nhận ra một khi có những ánh mắt hướng về phía mình, nhận ra khi có người để ý đến mình. Và nếu bạn hầu như không tồn tại trong tâm trí của người khác với tư cách một con người bằng xương bằng thịt, thì khi bị chỉ ra, khi bị bám theo... những việc này tự bản thân chúng cũng lôi kéo sự chú ý của bạn.

Chúng đã bám theo nó từ khi ra khỏi trường, bám theo nó ngược lên con phố, đi qua cửa hàng bán

báo ở góc phố, và qua cây cầu có đường ray. Nó đi thật chậm để biết chắc là hai đứa đang bám theo mình, thằng nhóc to con và con bé tóc vàng mặt mũi ranh ma nọ, không bị mất dấu, rồi nó tiến vào cái sân nhà thờ nhỏ xíu ở cuối con đường, một khu nghĩa địa tí hon nằm phía sau nhà thờ của thành phố, và đứng đợi bên cạnh mộ của Roderick Persson cùng với vợ ông ta là Amabella, và vợ thứ hai của ông ta, Portunia. (Họ ngủ giấc ngàn thu để thức dậy trên thiên đàng).

"Mày chính là thằng nhóc đó," một giọng con gái vang lên. "Bob Owens. Mày sắp gặp rắc rối to rồi đây, Bob Owens ạ."

"Tên tao là Bod," Bod nói, nhìn thẳng vào chúng. "Kết thúc bằng chữ D. Còn bọn mày là Jekyll và Hyde."

"Chính là mày" con bé nói. "Mày đã lôi kéo bọn lớp bảy."

"Và bọn tao sẽ dạy cho mày một bài học" Nick Farthing nói, nhe răng cười hung dữ.

"Tao thích các bài học," Bod nói. "Và nếu chú ý đến bài học của bọn mày hơn, thì bọn mày sẽ không phải bắt nạt đám lớp bảy để ăn chặn tiền tiêu vặt của chúng."

Trán Nick nhăn lại. Rồi nó nói, "Mày xong đời rồi Owens."

Bod lắc đầu, rồi nó đưa tay chỉ quanh mình. "Chưa đâu" nó nói. "Họ mới là những người đã xong đời."

"Ai cơ?" Mo hỏi.

"Những người ở đây" Bod nói. "Nghe này. Tao dẫn bọn mày đến đây là để cho bọn mày một cơ hội..."

"Mày đâu có dẫn bọn tao đến đây," Nick nói.

"Bọn mày đã đến đây" Bod nói. "Tao muốn bọn mày đến đây. Tao đến đây. Bọn mày đi theo tao. Cũng thế cả thôi".

Mo lo lắng nhìn quanh. "Mày có đồng bọn ở đây à?" nó hỏi.

Bod nói, "Tao e là mày đã hiểu sai rồi. Bọn mày phải ngừng chuyện này lại. Đừng đối xử với người khác như thể họ chẳng quan trọng gì. Đừng làm hại người khác nữa"

Mo cười xảo quyệt. "Trời đất ơi," nó bảo Nick. "Nện cho nó một trận đi."

"Tao đã cho bọn mày một cơ hội," Bod nói. Nick hung hãn vung nắm đấm về phía Bod, nhưng Bod không còn ở đó nữa, và nắm tay của Nick đập vào tấm bia mộ.

"Nó biến đi đâu rồi?" Mo hỏi. Nick đang chửi thề và lắc lắc bàn tay. Con bé bối rối nhìn quanh khu nghĩa địa mờ tối. "Nó vừa mới ở đây xong. Mày nhìn thấy nó mà."

Nick không phải đứa giàu trí tưởng tượng, và lúc này nó cũng không muốn nghĩ ngợi gì thêm. "Có lẽ nó đã chạy mất" nó nói.

"Nó không chạy" Mo bảo. "Nó chỉ biến mất thôi." Mo là đứa có trí tưởng tượng. Nó là đứa nghĩ ra những ý tưởng kia. Trong khu nghĩa địa rợn người ấy, bóng chiều đã phủ xuống làm tóc gáy nó dựng đứng lên. "Có chuyện gì đó không ổn, không ổn tí nào". Mo nói. Rồi nó giục Nick, bằng một giọng the thé đầy hoảng hốt, "Chạy khỏi đây thôi"

"Tao sẽ tìm ra thằng nhóc ấy," Nick Farthing nói. "Tao sẽ đập bẻ ruột nó ra." Mo thì cảm thấy trong bụng có cái gì đó cồn cào. Bóng tối nom như đang chuyển động xung quanh chúng.

"Nick," Mo nói, "tao sợ lắm"

Nỗi sợ rất hay lây. Ta có thể bị lây nỗi sợ từ một người khác. Đôi khi chỉ cần một người lên tiếng

thú nhận rằng họ thấy sợ là nỗi sợ sẽ trở thành sự thật. Mo đã chết khiếp, và giờ thì Nick cũng thế.

Nick không nói gì. Nó chỉ chạy thẳng, và Mo bám theo sát gót. Những ngọn đèn đường đã bắt đầu sáng lên khi chúng quay trở về với thế giới bình thường, biến bóng chiều thành màn đêm thực sự, biến những góc nhập nhoạng thành những nơi tăm tối, ở đó bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra.

Chúng chạy một mạch về đến nhà của Nick, và lao vào trong, bật tất cả đèn đóm lên, rồi Mo phải gọi điện cho mẹ nó, gần như phát khóc lên khi đòi mẹ nó phải đem ô tô đến chở nó một quãng đường ngắn về nhà, bởi vì tối hôm ấy nó nhất định không chịu đi hộ về, Bod hài lòng nhìn chúng chạy đi "Cháu làm giỏi đấy!" một người phụ nữ cao lớn mặc đồ trắng đứng sau lưng nó lên tiếng. "Đầu tiên là phép Tàng hình rất tài tình, Rồi tiếp theo là phép Sự hãi. "Cảm ơn bà ạ" Bod nói. "Cháu thậm chí còn chưa thử truyền nỗi Sợ hãi cho người sống cơ, ý cháu là, cháu biết rõ thuyết, nhưng mà, dù sao thì cháu cũng đã thử"

"Cháu đã rất thành công" người phụ nữ vui vẻ nói. "Ta là Amabella Misson."

"Cháu là Bod Nobody Owens."

"Cậu bé còn sống ấy à? Đến từ khu nghĩa địa lớn ở trên đồi ư? Thật sao?"

"Ừm." Bod không nhận ra là có người ở ngoài nghĩa địa của nó lại biết đến nó. Amabella đang gõ gõ lên thành ngôi mộ. "Roddy? Portunia ? Ra mà xem ai đang ở đây này!"

Thế là bọn họ cùng hiện ra, rồi Amabella giới thiệu Bod, nó bắt tay họ và nói, "Cháu rất hân hạnh", bởi vì nó biết cách chào hỏi mọi người với những phép tắc khác nhau của chín trăm năm lịch sử.

"Cậu Owens đây vừa dọa cho mấy đứa trẻ một mẻ hết hồn, mà chắc chắn là chúng đáng bị như thế", Amabella giải thích.

"Giỏi lắm" Roderiek Misson nói. "Hắn là chúng đã cư xử một cách đáng trách?"

"Chúng là những đứa hay bắt nạt ạ. Bod đáp "Chúng bắt bọn lớp dưới nộp tiền tiêu vặt cho chúng. Đại loại thế."

"Một mẻ Dọa dẫm bao giờ cũng là khởi đầu tốt" Portunia Persson nói, bà là một người phụ nữ phốp pháp, già hơn Amabella nhiều. "Và cháu định sẽ làm gì nếu nó không có tác dụng?"

"Cháu chưa nghĩ đến..." Bod mở miệng, nhưng Amabella ngắt lời nó.

"Ta xin gợi ý phép Mộng du, đó là cách thức hiệu quả nhất. Cháu biết làm phép Mộng du chứ, phải không?"

"Cháu không chắc lắm ạ," Bod nói. "Thầy Penny-worth đã dạy cho cháu, nhưng cháu chưa thử - ờ, có những phép cháu chỉ biết lý thuyết thôi, và..."

Portunia Persson xen vào, "Mộng du cũng được, nhưng ta xin gợi ý phép Âm ảnh. Đó là thứ ngôn ngữ duy nhất mà cái loại như bọn chúng có thể hiểu được."

"Ồ," Amabella nói. "Phép Âm ảnh ấy à? Chị Portunia thân mến, tôi không nghĩ vậy đâu.."

"Cô thì chẳng nghĩ gì bao giờ. Nhưng may mắn là một người trong số chúng ta còn biết sử dụng đầu óc của mình."

"Cháu phải về nhà đây ạ," Bod vội nói. "Hắn mọi người ở nhà đang lo không biết cháu ở đâu."

"Tất nhiên rồi," gia đình Persson đáp, cùng với những câu như, "Rất vui được gặp cháu" và, "Chúc cháu một buổi tối tốt lành, chàng trai trẻ." Amabella và Portunia vẫn đang lờm ngáy nhau. Roderick Persson nói.

"Cho phép ta hỏi thăm người bảo trợ của cháu. Ông ấy vẫn khỏe chứ?"

"Chú Silas ấy ả? Vâng, chú ấy vẫn bình thường."

"Nhờ cháu chuyển lời hỏi thăm của chúng ta đến cho ông ấy. Ta e rằng ở một nghĩa địa nhỏ như thế này thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ được gặp một thành viên thực sự của đội Hộ vệ Danh dự. Nhưng dù sao thì cũng thật tốt khi biết rằng họ đang ở đó."

"Chào ông ả," Bod nói, chẳng biết ông ta đang nói về chuyện gì, nhưng tự nhủ sẽ để việc đó lại ngẫm nghĩ sau. "Cháu sẽ nói với chú ấy."

Nó xách cặp lên, rồi đi về nhà, tìm kiếm nguồn an ủi trong bóng tối quen thuộc.

o o o

Đi học với người sống không có nghĩa là Bod được bỏ những bài học của nó với người chết. Những buổi học ban đêm ấy thường rất dài, và đôi khi Bod phải xin lỗi rồi mệt nhoài bò về giường trước lúc nửa đêm. Nhưng phần lớn thời gian nó vẫn chịu khó ngồi cho hết buổi.

Gần đây thầy Pennyworth không còn gì phải kêu ca nữa. Bod học hành rất chăm chỉ, và liên tục đặt câu hỏi. Tối hôm ấy nó hỏi về phép Âm ảnh, những câu hỏi mỗi lúc một tỉ mỉ hơn khiến cho thầy Pennyworth bực cả mình, vì bản thân thầy cũng không chuyên sâu về việc ấy.

"Cụ thể là em phải làm thế nào để tạo ra một điểm lạnh trong không khí ả?" nó hỏi, rồi, "Em nghĩ em đã nắm vững được cách gây Sợ hãi rồi, nhưng làm sao để em tăng nó lên thành nỗi Kinh hoàng ả?" và thầy Pen-nyworth chỉ biết thở dài, ậm ừ, rồi cố hết sức để giảng giải cho nó. Đến khi hai thầy trò xong bài học thì đã hơn bốn giờ sáng rồi.

Ngày hôm sau ở trường Bod mệt lử cả người. Tiết học đầu tiên là tiết lịch sử - một môn Bod rất thích, mặc dù nó thường phải cố ngăn mình phát biểu rằng mọi chuyện không xảy ra như vậy, ít ra là theo lời những người có mặt trong thời điểm lịch sử ấy kể lại - nhưng sáng nay thì Bod phải vất vả lắm mới khỏi ngủ gật.

Nó đang dồn hết tâm trí vào bài học nên không để ý đến những gì xảy ra quanh mình. Nó đang nghĩ về vua Charles Đệ Nhất, rồi nghĩ về bố mẹ nó, ông bà Owens, và nghĩ về cả gia đình kia, cái gia đình mà nó không thể nhớ nổi, thì bỗng có tiếng gõ cửa. Cả lớp cùng thầy Kirby quay ra nhìn xem đó là ai (hóa ra là một đứa lớp bảy đến mượn một quyển sách giáo khoa). Và khi tất cả cùng quay đầu đi, Bod cảm thấy có vật gì sắc nhọn đâm vào mu bàn tay. Nó không kêu lên một tiếng nào. Nó chỉ ngược nhìn lên.

Nick Farthing cúi xuống nhìn nó, nhe răng cười, trong tay là một cây bút chì nhọn hoắt. "Tao không sợ mày đâu" Nick Farthing thì thầm. Bod nhìn mu bàn tay mình. Một giọt máu đã ứa ra ở chỗ bị mũi bút chì đâm vào.

Chiều hôm đó, ở trong hành lang, Mo Quilling đi ngang qua Bod, mắt con bé mở to đến nỗi Bod có thể trông thấy lòng trắng ở khắp xung quanh con ngươi của nó.

"Mày là thằng quái dị," con bé nói. "Mày chẳng có bạn bè gì hết."

"Tao không đến đây để đánh bạn" Bod thật thà nói. "Tao đến đây để học"

Cái mũi của Mo giật giật. "Mày có biết như thế là quái dị đến mức nào không?" con bé hỏi. "Chẳng ai đến trường để học cả. Ý tao là, mày đến trường vì mày bị bắt buộc, thế thôi."

Bod nhún vai.

"Tao không sợ mày đâu" con bé nói. "Cho dù hôm qua mày đã giở trò gì đi chăng nữa thì mày cũng không dọa được tao đâu."

"Được thôi" Bod nói, và nó đi tiếp xuôi hành lang.

Nó tự hỏi không biết có phải mình đã sai lầm khi vướng vào chuyện này hay không. Có một điều chắc chắn, đó là nó đã suy xét không kỹ lưỡng. Mo và Nick đã bắt đầu bàn tán về nó, và cả đám lớp bảy nữa.

Những đứa khác trong trường đã nhìn nó, chỉ trỏ về phía nó. Sự hiện diện của nó đã trở nên nổi bật hơn, không còn mờ nhạt như trước, và điều đó khiến nó thấy không yên tâm. Chú Silas đã dặn nó không được làm cho mình nổi quá, dặn nó khi ở trường thì hãy tàng hình một phần, nhưng giờ thì mọi chuyện đã thay đổi.

Tối hôm ấy nó nói chuyện với người bảo trợ của mình, kể cho chú nghe toàn bộ sự việc. Phản ứng của chú Silas khiến nó hoàn toàn bất ngờ.

"Chú không thể tin được là cháu lại có thể... có thể ngu ngốc đến vậy" chú Silas nói. "Sau khi chú đã dặn cháu phải giữ cho mình gần như tàng hình. Và giờ thì cháu đã biến thành đề tài bàn tán của toàn trường rồi hả?"

"Thế ý chú muốn cháu phải làm gì?"

"Chú không muốn cháu làm điều gì tương tự như thế này" chú Silas đáp. "Giờ không giống như thời xưa nữa. Chúng có thể theo dõi cháu, Bod ạ. Chúng có thể tìm ra cháu" về bề ngoài vô cảm của chú Silas tựa như một lớp đá bao bọc lấy dòng dung nham nóng bỏng bên dưới. Nếu không hiểu rõ chú Silas thì hẳn Bod đã không biết chú đang giận dữ đến mức nào. Dường như chú đang cố kiềm chế, chặn đứng cơn giận của mình lại.

Bod nuốt nước bọt đánh ực một cái.

"Cháu nên làm gì bây giờ ạ?" nó chỉ hỏi có vậy.

"Đừng quay lại đó nữa" chú Silas nói. "Chuyện đi học này chỉ là thử nghiệm thôi. Chúng ta sẽ coi như nó là một thử nghiệm không thành công vậy."

Bod không nói gì. Rồi nó lên tiếng, "Nó không chỉ là chuyện được học các thứ đâu ạ. Còn những điều khác nữa. Chú có biết là được ngồi trong một căn phòng đầy người, và tất cả bọn họ đều còn sống, thì thích đến thế nào không?"

"Chú chưa bao giờ thấy đó là một điều thích thú," chú Silas trả lời. "Đã quyết định rồi. Ngày mai cháu sẽ không quay lại trường nữa."

"Cháu sẽ không chạy trốn đâu. Cháu sẽ không chạy khỏi Mo hay Nick hay trường học. Cháu sẽ rời khỏi đây trước."

"Cháu phải làm theo lời ta bảo" chú Silas nói, nổi giận dữ bao trùm cả người chú như một nút thắt đầy thịnh nộ trong bóng tối.

"Nếu không thì sao ạ?" Bod hỏi, má nóng bừng, "Chú định làm gì để giữ cháu lại đây? Giết cháu chắc?" Đoạn nó quay ngoắt người đi xuống lối mòn dẫn đến cổng chính và ra khỏi nghĩa địa.

Silas toan gọi thẳng bé lại, nhưng rồi lại thôi, và đứng đó một mình trong bóng tối.

Vào những lúc vui vẻ nhất nét mặt của Silas vẫn không thể dò thấu nổi. Giờ đây khuôn mặt ấy tựa như một cuốn sách viết bằng một thứ ngôn ngữ đã bị quên lãng từ lâu, với một bảng chữ cái không ai

biết được. Silas vung tay quần màn đêm quanh mình như một tấm khăn choàng, và nhìn về hướng thẳng bé đã đi, nhưng không đi theo nó.

o o o

Nick Farthing đang nằm ngủ trên giường mơ về những tên cướp biển trên đại dương xanh thẳm dưới ánh nắng mặt trời, thì giấc mơ bỗng biến thành một cơn ác mộng. Nó đang làm thuyền trưởng con tàu cướp biển của riêng mình - một con tàu tuyệt vời, với thủy thủ đoàn gồm toàn những đứa nhóc mười một tuổi ngoan ngoãn, trừ bọn con gái, đám này thì lại hơn Nick khoảng một hai tuổi gì đó và trông rất xinh đẹp trong những bộ đồ cướp biển - thế rồi chỉ trong chớp mắt, nó thấy còn trơ lại mỗi một mình trên khoang, và một con tàu khổng lồ tối sầm to như tàu chở dầu, với những tấm buồm đen rách nát cùng một cái đầu lâu gắn ở mũi tàu, đang xuyên qua giông bão, tiến thẳng đến chỗ nó.

Và rồi, như thường xảy ra trong các giấc mơ, nó thấy mình đã đứng trên cái khoang màu đen của con tàu mới xuất hiện ấy, và có một người nào đó đang cúi xuống nhìn nó.

"Mày không sợ tao ư," người đàn ông đang đứng bên trên nó lên tiếng.

Nick ngẩng lên. Trong giấc mơ, nó thấy rất sợ, sợ người đàn ông có bộ mặt đờ đẫn như người chết, trong bộ đồ cướp biển, tay đặt lên chuôi một thanh đoản kiếm.

"Mày nghĩ mày là một tên cướp biển ư, Nick?" người bắt giữ nó hỏi, và đột nhiên Nick thấy ở người đó có vẻ gì quen quen.

"Mày chính là thằng nhóc ấy !" nó nói. "Thằng Bob Owens."

"Ta là Không Ai Cả," người bắt giữ nó đáp lại.. "Và mày thì cần phải thay đổi. Hãy cải tà quy chính. Sửa mọi thói xấu. Làm tất cả những điều đó. Nếu không thì mọi việc sẽ trở nên rất tồi tệ đây."

"Tồi tệ như thế nào?"

"Tồi tệ trong đầu mày ấy" vị Vua Cướp Biển đáp, nhưng giờ đó chỉ là một thằng nhóc học cùng lớp với nó, và hai đứa đang đứng trong hành lang trường chứ không phải trên khoang một con tàu cướp biển nữa, mặc dù cơn bão vẫn không hề suy giảm, và sàn hành lang cuộn cuộn dâng lên hạ xuống chẳng khác nào con thuyền trên biển.

"Đây chỉ là mơ thôi," Nick nói.

"Tất nhiên chỉ là mơ rồi" thằng bé kia đáp. "Nếu tao làm thế này thật thì tao sẽ chẳng khác gì một ác...."

"Trong mơ thì mày làm gì được tao?" Nick hỏi.

Nó nhăn nhó cười. "Tao không sợ mày đâu. Mày vẫn còn vết bút chì của tao đâm vào tay kia kìa." Nó chỉ vào mu bàn tay của Bod, chỉ vào cái vết đen do đầu chì....

"Tao đã mong là mọi chuyện sẽ không đến nước này" thằng bé kia nói. Nó nghiêng đầu sang một bên như thể đang lắng nghe cái gì đó. "Chúng nó đang đói đấy" nó bảo.

"Cái gì cơ?" Nick hỏi.

"Những thứ ở dưới hầm ấy. Hoặc là dưới boong tàu. Nhưng chuyện đó còn phụ thuộc vào việc đây là trường hay là con tàu, phải không?"

Nick thấy mình bắt đầu phát hoảng. "Đấy không phải là... không phải là nhện... đấy chứ?" nó hỏi.

"Có thể là thế," thằng bé kia đáp. "Mày sẽ biết được thôi mà, phải không?"

Nick lắc đầu.

"Đừng" nó van vãn. "Xin mày, đừng."

"Ồ, tất cả đều phụ thuộc vào mày thôi" thằng bé kia nói. "Hoặc là sửa chữa mọi lỗi lầm của mày, hoặc là xuống chơi dưới tầng hầm."

Tiếng động vang lên to hơn - một tiếng lột xột loạt xoạt như có nhiều đôi chân đang chạy gấp gáp, và mặc dù Nick Farthing không biết đó là cái gì, nó biết chắc chắn, hoàn toàn chắc chắn rằng cho dù đó là cái gì đi chăng nữa, thì đó cũng là một thứ đáng sợ, khủng khiếp nhất mà nó đã từng - sẽ từng - gặp phải...

Nó bật dậy với một tiếng hét.

o o o

Bod nghe thấy tiếng hét, một tiếng kêu đầy kinh hoàng, và cảm thấy hài lòng vì đã hoàn thành tốt công việc.

Nó đang đứng trên vỉa hè bên ngoài nhà của Nick Farthing, trong màn sương đêm dày ẩm ướt. Nó vừa vui sướng vừa mệt mỏi: nó đã gần như không kiểm soát nổi phép Mộng du của mình, và nó biết rõ rằng trong giấc mơ ấy chẳng có gì khác ngoài Nick và bản thân nó, rằng cái đã khiến Nick khiếp sợ đến thế chỉ là một tiếng động.

Nhưng Bod vẫn lấy thế làm thỏa mãn. Thằng nhóc kia sẽ phải nghĩ lại trước khi ra tay hành hạ những đứa lớp dưới.

Giờ thì sao đây?

Bod rút tay vào túi quần và bước đi mà không biết chắc sẽ về đâu. Nó thầm nghĩ, mình sẽ bỏ học, cũng như mình vừa bỏ nhà đi khỏi nghĩa địa vậy. Nó sẽ đi đến một nơi không ai biết nó và sẽ ngồi cả ngày trong một cái thư viện, đọc sách, lắng nghe hơi thở của mọi người. Nó tự hỏi không biết trên thế giới có còn những hòn đảo hoang không, như hòn đảo nơi con tàu của Robinson Crusoe đã giạt vào ấy. Nếu có thì nó có thể đến sống ở một hòn đảo như vậy.

Bod không ngẩng đầu lên. Nếu ngược lên thì nó đã trông thấy một cặp mắt màu xanh nhạt đang chăm chú nhìn theo nó từ một ô cửa sổ phòng ngủ trên cao.

Nó bước vào một con hẻm, rời khỏi khoảng ánh sáng và cảm thấy dễ chịu hơn.

"Cậu đang bỏ nhà đi đấy à?" một giọng con gái hỏi.

Bod không đáp lại.

"Đây là sự khác biệt giữa người sống và người chết, phải không nào?" giọng nói đó tiếp tục. Bod biết đó chính là Liza Hempstock, nhưng nó không trông thấy cô phù thủy ấy ở đâu cả. "Người chết không làm ta thất vọng bao giờ. Họ đã sống hết quãng đời của mình, đã làm hết những gì họ có thể làm được. Chúng tôi không thay đổi nữa. Còn người sống, họ luôn làm ta thất vọng, phải không nào? Ta đã gặp được một cậu bé dũng cảm và cao thượng, thế rồi khi lớn lên cậu ta lại bỏ chạy"

"Như thế là không công bằng!" Bod kêu lên.

"Cậu Nobody Owens mà tôi biết sẽ không bao giờ bỏ đi khỏi nghĩa địa mà không thêm nói lấy một lời tạm biệt với những người yêu thương cậu ta. Cậu sẽ làm bà Owens vỡ tim vì đau khổ mất."

Bod chưa nghĩ đến chuyện ấy. Nó nói, "Em đã cãi nhau với chú Silas."

"Thế thì sao?"

"Chú ấy muốn em quay lại nghĩa địa. Không đi học nữa. Chú ấy nghĩ chuyện đó là quá nguy hiểm"

"Tại sao chứ? Khả năng của cậu, kèm với bùa phép của tôi, như thế thừa sức để chúng không nhận thấy cậu."

"Em đã dính vào một chuyện. Có mấy đứa trong lớp em bắt nạt những đứa lớp dưới, Em muốn chúng nó dừng lại. Em đã làm chúng nó chú ý đến mình."

Giờ thì Liza đã hiện ra thành một hình mờ ảo trong con hẻm, bước đi bên cạnh Bod.

"Hắn đang ở đâu đó trong thế giới bên ngoài này, và hắn muốn giết cậu" cô nói. "Cái kẻ đã giết gia đình cậu ấy. Chúng tôi, những người trong nghĩa địa, muốn cậu được sống. Chúng tôi muốn cậu đến để cho chúng tôi những điều bất ngờ, những điều thất vọng, chúng tôi muốn cậu gây ấn tượng với chúng tôi, làm chúng tôi kinh ngạc. Hãy quay về nhà đi, Bod."

"Em nghĩ là... em đã nói với chú Silas những câu không hay. Chú ấy sẽ giận lắm."

"Nếu ông ấy không quan tâm đến cậu thì cậu không thể làm ông ấy giận được," cô chỉ đáp lại như vậy.

Lớp lá rụng mùa thu trơn trượt dưới chân Bod và màn sương làm mọi góc cạnh của khung cảnh xung quanh nó mờ đi. Giờ đây chẳng còn thứ gì rõ ràng như nó tưởng mấy phút trước nữa.

"Em đã làm phép Mộng du," nó nói.

"Có ổn không?"

"Được ạ," nó nói. "Cũng bình thường."

"Cậu nên kể cho thầy Pennyworth biết. Thầy ấy vui lắm."

"Chị nói đúng" nó đáp, "Em nên làm thế!"

Nó đã đi đến cuối con hẻm, nhưng thay vì rẽ sang bên phải và bước vào thế giới bên ngoài như đã định, nó lại rẽ trái quay về Phố Chính, con phố sẽ đưa nó về đường Dunstan, về khu nghĩa địa trên đồi.

"Cái gì thế?" Liza Hempstock hỏi. "Cậu đang làm gì thế?"

"Em về nhà đây" Bod đáp. "Như chị đã bảo."

Những ngọn đèn ở các cửa hiệu hiện ra. Bod ngửi thấy mùi mỡ rán nóng hổi phả ra từ cửa hàng bán khoai tây chiên ở góc phố. Những phiến đá lát đường sáng lên lấp lánh.

"Tốt lắm," Liza Hempstock bảo, bây giờ cô lại chỉ còn là một giọng nói như trước. Và rồi giọng nói bỗng kêu lên, "Chạy đi! Hay Tàng hình đi! Có chuyện không ổn rồi!"

Bod đang định bảo cô là chẳng có chuyện gì không ổn hết, rằng cô đã tỏ ra thật là ngốc nghếch, thì một chiếc xe ô tô to, với ngọn đèn hiệu nhấp nháy trên nóc, quay ngoắt ngang qua đường và đỗ lại trước mặt nó.

Hai người đàn ông ra khỏi xe. "Xin chào, chàng trai trẻ" một người nói. "Cảnh sát đây. Cháu đang làm gì ở ngoài đường lúc đêm hôm thế này hả?"

"Cháu không biết là lại có luật cấm ra đường vào buổi đêm đấy," Bod nói.

Ông cảnh sát to con hơn mở cửa sau của chiếc xe. "Đây có phải thằng nhóc mà cháu đã trông thấy không, cô bé?" ông ta hỏi.

Mo Quilling bước ra khỏi xe, nhìn Bod và mỉm cười. "Đúng là nó đấy ạ," con bé đáp. "Chính nó đã đập phá các thứ ở vườn sau nhà cháu. Rồi nó bỏ chạy." Nó nhìn thẳng vào mắt Bod. "Tao đã trông thấy mây từ cửa sổ phòng tao" nó nói. "Cháu nghĩ chính nó là đứa đã đập các ô cửa sổ đấy ạ."

"Tên mây là gì?" ông cảnh sát nhỏ thó hỏi. Ông ta có một bộ ria màu đỏ hoe.

"Không Ai Cả ạ," Bod đáp. Rồi nó kêu lên, "Ui da," bởi vì ông cảnh sát ria hoe đã nắm lấy tai nó bằng ngón trỏ và ngón cái rồi véo mạnh. "Đừng có dối trá với ta," ông ta nói. "Trả lời câu hỏi cho lễ phép. Hiểu không?"

Bod không đáp lại.

"Nhà mây ở đâu?" ông cảnh sát hỏi.

Bod vẫn không đáp. Nó cố Tàng hình, nhưng phép Tàng hình - ngay cả khi có sự trợ giúp của một phù thủy - thì vẫn phải dựa vào việc mọi người không chú ý đến mình, mà lúc này thì tất cả mọi người đều đang dồn sự chú ý của họ vào nó - đó là chưa kể đến hai bàn tay to tướng của ông cảnh sát.

Bod nói, "Các ông không thể bắt cháu chỉ vì cháu không chịu cho các ông biết tên hay địa chỉ của cháu được."

"Không," ông cảnh sát nói. "Bọn ta không thể làm thế. Nhưng bọn ta có thể dẫn chú mây về đồn cho đến khi mây cho chúng ta biết tên của bố, mẹ, hoặc người bảo trợ, hoặc một người lớn có trách nhiệm để chúng ta có thể giao chú mây cho họ."

Ông ta đẩy Bod vào sau xe, Mo Quilling đang ngồi đó với một nụ cười của con mèo vừa chén hết bầy chim hoàng yến. "Tao đã nhìn thấy mây từ cửa sổ trước nhà tao" con bé khẽ nói. "Thế là tao gọi cảnh sát."

"Tao có làm gì đâu" Bod nói. "Tao còn không đặt chân vào vườn nhà mây nữa. Tại sao họ lại phải dẫn mây ra đây để tìm tao?"

"Im lặng!", ông cảnh sát to con quát. Tất cả đều nín thở, cho đến cho chiếc xe dừng lại trước cửa một ngôi nhà chắc hẳn là nhà của Mo. Ông cảnh sát to con mở cửa xe cho nó, và nó bước ra.

"Ngày mai chúng ta sẽ gọi điện cho cháu, để cho bố mẹ cháu biết chúng ta đã khám phá ra những gì," ông ta nói.

"Cảm ơn bác, bác Tam" Mo mỉm cười nói. "Cháu chỉ làm tròn bổn phận của mình thôi mà."

Họ lái xe quay về trung tâm thành phố trong im lặng, Bod cố hết sức mình để Tàng hình nhưng không thành công. Nó cảm thấy lo sợ và khổ sở vô cùng. Chỉ trong vòng một buổi tối, nó đã cãi nhau lần đầu tiên với chú Silas, đã định bỏ nhà ra đi, rồi lại không bỏ nhà đi được, và giờ thì lại không thể quay về nhà. Nó không thể cho cảnh sát biết tên hay nơi nó ở. Nó sẽ phải sống nốt quãng đời còn lại trong một xà lim ở đồn cảnh sát, hoặc là trong một nhà tù dành cho trẻ con.

Họ có nhà tù dành riêng cho trẻ con không nhỉ? Nó cũng chẳng biết nữa.

"Xia lỗi các ông? Có nhà tù dành riêng cho trẻ con không ạ?" nó hỏi hai ông cảnh sát ngồi ở ghế trước.

"Sợ rồi phải không?" ông bác Tam của Mo hỏi. "Ta không trách chú mây đâu. Lũ trẻ con như chú mây. Chỉ biết lêu lổng thôi. Ta nói cho mà biết, có những đứa trẻ con rất đáng bị nhốt vào tù đấy"

Bod không dám chắc đó là câu trả lời có hay là không. Nó nhìn ra bên ngoài cửa xe ô tô. Một vật gì đó hết sức to lớn đang bay qua không trung, phía trên chiếc xe, bám theo bên cạnh nó, một vật màu tối sẫm, không lồ hơn cả con chim khổng lồ nhất. Một vật gì đó có hình người, chập chờn rung rinh trong

lúc chuyển động, tựa như điều bay của con dơi.

Ông cảnh sát ria hoe nói, "Khi chúng ta về đến đồn, tốt hơn hết cháu hãy cho chúng ta biết tên của cháu, cho chúng ta số điện thoại để gọi người đến đón cháu, chúng ta sẽ bảo là chúng ta đã mắng cho cháu một trận nên thân rồi, và cháu sẽ được thả về. Hiểu không? Chỉ cần cháu hợp tác với chúng ta thì mọi chuyện sẽ được giải quyết ổn thỏa, không phải giấy má lồi thối. Chúng ta là bạn của cháu mà."

"Cậu dễ dãi với nó quá đấy. Một đêm trong tù cũng chẳng vất vả đến thế đâu" ông cảnh sát to con nói với cộng sự của mình. Rồi ông ta ngoái lại nhìn Bod và nói, "Trừ phi đêm nay bạn rợn hơn bình thường, và chúng ta phải nhốt chú mày vào với bọn say xỉn. Bọn chúng nhiều khi cũng khá là khó chơi đấy"

Bod thầm nghĩ, Ông ta nói dối! và bọn họ đang cố tình làm ra vẻ như thế, kẻ đám người xoa...

Rồi chiếc xe cảnh sát ngoặt vào một ngã rẽ, và bỗng vang lên một tiếng thịch. Một vật to lớn chồm lên mũi chiếc xe rồi ngã vật vào trong bóng tối. Chiếc xe phanh lại đánh "kít," và ông cảnh sát ria hoe lầm bầm chửi thề trong miệng.

"Hắn ta chạy ngay ra giữa đường!" ông ta nói "Chính anh cũng trông thấy mà!"

"Tôi không biết mình đã trông thấy cái gì nữa," ông cảnh sát to con đáp lại. "Nhưng cậu đã đâm phải cái gì đó rồi đấy"

Họ ra khỏi xe và chiếu đèn khắp xung quanh. Ông cảnh sát ria hoe nói, "Hắn mặc đồ đen! Thế thì làm sao mà ta nhìn thấy được."

"Hắn đang ở kia kia," ông cảnh sát to con kêu lớn. Họ liền cầm đèn pin chạy về chỗ thân người đang nằm trên mặt đất.

Bod cố giật tay nắm cửa ở chỗ ghế sau. Cửa không mở. Và ở giữa ghế trước với ghế sau xe lại có một tấm lưới sắt. Cho dù có Tàng hình được thì nó vẫn bị kẹt ở ghế sau của chiếc xe cảnh sát.

Nó cố sức nhào người ra, vươn dài cổ để nhìn xem chuyện gì đang xảy ra, xem người nằm trên đường là ai.

Ông cảnh sát ria hoe đang quỳ lom khom bên một thân người, nhìn kỹ người đó. Ông cảnh sát kia, người to con hơn, thì đang đứng bên cạnh, chiếu đèn pin vào mặt người đó.

Bod nhìn vào khuôn mặt của người bị ngã - rồi nó bắt đầu đâm lên cửa ô tô một cách hốt hoảng, tuyệt vọng.

Ông cảnh sát to con đến bên chiếc xe.

"Cái gì?" ông ta cau kinh hỏi.

"Các ông đã đâm phải... bố cháu," Bod nói.

"Chú mày đùa đấy à."

"Nhìn giống bố cháu mà," Bod nói. "Cho cháu nhìn kỹ lại được không?"

Hai vai ông cảnh sát to con rũ xuống. "Ê! Simon, thằng bé bảo đấy là bố nó."

"Chó chết, anh định đùa tôi chắc."

"Tôi nghĩ nó nói thật đấy." Ông cảnh sát to con mở cửa xe, và Bod chạy ra.

Chú Silas đang nằm sõng soài trên nền đất chỗ chiếc xe đã đâm phải chú, mặt ngửa lên. Chú nằm im như chết.

Mắt Bod cay xè.

Nó gọi, "Bố ơi?" Rồi nó nói, "Các ông đã giết bố tôi rồi." Nó tự nhủ, không phải là mình đang nói

dối... không hẳn.

"Tôi đã gọi xe cứu thương rồi," Simon, ông cảnh sát ria hoe, nói.

"Đây là tai nạn mà," ông cảnh sát kia lên tiếng.

Bod quỳ xuống bên cạnh chú Silas, siết chặt bàn tay lạnh giá của chú trong tay mình. Nếu họ đã gọi xe cứu thương thì không còn nhiều thời gian nữa. Nó nói, "Thế là sự nghiệp cảnh sát của các ông coi như xong rồi."

"Đó là một tai nạn... chú mày cũng nhìn thấy mà!"

"Hắn ta đã chạy ra trước..."

"Những gì tôi nhìn thấy" Bod nói, "đó là ông đã đồng ý giúp cháu gái mình dọa một thằng nhóc ở trường đang có chuyện cãi cọ với con bé. Vậy là các ông đã bắt tôi vì tội ra đường vào đêm khuya, bắt mà không có lệnh, và rồi, khi bố tôi chạy ra đường để xin các ông dừng xe lại hoặc là để xem chuyện gì đang xảy ra, thì các ông đã cố tình đâm vào bố tôi."

"Đó là một tai nạn!" ông Simon nhắc lại.

"Chú mày đã cãi nhau với Mo ở trường à?" ông bác Tam của Mo hỏi, nhưng ông ta không tỏ vẻ tự tin cho lắm.

"Tôi học lớp 8B ở trường Phố cổ với nó" Bod nói. "Và các ông đã giết chết bố tôi."

Nó có thể nghe thấy tiếng còi xe cứu thương từ xa vắng lại.

"Simon," ông cảnh sát to con nói "chúng ta phải bàn về chuyện này."

Họ đi sang phía bên kia chiếc xe, để lại Bod một mình trong bóng tối với chú Silas. Bod nghe thấy hai ông cảnh sát giận dữ cãi cọ - nó nghe được những câu "Đứa cháu gái chết tiệt của anh!" và "Cậu phải để ý đến đường xá chứ!" Simon chĩa ngón tay vào ngực ông Tam...

Bod thì thào, "Họ đang không để ý đấy, Đi thôi." Rồi nó Tàng hình.

Một khoảng bóng tối dày đặc hơn cuộn xoáy quanh nó, và thân người nằm dưới đất bỗng hiện lên đứng thẳng bên cạnh nó.

Chú Silas nói, "Chú sẽ đưa cháu về nhà. Vòng tay quanh cổ chú đi."

Bod làm theo, ôm chặt người bảo trợ của mình, và hai chú cháu xuyên qua màn đêm, trở về khu Nghĩn địa.

"Cháu xin lỗi, " Bod nói.

"Chú cũng xin lỗi" chú Silas đáp.

"Có đau không ạ?" Bod hỏi. "Khi chú để cho cái xe đâm vào ấy?"

"Có," chú Silas trả lời. "Cháu nên cảm ơn cô bạn phù thủy của cháu đi. Cô ấy đã đến tìm chú, nói cháu đang gặp rắc rối, và cho chú biết đó là rắc rối như thế nào".

Họ dừng lại ở nghĩa địa. Bod ngắm nhìn mái nhà của mình như thể lần đầu tiên trông thấy nơi này. Nó nói, "Chuyện xảy ra tối nay thật ngu ngốc, phải không ạ? Ý cháu là, cháu đã khiến mọi thứ vương vào nguy hiểm."

"Còn nhiều thứ sẽ gặp nguy hiểm hơn là cháu biết đấy, Nobody Owens ạ. Đúng thế."

"Chú đã nói đúng," Bod nói. "Cháu sẽ không quay lại. Cháu sẽ không quay lại ngôi trường ấy, hay quay lại theo cách ấy nữa".

Maureen Quilling đang trải qua tuần tồi tệ nhất trong đời mình: Nick Farthing không thèm nói chuyện với nó nữa; bác Tam của nó thì đã mắng nó vì vụ thằng nhóc Owens nọ, và bảo nó không được nhắc đến những chuyện xảy ra tối hôm đó với bất kỳ ai, không thì bác có thể bị mất việc, và nếu bác bị mất việc thật thì nó phải coi chừng; bố mẹ nó nổi giận với nó; nó cảm thấy bị toàn thể gian phản bội; thậm chí cả bọn lớp bảy cũng không còn sợ nó nữa. Thật chó chết. Nó chỉ muốn gặp lại thằng nhóc Owens kia, tất cả mọi chuyện xảy ra với nó đều là do thằng nhóc đó, nó thầm nghĩ, trong lòng quần quai giận dữ. Nếu thằng nhóc ấy nghĩ rằng bị bắt là chuyện tệ hại thì... rồi Mo sẽ nghĩ ra những âm mưu trả thù thật tỉ mỉ, vô cùng rắc rối và thâm độc. Những âm mưu ấy là thứ duy nhất khiến con bé cảm thấy khá hơn, và ngay cả chúng cũng chẳng giúp được là bao.

Nếu có một việc khiến Mo rùng mình sờn gáy, thì đó là dọn dẹp phòng thí nghiệm ở trường - cất những cây đèn bunsen, kiểm tra để các ống nghiệm, đĩa cấy, giấy lọc còn thừa và các thứ tương tự như thế được trả về đúng chỗ. Theo một quy chế luân phiên nghiêm ngặt thì nó chỉ phải làm việc đó hai tháng một lần, nhưng run rủi thế nào mà vào cái tuần tồi tệ nhất trong đời, nó lại phải trực nhật trong phòng thí nghiệm.

Ít nhất thì cô Hawkins, cô giáo dạy môn khoa học thường thức, cũng có mặt ở đó, sắp xếp lại bài vở, thu nhặt những thứ vương vãi còn lại vào cuối buổi học.

Có cô ở đó, có bất kỳ ai ở đó, cũng khiến Mo thấy dễ chịu hơn.

"Em làm khá lắm, Maureen ạ" cô Hawkins khen.

Một con rắn trắng bệch trong cái lọ đầy chất hóa học bảo quản nhìn xuống hai cô trò bằng cặp mắt mờ đục. Mo nói, "Cảm ơn cô ạ."

"Hình như phải có hai người trực nhật hôm nay chứ, phải không?" cô Hawkins hỏi.

"Em phải trực nhật cùng thằng Owens" Mo nói. "Nhưng đã mấy ngày rồi nó không đến trường ạ."

Cô giáo nhíu mày. "Đấy là trò nào nhỉ?" cô lơ đãng hỏi. "Cô không có tên trò ấy trong danh sách."

"Bob Owens ấy ạ. Tóc nâu nâu, hơi dài. Nó không phải đùa hay nói. Chính nó đã nêu được tên tất cả các khúc xương của bộ xương người trong bài kiểm tra ấy ạ, cô nhớ không?"

"Không," cô Hawkins thú nhận.

"Cô phải nhớ chứ! Chẳng ai nhớ nó cả! Thậm chí cả thầy Kirby cũng không!"

Cô Hawkins bỏ nốt những thứ giấy tờ còn lại vào cặp và nói, "Cô rất cảm ơn em vì đã nhận trực nhật một mình, Maureen ạ. Em đừng quên lau sạch mặt bàn trước khi ra về nhé." Rồi cô đi ra, đóng cửa lại sau lưng,

Phòng thí nghiệm của trường đã cổ lắm rồi, có những dãy bàn dài bằng gỗ sẫm màu, với các van khí ga, vòi nước và bồn rửa gắn vào bàn, cùng những chiếc giá cũng bằng gỗ sẫm màu trên bày vô số thứ đựng trong lọ thủy tinh. Những thứ trôi nổi lênh bênh trong lọ đều đã chết, chết từ lâu rồi. Ở một góc phòng còn có cả một bộ xương người đã ố vàng: Mo không biết đó có phải là xương người thật hay không, nhưng lúc này đây thì bộ xương đang làm nó rùng cả mình.

Trong căn phòng dài đó, bất kỳ tiếng động nào con bé tạo ra cũng vang vọng trở lại. Nó bật tất cả đèn trên trần, bật cả ngọn đèn thấp sáng cho chiếc băng trắng, chỉ để làm cho căn phòng đỡ sợ hơn.

Không khí trong phòng đang lạnh ngắt đi. Nó thầm ước mình có thể bật lò sưởi lên. Nhưng khi bước đến gần một trong những lò sưởi lớn vỏ sắt và chạm vào đó, thì nó thấy cái lò sưởi đang nóng bỏng. Vậy mà nó vẫn không ngừng run rẩy.

Căn phòng trống trơn, và chính sự trống trải đó khiến căn phòng càng đáng sợ hơn. Mo cảm thấy như có ai khác đang ở trong phòng, như thể nó đang bị theo dõi vậy.

Hừ, tất nhiên mình đang bị theo dõi rồi, nó thầm nghĩ. Hàng trăm thứ đã chết ngâm trong lọ đang nhìn mình chằm chằm, đấy là chưa kể đến bộ xương người nữa. Nó ngược lên nhìn những cái giá.

Đúng lúc đó thì những vật đã chết ngâm trong lọ bắt đầu cử động. Một con rắn với cặp mắt mờ đục như sữa đuổi người ra trong cái lọ đầy cùn. Một sinh vật biển không có mắt, mình đầy gai, quần quai và xoay tròn trong ngôi nhà bằng chất lỏng. Một con mèo con đã chết từ hàng chục năm nay, nhe nanh ra và cào cào mặt kính.

Mo nhắm nghiền mắt lại. Chuyện này không có thật, nó tự nhủ. Mình chỉ đang tưởng tượng ra đấy thôi. "Tao không sợ đâu," nó nói to.

"Thế thì tốt" ai đó đứng trong bóng tối bên cạnh cánh cửa nói. "Cảm giác khiếp sợ thật không hay ho tí nào"

Con bé nói, "Chẳng thầy cô nào nhớ mày cả."

"Nhưng mày vẫn nhớ tao", thằng bé đã gây ra mọi nỗi bất hạnh cho Mo đáp lại.

Mo cầm một cái cốc thủy tinh ném về phía thằng bé, nhưng tay nó bị trượt và cái cốc đập vào tường vỡ tan.

"Nick thế nào rồi?" Bod hỏi, như thể chẳng có chuyện gì vừa xảy ra.

"Mày biết nó thế nào mà," con bé đáp. "Nó thậm chí còn không chịu nói chuyện với tao nữa. Nó suốt ngày ngồi trong lớp rồi cụng cốc về nhà làm bài tập. Có khi nó còn lắp mô hình tàu hỏa nữa."

"Tốt" Bod nói.

"Còn mày" con bé tiếp tục. "Đã một tuần nay mày không đến trường. Mày sẽ gặp rắc rối to đấy, Bob Owens ạ. Hôm nọ cảnh sát đã đến đây. Họ đến tìm mày"

"Mày nói thế làm tao nhớ ra một việc... Bác Tam của mày thế nào rồi?" Bod hỏi.

Mo lặng thinh không đáp.

"Nói theo một cách nào đó," Bod bắt đầu, "thì mày đã thắng. Tao sẽ không quay lại đây nữa. Nhưng nói theo một cách khác, thì mày lại thua. Mày đã bao giờ bị ma ám chưa, Maureen Quilling? Đã bao giờ mày nhìn vào gương và phải tự hỏi xem đôi mắt trong gương kia có phải là mắt mình không hay chưa? Đã bao giờ mày ngồi trong một căn buồng không người và nhận ra là mày không chỉ có một mình hay chưa? Đó là một cảm giác không dễ chịu chút nào."

"Mày sẽ làm ma ám tao à?" Giọng con bé run lên.

Bod không đáp lại. Nó chỉ nhìn thẳng vào con bé. Ở đầu kia của phòng, có thứ gì rơi xuống đánh "rầm" một cái: đó là cái cặp của Mo, trượt từ trên ghế xuống sàn, và khi con bé quay lại, thì nó chỉ còn một mình trong phòng. Hay ít ra là nó không thấy trong phòng còn có ai khác nữa.

Quãng đường về nhà của nó sẽ dài và tăm tối vô cùng.

Thằng bé cùng người bảo trợ của mình đứng trên đỉnh đồi, nhìn xuống quang sáng của thành phố bên dưới.

"Chú còn đau không ạ?" thằng bé hỏi.

"Chỉ một chút thôi," người bảo trợ của nó đáp.

"Nhưng vết thương của chú rất mau lành. Chẳng mấy chốc chú sẽ khỏe lại như cũ."

"Cú đâm ấy có thể làm chú chết được không ạ? Khi chú lao lên đầu chiếc xe ấy?"

Người bảo trợ của nó lắc đầu. "Có nhiều cách để giết những người như chú," chú đáp. "Nhưng xe cộ thì không. Chú đã nhiều tuổi rồi, và rất dẻo dai."

Bod nói, "Cháu đã sai rồi, phải không ạ? Lẽ ra cháu phải đến trường mà không để ai chú ý tới. Thế mà cháu lại tự dây dưa với bọn ở trường, và kéo theo nào là cảnh sát cùng với vô số chuyện rắc rối khác. Bởi vì cháu đã quá ích kỷ."

Chú Silas nhướn một bên mày lên. "Cháu không ích kỷ đâu. Cháu cần được giao du với những người giống như mình. Đó là điều hoàn toàn dễ hiểu. Chỉ có điều ở thế giới của người sống, mọi việc có khó khăn hơn một chút, và chúng ta không thể dễ dàng bảo vệ cho cháu được. Chú muốn giữ cho cháu được an toàn tuyệt đối" chú Silas nói. "Nhưng chỉ có một nơi duy nhất là an toàn tuyệt đối dành cho người như cháu, và cháu sẽ không thể đến được đó chừng nào mọi cuộc phiêu lưu của cháu chưa kết thúc và những chuyện này không còn quan trọng gì nữa."

Bod đưa tay xoa xoa tấm bia mộ của Thornas R. Stout (1817-1851. Được than khóc đời đời bởi tất cả những người quen biết), cảm thấy những mẫu rêu đang nát vụn ra dưới ngón tay mình.

"Hắn vẫn đang ở ngoài kia," Bod nói. "Kẻ đã giết gia đình đầu tiên của cháu. Cháu vẫn cần phải biết thêm về con người. Chú có định ngăn cháu rời khỏi nghĩa địa nữa không ạ?"

"Không. Đó là một sai lầm, một sai lầm mà cả hai chú cháu ta đã đều rút ra được bài học."

"Thế giờ thì sao ạ?"

"Chúng ta sẽ cố hết sức thỏa mãn niềm yêu thích của cháu dành cho các câu chuyện, sách vở, và thế giới bên ngoài. Cháu có thể đến thư viện. Còn nhiều cách khác nữa. Và còn có rất nhiều nơi để cháu gặp gỡ những người sống khác, ví dụ như rạp chiếu phim hay rạp hát chẳng hạn."

"Đó là cái gì ạ? Có giống bóng đá không ạ? Hồi ở trường cháu thích xem đá bóng lắm."

"Bóng đá à. Hừm. Các trận bóng thường diễn ra vào lúc còn quá sớm để chú có thể rời khỏi nhà" chú Silas nói. "Nhưng cô Lupescu có thể dẫn cháu đi xem một trận bóng, khi cô ấy đến đây"

"Cháu thích lắm ạ," Bod nói.

Hai chú cháu đi xuống đồi. Chú Silas bảo, "Chúng ta đã để lại quá nhiều dấu vết trong mấy tuần vừa rồi. Bọn chúng vẫn đang tìm kiếm cháu, cháu biết đấy."

"Trước kia chú cũng đã từng nói như thế," Bod trả lời. "Làm sao mà chú biết được? Và bọn chúng là ai? Bọn chúng muốn gì?"

Nhưng chú Silas chỉ lắc đầu, không chịu nói gì thêm, và trong lúc này thì Bod đành phải tự bằng lòng với chút thông tin ít ỏi ấy.

Chương 8

TẤT CẢ NHỮNG KẺ TÊN JACK

SUỐT MẤY THÁNG VỪA RỒI, chú Silas rất bận. Chú rời khỏi nghĩa địa hàng bao nhiêu ngày, thậm chí là hàng tuần liền không về. Vào dịp Giáng sinh, cô Lupescu đến ở ba tuần thế chỗ chú, và Bod đã ăn cùng cô trong căn hộ nhỏ của cô ở khu Phố Cổ. Cô còn đưa nó đi xem bóng đá đúng như chú Silas đã hứa, nhưng rồi cô lại quay về cái nơi mà cô gọi là "Cổ Hương," sau khi bẹo má Bod và gọi nó là Nimini, cái biệt danh mà cô đã âu yếm đặt cho nó.

Giờ thì chú Silas đã vắng mặt, cả cô Lupescu cũng không còn ở đây nữa. Ông bà Owens đến ngồi ở bên mộ của Josiah Worthington nói chuyện với ngài Nam tước. Cả ba người đều không vui chút nào.

Josiah Worthington hỏi, "Ông bà định nói là anh ta không cho ông bà biết anh ta đi đâu hay là ai sẽ trông nom thằng bé à?"

Hai vợ chồng nhà Owens lắc đầu, và Josiah Worthington kêu lên, "Anh ta đã biến đi đâu mới được chứ?"

Nhà Owens không biết trả lời thế nào. Ông Owens nói, "Anh ấy chưa bao giờ đi lâu đến thế này. Và anh ấy đã hứa, khi chúng tôi nhận nuôi thằng bé, anh ấy đã hứa sẽ có mặt ở đây hoặc sẽ cử ai đó đến thay để giúp chúng tôi chăm sóc nó. Anh ấy đã hứa cơ mà."

Bà Owens thì bảo, "Tôi e có chuyện xảy ra với anh ấy rồi." Bà nom như sắp khóc đến nơi, nhưng rồi những giọt nước mắt của bà chuyển thành nỗi giận dữ, và bà nói, "Anh ấy cư xử thế này thì thật quá lắm! Không có cách nào để tìm anh ấy hay gọi anh ấy về hay sao?"

"Tôi không biết cách nào cả," Josiah Worthington nói. "Nhưng tôi tin anh ta đã để lại tiền trong hòm mộ để mua thức ăn cho thằng bé."

"Tiền ấy à!" bà Owens kêu lên. "Tiền thì có ích gì cơ chứ?"

"Bod sẽ cần có tiền nếu nó định đi ra ngoài mua thức ăn," ông Owens mở miệng, nhưng bà Owens lại quay ngoắt sang trách cứ ông.

"Hai người cũng tội tệ chẳng kém gì nhau!" bà bảo. Bà rời khỏi mộ của Nam tước Worthington đi tìm con trai. Đúng như đã đoán, bà tìm thấy nó đang ngồi trên đỉnh đồi, nhìn xuống thành phố bên dưới.

"Nếu con cho mẹ biết con đang nghĩ gì mà mê mải thế, thì mẹ sẽ cho con một xu," bà Owens nói.

"Mẹ có một xu đâu," Bod đáp. Nó đã mười bốn tuổi rồi, và cao hơn cả mẹ nó.

"Mẹ có hai xu ở trong áo quan ấy" bà Owens nói. "Có lẽ giờ đã rỉ xanh cả rồi, nhưng chúng vẫn còn đó." (Theo phong tục thời xưa ở các nước phương Tây, người ta thường đặt hai đồng xu lên mắt người chết trước khi chôn, để trả tiền cho người lái đò khi đi vào âm phủ).

"Con đang nghĩ về thế giới" Bod nói. "Làm sao chúng ta có thể biết chắc kẻ đã giết gia đình con vẫn còn sống? Rằng hắn vẫn đang ở đâu đó ngoài kia?"

"Chú Silas nói hắn vẫn đang đi tìm con," bà Owens đáp.

"Nhưng chú Silas chẳng cho chúng ta biết thêm gì."

Bà Owens nói, "Chú ấy chỉ muốn điều tốt nhất cho con thôi. Con biết thế mà."

"Con biết ạ," Bod dừng dừng trả lời. "Thế chú ấy đi đâu rồi?"

Bà Owens không đáp.

Bod hỏi, "Mẹ đã nhìn thấy người giết gia đình con phải không? Vào cái hôm mẹ nhận nuôi con ấy."

Bà Owens gật đầu.

"Trông hắn như thế nào ạ?"

"Mẹ chỉ để mắt đến con thôi. Để mẹ nhớ xem nào... hắn có mái tóc sẫm màu, gần như đen. Và mẹ thấy rất sợ hắn. Hắn có bộ mặt sắc sảo. Hắn có vẻ vừa giận dữ vừa thèm khát. Chú Silas đã đuổi hắn đi."

"Tại sao chú Silas không giết hắn luôn?" Bod dữ dằn hỏi. "Lẽ ra chú ấy nên giết hắn luôn lúc ấy mới phải."

Bà Owens đặt bàn tay lạnh ngắt lên tay Bod. Bà nói, "Chú ấy không phải quỷ dữ, Bod à."

"Nếu lúc ấy chú Silas giết hắn thì giờ con đã được an toàn rồi. Con có thể đi khắp nơi tùy thích."

"Chú Silas biết về những chuyện ấy rõ hơn con, rõ hơn tất cả chúng ta nhiều. Và chú Silas biết cả về cuộc sống cũng như cái chết nữa" bà Owens nói. "Mọi việc không đơn giản như vậy đâu"

Bod hỏi, "Tên hắn là gì? Kẻ đã giết gia đình con ấy."

"Lúc ấy hắn không nói."

Bod nghiêng đầu sang một bên và nhìn bà bằng cặp mắt xám dữ dội như một đám mây giông.

"Nhưng mẹ biết tên hắn, phải không ạ?"

Bà Owens bảo, "Con không thể làm gì được đâu, Bod à."

"Có chứ ạ. Con có thể học tập. Con có thể học tất cả mọi thứ con cần biết, tất cả mọi thứ con có thể học. Con đã học về cánh cổng của quỷ nhập tràng. Con đã học cách Mộng du. Cô Lupescu đã dạy con quan sát các vì sao. Chú Silas đã dạy con cách im lặng. Con biết phép Âm ảnh. Con biết phép Tàng hình. Con biết rõ từng xen ti mét trong cái nghĩa địa này."

Bà Owens đưa tay ra chạm vào vai đứa con trai. "Một ngày kia," bà nói... rồi bà ngập ngừng. Một ngày kia bà sẽ không thể chạm vào nó được nữa. Một ngày kia nó sẽ rời bỏ họ. Một ngày kia. Và bà nói, "Chú Silas bảo với mẹ rằng kẻ đã giết gia đình con tên là Jack."

Bod không nói gì. Rồi nó gật đầu. "Mẹ ời?"

"Gì thế, con trai?"

"Khi nào chú Silas mới quay về ạ?"

Một làn gió đêm lạnh buốt thổi từ phương Bắc tới.

Bà Owens không còn thấy giận dữ nữa. Bà thấy lo sợ cho con trai. Bà chỉ nói, "Giá mà mẹ biết được, cưng à, giá mà mẹ biết được."

o o o

Scarlett Amber Perkins đã mười lăm tuổi, và lúc này đây, khi đang ngồi ở tầng trên của chiếc xe buýt

hai tầng cổ lỗ, trong lòng cô bé tràn ngập một nỗi căm ghét phần nộ. Cô ghét bố mẹ vì đã bỏ nhau. Cô ghét mẹ mình vì đã rời khỏi Scotland, ghét bố mình vì dường như ông chẳng thêm bận tâm đến việc cô không còn ở đó nữa.

Cô ghét cái thành phố này vì nó khác biệt quá thể - chẳng có gì giống với Glasgow, nơi cô đã lớn lên - và cô ghét nó vì thỉnh thoảng, khi vòng qua một ngã rẽ, cô lại trông thấy một cái gì đó khiến cho khung cảnh xung quanh mình trở nên quen thuộc đến se lòng, quen thuộc đến đáng sợ.

Sáng hôm đó, Scarlett không còn chịu nổi nữa và đã nổi giận với mẹ mình. "Ít ra thì ở Glasgow con cũng có bạn!" cô bé nói, không hẳn là hét lên mà cũng không hẳn là nức nở. "Con sẽ không bao giờ được gặp lại các bạn ấy nữa!" Mẹ cô đã chỉ đáp lại thế này, "Ít ra thì con cũng chuyển đến một nơi con đã biết từ trước. Ý mẹ là, nhà mình đã từng sống ở đây khi con còn nhỏ mà."

"Nhưng con có nhớ gì đâu" Scarlett nói. "Con chẳng quen ai ở đây cả. Mẹ có muốn con đi tìm lại những người bạn cũ từ hồi con lên năm không? Mẹ muốn thế phải không?"

Và mẹ cô trả lời, "Mẹ có cón COỈ đflu<<##

Cả ngày hôm ấy ở trường, Perkins đã tức giận vô cùng, và giờ cô bé vẫn còn tức giận, cô ghét trường mới, cô ghét thế giới này, và lúc này đây cô đặc biệt ghét dịch vụ xe buýt của thành phố.

Hàng ngày, sau khi tan trường, chiếc xe buýt số 97 đi về Trung tâm Thành phố sẽ đưa cô từ cổng trường về đến tận cuối con phố nơi mẹ cô đã thuê một căn hộ nhỏ. Nhưng vào cái ngày tháng Tư lòng lộng gió ấy, cô bé đã đợi ở bên xe buýt suốt gần nửa tiếng đồng hồ mà chẳng có chiếc xe số 97 nào hiện ra ả, vì thế khi trông thấy một chiếc xe số 121 với chữ Trung tâm Thành phố đề trên điểm dừng cuối cùng, cô trèo lên ngay. Nhưng ở chỗ chiếc xe buýt của cô thường rẽ phải thì chiếc này lại rẽ trái, đi vào khu Phố cổ, ngang qua công viên ở quảng trường Phố Cổ, ngang qua bức tượng Nam tước Josirth Worthington, rồi đi ngược lên một con đường đồi uốn lượn, hai bên là những ngôi nhà hẹp cao tầng, trong khi tim Scarlett thót lại và nỗi giận dữ trong trong cô được thay thế bởi một cảm giác khó thở.

Cô đi xuống tầng dưới, cẩn thận tiến về phía trước, liếc mắt nhìn tám biển báo rằng không được phép nói chuyện với người lái xe trong khi xe đang chạy, rồi lên tiếng, "Xin lỗi bà. Cháu muốn đi về đại lộ Acacia ạ."

Bà lái xe, một phụ nữ to béo, da còn nâu sẫm hơn cả Scarlett, nói, "Thế thì cháu phải lên xe số 97 chứ."

"Nhưng xe này đi về Trung tâm Thành phố mà."

"Đúng thế. Nhưng đến đó rồi cháu vẫn phải đi ngược trở lại." Bà ta thở dài. "Tốt hơn hết là cháu nên xuống ở đây, đi xuống chân đồi, ở trước tòa thị chính có một bến đỗ đây. Từ đó cháu lên xe số 4 hoặc số 58, cả hai xe đó đều đưa cháu đến gần đại lộ Acacia. Cháu có thể xuống ở chỗ trung tâm thể thao, rồi đi bộ ngược lên."

Cháu nhớ được không?"

"Xe số 4 hoặc số 58 ạ."

"Ta sẽ cho cháu xuống đây." Đó là một bến nơi xe buýt chỉ đỗ lại nếu có khách, nằm gần một chiếc cổng với hai cánh cổng sắt mở toang, trông tiêu điều và thô lương vô cùng. Scarlett đứng chần chừ ở cửa xe cho đến khi bà lái xe phải giục, "Nào. Xuống đi, cháu" Cô bé bước xuống vỉa hè, và chiếc xe

nhả khói đen xì rồi gầm rú lao đi.

Gió thổi xào xạc giữa những cành cây ở phía bên kia bức tường.

Scarlett bắt đầu xuống đồi - đây chính là lý do mình cần có điện thoại di động, cô tự nhủ. Chỉ cần cô bé về muộn năm phút thôi là mẹ cô đã phát hoảng lên rồi, nhưng mẹ vẫn không chịu mua cho cô một chiếc điện thoại riêng. Thôi, biết làm sao được. Cô sẽ phải chịu một trận la mắng nữa vậy. Đây đâu phải lần đầu tiên, và cũng chẳng phải là lần cuối cùng.

Giờ thì cô bé đã ở ngang tầm với hai cánh cổng để ngỏ kia. Cô liếc mắt nhìn vào, và rồi...

"Lạ thật" cô bé buột miệng nói.

Có một từ trong tiếng Pháp, déjà vu, được dùng để miêu tả cái cảm giác là ta đã từng đến một nơi nào đó, bằng một cách nào đó ta đã mơ thấy nơi này, hoặc nhìn thấy ở trong tâm trí. Scarlett rất hay có cái cảm giác ấy, cảm giác khi biết rằng cô giáo sắp sửa nói với cả lớp là cô sẽ đi nghỉ ở Inverness, hay nhận ra rằng người vừa đánh rơi cái thìa nọ trước kia đã từng đánh rơi thìa y hệt như thế, nhưng cái này lại khác hẳn. Nó không phải cảm giác trước kia cô bé đã từng đến đây. Cô đã từng đến đây thật.

Scarlett bước qua hai cánh cổng để ngỏ, tiến vào nghĩa địa.

Một con chim ác là bay vụt lên khi cô bé bước vào, bộ lông trắng đen có ánh xanh vụt qua như một tia chớp, rồi nó đậu xuống một cành thủy tùng để quan sát cô bé.

Đằng sau góc quanh kia, cô nghĩ thầm, có một nhà thờ; với một chiếc ghế dài đặt ở đằng trước, rồi cô vòng qua góc quanh, và trông thấy một nhà thờ thật - nhỏ hơn nhiều so với cái nhà thờ trong trí tưởng tượng của cô, một tòa nhà nhỏ vuông vắn bằng đá xám xây theo kiến trúc Gô tích, trông rờn rợn, với một cái mái nhọn nhô lên. Đằng trước nhà thờ là một chiếc ghế băng đã cũ vì dầm mưa dãi nắng. Scarlett đi đến đó, ngồi xuống ghế và đu đưa chân như mọi cô bé con.

"Xin chào. Ồ, xin lỗi cháu?" một giọng nói vang lên sau lưng cô. "Tôi biết hỏi thế này thì thật đường đột, nhưng cháu có thể giúp tôi giữ cái này được không, ờ, chỉ cần thêm một đôi tay nữa thôi, nếu không quá phiền đến cháu."

Scarlett quay lại, và nhìn thấy một người đàn ông mặc áo mưa màu vàng nâu đang quỳ lom khom trước một tấm bia mộ. Ông ta đang giữ một tờ giấy khổ rộng, bị gió thổi bạt đi. Cô bé vội chạy đến chỗ ông ta.

"Cháu giữ chắc chỗ này nhé" người đàn ông nói. "Một tay để đây, một tay để đây, đúng rồi. Tôi thật là hay đòi hỏi quá đáng phải không. Cảm ơn cháu nhiều lắm"

Bên cạnh ông có một hộp bánh quy bằng thiếc, và ông lấy từ trong hộp ra một thỏi phấn màu cờ bằng một cây nến nhỏ. Ông dùng thỏi phấn xoa qua lại trên bề mặt tấm bia bằng những động tác thành thạo, thoải mái.

"Được rồi," ông vui vẻ reo lên. "Hiện ra rồi đây... ui. Ở dưới góc này có cái gì ngoằn ngoèo này, tôi đoán là dây thường xuân - người thời Victoria rất thích chạm trổ dây thường xuân, có rất nhiều ý nghĩa tượng trưng, cháu biết không... và xong rồi. Cháu có thể bỏ tay ra được rồi đấy."

Ông đứng dậy, đưa tay cào cào mớ tóc đã ngả bạc. "Ui da. Phải đứng lên một tí mới được. Chân tê hết cả rồi" ông nói. "Đây. Cháu thấy thế nào?"

Tấm bia mộ thật đã bị phủ đầy địa y xanh vàng, những chữ khắc trên đó bị bào mòn và mờ đi đến độ gần như không đọc nổi, nhưng hình tô lại trên tờ giấy thì nổi lên rõ ràng. "Majella Godspeed, Người phụ nữ độc thân của giáo khu, 1791-1870, Chỉ còn lại trong ký ức," Scarlett đọc to.

"Và giờ thì có lẽ cả trong ký ức cũng không còn," người đàn ông nói. Đầu ông đã bắt đầu hói, và ông rút rề mỉm cười rồi chớp mắt nhìn cô bé qua cặp kính tròn, nhỏ, làm ông nom như một bác cú thân thiện.

Một giọt mưa to rơi "độp" xuống tờ giấy và người đàn ông vội vã cuộn tờ giấy lại rồi chộp lấy cái hộp thiếc đựng phấn màu của mình. Thêm mấy hạt mưa nữa, và Scarlett vội nhặt chiếc cặp giấy mà người đàn ông chỉ, đang đặt dựa vào một tấm bia gần đó, rồi chạy theo ông vào dưới hàng hiên nhỏ xíu của nhà thờ, nơi mưa không bắn tới được.

"Cảm ơn cháu rất nhiều," người đàn ông nói. "Tôi nghĩ mưa sẽ không kéo dài đâu. Dự báo thời tiết nói chiều nay nắng mà."

Như để vặc lại lời ông, một cơn gió lạnh buốt nổi lên và mưa rào rào đổ xuống.

"Tôi biết cháu đang nghĩ gì rồi," người đàn ông tỏ ra bí mật nói với Scarlett.

"Thật à?" cô bé hỏi lại. Cô vừa mới nghĩ, Mẹ sẽ giết mình mất.

"Cháu đang nghĩ, đây là nhà thờ hay là nhà tang lễ, phải không? Và câu trả lời là, theo như tôi biết, thì ở nơi này đúng là đã có một nhà thờ nhỏ, và khu nghĩa địa trước kia nằm trong sân của nhà thờ đó. Đó là từ năm 800 hoặc 900 kia. Nó đã được sửa lại và mở rộng rất nhiều lần. Nhưng vào khoảng những năm 1820, ở đây xảy ra một đám cháy, và đến lúc đó thì nhà thờ đã trở thành quá nhỏ đối với vùng này. Người dân quanh đây dùng nhà thờ Thánh Dunstan ở dưới quảng trường làng làm nhà thờ cho giáo xứ, vì vậy sau khi sửa lại nhà thờ này, họ liền dùng nó làm nhà tang lễ, và giữ lại khá nhiều nét kiến trúc cũ. Người ta nói những cửa sổ kính màu ở bức tường đằng kia đã có từ khi nhà thờ mới được xây cơ đấy..."

"Thật ra, cháu đang nghĩ là mẹ sẽ giết cháu mất" Scarlett nói. "Cháu đã lên nhầm xe buýt, và đã bị muộn giờ về nhà lắm rồi..."

"Chúa ơi, tội nghiệp cháu" người đàn ông nói. "Nghe này, nhà tôi ở ngay dưới kia thôi. Cháu đợi ở đây nhé..." Nói đoạn ông giúi chiếc cặp giấy, hộp phấn màu cùng với tờ giấy cuộn tròn vào tay cô bé, rồi chạy xuống chỗ cánh cổng, hai vai so lại bên dưới màn mưa nặng hạt. Mấy phút sau, Scarlett nhìn thấy ánh đèn ô tô và nghe tiếng còi xe vang lên.

Scarlett chạy xuống chỗ cổng và trông thấy chiếc xe, một chiếc Mini màu xanh lục cũ kỹ. Người đàn ông mà cô bé vừa trò chuyện đang ngồi trên ghế tài xế. Ông hạ cửa sổ xuống.

"Cháu vào đi," ông nói. "Nhà cháu ở đâu?"

Scarlett đứng đó, nước mưa chảy ròng ròng xuống cổ. "Cháu không đi nhờ xe người lạ," cô bé đáp.

"Cháu làm thế là rất đúng" người đàn ông nói. "Nhưng làm ơn thì phải được đền đáp, hay đại loại như thế. Đây, cháu bỏ các thứ đó vào ghế sau này, không thì ướt hết mất." Ông mở cửa sau ra, và Scarlett cố nhào người vào để đặt các dụng cụ tô bia mộ của ông lên ghế sau. "Hay là thế này nhé" ông nói. "Sao cháu không gọi điện cho mẹ cháu - cháu có thể dùng điện thoại của tôi đây - và cho mẹ cháu biết biển số xe của tôi? Cháu vào trong xe mà gọi. Cháu cứ đứng ngoài ấy, ướt hết rồi kìa."

Scarlett chần chừ. Mưa đã làm tóc cô dính bết xuống, Trời rất lạnh.

Người đàn ông chìa tay ra đưa cho cô bé chiếc điện thoại di động của mình. Scarlett nhìn cái điện thoại. Cô nhận ra rằng mình sợ phải gọi điện cho mẹ hơn là sợ phải bước vào trong chiếc xe ấy. Rồi cô hỏi, "Cháu có thể gọi cả cảnh sát nữa chứ à?"

"Tất nhiên là được rồi. Hoặc cháu có thể đi bộ về nhà. Hoặc cháu có thể gọi cho mẹ và bảo mẹ đến

đây đón cháu."

Scarlett ngồi vào cạnh ghế tài xế và đóng cửa lại. Cô vẫn nắm chặt chiếc điện thoại của người đàn ông trong tay.

"Nhà cháu ở đâu?"

"Không cần đâu ạ. Chú cứ đưa cháu đến bến xe buýt là được rồi ạ.."

"Tôi sẽ đưa cháu về nhà. Địa chỉ là gì nào?"

"102a đại lộ Acacia ạ. Nó nằm ngoài đường chính, cách trung tâm thể thao một quãng..."

"Cháu đã đi xa thật đấy, phải không nào? Được rồi. Để tôi đưa cháu về nhà nào." Ông bỏ phanh tay xuống, vòng chiếc xe lại và lái xuống đồi.

"Cháu sống ở đây đã lâu chưa?" ông hỏi.

"Chưa ạ. Mẹ con cháu mới chuyển đến đây ngay sau Giáng sinh. Nhưng nhà cháu đã ở đây hồi cháu năm tuổi"

"Tôi nghe giọng cháu có chút giống giọng người Scotland thì phải?"

"Nhà cháu đã ở Scotland mười năm liền. Khi ở đấy, giọng cháu nghe giống như tất cả mọi người khác, thế rồi cháu chuyển xuống đây, và bây giờ thì cháu cứ nổi lên như là một ngón tay bị đau ấy." Cô muốn nói câu ấy một cách đùa cợt, nhưng khi nghe giọng mình, cô biết đó là sự thật. Giọng nói của cô chẳng có vẻ buồn cười chút nào, chỉ đầy chua chát mà thôi.

Người đàn ông lái xe đến đại lộ Acacia, đỗ lại trước cửa nhà, rồi nhất định đi cùng cô đến cửa trước. Khi cửa mở ra, ông nói, "Rất xin lỗi chị. Tôi đã mạo phép đưa cháu nhà chị về đây. Chị đã dạy cháu rất đúng, không được đi nhờ xe người lạ. Nhưng trời thì đang mưa, cháu lên nhảm xe buýt, và bị lạc đến tận đầu kia của thành phố. Quả là rắc rối vô cùng. Xin chị hãy rộng lòng tha thứ. Tha thứ cho cháu. Và, ờ, cả tôi nữa!"

Scarlett tưởng mẹ mình sẽ quát tháo cả hai người, nhưng cô bé vừa ngạc nhiên vừa nhẹ cả người khi mẹ chỉ nói rằng, "Ngày hôm nay thì không thể tỏ ra quá thận trọng được, rồi hỏi ông Ờ có phải là thầy giáo không, và ông có muốn vào nhà uống một tách trà không?"

Ông Ờ đáp lại rằng tên ông là Frost, nhưng cứ gọi ông là Jay, và bà Perkins mỉm cười bảo ông cứ gọi bà là Noona, rồi bà đặt ấm đun nước.

Trong lúc uống trà, Scarlett kể cho mẹ nghe chuyện mình đã lên nhảm xe buýt, và rồi cô bé đã đi vào khu nghĩa địa và gặp ông Frost ở cạnh ngôi nhà thờ nhỏ...

Bà Perkins đánh rơi tách trà trong tay.

Họ đang ngồi quanh cái bàn trong bếp, vì vậy cái tách không rơi xa lắm, và cũng không bị vỡ, chỉ đánh đổ trà ra sàn thôi. Bà Perkins lúng túng xin lỗi, rồi đi lấy một cái giẻ từ trong bồn rửa để lau chỗ nước trà bị đổ.

Rồi bà hỏi, "Cái nghĩa địa trên đồi, gần khu Phố Cổ ấy à? Là cái nghĩa địa ấy phải không?"

"Tôi sống gần đó" ông Frost đáp. "Tôi hay lên đó tì lại bia mộ. Và chị có biết đó thực ra là một khu bảo tồn thiên nhiên không?"

Bà Perkins đáp, "Tôi biết," qua đôi môi mím chặt. Rồi bà nói, "Cảm ơn anh vì đã đưa Scarlett về nhà, anh Frost." Mỗi lời bà thốt ra tựa như một cục băng. Bà nói tiếp, "Tôi nghĩ là anh nên về thôi."

"Tôi lại nói nhiều quá rồi" ông Frost thân mật đáp lại. "Tôi không chủ tâm làm chị phật ý. Tôi đã nói gì không phải ư? Chuyện tì bia mộ chỉ là cho một đề án về lịch sử địa phương thôi mà, tôi không,

ờ, đào xương cốt gì lên đâu"

Trong một khoảnh khắc, Scarlett tưởng như mẹ mình sắp giáng một cái tát lên mặt Ông Frost, còn ông Frost thì đang tỏ ra rất lo lắng. Nhưng bà Perkins chỉ lắc đầu và nói, "Xin lỗi, đó là chuyện riêng của gia đình. Không phải lỗi của anh" Rồi, như thể phải cố gắng lắm, bà mới vui vẻ nói thêm, "Anh biết không, chính Scarlett hồi còn bé vẫn hay chơi trong cái nghĩa địa ấy đấy. Đã, bao lâu nhỉ, mười năm nay rồi. Nó còn có cả một người bạn tưởng tượng ở đó nữa. Một thằng bé tên là Không Ai Cả."

Một nụ cười hiện lên ở khoé miệng ông Frost. "Một chú ma à?"

"Không, tôi không nghĩ thế. Cậu bé chỉ sống ở đó thôi. Con bé còn chỉ ra ngôi mộ nơi cậu bé ở nữa. Tôi đoán có lẽ đó là một cậu ma thật. Con còn nhớ không,

Scarlett lắc đầu. "Chắc hồi ấy con kỳ quặc lắm nhỉ," cô bé nói.

"Tôi dám chắc là cháu không như thế, ờ, không đâu" ông Frost nói. "Chị có một cô con gái rất ngoan, chị Noona ạ. Cảm ơn chị đã mời tôi uống trà. Rất vui khi được làm quen với một người bạn mới. Tôi phải đi đây. Tôi phải về nhà nấu bữa tối, để rồi còn đi họp ở Hội Lịch sử Địa phương nữa."

"Anh phải tự nấu bữa tối à?" bà Perkins hỏi.

"Vâng, tự nấu. Hay đúng hơn là làm sẵn đông. Tôi còn rất giỏi chế biến các món ăn liền nữa. Các món cho một người ăn ấy. Chỉ có một mình tôi thôi mà. Tôi gần như một ông già độc thân căn cẩu. Đúng ra, theo như các báo viết, thì như thế có nghĩa là người đồng tính luyến ái, phải không? Tôi không đồng tính, chỉ có điều là chưa bao giờ gặp được người phụ nữ phù hợp thôi."

Và trong một thoáng, trông ông có vẻ hơi buồn.

Bà Perkins, vốn rất ghét nấu ăn, liền tuyên bố là vào cuối tuần bà thường nấu quá nhiều thức ăn, và khi bà dẫn ông Frost ra tiền sảnh, Scarlett nghe thấy ông vui vẻ nhận lời đến ăn tối vào ngày thứ Bảy.

Khi từ tiền sảnh quay vào, bà Perkins chỉ nói với Scarlett mỗi một câu, "Mẹ hy vọng con đã làm xong bài tập về nhà."

o o o

Đến đêm, khi nằm trên giường lắng nghe tiếng xe cộ ầm ì trên con phố chính, Scarlett vẫn còn nghĩ về những chuyện đã xảy ra chiều hôm đó. Thì ra cô đã từng đến đó, đến cái nghĩa địa ấy, khi cô còn nhỏ. Thảo nào mọi thứ lại có vẻ quen thuộc đến vậy.

Mãi tưởng tượng và nhớ lại, cô bé ngủ thiếp đi lúc nào không biết, nhưng trong giấc ngủ cô vẫn đang bước đi trên những lối mòn trong nghĩa địa. Đang là đêm, nhưng cô có thể trông thấy mọi thứ rõ như ban ngày. Cô đang ở trên một sườn đồi. Có một thằng bé trạc tuổi cô đang đứng quay lưng lại, nhìn xuống ánh sáng của thành phố bên dưới.

Scarlett hỏi, "Này, cậu đang làm gì thế?"

Thằng bé quay lại, nhưng phải mất một lúc mới tập trung được. "Ai hỏi đấy?" và rồi, "Ô, tớ trông thấy cậu rồi, nhưng hơi mờ. Cậu đang Mộng du ấy à?"

"Hình như tớ đang nằm mơ thật," cô đồng tình,

"Tớ không định nói thế" thằng bé bảo. "Xin chào. Tớ là Bod."

"Tớ là Scarlett" cô nói.

Thằng bé nhìn cô như thể mới trông thấy cô lần đầu tiên vậy. "Đúng là cậu rồi! Tớ biết là trông cậu quen lắm mà. Hôm nay cậu đã có mặt ở nghĩa địa với người đàn ông đó, cái ông cầm tờ giấy ấy."

"Chú Frost," cô đáp. "Chú ấy dễ chịu lắm. Chú ấy đã chở tớ về nhà đấy" Rồi cô hỏi, "Cậu đã trông thấy tớ và chú ấy à?"

"Ừ. Tớ luôn để mắt đến mọi việc diễn ra trong nghĩa địa mà."

"Nhưng Bod là cái tên gì mà lạ thế?"

"Tên tắt của Nobody, tức là Không Ai Cả."

"Đúng rồi!" Scarlett reo lên. "Thì ra là tớ đang mơ về chuyện này. Cậu là người bạn tưởng tượng của tớ hồi tớ còn nhỏ, giờ thì cậu đã lớn lên rồi."

Thằng bé gật đầu.

Nó đã cao hơn Scarlett. Nó mặc đồ màu xám, nhưng Scarlett không thể miêu tả cụ thể đó là những thứ quần áo gì. Mái tóc của nó hơi dài quá, và Scarlett nghĩ hẳn đã lâu rồi nó chưa được cắt tóc.

Thằng bé bảo, "Hồi ấy cậu rất can đảm. Bọn mình đã trèo xuống tít sâu trong lòng đồi và trông thấy Người Da Chàm. Và bọn mình còn gặp cả các Sát thủ nữa."

Đúng lúc ấy thì có một điều gì đó xảy ra trong đầu cô bé. Một tiếng ào ào vang lên, cô có một cảm giác như bị vấp ngã, rồi bóng tối cuộn xoáy cùng một loạt những hình ảnh vụt qua bao trùm lên tất cả...

"Mình nhớ ra rồi," Scarlett nói. Nhưng cô đã thốt ra câu ấy với bóng tối trống rỗng trong phòng mình, và chẳng nghe thấy tiếng nói nào đáp lại ngoài tiếng rầm rầm xa xăm của một chiếc xe tải đang phóng qua màn đêm.

o o o

Bod có khá nhiều thức ăn dự trữ, những thức ăn có thể để lâu được, một ít cát trong hầm mộ ở nhà thờ, và chỗ còn lại thì để trong những cái huyệt, hầm mộ và lăng có nhiều hơi lạnh. Chú Silas đã lo chuyện đó. Nó có đủ thức ăn cho vài ba tháng liền. Nó sẽ không rời khỏi nghĩa địa, trừ phi chú Silas hoặc cô Lupescu có mặt ở đó.

Nó nhớ cái thế giới bên ngoài hai cánh cổng nghĩa địa, nhưng nó biết ở ngoài ấy đối với nó là không an toàn. Chưa đến lúc. Còn ở đây, nghĩa địa này là thế giới của nó, lãnh thổ của nó. Nó rất tự hào và yêu nơi này với một tình yêu mà chỉ những chú bé mười bốn tuổi mới có được.

Thế nhưng...

Trong nghĩa địa, chẳng ai thay đổi. Những đứa trẻ mà Bod đã chơi cùng khi nó còn nhỏ bây giờ vẫn là trẻ con; Fortinbra Bartleby, trước kia vốn là bạn thân nhất của nó, giờ lại bé hơn Bod bốn hay năm tuổi, và mỗi lần gặp nhau chúng nói chuyện càng ngày càng ít đi; Thackeray Porringer thì vốn đã bằng tuổi Bod bây giờ, cao bằng nó và đối xử với nó dễ chịu hơn hẳn; cậu ta thường đi dạo với Bod vào các buổi tối và kể cho nó nghe những chuyện không may đã xảy ra với bạn bè của cậu ta. Thường thường những câu chuyện ấy kết thúc với việc người bạn đó bị treo cổ cho đến chết vì những tội họ không gây ra, hoặc vì nhầm lẫn, nhưng cũng thỉnh thoảng họ chỉ bị đày sang các thuộc địa ở châu Mỹ và sẽ không bị treo cổ trừ phi họ mò về nước Anh.

Liza Hempstock, vốn đã là bạn của Bod suốt sáu năm qua, cũng thay đổi, nhưng theo một cách

khác; cô rất ít khi có mặt ở khoảng đất đầy cây tầm ma mỗi khi Bod đi xuống đó để thăm cô; và trong những dịp hiếm hoi khi cô có ở đó thì thường tỏ ra cáu bẳn, nói chuyện như muốn cãi nhau, và nhiều khi cực kỳ bất lịch sự.

Bod kể chuyện ấy cho bố mình nghe, và sau một hồi ngẫm nghĩ, ông Owens nói, "Bố đoán đó chỉ là tâm tính phụ nữ thôi. Cô ấy đã quý mến con khi con còn là một chú nhóc, nhưng giờ con là một chàng trai rồi, nên có lẽ cô ấy không biết con đã trở thành người như thế nào. Hồi trước bố vẫn ngày ngày chơi đùa dưới ao với một cô bé con, cho đến khi cô bé khoảng bằng tuổi con bây giờ ấy, và rồi cô bé ném một quả táo vào đầu bố và không chịu nói với bố một câu nào cho đến tận khi bố mười bảy tuổi."

Bà Owens khịt mũi. "Tôi ném một quả lê đấy chứ" bà đánh đá đốp lại, "và tôi cũng chẳng đợi lâu đến thế để nói chuyện lại với ông, vì chúng mình đã nhảy với nhau một điệu ở đám cưới ông anh họ Ned của ông, và hôm ấy thì ông mới tròn mười sáu tuổi hai ngày."

Ông Owens đáp, "Tất nhiên là bà nói đúng rồi, bà thân yêu ạ." Ông nháy mắt với Bod, ý bảo nó rằng chuyện này chẳng có gì là nghiêm trọng cả. Rồi ông thì thào "Mười bảy tuổi" để chứng tỏ rằng đó mới là sự thật.

Bod không cho phép mình có người bạn nào trong số những người sống cả. Trong những ngày đến trường ngăn ngui của mình, nó đã học được rằng điều đó chỉ đem lại rắc rối mà thôi. Thế nhưng nó vẫn không quên Scarlett, hàng bao nhiêu năm sau khi cô bé chuyển đi nó vẫn nhớ cô bé, và từ lâu đã đối mặt với sự thật là nó sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa. Vậy mà giờ đây, khi cô bé xuất hiện trong khu nghĩa địa của nó, nó lại không nhận ra cô...

Nó đang đi lang thang sâu hơn trong khoảng bụi rậm đầy cây cối và dây thường xuân vô cùng nguy hiểm ở góc Tây Bắc của nghĩa địa. Ở đó có những tấm biển cảnh báo người qua lại hãy tránh xa nơi đó, nhưng những tấm biển ấy là không cần thiết. Một khi đã đi quá đám dây thường xuân đánh dấu đoạn cuối Đường Ai Cập cùng những cánh cửa màu đen trên bức tường giả Ai Cập dẫn đến nơi an nghỉ cuối cùng của mọi người, ta sẽ lạc vào một vùng hoang vu rợn người. Ở phía Tây Bắc này, từ gần một trăm năm nay thiên nhiên đã giành lại đất của nghĩa địa, các tấm bia đã bị lật đổ, những ngôi mộ bị quên lãng hoặc đơn giản là bị phủ lấp bởi những dây thường xuân xanh rì cùng lớp lá đã rụng xuống suốt năm mươi năm. Các lối mòn cũng đã bị phủ kín và không thể đi qua được.

Bod bước đi hết sức cẩn thận. Nó biết rõ nơi này và nó cũng biết rõ nơi này nguy hiểm đến mức nào.

Năm Bod lên chín, nó đang thám hiểm ở đúng chỗ này thì mặt đất sụt xuống dưới chân, làm nó ngã nhào xuống một cái hố sâu gần sáu mét. Cái huyệt đã được đào sâu như vậy để giành chỗ cho nhiều cỗ quan tài, nhưng ở đó không có tấm bia nào, mà chỉ có một cỗ quan tài duy nhất ở dưới đáy huyệt; trong quan tài là một quý ông thích y học, lại dễ bị kích động, tên là Carstairs, ông ta có vẻ rất phấn khởi khi thấy Bod và cứ nằng nặc đòi khám cổ tay của nó (vì Bod lúc ngã xuống đã bám vào một rễ cây và bị trẹo tay), phải mất một lúc nó mới thuyết phục được ông ta gọi người đến giúp.

Bod đang tìm đường xuyên qua góc nghĩa địa phía Tây Bắc này, khoảng đất đầy lá rụng trơn trượt, dây thường xuân phủ dày, nơi đàn cáo đã kéo đến sinh sống, nơi những bức tượng thiên thần bị đổ đang nhìn lên bằng cặp mắt mờ đục, bởi vì nó muốn được nói chuyện với chàng Thi sĩ.

Tên của chàng Thi sĩ là Nehemiah Trot, và tấm bia trên mộ của chàng, nằm dưới lớp lá xanh, có khắc những chữ như sau:

Nơi đây an nghỉ thi hài của NEHEMIAH TROT THI SĨ 1741-1774 (THIÊN NGÀ CÁT TIẾNG HÁT TRƯỚC KHI CHẾT) Bod gọi, "Anh Trot ơi? Em xin anh một lời khuyên được không?"

Nehemiah Trot uể oải mỉm cười. "Tất nhiên rồi, cậu bé can đảm. Lời khuyên của các thi sĩ cũng giống như ơn huệ của các vị vua vậy! Tôi có thể bôi thuốc, không, không phải là bôi thuốc, tôi có thể xức dầu cho nỗi đau của cậu bằng cách nào đây?"

"Em không đau đớn gì đâu. Em chỉ - là thế này, có một cô bé em quen hồi trước, nhưng em không biết mình nên đi tìm và nói chuyện với bạn ấy, hay là nên quên chuyện này đi."

Nehemiah Trot đứng thẳng lên, vươn hết chiều cao của mình, nhưng vẫn thấp hơn Bod, xúc động đưa tay lên ngực, và nói, "Ôi! Cậu phải tìm gặp nàng, van xin nàng. Cậu phải gọi nàng là nữ thần Terpsichore, là nàng tiên Echo, là nàng Clytemnestra của cậu. Cậu phải làm thơ tặng nàng, phải sáng tác những bài tụng ca hoành tráng - tôi sẽ giúp cậu - và bằng cách ấy - chỉ bằng cách ấy mà thôi, cậu mới có thể đoạt được trái tim người yêu đích thực của mình."

"Thật ra em không muốn đoạt được trái tim của bạn ấy. Bạn ấy cũng không phải là người yêu đích thực của em," Bod đáp. "Em chỉ muốn nói chuyện với bạn ấy thôi."

"Trong mọi cơ quan trên cơ thể," Nehemiah Trot nói, "thì cái lưỡi là cơ quan kỳ diệu nhất. Bởi chúng ta dùng nó để nếm thứ rượu vang ngọt ngào cũng như thứ thuốc độc cay đắng, vì thế chúng ta cũng dùng nó để thốt lên những lời dịu dàng cũng như chua chát. Hãy đến với nàng đi! Hãy trò chuyện với nàng!"

"Em không nên thì hơn."

"Cậu nên chứ! Cậu phải làm vậy! Tôi sẽ ghi chép lại, khi trận chiến này đã kết thúc."

"Nhưng nếu em hiện hình lên với một người, thì những người khác cũng sẽ dễ nhìn thấy em hơn..."

Nehemiah Trot nói, "A, xin hãy lắng nghe lời tôi, hỡi chàng Leander và nàng Hero, hỡi chàng Alexander trẻ tuổi. Nếu cậu không dám liều lĩnh, thì cuối cùng, cậu sẽ chẳng đạt được điều gì hết."
!

"Anh nói phải đấy" Bod thấy hài lòng với mình, và rất mừng vì nó đã nghĩ ra việc xin lời khuyên của chàng Thi sĩ. Đúng như vậy, nó tự nhủ, nếu mình không thể tin rằng một thi sĩ có thể cho mình những lời khuyên chí lý thì mình còn có thể tin ai được nữa? Nghĩ như vậy nó mới sực nhớ ra...

"Anh Trot ơi?" Bod hỏi, "Anh hãy cho em biết về việc trả thù đi."

"Đó là một món tốt nhất là nên ăn nguội" Nihemiah Trot đáp. "Đừng tìm cách trả thù trong lúc nóng nảy giận giữ. Hãy đợi đến thời điểm thích hợp. Có một lão nhà văn chuyên viết mướn ở phố Grub tên là O'Leary - một lão người Ailen, tôi xin nói thêm như vậy - đã trơ tráo, đã táo gan vô cùng, khi dám nhận xét rằng tập thơ ngắn đầu tay của tôi, một bó hoa thơm tươi đẹp dành cho các quý ông thượng lưu, là một tập thơ hạ cấp dở ẹc không có chút giá trị gì, và những tờ giấy dùng để viết các bài thơ ấy sẽ có ích hơn nếu được dùng để, không, tôi không thể nói ra được. Chỉ xin thưa với cậu rằng đó là một lời nhận xét hết sức tục tĩu."

"Nhưng anh đã trả thù lão ta chứ ạ?" Bod tò mò hỏi.

"Trả thù lão và toàn thể cái giống nhà văn dịch hạch như lão nữa! Ôi, tôi đã trả thù, cậu Owens ạ, đã trả thù một cách gọn ghê vô cùng. Tôi đã viết và cho in một bức thư mà tôi đóng đinh lên cửa tất cả các quán rượu của London, nơi những tên văn sĩ hạng bét ấy thường lui tới. Và tôi đã giải thích rằng, vì thiên tài của một đại thi hào là rất mong manh, từ giờ trở đi tôi sẽ không làm thơ cho chúng

nữa mà chỉ làm thơ cho bản thân tôi và cho các thế hệ sau, rằng từ giờ cho đến lúc chết, tôi sẽ không xuất bản một bài thơ nào nữa - không xuất bản cho bọn chúng! Và tôi cũng để lại các chỉ dẫn rằng sau khi tôi chết, các bài thơ của tôi phải được chôn cùng với tôi, không được đem in, và chỉ khi đời sau đã nhận ra thiên tài của tôi, nhận ra rằng hàng trăm bài thơ của tôi đã bị mất - bị mất! - chỉ đến khi đó thì quan tài của tôi mới được phép khai quật lên, chỉ đến khi đó thì những bài thơ của tôi mới được rời khỏi hai bàn tay giá lạnh của tôi, và được đem xuất bản trong sự ca ngợi và sung sướng của tất cả mọi người. Có những tư tưởng vượt quá thời đại của mình quả là một điều bất hạnh."

"Thế sau khi anh chết, người ta đã đào anh lên và xuất bản các bài thơ đó ạ?"

"Chưa, họ chưa làm thế. Nhưng vẫn còn nhiều thời gian mà. Các thế hệ sau kéo dài lắm."

"Tức là... đây là cách trả thù của anh ạ?"

"Chính thế. Một cách trả thù vô cùng hiệu quả và khéo léo nữa chứ!"

"Vâng" Bod trả lời vẻ hoài nghi.

"Tốt. Nhất. Nên. Ăn. Nguội" Nehemiah Trot kiêu hãnh nói.

Bod rời khỏi góc Tây Bắc của nghĩa địa, men theo Đường Ai Cập quay về những con đường chín chu hơn, những lối mòn không bị phủ lấp, và khi bóng chiều buông xuống, nó lang thang quay lại chỗ ngôi nhà thờ cũ - không phải nó hy vọng chú Silas đã trở về mà bởi vì cả đời mình nó đã luôn đến nhà thờ vào lúc hoàng hôn, nên giữ cái thói quen ấy khiến nó cảm thấy dễ chịu.

Hơn nữa, nó cũng thấy đói rồi.

Bod chui qua cửa hầm mộ và đi xuống dưới. Nó bỏ sang một bên cái hộp các tông chất đầy giấy má cũ của giáo khu, giờ đã ngấm nước quần cả lại, và lấy ra một

hộp nước cam, một quả táo, một hộp bánh mì que và một tảng pho mát, rồi vừa ăn vừa nghĩ xem nó sẽ đến gặp Scarlett kiểu gì - có lẽ nó nên thử Mộng du, bởi vì cô bé đã gặp được nó theo cách ấy...

Nó đi ra ngoài, định lên ngồi ở chỗ chiếc ghế gỗ màu xám, thì bỗng nhìn thấy một cái gì đó khiến nó ngần ngừ dừng bước. Đã có một người đang ngồi trên chiếc ghế của nó. Cô đang đọc một cuốn tạp chí.

Bod tàng hình thêm chút nữa, biến thành một phần của nghĩa địa, chẳng đáng chú ý gì hơn một cái bóng hay một cành cây khô.

Nhưng cô bé vẫn ngẩng đầu lên. Cô nhìn thẳng vào nó và hỏi, "Bod? Có phải cậu đấy không?"

Bod không đáp lại. Rồi nó hỏi, "Sao cậu vẫn nhìn thấy tớ?"

"Tớ gần như không nhìn được. Mới đầu tớ tưởng cậu chỉ là một cái bóng hay là cái gì đại loại thế. Nhưng trông cậu giống như trong giấc mơ của tớ. Trông như cậu đang dần dần hiện hình lên rõ ràng hơn ấy."

Nó liền đi đến bên cạnh chiếc ghế. Nó hỏi, "Cậu vẫn đọc được cơ à? Cậu không thấy trời tối quá sao?"

Scarlett gập cuốn tạp chí lại. Cô đáp, "Lạ thật. Tớ cũng tưởng là ánh sáng thế này thì tối quá, nhưng tớ vẫn đọc được, chẳng sao cả."

"Cậu..." Giọng nó kéo dài rồi im bặt, vì nó không biết chắc mình định hỏi cô bé cái gì nữa. "Cậu ở đây có một mình thôi à?"

Cô gật đầu. "Sau giờ học tớ đến đây giúp chú Frost tô lại mấy tấm bia. Rồi tớ bảo chú ấy là tớ muốn ngồi đây suy nghĩ một lát. Tớ đã hứa khi nào xong sẽ xuống uống trà với chú ấy, rồi chú ấy sẽ chở tớ về nhà. Chú ấy thậm chí còn không hỏi tại sao tớ muốn ngồi đây nữa. Chú ấy bảo chú ấy cũng

thích ngồi trong các nghĩa địa, và chú ấy nghĩ rằng nghĩa địa là một nơi yên bình nhất trên đời” Rồi cô hỏi, "tớ ôm cậu một cái được không?"

"Cậu muốn ôm tớ à?" Bod hỏi lại.

"Ừ"

"Thế thì được thôi." Nó ngẫm nghĩ một lát. "Tớ cũng không thấy phiền gì đâu."

"Tay tớ sẽ không xuyên qua người cậu chứ? Cậu đang ở đây thật đấy chứ?"

"Cậu sẽ không xuyên qua người tớ đâu," nó bảo; và cô bé liền vòng tay ôm lấy người nó, ôm chặt đến nỗi nó gần như nghẹt thở. Nó thốt lên, "Đau quá!"

Scarlett vội buông nó ra. "Xin lỗi"

"Không đâu. Tớ thấy dễ chịu lắm. Tớ chỉ định nói là, cậu ôm chặt hơn là tớ tưởng"

"Tớ chỉ muốn biết xem cậu có thật hay không. Suốt bao nhiêu năm nay tớ cứ tưởng cậu chỉ là do tớ nghĩ ra. Rồi tớ quên bằng mất cậu. Nhưng tớ đã không tưởng tượng ra cậu, và cậu đã quay lại, quay lại trong đầu tớ và quay lại đây nữa."

Bod mỉm cười. Nó nói, "Hồi ấy cậu thường mặc một cái áo khoác màu da cam, và khi nào nhìn thấy màu da cam giống như thế, tớ lại nghĩ đến cậu. Chắc cậu không còn giữ cái áo ấy đâu nhỉ."

"Không," cô bé đáp. "Tớ vứt nó từ lâu rồi. Bây giờ mà tớ mặc nó thì chắc sẽ hơi chật"

"Ừ," Bod trả lời. "Tất nhiên rồi"

"Tớ nên về thôi" Scarlett nói. "Nhưng có lẽ đến cuối tuần tớ sẽ quay lại." Rồi, khi thấy vẻ mặt của Bod, cô nói thêm, "Hôm nay là thứ Tư."

"Tớ sẽ rất vui nếu cậu quay lại."

Cô quay người định đi. Rồi cô hỏi, "Làm sao tớ tìm lại cậu được?"

Bod đáp, "Tớ sẽ tìm được cậu. Đừng lo. Cậu cứ ngồi một mình là tớ sẽ tìm được cậu"

Cô gật đầu, rồi chạy biến đi.

Bod quay trở lại nghĩa địa và đi ngược lên đồi cho đến khi tới lăng của dòng họ Frobisher. Nó không bước vào. Nó trèo lên tường lăng, dùng những dây thường xuân làm chỗ bám, và đu người lên cái mái bằng đá, rồi nó ngồi đó suy nghĩ trong lúc ngắm nhìn cái thế giới đang chuyển động bên ngoài nghĩa địa, nó nhớ lại cái ôm của Scarlett, nhớ lại nó đã cảm thấy an toàn như thế nào, và nghĩ rằng sẽ thật tuyệt biết bao nếu được đi lại một cách bình thường ở thế giới bên ngoài nghĩa địa, nhưng cũng thật thích thú biết bao khi được làm chủ cái thế giới nhỏ bé của riêng mình.

o o o

Scarlett nói cảm ơn, nhưng cô bé không muốn uống trà. Cô cũng không muốn ăn một cái bánh quy sô cô la. Ông Frost có vẻ lo lắng.

"Thật thà mà nói thì trông cháu cứ như vừa gặp ma ấy", ông bảo. "Gặp ma trong nghĩa địa thì cũng chẳng có gì là lạ, nếu cháu muốn gặp ma thật, ờ, chú có một bà cô cứ khăng khăng nói rằng con vệt của bà ấy bị ma ám. Một con đuôi dài lông đỏ. Ý chú là con vệt ấy. Còn bà cô của chú thì là kiến trúc sư. Chú chưa bao giờ biết hết tình tiết câu chuyện."

"Cháu không sao đâu ạ," Scarlett nói. "Chỉ hơi mệt thôi."

"Thế thì để chú đưa cháu về nhà. Cháu có đọc được chữ khắc trên tấm bia này không? Chú đã loay hoay hơn nửa tiếng rồi mà vẫn chưa dò ra được." Ông chỉ vào tấm giấy tờ trên cái bàn nhỏ, mỗi góc có đặt một lọ mứt để giữ cho tờ giấy nằm phẳng. "Cháu nghĩ cái tên ấy có phải là Gladstone không? Có thể là họ hàng của thủ tướng cũng nên. Nhưng chú chẳng đọc được thêm gì nữa cả."

"Cháu nghĩ là không phải đâu ạ," Scarlett đáp. "Nhưng đến thứ Bảy, lúc quay lại đây, cháu sẽ nhìn lại lần nữa."

"Mẹ cháu có định xuất hiện không đây?"

"Mẹ bảo sẽ thả cháu xuống đây vào buổi sáng. Rồi mẹ phải đi mua thức ăn cho bữa tối để mời chú. Mẹ sẽ làm một con gà quay đấy ạ."

"Cháu có nghĩ là sẽ có cả khoai tây bỏ lò nữa không?" ông Frost khấp khởi hỏi.

"Cháu nghĩ là có ạ."

Ông Frost có vẻ rất vui. Rồi ông nói, "Nhưng chú không muốn phiền đến mẹ cháu đâu."

"Mẹ cháu rất vui được mời chú đến ăn mà" Scarlett thành thật bảo. "Cảm ơn chú cho cháu đi nhờ xe về nhà."

"Không có gì," ông Frost nói. Họ cùng nhau bước xuống cái cầu thang trong ngôi nhà cao tầng nhỏ hẹp của ông Frost để đi vào tiền sảnh bé xíu ở chân cầu thang.

o o o

Ở thành phố Krakow của Ba Lan, trong đồi Wawel, có những cái hang gọi là Hang Rỗng, được đặt theo tên một con rồng đã chết từ lâu. Đó là những cái hang được các du khách biết tới. Nhưng còn có những cái hang khác bên dưới những cái hang này mà các du khách không biết đến và không bao giờ ghé thăm. Những cái hang ấy rất sâu và có những sinh vật sống trong đó.

Silas đi trước, theo sau là cái bóng màu xám khổng lồ của cô Lupescu, bước đi lặng lẽ trên bốn bàn chân.

Đằng sau họ là Kandar, một xác ướp xứ Assyri người quần đầy băng, với đôi cánh đại bàng rất khỏe và cặp mắt đỏ như hồng ngọc, trong tay ôm một con lợn nhỏ.

Mới đầu họ có cả thầy bốn người, nhưng họ đã mất Haroun ở một cái hang xa tít bên trên, khi vị thần Ifrit đó, thường tỏ ra quá tự tin như những đồng loại khác của mình, bước vào một khoảng trống bao quanh là ba tấm gương bằng đồng thau, và bị nuốt chửng trong một quang sáng màu đồng chói lòa. Trong thoáng chốc, họ chỉ trông thấy vị thần Ifrit trong những chiếc gương, chứ không còn trong thực tại nữa. Trong những chiếc gương, cặp mắt đỏ rực của thần mở lớn, miệng thần mở ra như thể đang gào thét bảo họ hãy chạy đi, hãy bảo trọng, rồi thần mờ đi và biến mất.

Silas, vốn chẳng sợ gì gương, đã dùng áo choàng của mình che phủ một tấm gương, khiến cho cái bấy ấy mất tác dụng.

"Thế đó," Silas nói. "Giờ thì chỉ còn ba chúng ta."

"Và con lợn", Kandar nói.

"Tại sao?" cô Lupescu hỏi bằng cái lưỡi sói, qua hàm răng sói. "Tại sao lại phải mang theo con lợn?"

"Nó đem vận may đến" Kandar đáp.

Cô Lupescu găm gù về ngò vức.

"Haroun có đem theo con lợn nào không?" Kandar chỉ hỏi vậy.

"Suyt" Silas lên tiếng. "Chúng đang đến đây. Căn cứ vào âm thanh thì bọn chúng rất đông."

"Cứ để chúng đến" Kandar thì thầm.

Cổ bồm trên gáy cô Lupescu dựng đứng lên. Cô không nói gì, nhưng cô đã sẵn sàng đợi chúng đến, và phải cố gắng lắm cô mới ngăn được mình ngửa đầu về phía sau rồi tru lên một tiếng dài.

o o o

"Ồ trên này cảnh đẹp thật" Scarlett nói.

"Ừ!". Bod đáp.

"Thế gia đình cậu đã bị giết hết thật sao?" Scarlett hỏi. "Có ai biết thủ phạm không?"

"Không. Mà có thì tớ cũng không biết. Người bảo trợ của tớ chỉ nói rằng thủ phạm vẫn còn sống, và một ngày kia chú ấy sẽ kể cho tớ tất cả những gì chú ấy biết".

"Một ngày kia à?"

"Khi nào tớ đã sẵn sàng."

"Chú ấy sợ cái gì chứ? Sợ cậu sẽ đeo súng vào rồi lên ngựa đi tìm kẻ đã sát hại gia đình cậu để trả thù à?"

Bod nghiêm nghị nhìn cô bé. "Thì rõ rồi," nó nói. "Tất nhiên tớ không có súng. Nhưng đúng thế. Chú ấy sợ tớ sẽ làm một điều gì đó đại loại như vậy."

"Cậu đùa đấy à."

Bod không nói gì. Nó mím chặt môi. Nó lắc đầu.

Rồi nó lên tiếng, "Tớ không đùa đâu."

Đó là một buổi sớm thứ Bảy rạng rỡ ánh nắng. Hai đứa vừa đi quá cổng vào Đường Ai Cập, men theo lối đi bên dưới rặng thông và những cái cây gai bò ngổn ngang, tránh ánh mặt trời chiếu thẳng xuống.

"Người bảo trợ của cậu ấy, chú ấy cũng là người à?"

Bod đáp, "Tớ không thể nói về chú ấy."

Scarlett có vẻ phật ý. "Ngay cả với tớ?"

"Ngay cả với cậu"

"Cũng được thôi" cô bé bảo. "Cậu cứ thế đi."

Bod đang nói, "Nghe này, tớ xin lỗi, tớ không có ý..." thì Scarlett cũng lên tiếng, "Tớ đã hứa với chú Frost là tớ sẽ không đi lâu quá. Có lẽ tớ nên quay lại thôi"

"Thôi được" Bod nói, chỉ sợ là nó đã làm cô bé bực mình, và không biết mình nên nói gì để làm lành với cô.

Nó nhìn theo Scarlett trong khi cô bé đi xuống lối mòn uốn lượn dẫn về nhà thờ. Một giọng con gái quen thuộc vang lên đầy chế nhạo, "Nhìn cô ả kia! Vênh vang làm sao chứ!" nhưng nó chẳng trông thấy ai cả.

Bod, cảm thấy lúng túng ngượng nghịu, liền quay lại Đường Ai Cập. Cô Lilibet và cô Violet đã cho nó cất nhờ một hộp các tông đầy sách bìa mềm trong hầm mộ của họ, và nó muốn tìm một quyển để đọc.

o o o

giúp ông Frost tô mấy tấm bia mộ cho đến giữa trưa, rồi họ cùng nghỉ tay để ăn trưa. Ông muốn mua món cá rán với khoai tây chiên mời cô bé, gọi là để cảm ơn, và hai chú cháu cùng đi xuống cửa hàng bán cá rán và khoai tây chiên ở chân đồi, rồi sau đó họ trèo lại lên đồi, vừa đi vừa ăn món cá và khoai tây nóng hôi hắc muối, rưới đầy dấm, đựng trong túi giấy.

Scarlett hỏi, "Nếu muốn tìm hiểu về một vụ sát nhân thì ta phải tìm ở đâu ạ? Cháu đã thử tra trên mạng rồi nhưng không được."

"Ồ. Cũng còn tùy. Cháu muốn biết về vụ sát nhân kiểu gì?"

"Cháu nghĩ là một vụ trong thành phố này ạ. Khoảng mười ba hoặc mười bốn năm trước. Cả một gia đình đã bị giết, ở đâu đó gần đây."

"Trời đất ơi," ông Frost kêu lên. "Thật thế à?"

"Vâng. Chú có sao không ạ?"

"Không. Chú hơi, ờ, thú thật là chú hơi nhát gan. Những chuyện như thế, ý chú là, người ta không muốn nghĩ về những vụ án có thật trong vùng này. Thử nghĩ xem, những chuyện như thế, xảy ra ngay tại đây. Chú không nghĩ là một cô bé tuổi cháu mà lại quan tâm đến những chuyện ấy."

"Không phải cho cháu ạ," Scarlett thừa nhận. "Là cho một người bạn của cháu"

Ông Frost nhón nốt miếng cá tuyệt rán cuối cùng. "Chú đoán cháu có thể tìm ở thư viện. Nếu không có ở trên mạng thì trong các tập báo cũ của họ chắc sẽ có. Cái gì đã khiến cháu quan tâm đến chuyện này vậy?"

"Ồ." Scarlett muốn nói dối càng ít càng tốt. Cô liền đáp, "Là một cậu bạn cháu quen ạ. Cậu ấy muốn biết về chuyện đó."

"Chắc chắn ở thư viện sẽ có," ông Frost nhắc lại. "Sát nhân à. Brrrừ. Làm chú rùng cả mình."

"Cháu cũng thế" Scarlett nói. "Cháu cũng thấy hơi sợ." Rồi cô nói thêm, vẻ hy vọng, "Liệu chiều nay chú có thể thả cháu xuống thư viện được không ạ?"

Ông Frost cắn đôi một miếng khoai tây to, nhai, rồi nhìn chỗ khoai tây còn lại một cách thất vọng. "Chúng mau nguội quá phải không, khoai tây rán ấy. Phút trước chúng còn làm ta bỏng mồm bỏng miệng, phút sau ta đã phải bắn khoăn không hiểu sao chúng lại nguội đi nhanh thế."

"Cháu xin lỗi" Scarlett nói. "Lẽ ra cháu không nên đòi chú đưa đi đâu cả..."

"Không sao, không sao đâu," ông Frost gạt đi. "Chú chỉ đang nghĩ xem chiều nay nên sắp xếp thế nào cho tiện, với cả không biết mẹ cháu có thích sô cô la không. Nên mua một chai rượu hay là một hộp sô cô la nhỉ? Chú không chắc lắm. Có lẽ cả hai chẳng?"

"Cháu có thể tự đi bộ từ thư viện về nhà được ạ," Scarlett trả lời. "Và mẹ cháu thích sô cô la lắm. Cả cháu cũng thế."

"Thế thì là sô cô la," ông Frost nói, vẻ nhẹ nhõm hẳn. Họ đã đi đến giữa dãy nhà cao nằm liền kề

nhau dọc theo sườn đồi, đến chỗ chiếc xe Mini màu xanh đỗ bên ngoài cửa nhà. "Cháu vào đi. Chú sẽ đưa cháu đến thư viện."

o o o

Thư viện là một tòa nhà vuông vắn, toàn bằng gạch và đá, xây từ đầu thế kỷ trước. Scarlett nhìn quanh, rồi đến chỗ chiếc bàn ở tiền sảnh.

Người phụ nữ ngồi ở đó hỏi, "Cháu cần gì?"

Scarlett trả lời, "Cháu muốn xem mấy bài báo cũ ạ."

"Bài tập ở trường à?"

"Để nghiên cứu về lịch sử địa phương ạ," Scarlett gật đầu đáp, rất tự hào vì đã không nói dối.

"Tất cả báo chí địa phương đều được lưu trên các tấm vi phim" người phụ nữ nói. Bà ta khá to béo, tai đeo một đôi vòng bạc lủng lẳng. Scarlett cảm thấy trống ngực đập thình thịch; cô dám chắc mình đang có vẻ thật tội lỗi, hoặc đáng nghi, nhưng người phụ nữ dẫn cô vào trong một căn phòng với những cái hộp trông như màn hình máy tính, và chỉ cho cô cách dùng chúng để chiếu từng trang báo một lên màn hình. "Đến một lúc nào đó tất cả sẽ được số hóa hết" bà ta nói. "Cháu tìm báo của ngày tháng năm nào?"

"Khoảng mười ba hoặc mười bốn năm trước ạ," Scarlett nói "Cháu không biết cụ thể hơn được. Khi nào tìm thấy thì cháu sẽ nhận ra."

Người phụ nữ đưa cho Scarlett một cái hộp nhỏ đựng những tấm vi phim chụp các trang báo của năm năm liền, "Cháu tha hồ mà tìm," bà ta bảo.

Scarlett tưởng rằng vụ án cả một gia đình bị sát hại sẽ phải được đăng ở trang đầu, thế nhưng, khi lật cuộc cô cũng tìm được bài báo ấy, thì nó lại bị nhét xuống tận trang năm. Chuyện xảy ra vào tháng Mười, mười ba năm về trước. Bài báo không có gì là văn vẻ, không miêu tả gì, chỉ liệt kê lại sự việc một cách đơn giản: Thi thể của kiến trúc sư Ronald Doan, 36 tuổi, cùng với vợ là Carlotta, 33 tuổi, làm việc tại nhà xuất bản, và con gái là Misty, 7 tuổi, đã được tìm thấy ở số 33 đường Dunstan, cảnh sát nghi ngờ đây là một án mạng. Người phát ngôn của cảnh sát nói rằng vào thời điểm này cuộc điều tra còn quá sớm để có thể đưa ra bất kỳ lời bình luận nào, nhưng cũng cho biết họ đang lần theo một số đầu mối quan trọng.

Bài báo không nhắc đến gia đình ấy đã bị giết như thế nào, và cũng không nhắc gì đến một đứa bé bị mất tích. Trong những tuần sau đó, không có thêm bài báo nào tiếp tục cuộc điều tra, và cảnh sát cũng chẳng đưa ra lời bình luận nào mà Scarlett có thể tìm được cả.

Nhưng đó chính là vụ án ấy. Cô dám chắc như vậy: số 33 đường Dunstan. Cô biết rõ ngôi nhà ấy. Cô đã từng đặt chân vào đó.

Cô đem trả chiếc hộp vi phim ở chiếc bàn ngoài tiền sảnh, cảm ơn bà thủ thư, rồi đi bộ về nhà dưới ánh nắng tháng Tư. Mẹ cô đang nấu nướng trong bếp - có vẻ không thành công cho lắm, bằng chứng là cái mùi cháy-chảo-bị-cháy đang bốc lên nồng nặc khắp căn hộ. Scarlett chui vào phòng, mở toang cửa sổ cho mùi cháy bay bớt ra ngoài, rồi ngồi xuống giường và nhắc điện thoại lên.

"Alô? Chú Frost ạ?"

"Scarlett. Mọi việc tối nay vẫn như kế hoạch chứ? Mẹ cháu thế nào rồi?"

"Mẹ cháu lo liệu hết rồi ạ," Scarlett đáp, đó là câu trả lời cô nhận được khi hỏi mẹ. "Ồ, chú Frost này, chú đã sống trong căn nhà hiện nay được bao lâu rồi ạ?"

"Bao lâu ấy à? Ồ, khoảng bốn tháng rồi."

"Làm sao chú tìm được căn nhà ấy ạ?"

"Nhờ trung tâm mua bán nhà đất. Căn nhà đang để trống, và chú đủ sức mua nó. Ồ, cũng gần đủ. Chú muốn tìm một căn nhà đủ gần để có thể đi bộ đến nghĩa địa được, và căn nhà này thì thật hoàn hảo."

"Chú Frost này." Scarlett không biết nên nói thế nào, rồi quyết định cứ nói thẳng ra là hơn. "Khoảng mười ba năm trước, có ba người đã bị sát hại trong nhà của chú. Gia đình Dorian."

Đầu bên kia điện thoại im lặng như tờ.

"Chú Frost? Chú còn ở đó không ạ?"

"Ồ. Chú đây, Scarlett. Xin lỗi cháu. Đó quả không phải chuyện ta thường được nghe. Căn nhà đã cũ rồi, ý chú là, chắc chắn trước kia đã từng có nhiều chuyện xảy ra trong đó. Nhưng không phải là... thế cụ thể là chuyện gì đã xảy ra?"

Scarlett băn khoăn tự hỏi mình nên cho ông biết đến đâu. Cô đáp, "Cháu tìm được một bài báo cũ, nó chỉ nói đến địa chỉ ngôi nhà, còn thì không có gì nữa cả. Cháu còn không biết họ đã bị giết như thế nào nữa kia."

"Ồi, Chúa ơi." Nghe giọng ông Frost thì có vẻ như ông quan tâm đến cái tin này hơn là Scarlett tưởng. "Đây chính là một điều mà nhờ nó, các sử gia địa phương như chú có thể chứng tỏ được tiếng tăm của mình, Scarlett ạ. Cứ để đấy cho chú. Chú sẽ tìm hiểu tất cả những gì có thể và báo lại cho cháu."

"Cảm ơn chú ạ," Scarlett nói, nhẹ cả người.

"Ừm. Chú đoán là cháu phải gọi điện vì nếu mẹ cháu biết được là trong nhà chú đã xảy ra án mạng, cho dù là từ mười ba năm trước đi chăng nữa, thì cháu sẽ không được phép gặp lại chú hay là đến nghĩa địa nữa. Vì thế, ờ, nếu cháu không nói gì với mẹ thì chú cũng sẽ giữ im lặng."

"Ồi, cảm ơn chú, chú Frost!"

"Gặp lại cháu lúc bảy giờ nhé. Chú sẽ đem sô cô la đến."

o o o

Bữa tối hôm đó hết sức vui vẻ. Mùi cháy đã bay hết khỏi bếp. Món gà quay rất ngon, món rau trộn còn ngon hơn, món khoai tây bỏ lò thì hơi bị quá lửa một chút, nhưng ông Frost thích thú tuyên bố rằng ông thích chúng quá lửa như vậy, và lấy hai phần khoai tây liền.

Bó hoa ông đem đến được cả hai mẹ con trầm trồ, hộp kẹo sô cô la mà họ đem ra ăn tráng miệng quả là ngon tuyệt, rồi ông Frost ngồi lại trò chuyện và xem ti vi cùng hai mẹ con cho đến tận mười giờ tối, đến lúc đó thì ông nói là ông phải về nhà thôi.

"Thời gian, thủy triều và những bản nghiên cứu lịch sử địa phương không chờ đợi ai cả," ông nói. Ông bắt tay bà Noona một cách thân mật, nháy mắt với Scarlett về đồng lõa, rồi đi về.

Đêm đó Scarlett cố tìm Bod trong giấc mơ của mình; cô đã nghĩ về cậu bé trước lúc ngủ thiếp đi, tưởng tượng ra mình đang đi trong nghĩa địa để tìm Bod, nhưng khi mơ thì cô lại mơ đang đi quanh trung tâm thành phố Glasgow với các bạn cũ của mình. Cả bọn đang đi tìm một con phố nào đó, nhưng chỉ tìm được một loạt các ngõ cụt, hết ngõ cụt này đến ngõ cụt khác.

o o o

Sâu thẳm trong lòng đồi ở Krakow, trong lòng hang sâu nhất, bên dưới những cái hang có tên là Hang Rỗng, cô Lupescu loạng choạng ngã xuống.

Silas quỳ xuống bên cạnh và ôm lấy đầu cô Lupescu trong tay mình. Trên mặt cô đầy máu, và trong đó có cả máu của cô.

"Anh phải để tôi lại," cô nói. "Hãy cứu thằng bé." Cô đang biến hình nửa phần, với hình hài nửa người nửa sói, nhưng khuôn mặt cô đã là mặt một người phụ nữ.

"Không," Silas nói. "Tôi sẽ không để cô lại đâu."

Ở phía sau, Kandar đang đung đưa con lợn trên tay như một đứa trẻ ôm con búp bê. Chiếc cánh bên trái của Kandar đã bị bẻ gãy, và xác ướp ấy sẽ không bao giờ có thể bay được nữa, nhưng khuôn mặt có chòm râu rậm của ông ta vẫn không hề tỏ ra đau đớn.

"Chúng sẽ quay lại, Silas ạ," cô Lupescu thì thào. "Mặt trời sắp mọc rồi."

"Nếu thế thì chúng ta phải xử lý chúng trước khi chúng có thể tấn công chúng ta," Silas nói. "Cô đứng dậy được không?"

"Da. Tôi là Khuyển Binh của Chúa," cô Lupescu nói. "Tôi sẽ đứng lên được." Cô cúi mặt vào bóng tối và co duỗi ngón tay. Khi ngẩng đầu lên thì cô đã hóa sói trở lại. Cô đặt hai chân trước lên mặt đá, rồi, một cách khó nhọc, gồng mình đứng dậy: một con sói xám to lớn hơn cả gấu, với cái mõm và bộ lông lấm tấm máu.

Cô ngửa đầu về phía sau, hú lên một tiếng đầy thịnh nộ và thách thức. Môi cô nhếch lên để lộ hàm răng sắc nhọn, và cô lại cúi đầu xuống. "Bây giờ" cô Lupescu gầm gừ. "Chúng ta sẽ hoàn thành sứ mệnh này".

o o o

Chiều muộn ngày Chủ nhật, điện thoại reo vang. Scarlett đang ngồi dưới nhà, mải mê chép lại những khuôn mặt từ cuốn truyện tranh cô đang đọc lên một mảnh giấy. Mẹ cô nhắc điện thoại lên.

"Hay quá, hai mẹ con cũng vừa nhắc đến anh," mẹ cô nói, mặc dù đó không phải sự thật. "Tối qua thật tuyệt," mẹ cô tiếp tục. "Tôi thấy vui lắm. Thật mà, không phiền gì đâu. Kẹo sô cô la ấy à? Hoàn hảo. Quả thực là hoàn hảo. Tôi đã dặn Scarlett nói với anh là bất cứ khi nào anh muốn có một bữa tối ngon lành thì cứ bảo với tôi." Rồi mẹ cô nói, "Scarlett ấy à? Vâng, cháu nó đang ở đây. Tôi sẽ gọi cháu. Scarlett!"

"Con ở ngay đây mà, mẹ," Scarlett thưa. "Mẹ không cần phải hét lên như thế." Cô đón lấy ống nghe.

"Chú Frost ạ?"

"Scarlett à?" Giọng ông Frost có vẻ rất phấn khích. "Cái. Ồ. Cái chuyện mà chú cháu mình đã bàn ấy. Cái chuyện đã xảy ra trong nhà chú ấy mà. Cháu có thể bảo với cậu bạn của cháu là chú đã phát hiện ra rằng - à mà này, cho chú hỏi một câu riêng tư nhé, khi cháu nói 'cậu bạn của cháu' có phải ý cháu định nói 'thực ra đây chính là cháu' hay là có một người bạn thật..."

"Cháu có một người bạn muốn biết thật ạ," Scarlett đáp, cảm thấy hơi buồn cười.

Mẹ cô ném cho cô một cái nhìn vẻ không hiểu.

"Bảo với bạn cháu là chú đã đào bới một chút - không phải là theo nghĩa đen, mà đúng hơn là lục lọi, cộng thêm một khoản điều tra kha khá nữa - và chú nghĩ là chú đã tìm ra được một số thông tin rất đáng quan tâm. Chú đã tìm được một thứ bị giấu kín. Ồ, nó không phải là một thứ mà chúng ta nên đưa cho tất cả mọi người xem... Chú, ờ, chú đã khám phá ra được một số điều"

"Những điều gì ạ?" Scarlett hỏi.

"Nghe này... cháu đừng nghĩ là chú bị ám đầu nhé. Nhưng theo như chú biết, thì ba người đã bị sát hại. Nhưng có một thành viên trong gia đình đó - một đứa bé mới sinh, chú nghĩ vậy - thì vẫn sống sót. Đó không phải một gia đình ba người, mà là một gia đình bốn người. Chỉ có ba người bị giết thôi. Bảo cậu ấy đến gặp chú, cậu bạn của cháu ấy. Chú sẽ nói thêm cho cậu ấy rõ."

"Cháu sẽ bảo với cậu ấy ạ," Scarlett nói. Cô gác máy, tim đập rộn lên như đánh trống.

• • •

Lần đầu tiên trong sáu năm trời, Bod mới lại đặt chân xuống những bậc thang hẹp bằng đá. Bước chân của nó vang vọng trong căn hầm dưới lòng đồi.

Nó đi đến bậc thang cuối cùng và đứng đó đợi các Sát thủ hiện lên. Nó đợi, đợi mãi, nhưng chẳng có gì hiện ra, chẳng có gì lên tiếng thì thầm, chẳng có gì chuyển động.

Nó nhìn quanh căn buồng, không hề nao núng trước bóng tối sâu thẳm, vì nó vẫn nhìn được rõ ràng như những người chết. Nó đi tới chỗ cái bàn thờ bằng đá đặt trên mặt đất, trên đó vẫn là chiếc chén, chiếc trâm cài cùng con dao.

Nó đưa tay ra chạm vào lưỡi dao. Lưỡi dao sắc hơn nó tưởng, và hơi cứa vào ngón tay nó một chút.

ĐÂY LÀ KHO BÁU CỦA CÁC SÁT THỦ, ba giọng nói lại đồng loạt thốt lên, nhưng nghe có vẻ nhỏ hơn so với cái giọng trong trí nhớ của Bod, có vẻ ngập ngừng hơn.

Bod nói, "Các người là những thứ lâu đời nhất ở đây. Tôi đến đây để nói chuyện. Tôi muốn xin một lời khuyên."

Im lặng một lát. KHÔNG AI ĐẾN TÌM SÁT THỦ ĐỂ ĐƯỢC KHUYÊN BẢO. SÁT THỦ CHỈ BIẾT CANH GIỮ. SÁT THỦ CHỈ BIẾT CHỜ ĐỢI.

"Tôi biết. Nhưng chú Silas không có ở đây. Và tôi không biết phải nói chuyện với ai khác."

Không có tiếng đáp lại. Chỉ có sự im lặng, vang vọng lại nỗi cô đơn và cát bụi muôn đời.

"Tôi không biết phải làm gì," Bod thành thực nói. "Tôi nghĩ tôi có thể khám phá ra kẻ nào đã sát hại gia đình tôi. Cái kẻ muốn giết cả tôi nữa. Nhưng như thế có nghĩa là tôi sẽ phải rời khỏi nghĩa địa."

Sát Thủ không nói gì. Những dải khói chậm rãi uốn lượn quanh căn buồng.

"Tôi không sợ chết," Bod nói tiếp. "Chỉ có điều những người tôi yêu quý đã tận tâm tận lực giữ cho tôi được an toàn, dạy dỗ tôi, bảo vệ tôi."

Vẫn im lặng.

Rồi nó nói, "Tôi phải tự mình làm việc này."

ĐÚNG VẬY.

"Thế thì thôi. Xin lỗi vì đã làm phiền các người."

Một tiếng thì thầm vang lên trong đầu Bod, êm ái luôn lách, len lỏi vào trí não nó, SÁT THỦ CÓ NHIỆM VỤ CANH GIỮ KHO BÁU CHO ĐẾN KHI CHỦ NHÂN CỦA CHÚNG TA QUAY LẠI. NGƯỜI CÓ PHẢI CHỦ NHÂN CỦA CHÚNG TA KHÔNG?

"Không," Bod đáp.

Rồi, một tiếng rền rĩ, về khắp khởi hy vọng, vang lên, NGƯỜI CÓ CHỊU LÀM CHỦ NHÂN CỦA CHÚNG TA KHÔNG?

"Tôi nghĩ là không được đâu."

NẾU NGƯỜI CHỊU LÀM CHỦ NHÂN CỦA CHÚNG TA THÌ CHÚNG TA SẼ GIỮ NGƯỜI TRONG VÒNG TAY CỦA CHÚNG TA MÃI MÃI. NẾU NGƯỜI LÀ CHỦ NHÂN CỦA CHÚNG TA, THÌ CHÚNG TA SẼ GIỮ CHO NGƯỜI ĐƯỢC AN TOÀN, BẢO VỆ NGƯỜI CHO ĐẾN NGÀY TẬN THỂ, VÀ SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐỂ NGƯỜI PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG HIỂM NGUY CỦA THẾ GIAN.

"Tôi không phải chủ nhân của các người."

KHÔNG.

Bod cảm thấy các Sát Thủ luôn lách qua tâm trí nó. Tiếng nói lại vang lên, THẾ THÌ HÃY ĐI TÌM TÊN CỦA NGƯỜI ĐI. Rồi đầu óc nó lại trống không, căn buồng cũng trống không, và Bod chỉ còn lại có một mình.

Bod trèo lên những bậc thang đá, cẩn thận nhưng cũng hết sức vội vã. Nó đã đi đến một quyết định, và cần phải hành động thật nhanh, khi quyết định ấy vẫn còn mới nguyên trong tâm trí nó.

Scarlett đang ngồi đợi nó trên chiếc ghế bên ngoài nhà thờ. "Thế nào?" cô hỏi.

"Tớ sẽ đi với cậu. Đi nào," nó nói, và hai đứa đi bên nhau, xuôi con đường dẫn xuống công nghĩa địa.

Nhà số 33 là một ngôi nhà cao, hẹp, vươn thẳng lên giữa một dãy nhà liền kề nhau. Căn nhà xây bằng gạch đỏ, chẳng có gì đáng chú ý. Bod bắn khoả nhìn ngắm ngôi nhà, tự hỏi tại sao trông nó không có vẻ gì quen thuộc hay đặc biệt. Nó chỉ là một ngôi nhà như bao ngôi nhà khác. Ở phía trước nhà có một khoảnh nền xi măng nhỏ, không phải là vườn, và một chiếc ô tô Mini màu xanh đỗ trước cửa. Cửa ra vào của căn nhà trước kia được sơn màu xanh lơ rực rỡ, nhưng đã bạc đi theo năm tháng, dưới ánh mặt trời.

"Thế nào?" Scarlett hỏi.

Bod gõ cửa. Mới đầu không có gì đáp lại, rồi trong nhà vang lên tiếng chân bước vội vã xuống mấy bậc thang, và cánh cửa mở ra, cho thấy một tiền sảnh và một cái cầu thang. Đứng giữa khuôn cửa là một người đàn ông đeo kính, với mái tóc hoa râm đã bắt đầu rụng. Ông háp háy mắt nhìn hai đứa, rồi chìa tay ra cho Bod, ngượng ngịu mỉm cười, "Cháu hửn là cậu bạn bí hiểm của Scarlett. Rất vui được

gặp cháu."

"Đây là Bod ạ," Scarlett giới thiệu.

"Bob à?"

"Bod. Kết thúc bằng chữ D ấy ạ," cô nói "Bod, đây là chú Frost."

Bod và ông Frost bắt tay nhau. "Chú đã đặt ấm đun nước đây" ông Frost nói. "Chúng ta vừa uống trà vừa trao đổi thông tin nhé, các cháu thấy thế nào?" Hai đứa theo ông lên mấy bậc thang đi vào một căn bếp, ông rót trà vào ba cốc, rồi dẫn chúng sang một phòng khách nhỏ. "Nhà cứ cao lên mãi" ông nói. "Nhà vệ sinh ở tầng trên, rồi đến phòng làm việc của chú, rồi đến buồng ngủ ở trên cùng. Chạy lên chạy xuống mấy cái cầu thang này cũng giúp chú giữ eo đấy!"

Họ ngồi xuống một cái ghế sofa rộng màu tím ngắt ("Nó đã có sẵn ở đây khi chú dọn đến") và nhâm nhi tách trà.

Scarlett đã lo là ông Frost sẽ đặt cho Bod nhiều câu hỏi, nhưng ông không hỏi gì. Ông chỉ có vẻ rất phấn khích, như thể đã tìm được tấm bia mộ bị thất lạc của một người nổi tiếng và đang nóng lòng muốn được thông báo với toàn thể thế giới. Ông liên tục cựa quậy trên ghế một cách bồn chồn, như thể có thông tin thật sự quan trọng muốn cho chúng biết, và phải cố hết sức thì ông mới không buột nói ra ngay tức khắc.

Scarlett hỏi, "Thế chú đã tìm ra được gì ạ?" Ông Frost đáp, "Ồ, cháu đã nói đúng. Đây chính là căn nhà nơi gia đình đó đã bị sát hại. Về nó - chú nghĩ vụ án mạng đó... ờ, không hẳn là bị im đi, mà đã bị chính quyền... bỏ quên, không quan tâm tới nữa."

"Cháu không hiểu," Scarlett nói. "Người ta không thể dễ dàng quên những vụ án mạng như vậy được"

"Nhưng vụ này thì đã bị quên lãng," ông Frost nói. Ông uống cạn tách trà. "Hẳn là do ảnh hưởng của những người rất có thể lực. Đó là cách lý giải duy nhất cho những gì đã xảy ra, và cho cả chuyện đã xảy ra với đứa con út của gia đình ấy nữa.."

"Và đó là chuyện gì ạ?" Bod hỏi.

"Nó đã sống sót" ông Frost đáp. "Chú dám chắc như vậy. Nhưng không ai đi tìm nó cả. Một đứa trẻ bị mất tích thường là tin tức được cả nước quan tâm. Nhưng mà họ, ờ, hẳn là họ đã tìm cách giấu nhem chuyện này đi."

"Họ là ai ạ?" Bod hỏi.

"Những người đã ra lệnh sát hại gia đình đó."

"Chú có biết gì hơn không ạ?"

"Có. Ờ, chỉ một chút thôi..." Giọng ông Frost kéo dài rồi nhỏ bật đi. "Chú xin lỗi. Chú... Nghe này. Vì những gì chú đã phát hiện ra ấy mà. Thật là khó tin quá sức."

Scarlett bắt đầu cảm thấy bức mình. "Cái gì khó tin ạ? Chú đã phát hiện ra cái gì?"

Ông Frost có vẻ ngượng ngùng. "Cháu nói đúng. Chú xin lỗi. Chú cứ thích giữ bí mật. Đó không phải ý hay. Sử gia không chôn vùi mọi việc. Sử gia thì phải bới tung mọi việc lên. Cho tất cả mọi người cùng thấy. Đúng vậy." Ông ngập ngừng dừng lại, rồi nói tiếp, "Chú đã tìm thấy một lá thư. Ở tầng trên. Nó bị giấu dưới tấm ván sàn" Ông quay sang Bod. "Chàng trai trẻ, chú có đúng không khi đoán rằng cháu quan tâm đến việc này, đến cái việc khủng khiếp này, là vì lý do cá nhân?"

Bod gật đầu.

"Chú sẽ không hỏi gì nữa" ông Frost nói và đứng dậy. "Đi nào!" ông bảo Bod. "Không phải cháu" ông nói với Scarlett. "Bây giờ chú chưa cho cháu biết được. Chú sẽ cho cậu ấy xem trước. Và nếu cậu ấy bằng lòng thì chú sẽ cho cả cháu xem nữa. Đồng ý chứ?"

"Đồng ý ạ," Scarlett đáp.

"Bọn chú sẽ không đi lâu đâu" ông Frost nói. "Đi nào, chàng trai"

Bod đứng dậy, ném cho Scarlett một cái nhìn lo ngại. "Không sao đâu" cô nói, và cố mỉm cười để làm nó yên lòng. "Tớ sẽ đợi cậu ở đây"

Cô nhìn theo bóng hai người khi họ ra khỏi phòng và đi lên cầu thang. Cô cảm thấy hồi hộp nhưng cũng đầy hy vọng. Cô băn khoăn tự hỏi Bod sẽ biết được điều gì, và rất vui vì nó sẽ được biết trước. Dù sao thì đó cũng là chuyện của nó mà. Nó có quyền được biết trước.

o o o

Lên trên cầu thang, ông Frost đi trước dẫn đường.

Bod vừa bước lên những bậc thang tới tầng trên cùng của căn nhà, vừa nhìn quanh, nhưng nó chẳng thấy có gì quen thuộc. Tất cả đều lạ hoắc.

"Phải lên đến tận tầng áp mái cơ," ông Frost bảo.

Họ trèo lên một đợt cầu thang nữa. Ông Frost nói.

"Chú không - ờ, cháu không cần phải trả lời nếu cháu không muốn, nhưng mà - ừm, cháu là đứa bé đó có phải không?"

Bod không đáp lại.

"Đây rồi" ông Frost nói. Ông xoay chìa khóa cắm ở cánh cửa trên tầng áp mái của căn nhà, đẩy cửa mở ra, và họ bước vào.

Căn phòng đó là một cái gác xép nhỏ với trần nhà dốc xuống. Mười ba năm trước, trong phòng từng có một chiếc nôi. Nó gần như không đủ rộng đối với người đàn ông và cậu bé.

"Đúng là chú đã gặp may" ông Frost nói. "Nói theo một cách nào đó thì nó đã luôn nằm ngay dưới mũi chú." Ông quỳ xuống lật tấm thảm đã sờn lên.

"Chú biết tại sao gia đình cháu bị giết ạ?" Bod hỏi.

Ông Frost nói, "Tất cả đều nằm ở đây." Ông nắm lấy một tấm ván sàn ngấn và giật cho đến khi bầy được nó lên. "Chắc đây là phòng của đứa bé," ông Frost nói. "Chú sẽ chỉ cho cháu thấy cái... cháu biết đấy, điều duy nhất chúng ta không biết đó là thủ phạm là ai. Chẳng có gì cả. Chẳng có một chút manh mối nào."

"Cháu biết hẳn có mái tóc màu sẫm," Bod nói, đứng trong căn phòng đã từng là phòng ngủ của nó. "Và cháu biết tên hẳn là Jack."

Ông Frost thò tay xuống khe hở nơi tấm ván sàn vừa được bầy lên. "Đã gần mười ba năm rồi," ông nói. "Mái tóc đã hói, đã bạc đi, trong mười ba năm ấy. Nhưng đúng là như vậy. Đó là Jack."

Ông ta đứng thẳng lên. Bàn tay vừa thò vào lỗ hổng trên sàn nhà giờ đang nắm một con dao lớn, sắc lẹm.

"Nào..", gã đàn ông tên Jack nói. "Nào, nhóc. Đã đến lúc kết thúc chuyện này rồi."

Bod trở mắt nhìn hấn. Tựa như ông Frost lúc trước chỉ là một cái áo hay một cái mũ mà hấn mang trên mình, và giờ hấn đã vứt bỏ nó.. Cái vỏ bọc thân thiện đã biến mất.

Ánh sáng lóe lên trên cặp kính của hấn, và lóe lên trên lưỡi dao.

Bên dưới cầu thang, một giọng nói vọng lên - giọng Scarlett. "Chú Frost ơi? Có người gõ cửa. Cháu có nên ra mở không ạ?"

Gã đàn ông tên Jack chỉ quay đi trong một khoảnh khắc, nhưng Bod biết cái khoảnh khắc ấy là tất cả thời gian nó có được, và nó liền tàng hình, cố hết sức để tàng hình hoàn toàn. Gã đàn ông tên Jack quay lại nhìn chỗ Bod vừa đứng, rồi nhìn quanh phòng, vẽ kinh ngạc và giận dữ đối chọi nhau trên mặt. Hấn bước một bước vào trong phòng, đầu lắc lư sang hai bên như một con hổ già vừa đánh hơi thấy con mồi.

"Mi đang ở đâu đó trong này." gã đàn ông tên Jack gầm ghe. "Ta có thể ngửi thấy mùi của mi!"

Sau lưng hấn, cánh cửa nhỏ dẫn vào căn buồng ngủ trên gác xép đóng sập lại, và khi quay ngoắt về phía ấy, hấn nghe thấy tiếng chìa khóa xoay trong ổ.

Gã đàn ông tên Jack lớn tiếng kêu lên qua cánh cửa bị khóa, "Mi có thể có thêm chút thời gian, nhưng không thể ngăn ta lại được đâu, nhóc ạ." Rồi hấn nói thêm, "Chúng ta chưa xong việc đâu, mi và ta."

Bod lao xuống cầu thang, va cả người vào tường, gần như đâm đầu ngã nhào xuống vì quá vội vã để chạy đến chỗ Scarlett.

"Scarlett!" nó hét lên khi trông thấy cô bé. "Chính là hấn đấy! Chạy thôi!"

"Chính là ai cơ? Cậu đang nói về chuyện gì vậy?"

"Hấn! Ông Frost ấy. Ông ta chính là Jack. Ông ta muốn giết tớ!"

Có tiếng rầm vang lên ở tầng trên khi gã đàn ông tên Jack đập vào cánh cửa.

"Nhưng mà." Scarlett cố hiểu cho ra đầu đuôi những gì mình vừa nghe thấy. "Nhưng chú ấy tốt lắm mà."

"Không," Bod nói, túm tay kéo cô xuống cầu thang, chạy vào tiền sảnh. "Không, hấn chẳng tốt đẹp gì đâu."

Scarlett kéo cánh cửa trước ra.

"A. Chào cô bé," người đàn ông đứng ở trước cửa cúi xuống nhìn cô và nói. "Chúng tôi cần gặp ông Frost. Tôi tin rằng đây chính là nơi ẩn dật của ông ấy." Người đó có mái tóc bạc trắng, và tỏa ra mùi nước hoa.

"Ông là bạn ông ấy à?" Scarlett hỏi.

"Ồ, vâng" một người nhỏ con hơn, đứng ngay đằng sau, đáp lại. Ông ta có bộ ria nhỏ xíu đen nhánh và là người duy nhất trong bọn đội mũ.

"Chắc chắn vậy rồi" người đàn ông thứ ba nói, người này trẻ hơn, rất to cao và có mái tóc vàng của người Bắc Âu.

"Mỗi người tên Jack trong số chúng tôi đều là bạn của ông ấy" người cuối cùng trong đám đó lên tiếng, ông ta to như một con bò với cái đầu khổng lồ. Ông ta có nước da nâu.

"Ông ấy. Ông Frost. Ông ấy ra ngoài có việc rồi", Scarlett nói.

"Nhưng xe của ông ấy vẫn còn đây mà" người tóc trắng nói, và người tóc vàng hỏi, "Còn cô là ai?"

"Ông ấy là bạn của mẹ cháu," Scarlett trả lời.

Cô trông thấy Bod ở phía bên kia nhóm người đó, đang rôi rít ra hiệu cho cô rời khỏi chỗ bọn họ và đi theo nó.

Cô bé liền cố lấy vẻ thật thản nhiên nói, "Ông ấy chỉ chạy ra ngoài một tí thôi ạ. Để đi mua báo. Ở chỗ hiệu bán báo dưới góc phố kia kìa." Rồi cô khép cửa lại sau lưng mình, bước qua đám người đó và đi xa dần.

"Cô định đi đâu vậy?" người có râu hỏi.

"Cháu phải bắt xe buýt cho kịp" cô đáp. Scarlett đi lên đồi về phía bến xe buýt và nghĩa địa, gắng hết sức để không quay đầu nhìn lại.

Bod đi bên cạnh cô. Ngay cả Scarlett cũng chỉ thấy nó như một cái bóng mờ giữa ánh chiều đang tối dần, như một vật gì đó không có thật, như một đợt hơi nóng rung rinh hay một chiếc lá rụng lướt qua, thấp thoáng hình dạng của một cậu bé.

"Đi nhanh lên," Bod nói. "Bọn chúng đều đang nhìn theo cậu đấy. Nhưng đừng chạy."

"Bọn họ là ai?" Scarlett thì thào hỏi.

"Tớ không biết," Bod đáp. "Nhưng chúng có vẻ kỳ dị lắm. Như không phải người thật ấy. Tớ muốn quay lại nghe xem chúng nói gì."

"Tất nhiên họ là người thật chứ," Scarlett nói. Cô cố gắng đi lên đồi nhanh hết mức mà vẫn không chạy, và không dám chắc Bod có còn ở bên cạnh mình nữa không.

Bốn gã đàn ông nọ đứng trước cửa căn nhà số 33. "Tôi không thích vụ này chút nào" người to con với cái cổ bò mọng thốt lên.

"Anh không thích vụ này ấy à, anh Tar?" người tóc trắng hỏi. "Không ai trong chúng ta thích vụ này cả. Hồng bet rồi. Tất cả đều hồng bet rồi."

"Krakow đã biến mất. Họ không trả lời nữa. Và sau vụ Melbourne với Vancouver..." người có ria nói. "Theo như những gì chúng ta biết được thì chỉ còn lại bốn người chúng ta thôi"

"Làm ơn im lặng một chút đi, anh Ketch," người tóc trắng nói. "Tôi đang suy nghĩ."

"Xin lỗi ngài" ông Ketch nói, đưa một ngón tay đeo găng lên vuốt ria, rồi vừa nhìn ngược nhìn xuôi con phố trên đồi vừa huýt sáo qua kẽ răng.

"Tôi nghĩ... chúng ta nên bám theo con bé," người có cái cổ bò, ông Tar, nói.

"Tôi nghĩ các anh nên nghe theo tôi" người tóc trắng lên tiếng. "Tôi đã bảo phải im lặng. Và tôi muốn nói là phải thật im lặng"

"Xin lỗi, thưa ngài Dandy," người tóc vàng nói.

Cả bọn đều im bật.

Trong sự im lặng, chúng nghe thấy những tiếng thỉnh thỉnh vang lên đâu đó ở tầng trên của căn nhà.

"Tôi sẽ vào trong," ngài Dandy nói. "Tar, đi cùng tôi. Nimble và Ketch, đuổi theo con bé ấy. Đem nó về đây."

"Còn sống hay đã chết?" ông Ketch hỏi với nụ cười tự mãn.

"Còn sống, đồ ngu," ngài Dandy đáp. "Tôi muốn xem nó biết được những gì."

"Có lẽ nó là một đứa trong bọn," ông Tar nói. "Cái bọn đã gây rắc rối cho chúng ta ở Vancouver và Mel- boume và..."

"Bắt lấy nó," ngài Dandy giục giã. "Bắt lấy nó ngay." Người tóc vàng cùng người có râu đội mũ liền vội vã chạy lên đồi.

Ngài Dandy và ông Tar đứng ngoài cửa nhà số 33.

"Cạy cửa đi," ngài Dandy ra lệnh.

Ông Tar tựa vai vào cửa và dùng hết sức nặng của thân mình để đẩy. "Cửa đã được chặn rồi," hắn nói. "Được bảo vệ kỹ càng lắm."

Ngài Dandy tuyên bố, "Không có gì do một tên Jack này làm ra mà một tên Jack khác không thể sửa được." Hắn tháo gang ra, đặt bàn tay lên cửa và lẩm bẩm một câu gì đó bằng thứ ngôn ngữ cổ hơn tiếng Anh nhiều. "Giờ thì hãy thử lại đi," hắn nói.

Tar lại tựa người vào cánh cửa, hì hục đẩy. Lần này thì chiếc khóa bật ra và cánh cửa hé mở.

"Khá lắm," ngài Dandy nói.

Có tiếng rầm rầm trên đầu chúng, ở tít trên tầng cao nhất của căn nhà.

Chúng lên được nửa cầu thang thì gặp gã đàn ông tên Jack chạy xuống. Ngài Dandy nhe răng cười với hắn, không có gì là vui vẻ, mà chỉ khoe ra hàm răng trắng đều tăm tắp. "Xin chào anh, Jack Frost," hắn nói. "Tôi tưởng anh bắt được thằng nhóc rồi chứ."

"Đúng thế" gã đàn ông tên Jack đáp. "Nhưng nó đã chạy mất;"

"Lại để nó chạy mất à?" Nụ cười của Jack Dandy càng nở rộng hơn, càng trở nên lạnh lùng hơn và hoàn hảo hơn. "Một lần thì chỉ là sai lầm, Jack ạ. Nhưng hai lần thì quả là tai họa"

"Chúng ta sẽ bắt được nó," gã đàn ông tên Jack nói. "Chuyện này phải kết thúc vào đêm nay."

"Tốt nhất là như vậy," ngài Dandy nói.

"Nó sẽ chạy về nghĩa địa," gã đàn ông tên Jack bảo. Cả ba cùng lao xuống cầu thang.

Gã đàn ông tên Jack đánh hơi không khí. Lỗ mũi hắn ngửi thấy mùi của thằng nhóc, làm tóc gáy hắn dựng đứng lên. Hắn cảm thấy tựa hồ những chuyện này đã từng xảy ra từ bao nhiêu năm trước vậy. Hắn dừng lại để khoác chiếc áo choàng đen dài của mình lên vai, chiếc áo được móc ở tiền sảnh, chẳng hợp chút nào khi treo cạnh chiếc áo vét bằng vải tuyết và cái áo đi mưa của ông Frost.

Cửa trước đang mở ra phốp, và ánh sáng ban ngày đã gần tắt hẳn. Lần này thì gã đàn ông tên Jack biết rõ phải đi đường nào. Hắn không hề chần chừ, mà đi thẳng ra khỏi nhà và chạy lên đồi, hướng về phía nghĩa địa.

Khi Scarlett chạy được đến nghĩa địa thì cổng đã đóng chặt. Cô nắm lấy cánh cổng kéo một cách tuyệt vọng, nhưng đêm ấy hai cánh cổng đã bị khóa chặt. Rồi Bod hiện ra bên cạnh cô. "Cậu có biết chìa khóa ở đâu không?" cô hỏi.

"Bọn mình không còn thời gian đâu" Bod đáp. Nó áp sát người vào những thanh sắt. "Vòng tay ôm lấy tớ đi."

"Cái gì cơ?"

"Cứ ôm lấy tớ rồi nhắm mắt lại"

Scarlett trở mắt nhìn Bod như thể muốn thách nó làm một điều gì đó, rồi cô ôm chặt nó và nhắm nghiền mắt lại. "Rồi"

Bod ngả người dựa vào những chấn song sắt ở cánh cổng nghĩa địa. Những chấn song này cũng là một phần của nghĩa địa, và nó mong rằng Quyền Tự do Đi lại Trong Nghĩa địa của nó có thể, dù là chỉ một lần này thôi, có thể dùng cho cả người khác nữa. Thế rồi, tựa như một làn khói, Bod chui qua những chấn song.

"Cậu mở mắt ra được rồi đây" nó bảo.

Cô bé mở mắt.

"Cậu làm thế nào mà chui qua được thế?"

"Đây là nhà của tớ," nó đáp. "Ở đây tớ có thể làm được rất nhiều điều."

Có tiếng giày chạy lép bép trên vỉa hè, rồi hai gã đàn ông xuất hiện phía bên kia cánh cổng, nắm lấy cổng mà lắc mạnh.

"Xin-chào," Jack Ketch nói, bộ ria giật giật, và hẩn nhe răng cười với Scarlett qua những chấn song cổng như một con thỏ đang nắm được một điều bí mật nào đó. Hẩn có một sợi thừng tết bằng lụa màu đen quấn quanh cánh tay trái, và giờ hẩn đang giật giật sợi dây này bằng bàn tay phải đeo găng. Hẩn tháo sợi dây ra khỏi cánh tay và nắm nó trong bàn tay mình, thử sức mạnh của nó, kéo nó từ tay này qua tay kia như thể sắp móc dây thành hình. "Ra đây này, cô bé. Không sao đâu. Không ai định làm hại cô đâu"

"Chúng tôi chỉ muốn hỏi cô mấy câu thôi" gã đàn ông to cao tóc vàng, ông Nimble, nói. "Chúng tôi đang lo việc công đây." (Hẩn nói dối. Chẳng có gì là công sự trong hội Jack Đủ Nghề cả, mặc dù trong các chính phủ, trong lực lượng cảnh sát và trong những nơi khác, ở đâu cũng có những tên Jack).

(Jack là một cái tên thông dụng trong tiếng Anh. Tên đầy đủ của tất cả những gã "Jack" đều được dùng làm danh từ chung, hoặc được nhắc đến trong các câu tục ngữ tiếng Anh:

- Jack Dandy: người thích ăn diện, công tử bột
- Jack Frost: sương muối (được nhân cách hóa)
- Jack Ketch: người chuyên treo cổ các phạm nhân
- Jack Tar: thủy thủ
- Jack Nimble: Jack Nhanh Nhẹn nhân vật trong một bài đồng dao tiếng Anh)

"Chạy đi!" Bod kêu lên với Scarlett, kéo tay cô bé. Cô bỏ chạy.

"Mày có nhìn thấy không?" gã Jack, mà đồng bọn gọi là Ketch, nói.

"Cái gì cơ?"

"Tao trông thấy một ai khác đứng cạnh nó. Một thằng nhóc."

"Là thằng nhóc đó à?" gã Jack mà đồng bọn gọi là Nimble hỏi.

"Làm sao mà tao biết được? Đây. Đỡ tao một tay." Gã đàn ông to con hơn chập hai tay lại với nhau tạo thành một chỗ để chân, và bàn chân đi giày đen của Jack Ketch đặt lên đó. Được tên đồng bọn nhắc lên, hẩn trèo qua cánh cổng và nhảy xuống lối đi phía trong, chạm đất bằng cả tay lẫn chân như một con ếch. Hẩn đứng lên và nói, "Tìm đường khác mà vào đi. Tao sẽ bám theo bọn chúng." Và hẩn lao lên con đường uốn khúc dẫn vào sâu trong nghĩa địa.

o o o

Scarlett nói, "Cho tớ biết bọn mình đang làm gì đi." Bod đang bước vùn vụt qua khu nghĩa địa chìm trong ánh chiều chạng vạng, nhưng nó vẫn chưa chạy hẩn.

"Cậu định nói gì cơ?"

"Tớ nghĩ gã đàn ông đó muốn giết tớ. Cậu có thấy cái cách hẩn ta nghịch nghịch sợi dây đen ấy không?"

"Tớ dám chắc là thế. Gã Jack kia - cái ông Frost của cậu ấy - hẳn thì muốn giết tớ. Hẳn có một con dao."

"Hẳn không phải ông Frost của tớ. Ồ, tớ cho là nói thế cũng được. Xin lỗi cậu. Bọn mình đang đi đâu đây?"

"Trước hết bọn mình phải đưa cậu đến chỗ an toàn đã. Rồi tớ sẽ xử lý bọn chúng"

Khắp xung quanh Bod, các cư dân của nghĩa địa đã thức giấc và đang tụ tập lại, vẻ lo ngại, hốt hoảng.

"Bod?" Caius Pompeius hỏi. "Chuyện gì đang xảy ra vậy?"

"Bọn người xấu" Bod trả lời. "Các vị để mắt đến bọn chúng giúp cháu được không? Cho cháu biết bọn chúng đang ở đâu, từng giây từng phút một. Chúng ta cũng phải tìm chỗ trốn cho Scarlett nữa. Có ai có ý kiến gì không?"

"Hầm mộ trong nhà thờ thì sao?" Thackeray Por-ringer gợi ý.

"Chúng sẽ sục vào đó trước tiên."

"Cậu đang nói chuyện với ai thế?" Scarlett hỏi, nhìn Bod như thể nó đã hóa điên.

Caius Pompeius nói, "Trong lòng đòi được không?"

Bod ngẫm nghĩ một lát. "Được ạ. Ý kiến hay đấy. Scarlett, cậu có nhớ cái nơi bọn mình đã nhìn thấy Người Da Chàm không?"

"Hơi hơi. Một chỗ rất tối. Tớ nhớ ở đấy chẳng có gì đáng sợ cả."

"Tớ sẽ đưa cậu đến đó."

Hai đứa chạy lên đồi. Scarlett biết Bod đang vừa đi vừa nói chuyện với mọi người, nhưng cô chỉ có thể nghe thấy những câu nó thốt ra. Giống như nghe ai đó nói chuyện điện thoại vậy. Ý nghĩ ấy làm cô bé chợt nhớ ra...

"Mẹ tớ sẽ cáu lắm đây", cô nói. "Tớ chết chắc rồi."

"Không," Bod bảo. "Cậu sẽ không chết. Chưa đâu. Còn lâu lắm." Rồi, nó nói với một ai khác, "Có hai tên rồi. Chúng đi cùng nhau à? Vâng."

Chúng đã lên đến lăng của dòng họ Frobisher. "Lối vào nằm phía sau cỗ quan tài ở dưới bên trái ấy," Bod nói. "Nếu cậu nghe thấy có ai đến mà không phải là tớ thì đi thẳng xuống dưới đáy hang nhé... cậu có thứ gì tạo ra ánh sáng được không?"

"Có. Tớ có một cái đèn điôt nhỏ ở dây đeo chìa khóa."

"Tốt."

Nó mở cửa lăng ra. "Và nhớ cẩn thận đấy nhé. Đừng để bị vấp ngã hay là đại loại gì như thế."

"Cậu định đi đâu?" Scarlett hỏi.

"Đây là nhà của tớ," Bod nói. "Tớ phải bảo vệ nó."

Scarlett nắm chặt dây chìa khóa có chiếc đèn điôt và khom người chống bàn tay và đầu gối xuống. Khe hở phía sau cỗ quan tài khá nhỏ, nhưng cô vẫn chui qua được, rồi cố hết sức đẩy cái quan tài về chỗ cũ. Trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn điôt, cô có thể trông thấy mấy bậc đá. Cô đứng thẳng lên đưa tay lần theo vách đá bước xuống ba bậc thang, rồi cô dừng lại, ngồi xuống, trong lòng hết sức hy vọng rằng Bod biết rõ mình đang làm gì, và cô chờ đợi.

Bod hỏi, "Chúng đang ở đâu ạ?"

Bố nó đáp, "Một tên ở trên Đường Ai Cập, đang đi tìm con. Tên đồng bọn thì đang đứng đợi ở bức tường ngăn cách với con hẻm. Có ba tên khác đang đến, trèo lên các thùng rác để nhảy qua tường."

"Giá mà chú Silas có ở đây. Chú ấy sẽ xử lý được bọn chúng trong tích tắc. Hoặc là cô Lupescu cũng được"

"Con không cần đến họ đâu" ông Owens động viên.

"Mẹ đâu ạ?"

"Mẹ đang ở dưới bức tường gần con hẻm"

"Bố bảo mẹ là con đã đưa Scarlett đi trốn ở đằng sau lăng nhà Frobisher rồi nhé. Bảo mẹ để ý đến bạn ấy, nếu có chuyện gì xảy ra với con"

Bod lao qua khu nghĩa địa đang chìm dần vào bóng tối. Lối duy nhất dẫn đến khu Tây Bắc nghĩa địa là đi qua Đường Ai Cập. Và để đến được đó thì nó sẽ phải vượt qua gã đàn ông nhỏ thó với sợi dây lụa màu đen. Một gã đàn ông đang lùng kiếm nó, đang muốn giết nó...

Nó là Nobody Owens cơ mà, nó tự nhủ. Nó cũng là một phần của nghĩa địa. Nó sẽ không sao cả.

Suýt nữa nó đã không trông thấy gã đàn ông nhỏ thó kia - tên Jack được gọi là Ketch - trong khi chạy vội đến Đường Ai Cập. Gã đàn ông gần như hòa vào trong bóng tối.

Bod hít một hơi và gắng hết sức Tàng hình, rồi chạy qua chỗ gã kia, như một hạt bụi bay theo làn gió buổi tối.

Nó men theo Đường Ai Cập phủ đầy cây xanh, rồi, tập trung mọi ý chí, nó hiện hình trở lại thật rõ ràng, và co chân đá một viên sỏi.

Nó trông thấy cái bóng bên cạnh chiếc cổng vòm tách ra khỏi màn đêm rồi đuổi theo nó, cũng lặng lẽ chẳng kém gì một bóng ma.

Bod chui qua đám dây thường xuân rủ xuống chắn ngang đường và chạy vào góc Tây Bắc nghĩa địa. Nó biết mình phải tính toán thời gian thật chính xác. Nếu nó chạy nhanh quá thì gã kia sẽ bị mất dấu, nhưng nếu chậm quá thì sợi dây lụa đen kia sẽ thít lấy cổ nó, cướp mất hơi thở cùng với tất cả tương lai của nó.

Nó tạo ra thật nhiều tiếng động khi chui qua đám dây thường xuân, làm một con cáo sống trong nghĩa địa hoảng hốt nhảy vào bụi rậm. Ở đây chẳng khác nào một khu rừng với những tấm bia mộ bị đổ, những bức tượng cụt đầu, những cây cao, những bụi nhựa ruồi, những đồng lá khô mục nát trơn trượt, nhưng đó là khu rừng mà Bod đã khám phá từ khi nó đủ lớn để có thể tự đi được.

Giờ thì nó đang đi vội vã nhưng cẩn thận, bước từ những gốc cây phủ đầy thường xuân sang những viên đá, rồi lại đặt chân xuống đất, trong lòng tin chắc đây là nghĩa địa của mình. Nó có thể cảm thấy toàn thể khu nghĩa địa đang tìm cách che chở nó, bảo vệ nó, làm cho nó biến đi, và nó gắng hết sức chống lại phép bảo vệ ấy, gắng hết sức để cho gã đàn ông kia nhìn thấy mình.

Nó trông thấy Nehemiah Trot, và chân chừ dừng lại.

"Xin chào cậu Bod!" chàng thi sĩ reo lên. "Tôi nghe nói đang xảy ra một chuyện ly kỳ vô cùng, rằng cậu đang lao mình qua lãnh địa này như một ngôi sao chổi lao qua bầu trời. Mọi chuyện thế nào rồi,

cậu Bod thân mến?"

"Anh cứ đứng đó," Bod nói. "Đứng nguyên ở đó. Nhìn về phía em vừa chạy đến. Cho em biết khi nào hấn đến gần."

Bod chạy vòng quanh ngôi mộ phủ đầy thực vật của ông Castairs rồi đứng lại, thở hổn hển như đã hết cả hơi, quay lưng lại với kẻ đang đuổi theo sau.

"Hấn đến đây rồi, chàng trai ạ," Nehemiah Trot thông báo. "Cách cậu khoảng hai mươi bước"

Gã Jack tên gọi là Ketch trông thấy thằng bé trước mặt mình. Hấn kéo căng sợi dây lụa màu đen giữa hai bàn tay. Suốt bao nhiêu năm nay, sợi dây ấy đã thít quanh vô số cổ họng, đã kết liễu tính mạng của bao nhiêu người. Sợi dây rất mềm nhưng rất chắc, và không hề để lại dấu vết trên phim X-quang.

Bộ ria của Ketch hơi giật giật, nhưng không có gì khác trên người hấn cử động. Hấn đã nhìn thấy con mồi, và không muốn làm nó giật mình. Hấn bắt đầu bước tới, êm ru như một cái bóng.

Thằng bé đứng thẳng lên.

Jack Ketch lao về phía trước, đôi giày đen bóng của hấn giẫm không một tiếng động trên nền đất phủ đầy lá mục.

"Hấn đang chạy đến đây, chàng trai!" Nehemiah Trot kêu lên.

Thằng bé quay lại, và Jack Ketch nhảy xổ vào nó...

Và rồi ông Ketch cảm thấy mặt đất sụp xuống dưới chân mình. Hấn chơi vơi vờn bàn tay đi găng ra để bầu vịu vào một cái gì đó nhưng không được, và cứ thế rơi thẳng xuống độ sâu sáu mét của cái huyết cũ trước khi ngã đánh "rầm" vào quan tài ông Carstairs, làm nắp áo quan gãy vụn, và đập gãy luôn cổ chân hấn.

"Thế là xong một tên" Bod bình tĩnh nói, mặc dù nó chẳng cảm thấy bình tĩnh chút nào.

"Cậu xử lý hấn một cách tao nhã vô cùng" Ne-hemiah Trot nói. "Tôi sẽ sáng tác một bài Tụng ca. Cậu có muốn ngồi lại nghe không?"

"Không còn thời gian nữa" Bod đáp. "Những tên kia đâu rồi?"

Euphemia Horsiall trả lời, "Có ba tên đang ở trên lối đi phía Tây Nam, hướng lên đồi."

Tom Sands nói thêm, "Còn một tên nữa. Giờ thì hấn chỉ đang đi quanh nhà thờ thôi. Hấn chính là kẻ đã lớn vờn khắp nghĩa địa suốt tháng vừa rồi đấy. Nhưng giờ hấn có vẻ khang khác"

Bod nói, "Anh chị hãy để ý coi chừng cái tên đã rơi xuống mộ của ông Carstairs - và xin lỗi ông Carstairs hộ em..."

Nó cúi đầu chui qua một cành thông và chạy lên đồi, lúc tiện thì men theo đường đi, lúc muốn nhanh hơn thì tránh lối đi chính mà nhảy từ đài tưởng niệm này sang bia mộ khác.

Nó chạy qua cây táo già. "Vẫn còn bốn tên nữa cơ," một giọng con gái chanh chua lên tiếng. "Bốn tên, tên nào cũng là sát nhân cả. Và bọn chúng sẽ không chịu làm phúc cho cậu mà ngã xuống huyết đâu"

"Chào chị Liza. Em tưởng chị vẫn còn giận em chứ."

"Có lẽ thế, mà cũng có lẽ là không phải" cô đáp lại, không thấy hình hài đâu, chỉ nghe thấy giọng nói của cô. "Nhưng tôi sẽ không để chúng xọc dao vào người cậu đâu."

"Thế thì chị hãy làm chúng sảy chân giúp em, làm chúng sảy chân, làm chúng rối trí, làm chậm bước chúng. Chị có làm được như thế không?"

"Trong khi cậu lại bỏ chạy à? Nobody Owens, tại sao cậu không Tàng hình đi rồi trốn vào trong

ngôi mộ an toàn của mẹ cậu ấy, ở đó chúng sẽ chẳng bao giờ tìm được cậu, và chẳng mấy chốc Silas sẽ quay về để xử lý chúng..”

"Có lẽ chú ấy sẽ quay về, mà có lẽ chú ấy sẽ không quay về," Bod nói. "Em sẽ gặp chị ở chỗ cây sét đánh". "Tôi vẫn không nói chuyện với cậu đâu đấy," giọng nói của Liza Hempstock vang lên, kiêu ngạo như chim công, nhanh nhẩu như chim sẻ.

"Chị có nói chuyện với em mà. Ý em là, mình đang nói chuyện với nhau đấy thôi”

"Chỉ trong trường hợp khẩn cấp thôi. Còn sau đây thì tôi sẽ không nói với cậu một lời nào nữa đâu."

Bod chạy về chỗ cây sét đánh, một cây sồi đã bị sét đánh cháy thành than từ hai mươi năm trước và giờ chỉ còn là một gốc cây trần trụi vươn lên trời.

Nó nảy ra một ý tưởng. Ý tưởng ấy chưa thành hình thật sự. Để thực hiện được ý tưởng ấy, còn phụ thuộc vào việc nó có nhớ những bài học của cô Lu-pescu, nhớ những gì nó đã được nhìn thấy và nghe thấy hồi còn bé hay không.

Tìm ra được ngôi mộ ấy khó hơn là nó tưởng, thậm chí việc lòng kiếm ngôi mộ cũng rất khó khăn, nhưng cuối cùng thì nó cũng tìm thấy - một ngôi mộ xấu xí bị lật nghiêng theo một góc xệch xẹo, trên đỉnh tấm bia là một bức tượng thiên thần cụt đầu ẩm ướt, nom như một cục mốc khổng lồ. Chỉ khi chạm vào ngôi mộ ấy và cảm thấy hơi lạnh toát ra từ đó, thì nó mới biết chắc chắn.

Nó ngồi xuống trên nắm mồ và tự bắt mình hiện hình hoàn toàn.

"Cậu chẳng Tàng hình gì cả," giọng nói của Liza lại lên tiếng. "Ai cũng có thể trông thấy cậu."

"Tốt," Bod nói. "Em muôn chúng tìm thấy em."

"Nhiều người hiểu kẻ ngốc hơn là kẻ ngốc hiểu người” Liza nói.

Trăng đang mọc, một vầng trăng khổng lồ nằm thấp dưới chân trời. Bod băn khoăn không biết nếu nó huyết sáo thì liệu có quá lớ không.

"Tao trông thấy nó rồi!"

Một gã đàn ông chạy về phía nó, vừa chạy vừa loạng choạng vấp ngã, theo sau là hai gã khác.

Bod có thể cảm thấy những người chết trong nghĩa địa đang tụ tập lại xung quanh để theo dõi mọi việc, nhưng nó cố gắng lờ họ đi. Nó ngồi lại trên ngôi mộ ghê tởm kia cho thoải mái hơn. Nó cảm thấy mình như một miếng mồi đặt trong cái bẫy, một cảm giác chẳng hay ho gì.

Gã đàn ông to như bò mộng là người đầu tiên đến chỗ nắm mồ, theo sát phía sau là gã tóc trắng, người phát ngôn của cả bọn, và gã cao lớn tóc vàng.

Bod ngồi yên tại chỗ.

Gã đàn ông tóc trắng nói, "A. Cậu bé luôn lẫn lộn của gia đình Dorian đây hả. Thật kỳ diệu. Anh chàng Jack Frost của chúng ta đã đi săn lùng khắp cả thế gian, vậy mà mi lại ở ngay đây, ngay ở nơi anh ta đã để mất dấu mi mười ba năm trước”

Bod nói, "Hắn đã sát hại gia đình tôi."

"Đúng như vậy”

"Tại sao?"

"Điều đó thì có quan trọng gì? Mi đâu có thể cho ai khác biết được."

"Thế thì ông có cho tôi biết cũng chẳng thiệt gì."

Gã đàn ông tóc trắng thốt ra một tiếng cười cụt ngủn. "Ha! Chú nhóc buồn cười thật. Điều mà ta

muốn biết, đó là làm sao mi có thể sống trong nghĩa địa này suốt mười ba năm mà không ai đánh hơi ra được cả?"

"Tôi sẽ trả lời câu hỏi của ông nếu ông trả lời câu hỏi của tôi."

Gã đàn ông cổ bò mộng quát, "Không được nói chuyện với ngài Dandy như thế, đồ hỗn láo! Ta sẽ bẻ gãy xương mi..."

Gã đàn ông tóc trắng tiến một bước về phía ngôi mộ. "Suyt, Jack Tar. Được rồi. Một câu trả lời, đổi lại một câu trả lời. Chúng ta - các bạn của ta và ta - là thành viên của một hội bằng hữu có tên là hội Jack Đủ Nghề, hoặc là hội Những Kẻ Bất lương, và còn nhiều cái tên khác nữa. Hội chúng ta đã tồn tại từ rất lâu đời. Chúng ta biết... chúng ta nhớ được những điều mà phần lớn loài người đã quên mất. Tri thức cổ xưa."

Bod nói, "Phép thuật. Các ông biết phép thuật."

Gã nọ gật đầu một cách thân thiện. "Nói như vậy cũng được. Nhưng đây là một thứ phép thuật rất đặc biệt Thứ phép thuật bắt nguồn từ cái chết. Khi một vật rời khỏi thế giới này, thì một vật khác sẽ đến thế chỗ nó."

"Các ông đã giết gia đình tôi để - để làm gì cơ? Để lấy phép thuật ấy à? Thật nực cười."

"Không. Chúng ta giết gia đình mi để bảo vệ bản thân mình. Cách đây rất lâu rồi, một người trong hội chúng ta - đây là ở Ai Cập, từ thời xây kim tự tháp - người đó đã tiên tri rằng một ngày kia, sẽ có một đứa trẻ được chào đời, nó sẽ sống ở vùng ranh giới giữa người sống và người chết. Khi đứa trẻ ấy đến tuổi trưởng thành thì nó sẽ lật đổ hội của chúng ta cùng tất cả đại nghĩa của chúng ta. Chúng ta đã cho người tìm số tử vi từ trước khi London còn là một ngôi làng, gia đình mi đã nằm trong tầm ngắm của chúng ta từ trước khi New Amsterdam được đổi tên thành New York. Và chúng ta đã cử tên Jack mà chúng ta nghĩ là người giỏi nhất, lanh lợi nhất, nguy hiểm nhất, để xử lý mi. Chúng ta muốn việc đó phải được hoàn thành trọn vẹn, để chúng ta có thể dùng những diêm gở ấy cho lợi ích của hội chúng ta, và giữ cho mọi việc tốt đẹp thêm năm ngàn năm nữa. Chỉ có điều anh ta đã không làm được."

Bod nhìn ba gã đàn ông.

"Thế hắn ta đâu rồi? Tại sao hắn không đến đây?"

Gã tóc vàng đáp, "Bọn ta có thể xử lý mi được. Anh bạn Jack Frost của chúng ta có cái mũi thính lắm. Anh ta đang đánh hơi lần theo dấu vết cô bạn của mi. Không thể để lại nhân chứng nào cả. Nhất là với một việc như thế này."

Bod cúi người về phía trước, thọc tay vào đám cỏ dại mọc trên ngôi mộ chẳng được ai chăm sóc.

"Lại đây mà bắt tôi đi," nó chỉ nói có vậy.

Gã tóc vàng nhăn nhở cười, gã có cái cổ bò mộng xông đến, và - đúng vậy - ngay cả ngài Dandy cũng tiến mấy bước về phía nó.

Bod thọc tay vào sâu hơn trong đám cỏ, rồi nó nhếch môi lên và thốt ra ba từ bằng một thứ ngôn ngữ mà từ thời Người Da Chàm được sinh ra đã là một cổ ngữ.

"Skagh! Thegh! Khavagah!"

Nó đã mở lối đi của quỷ nhập tràng.

Ngôi mộ mở ra như một cánh cửa lật. Trong cái hố đen thẳm bên dưới cánh cổng ấy, Bod nhìn thấy những ngôi sao, một màn đêm chi chít những đốm sáng lung linh.

Gã cổ bò mộng, ông Tar, đã lao đến bên miệng hố, không kịp dừng lại, và ngã nhào vào bóng tối

trong nỗi kinh ngạc.

Ông Nimble nhảy xổ về phía Bod, tay đang rộng, lao mình qua cái hố. Bod ngắm nhìn hấn nhảy lên đến điểm cao nhất, lơ lửng giữa không trung trong thoáng chốc, trước khi hấn bị hút vào cái cổng của quỹ nhập tràng, hút xuống đáy sâu bên dưới.

Ngài Dandy đứng ở miệng cổng, trên một gờ đá và nhìn xuống bóng tối trong cái hố. Rồi hấn ngược lên nhìn Bod và nhếch đôi môi mỏng dính lên cười.

"Ta không biết mi vừa làm gì," ngài Dandy nói.

"Nhưng nó chẳng có tác dụng gì đâu." Hấn thò bàn tay đi găng vào túi rồi lôi ra một khẩu súng và chĩa thẳng vào Bod. "Lẽ ra ta đã phải làm điều này từ mười ba năm trước rồi mới phải," ngài Dandy nói. "Ta không thể tin vào người khác được. Nếu là chuyện quan trọng thì phải tự mình làm lấy."

Làn gió sa mạc nổi lên ở bên dưới cánh cổng của quỹ nhập tràng, một hơi gió nóng, khô hanh, mang theo cát bụi. Bod nói, "Dưới ấy có một sa mạc. Nếu ông muốn tìm nước thì ông sẽ tìm thấy. Nếu chịu khó tìm thì sẽ có cả thức ăn nữa, nhưng đừng gây thù oán với bầy dạ điều. Hãy tránh xa Thành Quỷ. Bọn quỹ nhập tràng sẽ xóa sạch trí nhớ của ông, biến ông thành một con quỷ như bọn chúng, hoặc chúng sẽ đợi cho đến khi ông đã rửa nát ra, rồi ăn thịt ông. Kiểu gì thì ông cũng có thể tránh được hai điều đó."

Báng súng không hề dao động. Ngài Dandy hỏi, "Tại sao mi lại cho ta biết những điều ấy?"

Bod chỉ về phía bên kia nghĩa địa. "Vì bọn họ" nó nói, và khi nó thốt ra câu ấy, khi ngài Dandy liếc mắt đi chỗ khác, chỉ trong một tích tắc thôi, Bod liền tàng hình. Mắt ngài Dandy đưa đi đưa lại, nhưng Bod không còn đứng bên cạnh bức tượng cụt đầu nữa. Đầu đó sâu thẳm bên dưới cái hố, một vật gì đó kêu lên, như tiếng rền rĩ cô đơn của một con chim đêm.

Ngài Dandy nhìn quanh, trán nhăm nhúm lại, cả người tràn đầy nỗi giận dữ và do dự. "Mi đâu rồi?" hấn gầm lên. "Quỷ tha ma bắt mi đi! Mi đâu rồi?"

Hấn tưởng như nghe thấy một giọng nói lên tiếng, "Các cánh cổng của quỹ nhập tràng phải được mở ra rồi đóng lại. Ông không thể để chúng mở mãi như thế. Chúng muốn được đóng lại"

Miệng hố rung lên, chao đảo. Ngài Dandy từng trải qua một cơn động đất, cách đây đã nhiều năm rồi ở Bangladesh. Cảm giác lúc này cũng giống như vậy: mặt đất run rẩy, làm ngài Dandy ngã xuống, rơi vào bóng tối bên dưới, nhưng hấn kịp túm được tấm bia mộ bị đổ, vòng tay ôm chặt lấy nó. Hấn không biết bên dưới mình có gì, chỉ biết rằng hấn không muốn khám phá ra.

Mặt đất vẫn tiếp tục rung động, và hấn cảm thấy tấm bia mộ đang dần dịch chuyển dưới sức nặng của hấn. Hấn nhìn lên. Thằng bé đang đứng đó, cúi xuống nhìn hấn vẻ tò mò.

"Tôi sẽ để cho cánh cổng đóng lại" nó nói. "Tôi nghĩ nếu ông cứ ôm lấy tấm bia ấy thì nó có thể sẽ sập lại trên đầu ông, đè bẹp ông, hoặc là nó sẽ nuốt chửng ông, biến ông thành một phần của cánh cổng. Tôi không biết. Nhưng tôi sẽ cho ông một cơ hội, nhiều hơn là ông đã từng dành cho gia đình tôi."

Một cú giật mạnh nữa. Ngài Dandy ngược lên nhìn vào cặp mắt xám của thằng bé và chửi thề. Rồi hấn nói:

"Mi không thể chạy thoát khỏi bọn ta được đâu. Bọn ta là hội Jack Đủ Nghề. Chúng ta có mặt ở khắp mọi nơi. Chuyện này chưa kết thúc đâu."

"Nhưng với ông thì đã kết thúc rồi," Bod nói. "Kết thúc đối với người của ông, và tất cả sự nghiệp

của các ông. Giống như người ở Ai Cập đã tiên tri. Các ông đã không giết được tôi. Các ông từng có mặt ở khắp mọi nơi. Nhưng giờ thì tất cả đã kết thúc." Rồi Bod mỉm cười. "Đó là những gì mà chú Silas đang làm, phải không? Chú ấy đi xa để tiêu diệt các ông."

Về mặt của ngài Dandy đã xác nhận những nghi ngờ của Bod.

Và ngài Dandy định đáp lại gì thì Bod không bao giờ biết được, bởi vì hắn buông tấm bia mộ ra và chậm rãi ngã xuống cánh cổng của quỹ nhập tràng đang mở rộng.

Bod nói, "Wegh Khârados"

Cánh cổng của quỹ nhập tràng lại trở thành một nắm mồ như trước, không hơn không kém.

Có cái gì đang kéo ống tay áo của nó. Frontibras Bartleby ngược lên nhìn nó. "Bod! Gã đàn ông ở cạnh nhà thờ ấy. Hắn đã trèo lên đồi rồi."

o o o

Gã đàn ông tên Jack bám theo dấu vết mà cái mũi của hắn đã đánh hơi thấy. Hắn đã tách khỏi những tên đồng bọn khác, lý do chính là bởi vì mùi nước hoa nồng nặc của Jack Dandy khiến hắn không thể ngửi được mùi gì khác dịu hơn.

Hắn không thể đánh hơi để tìm ra được thằng bé.

Ở nơi đây thì không. Nó có mùi giống hệt như khu nghĩa địa này. Nhưng con bé kia thì lại có mùi giống như mùi căn hộ của mẹ nó, có mùi nước hoa mà sáng hôm đó nó đã chắm lên cổ trước khi đến trường. Nó cũng có mùi của một nạn nhân nữa, Jack nghĩ thầm, cái mùi mồ hôi toát ra lúc ta sợ hãi, cái mùi con mồi của hắn. Và con bé có đang ở đâu đi chẳng nữa thì thằng bé cũng sẽ đến đó, không sớm thì muộn.

Hắn nắm chặt cán dao và đi lên đồi. Hắn đã lên gần đến đỉnh đồi thì bỗng nhận ra - một linh cảm mà hắn biết là sự thật - rằng Jack Dandy và những tên khác đã tiêu đời rồi. Tốt, hắn tự nhủ. Càng rộng chỗ cho ta thăng tiến. Bước thăng tiến của hắn trong Hội đã chậm lại rồi ngừng hẳn, sau khi hắn không giết được hết gia đình Dorian. Dường như hắn không còn được tin tưởng nữa.

Nhưng bây giờ, chẳng mấy chốc nữa, mọi chuyện sẽ thay đổi hết.

Lên đến đỉnh đồi thì gã đàn ông tên Jack không đánh hơi thấy mùi của con bé nữa. Hắn biết con bé đang ở đâu đó gần đây.

Hắn đi ngược trở lại một cách bình thản, và lại ngửi thấy mùi nước hoa của con bé ở một quãng cách đó chừng năm mươi bước chân, bên cạnh một cái lăng mộ nhỏ có cổng sắt đóng kín. Hắn kéo cánh cổng, và nó mở toang ra.

Mùi con bé đang tỏa ra rất rõ rệt. Hắn có thể ngửi thấy mùi nỗi sợ hãi của nó. Hắn lôi từng cái áo quan xuống khỏi giá, để mặc cho chúng trượt âm ỉ xuống sàn, làm những ván gỗ cũ kỹ gãy vụn, và những thứ nằm trong quan tài rơi hết ra sàn lằng. Không, con bé không trốn trong cái quan tài nào cả...

Nếu thế thì nó trốn ở đâu?

Hắn xem xét bức tường. Kín đặc. Hắn quỳ xuống, kéo cổ áo quan cuối cùng ra và thò tay về phía sau cổ áo quan. Tay hắn tìm thấy một lỗ hổng...

"Scarlett," hắn gọi, cố nhớ xem khi còn là ông Frost thì hắn đã gọi tên con bé như thế nào, nhưng

hắn thậm chí còn không tìm thấy nổi cái phần ấy trong con người hắn nữa: giờ thì hắn là gã đàn ông tên Jack, và chỉ là gã đàn ông tên Jack mà thôi. Hắn lom khom chống bàn tay và đầu gối xuống, bò qua cái lỗ trên bức tường.

Khi nghe thấy những tiếng rầm rầm ở trên đầu, Scarlett cẩn thận đi sâu xuống những bậc thang bên dưới, tay trái lần theo vách hang, tay phải nắm chặt cái đèn điốt ở chùm chìa khóa, nó chỉ tỏa sáng vừa đủ cho cô nhìn thấy chỗ để đặt chân. Cô đi xuống bậc thang cuối cùng và rón rén tiến vào căn hầm mở rộng, tim đập thình thịch.

Cô thấy sợ: sợ ông Frost tốt bụng và những người bạn còn đáng sợ hơn của ông ta; sợ căn phòng này cùng những ký ức nó gợi lại; và nếu thành thật với chính mình thì thậm chí cô còn thấy hơi sợ cả Bod nữa. Nó không còn là một cậu bé lặng lẽ bí hiểm, một mắt xích nối liền với thời thơ ấu của cô. Giờ nó đã là một cái gì đó hoàn toàn khác, một cái gì đó không giống người.

Cô thầm nghĩ, Không biết bây giờ mẹ đang nghĩ gì nhỉ. Hắn mẹ sẽ gọi đi gọi lại đến nhà ông Frost để xem khi nào mình về. Cô lại nghĩ thêm, nếu mình có thể sống sót ra khỏi đây thì mình sẽ bắt mẹ mua điện thoại cho mình. Thật là quá lắm. Nói cho đúng ra thì mình là đứa duy nhất trong khối không có điện thoại riêng.

Rồi cô nghĩ, Mình nhớ mẹ quá.

Cô ngỡ rằng không người nào có thể đi chuyển một cách lặng lẽ đến thế trong bóng tối, nhưng một bàn tay đi gang bồng bất ngờ chụp lấy miệng cô, và một giọng nói chỉ còn hơi giống giọng ông Frost vang lên một cách vô cảm, "Định giờ trò ma mãnh gì - định giờ bất kỳ trò gì - thì ta sẽ cắt cổ liền. Nếu hiểu thì hãy gật đầu"

Scarlett gật đầu.

Bod nhìn thấy cảnh tan hoang trên nền lăng Frobisher, với những cỗ quan tài bị vỡ và những thứ trong quan tài vương vãi ra khắp nơi. Ở đó có rất nhiều người họ Fro-bisher và Frobysher, cùng với một số người họ Pettyfer nữa, tất cả đều tỏ ra vô cùng hoảng hốt và phẫn nộ.

"Hắn đã chui xuống đó rồi," Ephraim nói.

"Cảm ơn," Bod đáp. Nó chui qua lỗ hổng dẫn vào lòng đồi, và bước xuống các bậc thang.

Bod nhìn được trong bóng tối cũng như những người chết khác: nó trông thấy các bậc thang, và nó trông thấy căn buồng ở chân cầu thang. Và khi xuống được nửa đường, thì nó trông thấy gã đàn ông tên Jack đang giữ chặt Scarlett. Hắn đã bẻ quặt tay cô bé ra sau lưng, và đang gi vào cổ cô bé một con dao to, sắc lẹm, như loại dao để lóc xương.

Gã đàn ông tên Jack ngược nhìn lên bóng tối.

"Xin chào chú nhóc" hắn nói.

Bod không nói gì. Nó tập trung tinh thần vào phép Tàng hình, và bước thêm một bước nữa.

"Mi nghĩ rằng ta không nhìn thấy mi," gã đàn ông tên Jack nói. "Và mi đã đúng. Ta không thể nhìn thấy mi thật. Nhưng ta ngửi thấy mùi nỗi sợ của mi. Và ta có thể nghe thấy tiếng chân mi, tiếng hơi thở của mi. Và giờ ta đã biết về cái phép biến hình ma mãnh của mi rồi, nên ta có thể cảm nhận được mi. Hãy nói gì đi. Hãy nói gì đó cho ta nghe thấy, không thì ta sẽ cắt cô bé này ra thành từng mảnh đấy. Có hiểu không?"

"Có," Bod đáp, giọng nó âm vang trong căn hầm trống. "Tôi hiểu."

"Tốt," Jack nói. "Giờ thì lại đây. Chúng ta chuyện gẫu một lát nào."

Bod bước xuống các bậc thang. Nó dồn hết ý chí vào phép Sợ hãi, đề dâng sự khiếp sợ trong căn buồng lên thành nỗi Kinh hoàng thực sự...

"Thôi đi," gã đàn ông tên Jack nói. "Cái mà mi đang làm ấy. Đừng có cố làm gì."

Bod liền dừng lại.

"Mi tưởng là mi có thể dùng mấy trò ảo thuật tầm thường của mi để gạt ta hay sao?" Jack hỏi. "Mi có biết ta là gì không, nhóc?"

Bod nói, "Ông là một tên Jack. Ông đã giết gia đình tôi".

Jack nhướn lông mày lên. Hắn hỏi, "Lẽ ra ta nên giết cả mi nữa ấy à?"

"Ồ, đúng vậy. Lão già kia nói rằng nếu các ông đề tôi đủ tuổi trưởng thành thì Hội của các ông sẽ bị tiêu diệt. Tôi đã lớn lên đây. Các ông đã thất bại, các ông đã thua cuộc rồi."

"Hội của ta đã tồn tại từ trước thời Babylon. Không gì có thể làm hại chúng ta được."

"Chúng không nói cho ông biết, phải không?" Bod chỉ còn đứng cách gã đàn ông tên Jack có năm bước. "Bốn tên kia ấy. Chúng là những tên Jack cuối cùng còn lại. Cái gì nhỉ... Krakow và Vancouver và Melbourne. Tất cả đã biến mất rồi."

Scarlett nói, "Bod ơi, xin cậu đấy. Bắt hắn thả tớ ra đi."

"Cậu đừng lo," Bod bảo cô bé, với một vẻ bình thản mà nó không hề cảm thấy trong lòng. Nó quay sang Jack, "Ông có hại bạn ấy thì cũng chẳng ích gì đâu. Ông có giết tôi thì cũng chẳng ích gì. Ông không hiểu à? Hội Jack Đủ Nghề đã không còn nữa rồi. Chẳng còn gì nữa cả."

Jack gật đầu về trầm tư. "Nếu đúng là như thế thật," Jack nói, "và nếu giờ ta là Jack-một-mình, thì ta lại càng có lý do để giết cả hai bọn mi."

Bod không nói gì.

"Lòng tự hào," gã đàn ông tên Jack nói. "Tự hào về công việc của ta. Tự hào vì hoàn thành được nhiệm vụ ta đã bắt đầu." Rồi hắn bỗng hỏi, "Mi đang làm gì vậy?"

Tóc Bod dựng đứng lên. Nó cảm thấy những dải khói đang uốn lượn quanh căn phòng. Nó đáp, "Không phải tôi. Đó là Sát thủ đấy. Chúng canh giữ những báu vật được chôn ở đây."

"Đừng có bịa chuyện."

Scarlett xen vào, "Cậu ấy không bịa đâu. Thật đấy."

Jack nói, "Thật ấy à? Kho báu được chôn ở đây? Đừng có khiến ta phải..."

SÁT THỦ CANH GIỮ KHO BÁU CHO CHỦ NHÂN.

"Ai nói đấy?" gã đàn ông tên Jack vừa nhìn quanh vừa hỏi.

"Ông cũng nghe thấy à?" Bod ngạc nhiên hỏi.

"Ta có nghe thấy," Jack đáp. "Đúng thế."

Scarlett nói, "Tớ chẳng nghe thấy gì hết."

Gã đàn ông tên Jack hỏi, "Nơi này là nơi nào, thằng nhóc kia? Chúng ta đang ở đâu đây?"

Bod chưa kịp trả lời thì Sát thủ lại lên tiếng bằng giọng nói vang vọng khắp căn phòng, **ĐÂY LÀ NƠI CẤT KHO BÁU. ĐÂY LÀ NƠI CHỨA ĐỪNG QUYỀN LỰC. ĐÂY LÀ NƠI SÁT THỦ CANH GIỮ VÀ ĐỘI CHỦ NHÂN QUAY TRỞ LẠI.**

Bod gọi, "Jack?"

Gã đàn ông tên Jack nghiêng đầu sang một bên. Hắn nói, "Thật tuyệt khi được nghe mi thốt lên cái tên của ta, nhóc ạ. Nếu mi gọi tên ta từ trước thì có lẽ ta đã tìm được mi sớm hơn rồi"

"Jack. Tên thật của tôi là gì? Gia đình tôi gọi tôi bằng tên gì?"

"Tại sao mi lại quan tâm đến chuyện đó?"

Bod đáp, "Sát thủ bảo tôi hãy đi tìm tên của mình. Tên tôi là gì?"

Jack nói, "Đề ta xem nào. Peter à? Hay là Paul? Hay là Roderick nhỉ - trông mi giống một chú chàng Roder- ick đấy. Hay có lẽ mi tên là Stephen..." Hắn đang đùa giỡn với thằng bé.

"Đằng nào ông cũng giết tôi cơ mà, sao ông không cho tôi biết luôn đi," Bod nói. Jack chỉ nhún vai và gạt đầu trong bóng tối, như thể muốn nói rõ ràng là như thế rồi.

"Tôi muốn ông thả bạn ấy ra," Bod nói. "Hãy thả Scarlett ra."

Jack nhòm vào bóng tối, rồi nói, "Kia có phải một cái bàn thờ đá không?"

"Chắc là vậy."

"Cùng với một con dao? Một cái chén? Và một cái trâm cài?"

Hắn liền mỉm cười trong bóng tối. Bod có thể nhìn thấy nụ cười trên mặt hắn: một nụ cười thích thú lạ kỳ, chẳng phù hợp chút nào với khuôn mặt ấy, một nụ cười của người vừa khám phá ra và hiểu được một điều gì đó. Scarlett thì chẳng nhìn thấy gì ngoài bóng tối đen thẳm thỉnh thoảng lại nổ đom đóm trong mắt cô, nhưng cô nghe được vẻ sung sướng trong giọng nói của Jack.

Gã đàn ông tên Jack nói, "Vây là đồng bọn của ta đã chết hết và Hội đồng cũng không còn. Thế nhưng, nếu như không còn tên Jack Đủ Nghề nào nữa ngoại trừ ta, thì cũng có quan trọng gì đâu? Một Hội mới có thể được thành lập, hùng mạnh hơn Hội cũ nhiều."

HÙNG MẠNH, Sát Thủ lặp lại.

"Thật hoàn hảo" gã đàn ông tên Jack nói. "Hãy nhìn mà xem. Chúng ta đang ở một nơi mà Hội của ta đã tìm kiếm từ hàng ngàn năm nay, với tất cả những thứ cần thiết cho nghi lễ đang chờ đợi chúng ta. Nó khiến ta tin vào ý Trời, phải không nào? Hoặc là tin vào lời cầu nguyện của tất cả những tên Jack đã đi trước chúng ta, cầu nguyện rằng, vào lúc sa sút nhất, chúng ta lại được ban cho những vật này."

Bod có thể cảm thấy Sát thủ đang lắng nghe từng lời của Jack, cảm thấy một tiếng rì rầm phấn khích đang nổi lên trong căn phòng.

Gã đàn ông tên Jack nói, "Giờ ta sẽ chia tay ra, nhóc. Scarlett, con dao của ta vẫn còn ở trên cổ mi đấy - nên đừng có tìm cách bỏ chạy khi ta thả mi ra. Nhóc, đặt cái chén, con dao và cái trâm cài vào tay ta."

CÁC BÁU VẬT CỦA SÁT THỦ, ba giọng nói đồng thanh thì ào. CHÚNG LUÔN QUAY TRỞ LẠI. CHÚNG TA CANH GIỮ CHÚNG CHO CHỦ NHÂN.

Bod cúi xuống, lấy những vật đặt trên bàn thờ đặt vào bàn tay đi gang đang mở rộng của Jack. Jack nhe răng cười.

"Scarlett. Ta sẽ thả mi ra. Khi ta buông con dao ra, ta muốn mi phải nằm úp mặt xuống đất, và đặt tay lên sau đầu. Nếu định bỏ chạy hay giở trò gì, thì ta sẽ giết mi một cách đau đớn vô cùng. Hiểu không?"

Cô nuốt nước bọt. Miệng cô khô khốc, nhưng cô vẫn run rẩy bước về phía trước. Cánh tay phải của cô, bị bẻ quặt vào thắt lưng, giờ đã tê dại đi, và vai cô cũng bị tê lâm râm như kiến bò. Cô nằm xuống, áp má lên sàn đất nện.

Bọn mình chết mất thôi, cô thầm nghĩ, nhưng ý nghĩ ấy hoàn toàn vô cảm. Cô thấy như mình đang quan sát một việc xảy ra với người khác, một tấn kịch không có thực đã biến thành một trò chơi Bịt

mắt giết người. Cô nghe thấy tiếng Jack túm lấy Bod...

Giọng Bod vang lên, "Hãy thả bạn ấy ra."

Giọng Jack đáp lại: "Nếu mi làm theo những gì ta bảo, thì ta sẽ không giết con bé. Ta thậm chí sẽ không làm nó đau nữa kìa."

"Tôi không tin. Bạn ấy có thể nhận dạng ông."

"Không", Giọng hắn có vẻ rất quả quyết. "Nó không thể. Rồi hắn nói, "Mười ngàn năm rồi, mà con dao vẫn còn sắc. Hắn có vẻ thần phục thấy rõ. "Nhóc. Ra quỳ trên cái bàn thờ ấy. Chắp tay ra sau lưng. Làm ngay."

ĐÃ LÂU QUÁ Rồi, Sát thủ nói, nhưng Scarlett chỉ nghe thấy một tiếng xào xạc, như thể có những cuộn gì đó đang uốn lượn quanh căn phòng.

Nhưng gã đàn ông tên Jack thì đã nghe được. "Mi muốn biết tên mình không, nhóc, trước khi ta cắt tiết mi trên tảng đá này?".

Bod cảm thấy con dao lạnh buốt dí vào gáy. Và đúng lúc đó nó bỗng hiểu ra. Mọi thứ đều chậm lại.

Mọi thứ trở nên hết sức rõ ràng. "Tôi đã biết tên của mình" nó nói. "Tôi là Nobody Owens. Đó là tên của tôi" Và, khi nó quỳ trên chiếc bàn thờ đá lạnh lẽo ấy, tất cả có vẻ thật đơn giản vô cùng.

"Sát Thủ" nó nói với toàn thể căn phòng. "Các người còn muốn có chủ nhân không?"

SÁT THỦ CANH GIỮ KHO BÁU CHO ĐẾN KHI CHỦ NHÂN QUAY TRỞ LẠI.

"Chẳng phải các người đã tìm thấy vị chủ nhân mà các người vẫn tìm kiếm rồi đấy hay sao?" Bod hỏi.

Nó cảm thấy Sát thủ đang vặn mình, trở nên to lớn hơn, nghe thấy một âm thanh như tiếng lạo xạo của hàng ngàn cành cây khô, tựa như một vật gì đó khổng lồ, đầy cơ bắp, đang trườn quanh căn phòng. Và rồi, lần đầu tiên trong đời, Bod nhìn thấy Sát thủ. Sau đó nó không thể miêu tả lại cụ thể vật mình đã trông thấy: một vật to lớn vô cùng, đúng thế; một vật có thân thể của một con rắn khổng lồ, nhưng cái đầu thì là... của cái gì nhỉ? Có ba cái đầu cả thảy: ba cái đầu, ba cái cổ. Bộ mặt của những cái đầu ấy đều dờ dẩn như người chết, tựa hồ ai đó đã tạo nên những con rối ấy bằng cách chắp ghép các bộ phận lấy từ xác chết của người và động vật. Các khuôn mặt đều được vẽ hoa văn màu tím than, xăm những xoáy màu chàm, khiến những bộ mặt chết ấy trở thành những thứ quái thai kỳ dị, nhưng lại đầy biểu cảm.

Ba khuôn mặt của Sát thủ hít hít không khí xung quanh Jack một cách rụt rè, như thể đang muốn vượt ve, mơn trớn hắn.

"Có chuyện gì vậy?" Jack hỏi. "Cái gì đây? Nó đang làm gì thế?"

"Chúng tên là Sát thủ. Chúng canh giữ nơi này. Chúng muốn có một chủ nhân để ra lệnh cho chúng," Bod trả lời.

Jack nhắc nhắc con dao bằng đá trong tay. "Tuyệt vời" hắn lẩm bẩm một mình. Rồi hắn nói to, "Tất nhiên rồi. Chúng đang chờ đợi ta. Và đúng vậy. Rõ ràng là ta chính là chủ nhân mới của chúng.

Sát thủ lượn vòng quanh căn buồng. CHỦ NHÂN? giọng nói vang lên, như một con chó đã kiên nhẫn chờ đợi suốt bao năm nay. Rồi giọng nói lại gọi, CHỦ NHÂN? như đang thử xem từ ấy thốt lên nghe như thế nào. Và từ ấy có vẻ êm tai vô cùng, nên chúng nhắc lại nó một lần nữa, với một tiếng thờ dài vui sướng và thèm khát, CHỦ NHÂN...

Jack đưa mắt nhìn Bod. "Mười ba năm trước ta đã để mất dấu mi, và giờ đây, giờ đây chúng ta gặp

lại nhau. Một hội đồng đã bị tiêu diệt. Nhưng một hội mới sắp được bắt đầu. Tạm biệt nhé, nhóc". Bằng một tay, hắn đưa con dao xuống gần cổ họng thẳng bé. Trong tay kia hắn giữ chiếc chén.

"Bod," Bod nói. "Không phải Nhóc. Mà là Bod." Nó cao giọng hơn. "Sát thủ" nó gọi. "Các người sẽ làm gì với chủ nhân mới của mình?"

Sát Thủ thở dài. CHÚNG TA SẼ BẢO VỆ NGƯỜI CHO ĐẾN NGÀY TẬN THỂ. SÁT THỦ SẼ MÃI MÃI BAO BỌC NGƯỜI TRONG TÂM THÂN UỐN KHÚC CỦA CHÚNG TA VÀ KHÔNG BAO GIỜ ĐỂ NGƯỜI PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG HIỂM NGUY CỦA THẾ GIAN.

"Thế thì hãy bảo vệ hắn đi," Bod nói. "Ngay bây giờ."

"Ta là chủ nhân của các người. Các người phải nghe lệnh ta," gã đàn ông tên Jack nói.

SÁT THỦ ĐÃ CHỜ ĐỢI LÂU LẮM RỒI, ba giọng nói đồng thanh của Sát Thủ vang lên đầy đắc thắng. LÂU LẮM RỒI. Thân thể uốn lượn của chúng bắt đầu chậm rãi, biếng nhác vòng quanh gã đàn ông tên Jack.

Gã đàn ông tên Jack đánh rơi chiếc chén. Giờ thì hai tay hắn cầm hai con dao - trong một tay là con dao bằng đá, còn tay kia là con dao có cán bằng xương màu đen - và hắn quát lên, "Lùi lại! Tránh xa ta ra! Không được lại gần hơn nữa!" Hắn vung dao lên chém loạn xạ, trong khi Sát thủ quần quanh hắn, và bằng một động tác xiết chặt đáng sợ, nuốt chửng gã đàn ông tên Jack trong tâm thân uốn khúc của mình.

Bod chạy đến bên Scarlett và đỡ cô đứng dậy. "Tớ muốn nhìn," cô nói. "Tớ muốn biết chuyện gì đang xảy ra." Cô lôi chiếc đèn điôt ra và bật đèn lên...

Những gì Scarlett nhìn thấy không giống với những gì Bod nhìn thấy. Cô không nhìn thấy Sát thủ, đó là một điều may mắn. Nhưng cô có nhìn thấy gã đàn ông tên Jack. Cô nhìn thấy vẻ khiếp sợ trên mặt hắn, khiến cho

hắn trông lại giống như ông Frost trước kia. Trong nỗi kinh hoàng, hắn lại giống người đàn ông tốt bụng đã chở cô về nhà. Hắn đang lơ lửng trong không trung, đầu tiên là cách mặt đất khoảng hơn một mét, rồi sau lên đến ba mét, điên cuồng chém vào không khí bằng hai con dao, cố đâm một thứ gì đó mà cô không nhìn thấy, và rõ ràng là chẳng có tác dụng gì.

Ông Frost, gã đàn ông tên Jack, cho dù hắn là ai đi chăng nữa, đang bị lôi ra xa khỏi hai đứa, bị kéo cho đến khi hắn nằm dán vào tường căn phòng, chân tay giang rộng ra khua khoắng, quần quai trong không khí.

Scarlett nhìn thấy như ông Frost đang bị hút qua bức tường, bị lôi vào giữa những phiến đá và bị chúng nuốt chửng. Giờ thì chẳng còn thấy gì nữa ngoài khuôn mặt của hắn. Hắn đang gào thét một cách điên cuồng, tuyệt vọng, gọi Bod, bảo nó hãy gọi vật kia lại, hãy cứu hắn, xin làm ơn, xin làm ơn... và rồi khuôn mặt hắn cũng bị hút qua bức tường, và giọng nói của hắn im bật.

Bod quay về chỗ bàn thờ bằng đá. Nó nhặt con dao đá, chiếc chén và chiếc trâm cài lên khỏi mặt đất rồi đặt chúng lại chỗ cũ. Bod để nguyên con dao kim loại màu đen ở chỗ nó đã bị rơi.

Scarlett nói, "Tớ tưởng cậu bảo là Sát thủ không thể làm hại người khác cơ mà. Tớ tưởng chúng chỉ có thể dọa bọn mình."

"Đúng thế" Bod đáp. "Nhưng chúng muốn có một chủ nhân để bảo vệ. Chúng đã bảo tớ như vậy"

Scarlett nói, "Cậu định nói là cậu biết. Cậu biết trước là chuyện này sẽ xảy ra.."

"Ừ. Tớ đã hy vọng như thế."

Nó dẫn cô bé lên các bậc thang, đưa cô trở lại lòng lằng Frobisher tan hoang. "Tớ sẽ phải dọn dẹp chỗ này" Bod bình thản nói. Scarlett cố không nhìn vào những thứ nằm trên sàn.

Hai đứa bước ra ngoài nghĩa địa. Scarlett dờ dẩn nhắc lại, "Cậu đã biết trước chuyện đó sẽ xảy ra."

Lần này Bod không đáp lại.

Cô nhìn nó như thể không biết mình đang nhìn vào cái gì. "Vậy là cậu đã biết. Cậu biết Sát thủ sẽ bắt hấn. Có phải vì thế mà cậu giấu tớ xuống dưới ấy không? Có phải không? Tớ là cái gì vậy, mỗi câu à?"

Bod trả lời, "Không phải như thế đâu." Rồi nó nói thêm, "Bọn mình vẫn còn sống, phải không nào? Và hấn sẽ không gây rắc rối cho bọn mình nữa."

Scarlett có thể cảm thấy nổi hờn giận và cơn thịnh nộ trào lên trong lòng mình. Sự sợ hãi đã biến mất, và giờ cô chỉ còn muốn gào thét, quát tháo ai đó. Cô cố chống lại nỗi thôi thúc ấy. "Thế còn những tên kia thì sao? Cậu cũng giết chúng rồi à?"

"Tớ không giết ai hết"

"Thế thì chúng đâu rồi?"

"Một tên thì ở dưới đáy một cái huyết sâu, bị gãy cổ chân. Còn ba tên kia thì, ờ, chúng đang ở một nơi xa lắm."

"Cậu không giết chúng à?"

"Tất nhiên là không rồi," Bod nói. "Đây là nhà của tớ cơ mà. Tại sao tớ lại phải làm cho hồn ma của chúng lảng vảng ở đây mãi mãi chứ?" Rồi nó nói thêm, "Nghe này, sẽ không sao đâu. Tớ đã xử lý chúng rồi"

Scarlett bước lùi lại một bước. Cô nói, "Cậu không phải là người. Người bình thường chẳng bao giờ cư xử như cậu. Cậu cũng tồi tệ chẳng kém gì hấn cả. Cậu là một con quỷ."

Bod cảm thấy máu đang dồn hết khỏi mặt mình. Sau tất cả những chuyện nó đã trải qua trong đêm đó, sau tất cả những gì đã xảy ra, không hiểu sao đây lại là điều khó khăn nhất mà nó phải đối mặt "Không," nó nói. "Không phải như thế đâu."

Scarlett bắt đầu lùi ra xa khỏi Bod.

Cô bước một bước, hai bước, và đang sắp sửa bỏ chạy, sắp sửa quay người để cuống cuống, tuyệt vọng chạy đi, ngang qua khu nghĩa địa chìm trong ánh trăng, thì một người đàn ông mặc áo nhung đen bỗng đặt tay lên cánh tay cô, rồi nói, "Ta e là cháu đã tỏ ra không công bằng với Bod. Nhưng chắc hẳn cháu sẽ thấy dễ chịu hơn nếu cháu không nhớ gì về chuyện này. Vì thế, chúng ta hãy cùng đi dạo một lát, và bàn về những gì đã xảy ra với cháu trong mấy ngày qua, xem cháu nên nhớ những chuyện gì, và những chuyện gì thì tốt hơn là cháu nên quên đi."

Bod nói, "Chú Silas. Chú không thể làm thế được. Chú không thể làm bạn ấy quên cháu đi được."

"Như thế sẽ an toàn hơn" Silas chỉ đáp lại có vậy. "Nếu không an toàn hơn cho tất cả chúng ta thì cũng an toàn hơn cho cô bé."

"Cháu - cháu không được có ý kiến trong chuyện này ư?" Scarlett hỏi.

Silas không nói gì. Bod đi một bước về phía Scarlett và nói, "Cậu nghe này, mọi chuyện đã kết thúc rồi. Tớ biết là rất khó khăn. Nhưng mà... Bọn mình đã thành công rồi. Tớ và cậu. Bọn mình đã đánh bại chúng."

Cô bé chỉ khe khẽ lắc đầu, như thể cô đang chối bỏ tất cả những gì cô đã nhìn thấy, tất cả những gì cô đã phải trải qua.

Cô ngược lên nhìn Silas và chỉ nói, "Cháu muốn về nhà. Xin cho cháu về nhà."

Silas gật đầu. Chú dẫn cô bé đi xuôi con đường sẽ đưa họ ra khỏi nghĩa địa. Bod nhìn theo Scarlett trong khi cô đi xa dần, hy vọng rằng cô sẽ quay đầu nhìn lại, rằng cô sẽ mỉm cười, hay chỉ đơn giản là nhìn nó mà không có vẻ sợ hãi trong mắt. Nhưng Scarlett không quay lại. Cô đi thẳng.

o o o

Bod quay về khu lăng mộ. Nó phải làm một việc gì đó, vì vậy nó liền nhặt những cỗ quan tài bị đổ lên, dọn sạch những mảnh vỡ và đặt những bộ xương tan tác trở lại trong quan tài. Nó hết sức thất vọng vì không ai trong số những người họ Frobisher, Frobysher và Pet-tyfer đang tụ tập quan sát nó ở xung quanh biết chắc bộ xương nào nằm trong cỗ quan tài nào.

Một người đàn ông đưa Scarlett về nhà. Sau này mẹ của Scarlett không nhớ cụ thể ông ta đã nói với bà những gì, nhưng bà đã rất thất vọng khi biết rằng ông Jay Frost đáng mến đã buộc phải chuyển khỏi thành phố này.

Người đó nói chuyện với hai mẹ con trong bếp về cuộc sống cùng những mơ ước của họ, và khi cuộc trò chuyện kết thúc thì không hiểu sao mẹ của Scarlett đã quyết định rằng họ sẽ quay trở lại Glasgow: Scarlett sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn khi được ở gần bố và gặp lại những bạn bè cũ của mình.

Silas để cô bé và mẹ cô ngồi lại trong bếp, nói chuyện, bàn bạc về những khó khăn họ sẽ gặp phải khi chuyển về Scotland, rồi Noona hứa sẽ mua cho Scarlett một chiếc điện thoại riêng. Họ gần như không nhớ là Silas đã có mặt ở đó, và Silas cũng muốn như vậy.

Silas quay trở lại nghĩa địa và thấy Bod đang ngồi ở giảng đường bên cạnh đài tưởng niệm, mặt đanh lại.

"Bạn ấy thế nào rồi ạ?"

"Chú đã xóa những ký ức của cô bé," Silas đáp. "Họ sẽ quay trở về Glasgow. Ở đó cô bé có bạn bè"

"Làm sao chú có thể làm bạn ấy quên cháu được?"

Silas trả lời, "Con người thường muốn quên đi những điều không thể. Nó khiến cho thế giới của họ an toàn hơn."

Bod nói, "Cháu rất mến bạn ấy."

"Chú xin lỗi."

Bod cố mỉm cười, nhưng không cười nổi. "Những tên ấy... chúng đã nói về chuyện rắc rối chúng gặp phải ở Krakow, Melbourne và Vancouver. Đó là do chú phải không ạ?"

"Không chỉ có một mình chú mà thôi" Silas nói.

"Cả cô Lupescu nữa ạ?" Bod hỏi. Rồi, khi nhìn thấy vẻ mặt người bảo trợ của mình, nó hỏi, "Cô ấy có sao không ạ?"

Silas lắc đầu, và trong thoáng chốc Bod không thể chịu nổi khi nhìn vào mặt chú. "Cô ấy đã chiến đấu rất kiên cường. Cô ấy đã chiến đấu vì cháu, Bod ạ."

Bod nói, "Các Sát thủ đã bắt được tên Jack. Batên khác thì đã rơi xuống cánh cổng của quỹ nhập trảng. Còn một tên bị thương nhưng vẫn còn sống, ở đáy mộ của ông Carstairs ấy ạ,"

Chú Silas nói, "Hắn là tên Jack cuối cùng. Chú cần nói chuyện với hắn, trước khi mặt trời mọc"

Làn gió lạnh buốt thổi qua nghĩa địa, nhưng dường như cả người đàn ông lẫn thằng bé đều không cảm thấy hơi lạnh ấy.

Bod nói, "Bạn ấy sợ cháu"

"Đúng thế."

"Nhưng tại sao chứ ạ? Cháu đã cứu sống bạn ấy. Cháu không phải người xấu. Và cháu cũng giống như bạn ấy. Cháu cũng là người sống mà." Rồi nó hỏi, "Cô Lupescu đã ngã xuống như thế nào ạ?"

"Rất can đảm" chú Silas nói. "Trong trận chiến. Để bảo vệ những người khác."

Mắt Bod tối sầm lại. "Lẽ ra chú có thể đưa cô ấy về đây. Chôn cất cô ấy ở đây. Như thế cháu sẽ có thể nói chuyện với cô ấy."

Chú Silas nói, "Điều đó không thể được."

Bod cảm thấy mắt mình cay xè. Nó nói, "Cô ấy thường gọi cháu là Nimini. Sẽ không có ai khác gọi cháu như thế nữa."

Chú Silas hỏi, "Chúng ta cùng đi mua thức ăn cho cháu được không?"

"Chúng ta ấy ạ? Chú muốn cháu đi cùng chú ạ? Ra khỏi nghĩa địa ư?"

Chú Silas đáp, "Hiện tại thì không có ai tìm cách giết cháu cả. Sẽ có rất nhiều việc mà chúng sẽ không bao giờ làm được nữa. Vì vậy nên, đúng thế, cháu có thể đi cùng. Cháu muốn ăn gì?"

Bod đã định nói là nó không đói, nhưng đó không phải sự thật. Nó cảm thấy hơi buồn nôn, hơi choáng váng, và nó đã đói ngấu rồi. "Bánh pizza được không ạ?" nó gợi ý.

Hai chú cháu đi qua nghĩa địa, xuống chỗ cổng. Bod trông thấy các cư dân của nghĩa địa tập trung lại khi nó bước đi, nhưng họ để cho thằng bé và người bảo trợ của nó đi qua mà không nói một lời. Họ chỉ nhìn theo hai chú cháu.

Ánh đèn của cửa hàng pizza rất sáng, sáng quá đến nỗi làm Bod khó chịu. Nó và chú Silas ngồi ở phía cuối cửa hàng, rồi chú Silas chỉ cho nó cách dùng thực đơn và cách gọi món. (Chú Silas chỉ gọi cho mình một cốc nước và một đĩa rau trộn nhỏ mà chú dùng cái nĩa đẩy qua đẩy lại nhưng không bao giờ đưa lên miệng.)

Bod cầm miếng bánh pizza bằng tay và ăn ngấu nghiến. Nó không hỏi một câu nào. Khi nào thấy thích hợp thì chú Silas sẽ nói chuyện với nó, hoặc là chú sẽ không nói gì cả.

Chú Silas nói, "Bọn chú đã biết về chúng... về những tên Jack... từ rất, rất lâu rồi, nhưng chỉ biết về chúng qua những việc làm của chúng. Bọn chú nghi ngờ rằng có một tổ chức đứng đằng sau những việc đó, nhưng chúng đã lẩn trốn quá kỹ. Và rồi chúng lùng tìm cháu, và sát hại gia đình cháu. Vậy là, một cách từ từ, chú đã lần theo được dấu vết của chúng."

"Bọn chú có phải là chú và cô Lupescu không ạ?" Bod hỏi.

"Chú, cô ấy và những người khác giống như thế."

"Đội Hộ vệ Danh dự," Bod nói.

"Làm sao mà cháu biết được...?" chú Silas hỏi. Rồi chú nói, "Cũng chẳng quan trọng gì. Bình nhỏ vẫn có tai to, như người ta thường nói. Đúng vậy. Đội Hộ vệ Danh dự." Chú Silas nhắc cốc nước của mình lên. Chú đưa cốc lên môi, nhấp một chút, rồi lại đặt xuống mặt bàn màu đen bóng lộn.

Mặt bàn ấy gần như một tấm gương, và nếu có ai để ý nhìn, thì họ sẽ thấy rằng người đàn ông cao lớn kia không có hình phản chiếu lại.

Bod nói, "Giờ thì chú đã xong... đã hoàn thành những việc này rồi. Chú vẫn sẽ ở lại chứ ạ?"

"Chú đã hứa rồi" chú Silas đáp. "Chú sẽ ở lại cho đến khi cháu lớn."

"Cháu đã lớn rồi," Bod nói.

"Chưa" chú Silas nói. "Mới gần lớn thôi. Chưa lớn".

Chú đặt một tờ mười bảng xuống mặt bàn.

"Cô bé ấy," Bod nói. "Scarlett ấy ạ. Tại sao bạn ấy lại sợ cháu đến thế hả chú Silas?"

Nhưng chú Silas không nói gì, và câu hỏi ấy đọng lại giữa không trung trong khi người đàn ông và cậu thiếu niên đi ra khỏi cửa hàng pizza sáng trưng, bước vào bóng tối đang chờ đón họ; và chẳng mấy chốc họ đã chìm vào màn đêm.

Chương 9

RA ĐI VÀ TỪ BIỆT

ĐÔI LÚC, NÓ KHÔNG CÒN NHÌN THẤY những người chết được nữa. Hiện tượng đó bắt đầu từ khoảng một hai tháng trước, vào tháng Tư hoặc tháng Năm. Mới đầu thì chuyện đó chỉ thỉnh thoảng mới xảy ra, nhưng dường như bây giờ nó đang xảy ra mỗi lúc một thường xuyên hơn.

Thế giới đang thay đổi.

Bod lang thang đi đến góc phía Tây Bắc của nghĩa địa, đến chỗ những dây thường xuân um tùm rủ xuống từ cành cây thủy tùng và phủ kín mất một nửa đầu bên kia của Đường Ai Cập. Nó trông thấy một con cáo màu đỏ và một con mèo đen, với một vòng lông trắng quanh cổ và những bàn chân cũng màu trắng, đang ngồi trò chuyện với nhau ở giữa đường. Khi Bod lại gần, chúng liền nhìn lên, rồi giật mình nhảy tọt vào bụi rậm, như thể nó đã bắt quả tang chúng đang âm mưu điều gì vậy. Lại thật, nó trầm nghĩ. Nó đã quen con cáo ấy từ lúc nó mới là một con cáo con, còn con mèo thì đã lang thang quanh nghĩa địa này từ khi Bod bắt đầu biết nghĩ. Chúng biết nó rất rõ. Nếu chúng cảm thấy thân thiện thì chúng thậm chí còn cho phép nó vuốt ve chúng nữa kia.

Bod định chui qua đám dây thường xuân, nhưng nó thấy đường đã bị chặn. Nó cúi xuống, vén những dây thường xuân sang một bên, rồi lách mình qua. Nó cẩn thận bước xuôi con đường, tránh xa những vết lún và những cái hố trên đường, cho đến khi tới chỗ tảng đá lớn oai vệ đánh dấu nơi an nghỉ cuối cùng của Alonso Tomás Garcia Jones (1837-1905, Hỡi người lữ hành hãy đặt gậy xuống).

Từ mấy tháng nay, cứ vài ngày Bod lại xuống đây một lần: Alonso Jones đã đi khắp mọi nơi trên thế giới, và ông rất vui lòng kể cho Bod nghe về những chuyến du hành của mình. Ông thường bắt đầu bằng câu, "Chẳng có chuyện gì thú vị xảy ra với tôi cả," rồi rầu rĩ nói thêm, "với lại tôi đã kể cho cậu nghe hết cả chuyện của tôi rồi," và rồi mắt ông sáng bừng lên, và ông lại nói, "Ngoại trừ... tôi đã bao giờ kể cho cậu nghe chuyện...?" Câu tiếp theo sẽ là: "Cái lần tôi phải chạy trốn khỏi Matxcova?" hoặc là "Cái lần tôi đánh mất một mỏ vàng đáng giá cả một gia tài ở Alaska?" hoặc là "Cái lần đàn gia súc chạy loạn trên đồng cỏ ở Nam Mỹ?" Bod sẽ lắc đầu và háo hức chờ đợi, rồi chẳng mấy chốc đầu óc nó sẽ tràn ngập các câu chuyện về biết bao hành động anh hùng và những cuộc phiêu lưu mạo hiểm, chuyện về nộ hôn với cô thiếu nữ xinh đẹp, về cuộc chiến bằng súng hoặc bằng gươm với những kẻ bất lương, về những túi vàng, những viên kim cương to bằng đầu ngón tay cái, về những thành phố đã bị biến mất và những dãy núi hùng vĩ, về tàu hỏa hơi nước và thuyền vượt đại dương, về những đồng cỏ xứ Nam Mỹ, về các đại dương, các sa mạc, các lãnh nguyên băng giá.

Bod bước đến chỗ tấm bia mộ nhọn hoắt - một tảng đá cao, được khắc hình những ngọn đuốc chúc ngược xuống, và nó ngồi đợi, nhưng chẳng thấy ai cả. Nó cất tiếng gọi Alonso Jones, thậm chí còn gõ gõ lên tảng đá nữa, nhưng vẫn không có ai trả lời. Bod liền cúi xuống, định thò đầu vào trong huyệt để gọi người bạn của mình, nhưng đầu nó không xuyên qua được lớp đất đá như một cái bóng xuyên qua

một cái bóng dày đặc hơn, mà lại đập vào đất đánh "thịch" một cái đau đếng. Nó gọi lại lần nữa, rồi khi không thấy ai xuất hiện, nó liền thận trọng chui ra khỏi đám cây xanh rậm rạp cùng những tấm bia mộ màu xám để quay trở lại lối đi. Ba con chim ác là đậu trên một cây táo gai bay vụt lên khi nó đi qua chỗ chúng,

Nó chẳng thấy bóng dáng một ai khác cho đến tận khi nó đi tới sườn đồi phía Tây Nam nghĩa địa, ở đó nó trông thấy cái bóng nhỏ bé quen thuộc của Má Slaughter trong chiếc mũ trùm và cái áo choàng, đang đi đi lại lại giữa các bia mộ, đầu cúi xuống ngắm mấy đóa hoa dại.

"Này, chú bé!" má gọi. "Ở đây có bao nhiêu là hoa san cạn mọc dại này. Sao cháu không hái giùm ta mấy bông rồi đem đến đặt lên mộ ta ấy."

Thế là Bod liền hái mấy bông sen cạn màu vàng và đỏ, rồi đem đến chỗ tấm bia trên mộ của Má Slaughter, tấm bia đã rạn nứt và bị mưa nắng bào mòn đến nỗi chỉ còn trơ lại một chữ, LAUGH

vốn đã làm các nhà sử gia địa phương phải đau đầu từ hơn một trăm năm. Nó thành kính đặt mấy bông hoa lên phía trước tấm bia.

Má Slaughter mỉm cười với nó. "Cháu ngoan lắm. Không biết chúng ta sẽ làm gì nếu không có cháu nhỉ."

"Cảm ơn má," Bod nói. Rồi nó hỏi, "Mọi người đâu cả rồi ạ? Má là người đầu tiên cháu nhìn thấy đêm nay đây?"

Má Slaughter chăm chú nhìn nó. "Cháu đã làm gì với cái trán của mình thế kia?"

"Cháu bị đập đầu vào mộ của ông Jones ạ. Chẳng hiểu sao nó lại cứng đặc lại.."

Nhưng Má Slaughter đã mím môi lại và nghiêng đầu sang một bên. Cặp mắt tuy già nhưng vẫn sáng ngời của má sẫm soi Bod từ bên dưới vành mũ. "Ta đã gọi cháu là chú bé, phải không nhỉ? Nhưng thời gian trôi qua chỉ trong nháy mắt, và giờ thì cháu đã là một chàng trai rồi, phải không? Cháu bao nhiêu tuổi?"

"Cháu đoán là gần mười lăm ạ. Nhưng cháu vẫn cảm thấy y như cũ," Bod nói, nhưng Má Slaughter ngắt lời nó, "Còn ta thì vẫn cảm thấy như khi ta còn là một cô bé con, hái hoa cúc dại tết thành vòng trên cánh đồng cỏ ngày xưa. Bản thân ta thì không bao giờ thay đổi, nhưng con người ta thì lại luôn luôn đổi thay, ta không thể làm gì về chuyện đó được."

Má ngồi xuống trên tấm bia mộ rạn nứt của mình, rồi nói, "Ta vẫn còn nhớ rõ cháu vào cái đêm cháu đến đây, chàng trai ạ. Ta đã bảo, 'Chúng ta không thể để thằng bé đi đâu khác được, và mẹ cháu cũng đồng ý với ta, rồi tất cả bọn họ cãi cọ ầm ĩ cho đến khi Phu nhân Xám cười ngửa đi tới. 'Hỡi các cư dân của Nghĩa địa, phu nhân nói. 'Hãy nghe lời Má Slaughter. Các người không có chút lòng từ thiện nào hay sao?' và thế là bọn họ đã nghe theo lời ta." Giọng má kéo dài rồi nhỏ bật lại, và má lắc lắc cái đầu nhỏ bé của mình. "Ở đây chẳng mấy khi xảy ra chuyện gì khiến cho ngày hôm nay khác ngày hôm qua. Các mùa nối tiếp nhau. Dây thường xuân mọc. Bia mộ bị đổ. Nhưng khi cháu đến đây... vậy đây, ta rất mừng vì cháu đã đến đây."

Má đứng dậy, rút một cái khăn tay cáu bẩn từ trong tay áo ra, nhỏ nước bọt lên đó, và cô vươn tay lên cao hết mức để lau máu trên trán Bod. "Rồi, bây giờ thì trông cháu lại bảnh bao rồi đây," má nghiêm khắc nói. "Vì không biết đến bao giờ ta mới được gặp lại cháu. Cẩn thận đấy nhé."

Theo như Bod nhớ được thì chưa bao giờ nó lại cảm thấy bối rối như thế này. Nó quay về ngôi mộ của gia đình Owens, và sung sướng khi thấy bố mẹ mình đang đứng đợi bên cạnh đó. Nhưng khi lại

gân, thì nổi sung sướng của nó chuyển thành lo ngại: tại sao ông bà Owens lại đứng một cách chính tề ở hai bên ngôi mộ như thế, nom như hai hình vẽ trên cửa sổ kính màu vậy? Nó không thể dò nổi vẻ mặt của họ.

Bố nó bước tới trước và nói, "Chào con, Bod. Bố mong là con đang thấy dễ chịu đây chứ."

"Cũng tạm ổn ạ," Bod nói, đó là câu ông Owens thường dùng để trả lời bạn bè mỗi khi họ hỏi thăm ông.

Ông Owens nói, "Cả đời mình, mẹ con và bố đã luôn mong ước có một đứa con. Bố không tin là bố mẹ có thể có được đứa con nào ngoan ngoãn hơn con, Bod ạ." Ông tự hào ngược lên nhìn con trai mình.

Bod nói, "Vâng ạ, con cảm ơn bố, nhưng mà..." Nó quay sang nhìn mẹ, đoán chắc rằng nó có thể bắt bà giải thích xem chuyện gì đang xảy ra, nhưng mẹ nó không còn đứng đó nữa. "Mẹ đi đâu rồi ạ?"

"À. ừ." Ông Owens có vẻ lúng túng. "À, con biết mẹ Betsy của con rồi mà. Có những chuyện, có những lúc. Mà, ờ, khi ấy con không biết phải nói gì. Con có hiểu không?"

"Không ạ," Bod đáp.

"Bố đoán là chú Silas đang đợi con đây," bố nó bảo, rồi biến mất.

Đã quá nửa đêm rồi. Bod liền tìm đường đi xuống ngôi nhà thờ cũ. Cái cây mọc trên ông máng ở mái nhà thờ đã bị đổ xuống sau trận bão vừa rồi, kéo theo một loạt những viên ngói bằng đá đen.

Bod ngồi đợi trên cái ghế dài bằng gỗ xám, nhưng chẳng thấy bóng dáng chú Silas đâu.

Gió nổi mạnh hơn. Đó là một đêm hè muộn, khi ánh chiều chạng vạng kéo dài tưởng chừng không bao giờ tắt, và trời rất ẩm, nhưng Bod vẫn cảm thấy tay mình nổi da gà.

Một giọng nói vang lên bên tai nó, "Hãy hứa là cậu sẽ nhớ tôi đi, đồ hậu đậu."

"Chị Liza đấy à?" Bod hỏi. Đã hơn một năm nay rồi, nó chưa hề nhìn thấy hay nghe thấy cô phù thủy đó - kể từ sau cái đêm với hội Jack Đủ Nghề. "Chị đã đi đâu thế?"

"Tôi chỉ theo dõi thôi" cô nói. "Một cô gái phải cho cậu biết mọi việc cô ấy làm hay sao?"

"Theo dõi em ấy à?" Bod hỏi.

Giọng Liza vang lên sát tai cậu, "Thật thà mà nói thì tôi thấy rằng sự sống dành cho người sống thật phí phạm, Nobody Owens ạ. Bởi vì một người trong số chúng ta đây quá ngốc nghếch để sống được, và người đó không phải là tôi đâu. Hãy hứa là cậu sẽ nhớ tôi đi."

"Chi sắp đi đâu à?" Bod hỏi. Rồi nó nói, "Tất nhiên là em sẽ nhớ chị, cho dù chị có đi đâu chẳng nữa..."

"Ngốc quá" Liza Hempstock thì thầm, và nó cảm thấy tay cô chạm vào tay nó. "Quá ngốc nghếch để được sống." Cô khẽ chạm môi vào má nó, vào khóe miệng nó. Cô hôn nó một cách dịu dàng, còn nó thì lại quá bối rối, quá bất ngờ, nên chẳng biết phải làm gì.

Giọng của cô khẽ bảo, "Tôi cũng sẽ nhớ cậu. Mãi mãi." Một hơi gió thổi tung tóc nó, đó cũng có thể là do bàn tay của cô lùa qua, rồi nó biết nó chỉ còn lại một mình trên chiếc ghế dài.

Nó đứng dậy.

Bod đi đến chỗ cửa nhà thờ, nhấc hòn đá bên cạnh hàng hiên lên và lấy chiếc chìa khóa phụ mà một người bồ nhà thờ đã chết từ lâu giấu bên dưới. Nó mở cánh cửa gỗ lớn ra mà không cần thử xem nó có thể lách mình xuyên qua cánh cửa được không. Cánh cửa kẽo kẹt mở ra một cách khó khăn.

Bên trong nhà thờ tối om, và Bod phải nheo mắt lại cố nhòm vào bóng tối.

"Vào đây, Bod." Đó là giọng chú Silas.

"Cháu chẳng nhìn thấy gì cả" Bod nói. "Tối quá."

"Đã nhanh đến thế rồi ư?" chú Silas nói. Chú thở dài. Bod nghe có tiếng nhưng sột soạt, rồi một que diêm được bật lên, bắt lửa, và được dùng để châm hai cây nến lớn cắm trên hai giá nến bằng gỗ chạm trổ đặt cuối phòng. Trong ánh nến, Bod có thể nhìn thấy người bảo trợ của mình đang đứng bên cạnh một cái hòm lớn bọc da, loại hòm được gọi là rương lớn - đủ rộng cho một người lớn to cao nằm cuộn tròn ở trong. Bên cạnh đó là chiếc túi da của chú Silas, cái túi mà Bod đã trông thấy vài lần, nhưng nó vẫn thấy cái túi oai vệ vô cùng.

Cái rương được lót bằng vải trắng. Bod đưa tay vào trong rương, lướt tay qua lớp lụa lót, và sờ thấy đất khô.

"Đây có phải là chỗ chú ngủ không ạ?" nó hỏi.

"Khi chú đã phải rời xa mái nhà của mình, đúng vậy" chú Silas đáp.

Bod hết sức kinh ngạc: từ khi nó biết nghĩ, và cả trước đó nữa, chú Silas đã luôn có mặt ở đây. "Đây không phải nhà của chú hay sao ạ?"

Chú Silas lắc đầu. "Nhà của chú nằm ở một nơi cách đây rất, rất xa" chú đáp. "Nếu nó vẫn còn ở được. Ở quê hương chú đã xảy ra một số chuyện rắc rối, và chú không biết chú sẽ tìm thấy gì nếu quay lại đó."

"Chú định quay lại đó ạ?" Bod hỏi. Những điều không bao giờ thay đổi đã bắt đầu thay đổi. "Chú định đi thật ạ? Nhưng mà. Chú là người bảo trợ của cháu cơ mà?"

"Chú đã là người bảo trợ của cháu. Nhưng giờ thì cháu đã đủ lớn để tự chăm lo cho bản thân. Chú còn nhiều thứ khác phải bảo vệ."

Chú Silas đóng nắp chiếc rương bọc da nâu lại, buộc các dây chằng và cài hết các khóa.

"Cháu không được ở lại đây hay sao ạ? Ở lại nghĩa địa ấy ạ?"

"Cháu không thể," chú Silas nói, Bod chưa bao giờ thấy chú nói một cách nhẹ nhàng như thế. "Tất cả mọi người ở đây đã sống hết cuộc đời mình, Bod ạ, cho dù đó là một cuộc đời ngắn ngủi đi chăng nữa. Giờ thì đã đến lượt cháu. Cháu cần phải sống."

"Cháu đi cùng chú được không ạ?"

Chú Silas lắc đầu.

"Cháu sẽ gặp lại chú chứ ạ?"

"Có lẽ." Giọng chú Silas rất dịu dàng, và còn có một vẻ gì khác nữa. "Và cho dù cháu có nhìn thấy chú hay không, thì chú dám chắc là chú sẽ nhìn thấy cháu." Chú đặt cái rương tựa vào tường, rồi đi đến cánh cửa ở đầu kia nhà thờ. "Đi theo chú." Bod đi đằng sau chú Silas, bám theo chú xuống cái cầu thang xoáy tròn ốc dẫn vào hầm mộ. "Chú đã xếp riêng một cái rương cho cháu," chú Silas giải thích khi hai chú cháu xuống đến hầm mộ.

Trên nắp cái hộp đựng những cuốn sách thánh ca ẩm mốc là một cái va li da, giống hệt chiếc rương của chú Silas, chỉ có điều nhỏ hơn. "Tất cả của cải của cháu nằm trong đó," chú Silas nói.

Bod hỏi, "Cho cháu biết về đội Hộ vệ Danh dự đi, chú Silas. Chú là một thành viên trong đó. Cả cô Lupescu nữa. Còn ai khác nữa ạ? Có nhiều người trong đội Hộ vệ không ạ? Các chú làm những gì?"

"Những điều bọn chú làm vẫn chưa đủ," chú Silas đáp. "Chủ yếu là bọn chú canh giữ những vùng

ranh giới. Bọn chú bảo vệ ranh giới của mọi vật."

"Những vùng ranh giới gì ạ?"

Chú Silas không đáp lại.

"Ý chú là những việc kiểu như ngăn chặn tên Jack cùng đồng bọn của hắn ấy ạ?"

Chú Silas nói, "Bọn chú chỉ làm những điều bọn chú phải làm." Giọng chú có vẻ mệt mỏi vô cùng.

"Nhưng chú đã làm đúng mà. Ý cháu là ngăn chặn bọn Jack ấy ạ. Chúng là những kẻ thật khủng khiếp. Chúng là lũ quỷ dữ."

Chú Silas tiến một bước lại gần Bod, làm thằng bé phải ngửa đầu lên để nhìn vào khuôn mặt tái tái của chú. Chú Silas nói, "Không phải lúc nào chú cũng làm điều đúng. Khi còn trẻ... chú đã làm những điều còn khủng khiếp hơn cả bọn Jack. Khủng khiếp hơn bất kỳ kẻ nào trong số bọn chúng. Khi ấy chính chú mới là con quỷ, Bod ạ, và còn khủng khiếp hơn bất kỳ con quỷ nào"

Bod không hề phải băn khoăn xem người bảo trợ của nó đang nói dối hay là nói đùa. Nó biết mình đang được nghe sự thật. Nó nói, "Nhưng chú không còn như thế nữa, phải không ạ?"

Chú Silas đáp, "Người ta có thể thay đổi," rồi im bặt. Bod tự hỏi không biết có phải người bảo trợ của nó - chú Silas - đang nhớ lại điều gì không. Rồi chú nói, "Rất vinh hạnh đã được làm người bảo trợ của cháu, chàng trai ạ." Chú thò tay vào chiếc áo choàng rồi lôi ra một cái ví cũ kỹ. "Của cháu đây. Cầm lấy đi."

Bod nhận chiếc ví, nhưng không mở ra.

"Trong đó có tiền. Đủ cho cháu bắt đầu một cuộc sống mới, nhưng không có gì hơn cả."

Bod nói, "Hôm nay cháu đi tìm Alonso Jones, nhưng ông ấy không có ở đó, hoặc là ông ấy có đó nhưng cháu không nhìn thấy. Cháu muốn được nghe ông ấy kể về những nơi xa xôi mà ông ấy đã đến thăm. Những hòn đảo, cá voi, dòng sông băng và những dãy núi. Những nơi mà người ta ăn mặc một cách kỳ lạ nhất trên đời." Bod ngần ngừ. Rồi nó nói, "Những nơi ấy. Chúng vẫn còn ở nguyên chỗ cũ. Cháu muốn nói là, ngoài kia còn có cả một thế giới rộng lớn. Cháu có thể nhìn ngắm thế giới ấy không ạ? Cháu có thể đi đến những nơi ấy không ạ?"

Chú Silas gật đầu. "Ngoài kia còn có cả một thế giới rộng lớn, đúng vậy. Ở ngăn trong va li của cháu có một tấm hộ chiếu, mang tên Nobody Owens. Để kiểm được tấm hộ chiếu ấy không phải dễ dàng đâu"

Bod hỏi, "Nếu cháu đổi ý thì cháu có thể quay lại đây không ạ?" Rồi nó lại tự trả lời câu hỏi của mình, "Nếu cháu quay lại, thì nơi này sẽ là một chỗ dừng chân, nhưng sẽ không còn là nhà cháu nữa."

Chú Silas nói, "Cháu có muốn chú tiễn cháu đến cổng nghĩa địa không?"

Bod lắc đầu. "Tốt hơn hết là cháu đi một mình ạ. Ừm, chú Silas này. Nếu khi nào chú gặp rắc rối, thì chú hãy gọi cháu nhé. Cháu sẽ đến giúp chú."

"Chú không bao giờ gặp rắc rối," chú Silas đáp.

"Không. Cháu đoán là chú không gặp rắc rối. Nhưng dù sao thì chú cũng cứ nhớ như thế."

Trong hầm mộ tối như mực, không khí bốc lên mùi nấm mốc ẩm ướt, mùi những phiến đá cũ, và lần đầu tiên Bod thấy hầm mộ mới nhỏ hẹp làm sao.

Bod nói, "Cháu muốn được thấy cuộc sống. Cháu muốn được nắm cuộc sống trong tay. Cháu muốn để lại dấu chân trên nền cát ở một hòn đảo hoang. Cháu muốn được đá bóng với những người khác. Cháu muốn..," nó cất tiếng, rồi ngưng lại ngẫm nghĩ. "Cháu muốn tất cả mọi thứ "

"Tốt" chú Silas nói. Rồi chú đưa tay lên như để gạt một sợi tóc vương vào mắt - một cử chỉ không giống chú chút nào. Chú nói, "Nếu có khi nào chú cảm thấy mình đang gặp rắc rối, thì chú sẽ gọi cháu."

"Mặc dù chú không bao giờ gặp rắc rối?"

"Như cháu đã nói đấy."

Trên khoe môi chú Silas có một cái gì đó có thể là một nụ cười, cũng có thể là sự tiếc nuối, hoặc chỉ là ảo ảnh do những cái bóng gây ra.

"Thế thì chú cháu mình phải tạm biệt nhau thôi, chú Silas." Bod chia tay ra, như nó đã làm khi còn nhỏ, và chú Silas nắm lấy bàn tay ấy trong bàn tay lạnh giá với làn da màu ngà voi cổ của mình, rồi nghiêm trang bắt tay nó.

"Tạm biệt, Nobody Owens."

Bod xách chiếc va li nhỏ lên. Nó tự mở cửa ra khỏi hầm mộ rồi trèo ngược lên sườn đồi thoải thoải, không hề ngoái nhìn lại.

Hai cánh cổng đã bị khóa từ lâu. Khi đi tới đó, nó tự hỏi không biết chúng có cho nó chui qua không hay nó sẽ phải quay lại nhà thờ để lấy chìa khóa, nhưng khi đến nơi thì nó trông thấy cánh cổng phụ dành cho người đi bộ không bị khóa và mở rộng, như thể đang chờ đợi nó, như thể toàn thể nghĩa địa cũng đang chào tạm biệt nó.

Một dáng người phốp pháp, da tái xanh đang đứng đợi bên cạnh cánh cổng, và khi nó lại gần, bà ngược lên mỉm cười với nó, những giọt nước mắt trong mắt bà long lanh dưới ánh trăng.

"Con chào mẹ," Bod nói.

Bà Owens đưa nắm tay dụi mắt, rồi kéo tạp dề lên chầm chầm vào mắt, và bà lắc đầu. "Con đã biết bây giờ con sẽ làm gì chưa?" bà hỏi.

"Con sẽ khám phá thế giới," Bod nói. "Gặp rắc rối. Rồi lại thoát khỏi những rắc rối. Đi thăm những khu rừng rậm, núi lửa, sa mạc và hoang đảo. Gặp gỡ mọi người. Con muốn được gặp thật nhiều người"

Bà Owens không đáp lại ngay. Bà ngược lên nhìn nó, rồi bà cất tiếng hát một bài hát mà Bod còn nhớ rõ, bài hát bà vẫn thường hát cho nó nghe vào thuở ấu thơ, bài hát bà dùng để hát ru cho nó ngủ khi nó còn nhỏ xíu.

"Hãy ngủ đi bé yêu của mẹ

Ngủ cho đến khi con thức dậy

Lớn lên con sẽ được thấy thế gian

Nếu mẹ không nhầm..."

"Mẹ không nhầm đâu" Bod thì thầm. "Và con sẽ làm được những điều ấy."

"Hôn một người thương

Nhảy một điệu vui

Tìm thấy tên mình

Cùng một kho báu..."

Rồi bà Owens nhớ lại những câu hát cuối cùng, và bà hát nốt cho con trai mình nghe.

Đôi mắt với cuộc đời

Với niềm vui, với nỗi đau,

Không bỏ qua con đường nào."

"Không bỏ qua con đường nào" Bod nhắc lại. "Quả là một thách thức gian lao, nhưng con sẽ cố hết sức."

Rồi nó định vòng tay ôm mẹ như nó vẫn làm khi còn nhỏ, nhưng làm vậy cũng chẳng khác nào tìm cách ôm lấy một màn sương, bởi vì nó chỉ còn lại một mình trên lối đi.

Nó tiến một bước về phía trước, đi qua cánh cổng dẫn nó ra khỏi nghĩa địa. Nó tưởng như mình vừa nghe thấy một giọng nói lên tiếng, "Mẹ tự hào về con vô cùng, con trai ạ," nhưng cũng có lẽ là nó đã tưởng tượng như vậy.

Bầu trời mùa hè đã bắt đầu sáng lên ở đằng Đông, và Bod liền hướng về phía đó để đi xuống đồi, đi về phía những người sống, về phía thành phố, về phía bình minh.

Trong va li của nó có hộ chiếu, trong ví nó có tiền. Trên môi nó là một nụ cười, mặc dù nụ cười ấy có phần cảnh giác, bởi vì thế giới ngoài kia rộng lớn hơn nhiều so với khu nghĩa địa nhỏ trên đỉnh đồi; và trong thế giới ấy sẽ có những điều bí mật, những hiểm nguy, những người bạn mới để làm quen, những người bạn cũ cần gặp lại, những sai lầm sẽ mắc phải, và vô số con đường cho nó bước đi, trước khi nó phải quay trở lại nghĩa địa, cười trên lưng con bạch mã khổng lồ cùng Phu nhân Xám.

Nhưng giữa hiện tại và lúc ấy, Cuộc sống đang chờ đợi; và Bod tiến vào đó với đôi mắt và trái tim rộng mở.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>